NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 215 • MARCH 2007

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

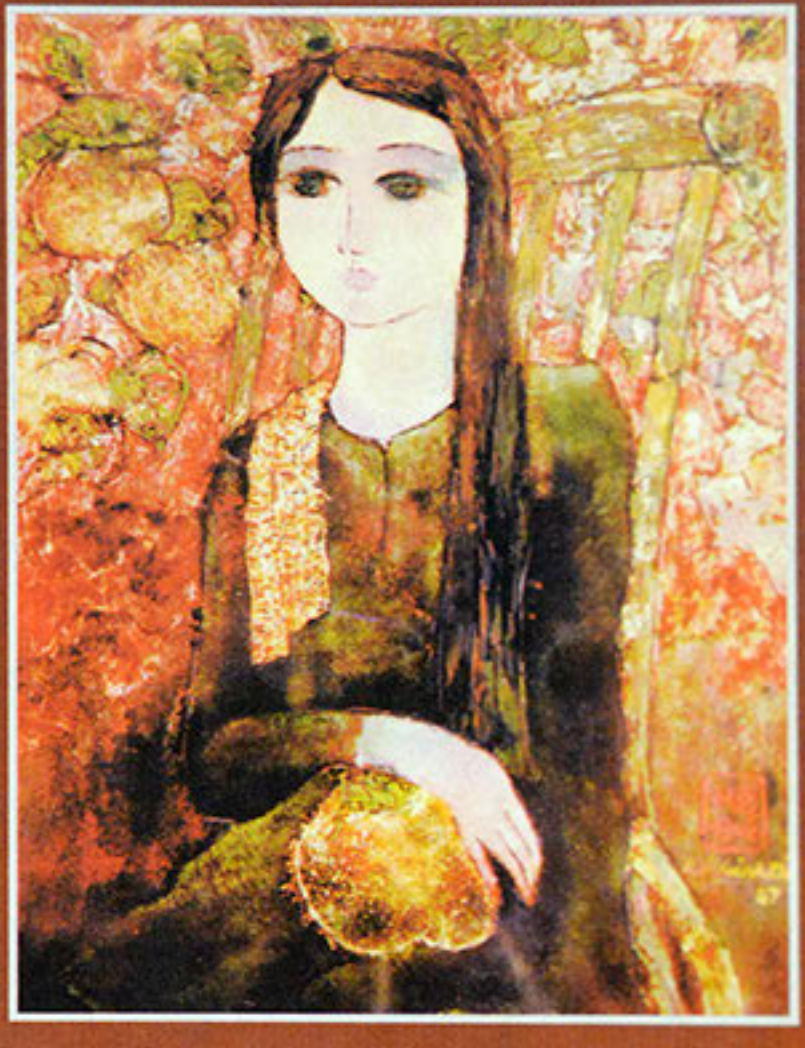

Hội Thảo
Văn Học Hải Ngoại: Thành Tựu và Tiềm Năng

Nguyễn Hưng Quốc • Võ Phiến • Nguyễn Mộng Giác • Nguyễn Xuân Hoàng
Đặng Thơ Thơ • Hoàng Ngọc Tuấn • Trần Hữu Thục • Nguyễn Hương
Phùng Nguyễn • Bùi Vĩnh Phúc • Nguyễn Thị Thanh Bình • Lê Thị Thấm Vân
Lê Quỳnh Mai • Nguyễn Xuân Nghĩa • Đặng Hiển • Cao Xuân Huy • Anh Đào...

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

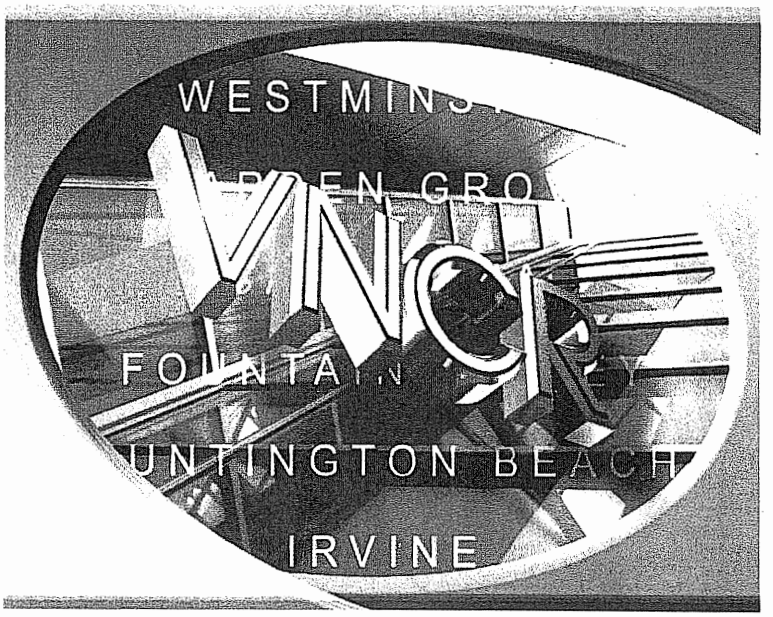

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

BA NGƯỜI KHÁC
TÔ HOÀI

Sách ghi là tiểu thuyết, nhưng có thể coi là một hồi ký của nhà văn Tô Hoài về một giai đoạn ghê rợn trên đất Bắc: giai đoạn cải cách ruộng đất. Người đọc sẽ gặp những cảnh thật sinh động thời gian một đội cải cách ruộng đất về một làng để tổ chức và phát động công tác đấu tố. Tác giả đã nhận chân những nét bản năng, ấu trĩ, kể cả sai lầm, thậm chí đầy tội ác trong chủ trương cải cách ruộng đất, qua một lối viết rất mới mẻ, trẻ trung về một ký ức xưa cũ. Một cuốn sách giá trị, rất đáng đọc. Giá 12 Mỹ kim.

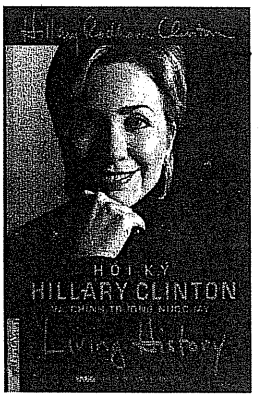

HỒI KÝ HILLARY CLINTON
và chính trường nước Mỹ
HILLARY RODHAM CLINTON
Xuân Quang dịch

Đây là bản dịch cuốn hồi ký Living History của phu nhân cựu tổng thống Clinton, Hillary Clinton. Cuốn sách không đơn thuần là hồi ký của một phu nhân tổng thống, mà còn chứa rất nhiều thông tin chưa được biết đến về chính trường và nhiều vấn đề khác của nước Mỹ, và trên hết, về cuộc đời, tính cách và suy nghĩ của tác giả, người có nhiều khả năng trở thành nữ tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ vào năm 2008. Giá 29 Mỹ kim.

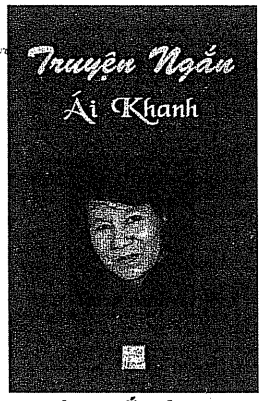

TRUYỆN NGẮN ÁI KHANH
ÁI KHANH

Tuyển tập này gồm 44 truyện ngắn, đưa bề dày cuốn sách lên đến gần 500 trang. Tác giả của tập truyện, Ái Khanh, hiện cư ngụ tại Florida, đã viết rất đều đặn, hai tập truyện ngắn đã được xuất bản, và bà còn làm chủ bút cho ít nhất hai tờ báo và cộng tác thường xuyên với gần mười tờ khác. Trích Lời tựa: "Đọc Ái Khanh để tự hào với chính mình, những người tha hương nhưng hình bóng quê nhà vẫn đời đời ấp ủ..." Giá 20 Mỹ kim.

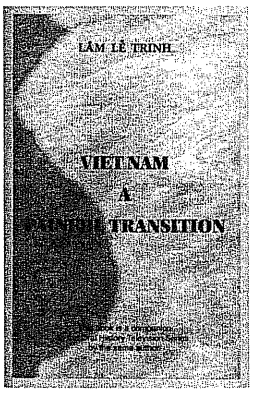

VIETNAM A PAINFUL TRANSITION
LÂM LỄ TRINH

Đã có hàng trăm cuốn sách viết về cuộc chiến Việt Nam, phần lớn của các tác giả Mỹ hoặc chính quyền cộng sản Hà Nội. Thiếu vắng tiếng nói của phía miền Nam chống cộng. Cuốn sách này của tác giả Lâm Lễ Trinh, viết bằng Anh ngữ, là một cố gắng có giá trị để nói lên tiếng nói của người không cộng sản trong cuộc chiến này. Đây cũng có thể là kinh nghiệm có ích lợi cho việc giải quyết những xung đột đẫm máu đang xảy ra trên thế giới. Giá 28 Mỹ kim.

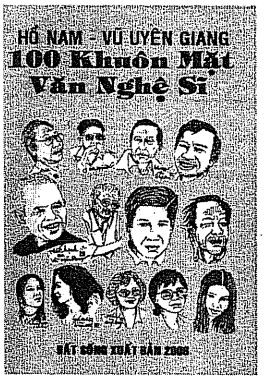

100 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ SĨ
HỒ NAM VŨ UYÊN GIANG

Sách viết và vẽ chân dung những văn nghệ sĩ Việt Nam thuộc các lãnh vực thi văn nhạc họa ở trong nước cũng như ở hải ngoại, còn sống hay đã qua đời từng hiện diện trong thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21. Hai tác giả Hồ Nam và Vũ Uyên Giang, một người ở tại Việt Nam, một người ở Hoa Kỳ, nhờ mạng lưới Internet mà có thể trao đổi cộng tác với nhau để viết và vẽ nên cuốn sách này, và còn hứa hẹn còn thêm nhiều cuốn nữa trong cùng thể loại này. Giá 28 Mỹ kim.

VẾT SẸO VÀ CÁI ĐẦU HÓI
Tiểu thuyết của VÕ VĂN TRỰC

Cuốn Chuyện Làng Ngày Ấy trước đây của Võ Văn Trực ghi lại những câu chuyện của làng quê ông trong chế độ cộng sản. Với Vết Sẹo Và Cái đầu Hói, ông mô tả số phận một trí thức đam mê quyền lực đã dùng mọi thủ đoạn vô cùng lạ lùng để tiến thân, và rốt cuộc sống trong mặc cảm tội lỗi không thể tha thứ. Có thể nói đây là một nhân vật điển hình chưa từng thấy trong văn xuôi Việt Nam, nhưng trong thực tế vẫn có đâu đó trong nếp sống trong nước hiện nay. Giá 13.50 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

***Ghi chú:* Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)**

Tìm đọc

MEKONG
DÒNG SÔNG NGHẼN MẠCH

NGÔ THẾ VINH

"... để thấy rằng những bước suy thoái của dòng sông diễn ra nhanh hơn dự kiến của nhiều người khi mà ngoài chuỗi đập thủy điện bậc thềm Vân Nam, từ tháng 12/2006 sông Mekong dang là thủy lộ chở dầu hỏa từ Trung Đông vào Trung Quốc qua ngả Thái Lan thay vì phải đi qua eo biển Malacca." Giá 16 MK

NXB Văn Nghệ Mới
P.O. Box 3123
Seal Beach CA 90740 – USA
vannghemoi@gmail.com

DÒNG SỬ VIỆT
số Xuân Đinh Hợi

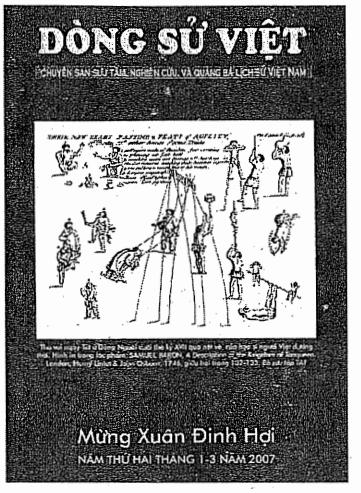

Gồm bài viết của *Phạm Cao Dương, Samuel Baron, Đỗ Quang Chính, Bùi Minh Đức, Đỗ Hữu Nghiêm, Lâm Vĩnh Thế, Trần Anh Tuấn, Bùi Ngọc Tuấn, Trần Nguyên Nhung, Đặng Phương Nghi, Trương Toại.* Giá 8 MK

Liên lạc:
P.O. Box 1413, Alameda CA 94501 USA
Điện thoại: (510) 865-9276; (510) 220-1535
Điện thư: att411@comcast.net

TÔI ĐI VÀ SỐNG

Hồi ký của ca sĩ **BẠCH YẾN**

Liên lạc: Bạch Yến Giá 10 MK
12 rue Gutenberg
94450 Limeil Brévannes – France
E-mail: bachyenh@gmail.com

TU BỤI

Truyện dài của **TRẦN KIÊM ĐOÀN**

Tu giữa đời thường, sen trong lửa
"Tu bụi" là tu giữa bụi trần

Liên lạc: P.O. Box 348597
Sacramento, CA 95834-8597 – USA
Tel: (916) 601-6635; (916) 419-0788
Email: Trankiemdoan@yahoo.com

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association (VAALA)

Trân trọng thông báo:

Hiện nay Hội đang tiến hành dự án xuất bản cuốn sách
NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
của **HUỲNH HỮU ỦY**

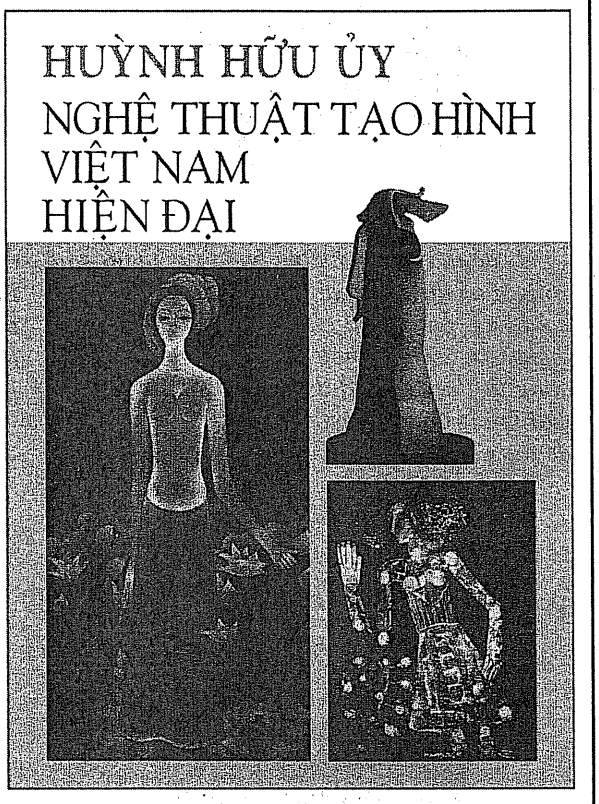

Đây là một công trình nghiên cứu Nghệ Thuật Tạo Hình rất công phu mà soạn giả đã bỏ ra mấy chục năm qua để sưu tầm và nhận định. Đặc biệt, nền Hội Họa và Điêu Khắc của Miền Nam từ 1954 đến 1975 đã được nhà phê bình nghệ thuật Huỳnh Hữu Ủy đặt để đúng vị trí và giá trị của nó trong toàn cảnh nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại.

Vì việc ấn loát một cuốn sách nghệ thuật dày trên 600 trang rất tốn kém, Hội chúng tôi thiết tha kêu gọi sự tiếp tay của toàn thể đồng hương, để cuốn sách –hiện đã xong hoàn toàn công đoạn trình bày, sẵn sàng để ấn loát— được sớm ra mắt.

Chúng tôi kính mời quý vị đặt mua trước cuốn sách để Hội sớm có đủ phương tiện tiến hành việc in ấn:

- Giá sách $60
- Chi phí đóng gói và cước phí: $12

Xin quý vị gửi chi phiếu $72 cho mỗi cuốn, đề tên người nhận VAALA, Ghi chú: Mua sách Nghệ Thuật Tạo Hình, ghi rõ tên và địa chỉ người mua sách, gửi về:

VAALA
14781 Moran Street
Westminster CA 92683
USA

Cần thêm chi tiết, xin quý vị liên lạc:
VAALA (714) 893-6145
E-mail: Vaala_91@gmail.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Tranh bìa: Gái Nam, Lacquer 24" x 32" 1987 của họa sĩ **Hồ Thành Đức**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Lê Quỳnh Mai, Đạm Thạch,** nhật báo **Việt Báo.**

MỤC LỤC

Số 215 – Tháng Ba 2007

CHÍNH TRỊ – VĂN HÓA
8. Chính trị Hoa Kỳ: năm qua và tới – **Cổ Lũy**
18. Cải tổ và phát triển kỹ nghệ điện lực tại Việt Nam – **Nguyễn Quốc Khải**
23. Tuyên dương một nhà trí thức Việt Nam – **Trần Ngọc Ninh**
25. Con heo Đinh Hợi – **Đặng Tiến**
29. Trở lại bài thơ "Khai Xuân Thạch Vấn" của Vũ Hoàng Chương – **Trần Từ Mai**

CÁC BIẾN CỐ VĂN HỌC THÁNG 01-2007
45. Tường thuật cuộc hội thảo "Văn học hải ngoại: thành tựu và tiềm năng" – **Cam Vũ**
52. Thành tựu và tiềm năng của văn học hải ngoại – **Nguyễn Hưng Quốc**
56. *Damau.org* như một hình thức vượt biên giới – **Đặng Thơ Thơ**
58. Cuộc trở về của dòng văn học Nga lưu vong – **Hoàng Ngọc Tuấn**
61. Chính sự hiện diện là thành tựu – **Trần Hữu Thục**
64. Ứng dụng của kỹ thuật Internet trong hoạt động văn học – **Phùng Nguyễn**
66. Đi tìm Võ Phiến – **Nguyễn Hưng Quốc**
73. Thác đổ sau nhà của Võ Phiến – **Mai Kim Ngọc**
77. Văn chương của Võ Phiến đứng được với thời gian – **Nguyễn Mộng Giác**
79. Lời cảm tạ - **Võ Phiến**
81. Độc giả của Võ Phiến – **Quỳnh Giao**

VĂN VÀ THƠ
85. Tết quê nhà – **Trần Huy Sao**
87. Ngày xuân trên Đồng Mua (thơ) – **Thanh Tâm Tuyền**
92. Mùa xuân nơi đâu! – **Hà Đạo Hàm**
95. Mưa tháng Giêng (thơ) – **Trần Vấn Lệ**
99. Đi đâu cho thiếp theo cùng – **Hồ Phổ Lại**
101. Khứ niên kim nhật (thơ) – **Lê Phụng An**
103. Xuân muộn, Chiều xuân, Hoa ngâu (thơ) – **Lê Thị Kim**
104. Sau 30 năm lìa xa – **Phan Thanh Tâm**
108. Đi một chuyến đáng một chuyến – **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
111. Tiếng gọi (thơ) – **Võ Phiến**
113. Cành lan trong gió – **Xuân Đỗ**
117. Mây cố quận (Thơ) – **Tường Linh**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Hộp thư trị sự
33. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
39. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Những bức thư

Bài làm cho tôi chú ý trong số Thế Kỷ 21 Xuân vừa rồi không phải là những bài nói về mùa Xuân, mà là nói về những... bức thư. Thư thì có gì là lạ, người nào trong đời của mình mà chẳng viết thư. Vừa lớn lên là viết thư tình, chắc chắn ai cũng thế rồi. Lớn lên chút nữa, vào đời thì thư giao dịch, thư viết cho gia đình khi đi xa, thư cho bạn bè có lẽ chiếm số lượng rất đáng kể. Nhưng rồi nhìn lại: những bức thư ấy bây giờ ở đâu? Mất hút với thời gian. Thư tình đã nhận thời mới lớn thì đã phải trả lại cho người tình khi nàng đi lấy chồng, phần nàng chắc cũng hỏa thiêu hết thư của mình cho khỏi vướng víu với quá khứ khi "vui duyên mới." Những bức thư quý giá nhất, đáng nâng niu nhất đời của mình còn như thế, kể gì bao nhiêu thư từ về sau. Tay trắng, không còn gì cả.

Chuyện đó cũng chẳng có gì đáng nói nếu như tôi không đọc bài "Thư của các nhà văn" của Nguyễn Hưng Quốc trong số Xuân vừa rồi. Bài ấy cho biết rằng các nhà văn Tây phương có tập quán giữ gìn những thư từ trao đổi của họ. Chắc chắn những bức thư đó chứa đựng nhiều trí tuệ và tâm hồn của họ, vì họ viết cho bạn bè, sẽ thành thật và tự do thoải mái hơn là viết để in thành sách. Cuối cùng, biến thành một kho tư liệu quý cho đời sau. Biết được điều đó, bỗng dưng tôi đâm ra tiếc nhiều lá thư tôi đã viết và đã nhận trong đời tôi. Bây giờ thì quá muộn rồi, giá ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường tôi đã được dạy về thói quen gìn giữ này!

Vậy bắt đầu từ nay tôi sẽ giữ lại các bức thư nhé? Thư tôi viết sẽ có một bản lưu, thư tôi nhận sẽ được đặt cẩn thận vào một hộc tủ có khóa. Nhưng, than ôi, tôi đã nói là đã muộn rồi, thời đại bây giờ không còn cái môn viết thư nữa. Đã lâu tôi không còn dùng đến cây bút để "viết" một cái gì cả, mà chỉ để ghi nhận, ghi chú một điều gì đó nghe từ máy điện thoại, một số phone, một cái địa chỉ chẳng hạn. Đã lâu khi cần "bày tỏ" một cái gì với người ở xa thì tôi gọi điện thoại, hoặc tôi gõ e-mail. Trao đổi điện thoại kể ra cũng lắm điều thú vị, nhưng "nói bay, viết còn," sau khi buông máy thì mọi điều trở thành hư vô. Còn e-mail thì không bao giờ là những bức thư đúng nghĩa – tức là những bức thư viết trên giấy gửi bằng bưu điện bây giờ đã thành "cổ điển"— mà chỉ là những lời nhắn gởi gọn ghẽ nặng tính cách giao dịch.

Không biết trên thế giới bây giờ người ta còn viết thư và lưu giữ thư như xưa không?

Phạm Văn Xuân *(Ohio)*

Đại đàn giải oan

Đàn giải oan là một truyền thống cao đẹp của Việt Nam. Trong *Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh* Nguyễn Du đã nói lên tất cả ý nghĩa nhân bản của việc cúng tế này:

...Cho hay thành bại là cơ,
*Ma **oan** hồn biết bao giờ cho tan...*
... Khi thất thế cung rơi tên lạc
Bãi sa trường thịt nát máu trôi
Bơ vơ góc biển chân trời
Nắm xương vô chủ biết vùi nơi nao!..
... Buổi chiến trận mạng người như rác
Phận đã đành đạn lạc tên rơi
Lập lòe ngọn lửa ma trơi,
*Tiếng **oan** văng vẳng tối trời càng thương.*
*... Cũng có kẻ mắc **oan** tù rạc*
Gửi thân vào chiếu lác một manh...
... Nhờ phép Phật siêu linh tịnh độ
Phóng hào quang cứu khổ độ u
Khắp trong tứ hải quần chu,
*Não phiền trút sạch **oán** thù rửa trong...*

OAN và OÁN là một tiền đề triết lý đạo đức quan trọng của Tam giáo Việt: nào chuyện Oan Thị Kính, nào Suối Giải Oan ở Hương Tích, suối Giải Oan ở Trúc Lâm Yên Tử.. trên một đất nước luôn luôn tao loạn, phân hóa, vong thân hàng trăm năm nay. Chẳng những máu Việt máu Chàm máu Miên máu Thái máu Tây máu Tầu đổ ra, mà cả máu Ma Rốc, Phi châu, Mỹ, Úc, máu tử đạo... cũng đã thấm ướt giải đất hình chữ S này. Cả sư đoàn ma trong rừng núi Trường sơn, cả trăm ngàn thuyền nhân chết trôi thủy phủ... cho nên người sống chớ tiếp tục vô minh, mang mâu thuẫn từ cõi Dương vào cõi Âm tạo ác nghiệp Oan Oán không dứt... Việc lập Đại Đàn Giải Oan không những nên mà còn tối cần để cởi nút thắt siêu linh trong Việt Sử: chừng nào còn oan hồn vất vưởng, chừng nào còn hồn siêu phách lạc thì cõi trần gian này chưa thể an lạc được. Ước mong " Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt" Đinh Hợi năm nay, đại đàn giải oan sẽ được dựng lên khắp nước Việt để cầu siêu cho người chết và gieo căn thiện cho người sống, từ đó mở ra một chu kỳ long hoa thật sự thanh bình tứ hải lạc âu ca (Sấm Trạng) cho bờ cõi Văn Lang vậy.

Bụt Sĩ Lưu Văn Vịnh
Tịnh Khẩu Pháp Môn-Bắc Cali.

Các số báo chủ đề

Tôi muốn mua một số các báo đã được phát hành (back issues) của Thế Kỷ 21, xin quý vị cho biết thể lệ và giá tiền. Xin quý vị vui lòng cho tôi danh sách những số đặc biệt mà Thế Kỷ 21 đã thực hiện. Tôi biết đã có những số báo nói về các thành viên nhóm Tự Lực Văn Đoàn như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Cát Tường... rất mong được mua các số báo cũ ấy, và những số đặc biệt khác nữa.

Tôi rất ngưỡng mộ và hãnh diện là cộng đồng Việt Nam được đọc một tạp chí có giá trị như Thế

Kỷ 21. Thành thật tri ơn. Kính thư.

Bà Quyên Nguyễn
(Los Altos, CA)

Thưa bà,

Ngoài những chủ đề bà nêu trong thư, trong những năm qua chúng tôi đã thực hiện các số đặc biệt khác về Phạm Quỳnh, Hồ Hữu Tường, Phan Thanh Giản, Thanh Tâm Tuyền, Đỗ Ngọc Yến, Trần Văn Tuyên, Vũ Hoàng Chương, về thành phố Sài Gòn và Hà Nội. Chúng tôi sẽ xin có thư riêng cho bà về việc mua báo cũ. Kính.

Chớp

Lần đầu tiên tôi được đọc những truyện thật ngắn gọi là "truyện chớp" trên số báo Xuân vừa rồi. Tò mò tôi tìm thêm nhiều cái chớp nữa trên Damau.org. Ý niệm chớp thì Guy De Maupassant đã dùng để định nghĩa truyện ngắn từ lâu rồi: truyện ngắn, theo ông là sự nắm bắt ngay lập tức những tia chớp trong cuộc sống. Tia chớp đây là những sự việc xảy ra, hay là một tâm trạng nảy lên, đặc biệt, duy nhất, chớp nhoáng. Truyện ngắn, nguyên thủy là như thế. Truyện dài thì kể cả một câu chuyện lê thê, nhưng truyện ngắn là chộp bắt tức thì. Việt Nam có những truyện như Sợi Tóc của Thạch Lam là đúng theo định nghĩa đó. Tuy gọi là chộp bắt nhưng cũng phải dùng nhiều chữ, phải dàn giá ra câu chuyện để dẫn đường cho tia chớp xuất hiện.

Còn "chớp" bây giờ là khác. Nó phải rất ngắn, như một tia chớp. Nhưng vấn đề là những truyện rất ngắn ấy có lóe lên một tia chớp nào không. Hình như những người sáng tác những truyện rất ngắn bây giờ cũng không cần những cái chớp theo định nghĩa của Maupassant. Vì ngắn nên thường có tính cách ngụ ngôn hay ẩn dụ, và những thứ này thì thâm trầm, không có "lóe" lên. Chớp bây giờ là hình thức viết truyện hơn là nội dung. Một sự ra sức cho văn chương thật ít chữ. Một thử nghiệm. Nếu tạo cho người đọc cảm giác thú vị thì thành công. Lại đỡ tốn thì giờ cho người đọc, có thể cho cả người viết.

Linh Le *(Internet)*

Ngân Giang nữ sĩ

Một lần nữa, Thế Kỷ 21 thành công trong một số báo "đặc biệt," lần này thì về nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Cũng giống như những chủ đề trước đây, phần tài liệu sưu tập được rất đáng kể, có thể giúp ích nhiều cho độc giả thường cũng như những nhà nghiên cứu, trong một mức độ nào đó. Nhưng một trong những bài liên hệ đến Vũ Hoàng Chương lại làm cho tôi chú ý đến một người khác, mà tôi cho là rất đặc biệt, đó là nhân vật Ngân Giang nữ sĩ. Trước nay tôi chưa nghe nói tới nhà thơ này, mặc dù bà ở miền Bắc, nhưng chắc chắn là đã sáng tác trước năm 1945. Theo bài viết "Phiếm đàm với Ngân Giang nữ sĩ" thì bà có một cuộc sống cơ cực trên đất Bắc, nhưng phong thái, cốt cách của bà rõ ràng vẫn sang và đài các, có lẽ phản ảnh đời sống nội tâm phong phú và đẹp đẽ của bà. Những năm trên đất Bắc bà đã phải mở một cái quán bán nước ở ven sông để sinh sống, thế nhưng khi có bạn tâm giao tới để nói chuyện văn chương, bà vẫn đốt một lò trầm để tạo cái không khí huyền ảo. Tôi tưởng tượng bà như là một bà tiên bị đày khỏi thượng giới, dù giữa chốn lầm than vẫn không quên cái gốc gác đầy tiên cách của mình. Một hình ảnh thực là đáng quý, mặc dù mới chỉ biết được bà qua bài viết của một nhà báo, tôi vẫn cảm thấy rất kính mến bà.

H.N. Toản
(Melbourne, Australia)

Đính chính: **Trong số Xuân Đinh Hợi có một vài chỗ đánh máy sai, cần được đính chính như sau:**

1. Trang 31, chú thích tấm ảnh:
- in sai: Vũ Hoàng Tuấn
- sửa lại: Vũ Hoàng **Tuân**

2. Trang 41, cột phải:

Hàng 7 & 8 từ dưới (hai câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du):

- in sai: Văn tự *hà **tàng*** vi ngã dụng

Cơ hàn bất giác *thụ nhân **diên***

- sửa lại: hà **tằng**

thụ nhân **liên**

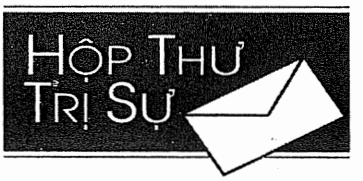

Độc Giả Mới

Quyen Nguyen – CA; Nghia Nguyen – CA; Le Minh Duong – Canada; Boi Tran – NY; Dang Quynh Phuong – CA; Tinh T Nguyen – VA; Nguyen The Hung – WA; Lam Nguyen – WA; An Pham – CA; Lo Cong Muoi Ba – Canada; Dang Vu Chieu – France.

Độc Giả Gia Hạn

Khanh Do – CA; Vu Ngo Quy – Canada; Truong Toan – CA; Thai Phong – CA; Fransis Vinh – Norway; Nguyen Du Khiem – NH; Minh Chau Duong – Canada; Pham Van Dong – CA; Le Thanh Phong – France; Linh Phan – CT; Chau LeVan – Canada; City of Maribyrnong – Foreign Language Lib – Australia; Do Van Thu – IL; Ngo Thanh Tam – Norway; Võ Doãn Nhẫn – CA; Hoang T. Doan – NE; Nguyen Thi Dieu Thu – CA; Nguyen Giao – OK; Nguyen T Ty – France; Nguyen V Kim – France; Fredrikstad Bibliote Voksenavdelingen – Norway; Deichmanske Bibliotek Hovedbiblioteket – Norway; Bergen Offentlige Bibliotek – Norway; Nguyen Viet Thanh – CA; Nguyen Van Lai – CA; Nguyen Thi Thanh Bich – VA; Nguyen Thanh Nam – CA; Nguyễn Phong Châu – ON; San Francisco Pub Lib – CA; UCLA YRL Serials – CA; Nguyen Nu Trung – VA.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

CHÍNH-TRỊ HOA-KỲ: NĂM QUA VÀ TỚI

CỔ-LŨY

Năm vừa qua đánh dấu sáu năm cầm-quyền của chính-quyền George W. Bush với nhiều khó-khăn xẩy đến cho chính-quyền. Sau vụ tấn-công khủng-bố 11 tháng Chín, 2001, với chủ-đề "chống khủng-bố" toàn-cầu (G-WOT, Global War On Terror) có ảnh-hưởng lớn đối với người dân lo-âu về an-ninh, chính-quyền cứ tuần-tự nhấn mạnh "an-ninh" và tiếp-tục được sự ủng-hộ của dân-chúng từ bầu-cử giữa nhiệm-kỳ 2002 qua tổng tuyển-cử 2004. Nhiều nhà quan-sát chính-trị đã đồng-ý di-sản chính-trị của tổng-thống Bush đi liền với G-WOT ở A-Phú-Hãn (Afghanistan) và nhất là cuộc chiến ở Iraq. Sau bao thăng-trầm hơn ba năm qua, vận-mệnh chính-quyền như dính liền với cuộc chiến đã chuyển theo chiều hướng tiêu-cực rõ-rệt trong năm 2006.

Tháng Hai đầu năm 2006, cuộc "khủng-bố"phá nổ ngôi đền thiêng của giáo phái Hồi Shiite ở Samarra, Iraq, chuyển cuộc chiến "chống khủng-bố" ở đây sang một giai-đoạn mới với những khó-khăn hai chính-quyền Bush và Iraq không giải-quyết được, ngay sau cuộc tổng tuyển-cử "thành-công" khá ngoạn-mục giữa tháng Mười-hai năm 2005 đưa ông Nuri al-Malaki thuộc khối Shiite lên làm thủ-tướng. Vụ nổ phá đền thờ ở Samarra như chính-thức đưa Iraq vào cuộc nội-chiến —tuy đã âm-ỉ từ lâu và không tuyên-bố, nhưng rất rõ-rệt với đầy tính-chất tôn-giáo và chủng tộc— giữa người thiểu-số giáo-phái Hồi Sunni (khoảng hai-mươi phần trăm dân-số, ở trung-tây Iraq; nắm quyền-hành thời Saddam Hussein trước đây, và tương-đối có trình-độ cao), người phái Shiite (khoảng sáu-mươi phần trăm, ở thủ-đô Baghdad và nam Iraq với nhiều tài-nguyên dầu hỏa) và người thiểu-số Kurds (khoảng hai-mươi phần trăm, ở bắc Iraq với ý-muốn tự-trị và tài-nguyên dầu hỏa —và có lẽ là nhóm ủng-hộ Hoa-Kỳ duy-nhất ở Iraq).

Từ đây cho đến cuối năm, không một ngày nào mà giới truyền-thông không mang tin mỗi lúc một tệ-hại hơn về Iraq đến độc-giả và khán, thính-giả trong và ngoài nước. Qua bầu-cử giữa nhiệm-kỳ Tháng Mười-một, với đề-tài Iraq như nhược-điểm chính của tổng-thống Bush, phe Dân-chủ lấy lại được thế đa-số trong Quốc-hội, hứa-hẹn những khó-khăn ghê gớm cho chính-quyền cũng như ảnh-hưởng trực-tiếp đến tổng-tuyển-cử năm 2008 —với một tổng-thống và chính-quyền mới.

Chính-quyền Bush không chịu nhận danh-từ "nội-chiến" đầy bất-lợi chính-trị và thay vào đây bằng từ "bạo-hành giữa các giáo-phái," sectarian violence. Trong khi đó quân-đội Mỹ —với thời-gian ở Iraq dài hơn thời-gian lâm chiến ở Thế-chiến 2 mà kết-quả không đi đến đâu— lần hồi bị mất ảnh-hưởng "chính-nghĩa" và hữu-hiệu, và từ từ đi đến mức độ làm trái độn chịu trận giữa những thế-lực tương-tranh bằng bạo-động. Chính-quyền khó thuyết-phục dân-chúng Mỹ là thực sự có một quốc-gia Iraq, chưa nói gì đến một nước Iraq "dân-chủ" làm gương sáng cho các nước Hồi-giáo và A-Rập trong vùng như tổng-thống từng lấy làm mục-tiêu. Bây giờ, ngay cả một số giới bảo-thủ cũng nhận cần phải có một "người hùng" (strong man) kiểu độc-tài tàn-bạo như Saddam Hussein mới giữ Iraq nguyên-vẹn được. Có e-ngại tổng-thống Bush sẽ đi vào lịch-sử như người đưa Hoa-Kỳ vào cuộc chiến lớn đầu tiên trong thế-kỷ 21 với không một lý-do chính-đáng —và thất-bại một cách bi-thảm với hơn ba ngàn binh-sĩ Mỹ thiệt mạng, trên hai-mươi-lăm ngàn bị thương, cùng trên nửa triệu người Iraq vô-tội bị thiệt-mạng (theo thống-kê của chuyên-san y-khoa Anh The Lancet, hai viện đại-học danh tiếng Mỹ MIT và Johns Hopkins).

Ngân-sách G-WOT đã lên quá mức bốn trăm tỉ đô-la cộng thêm ngân-sách "phụ-trội" cả trăm tỉ chính quyền xin thêm hàng năm và, cùng với việc những nước "liên-minh"rút lui đều-đặn về nhân-lực (đồng-minh quan-trọng nhất của ông Bush là thủ-tướng Tony Blair vừa tuyên bố sẽ rút nửa quân-số Anh ra khỏi Iraq cuối năm nay) cũng như không đóng-góp gì về tài-lực, dễ đưa

đến phản-ứng của dân-chúng làm áp-lực với quốc-hội cắt hoặc giảm ngân-sách này, như đã xảy ra ba thập-niên trước. Quốc-hội đã bắt đầu tỏ ý khó chịu về lối hành-pháp xin ngân-sách phụ-trội vào cuối tài-khóa liên-bang trong ba năm chiến-tranh Iraq liên-tiếp vừa qua; con số ngân-sách phụ-trội đã to lớn không kém ngân-sách G-WOT được chấp-thuận và chuẩn-chi bởi quốc-hội trước mỗi tài-khóa.

Đồng thời phe đối-lập Dân-chủ mới nắm lại thế đa-số trong quốc-hội như không chịu nương tay về những thất-bại cũng như mờ-ám ở Iraq. Bên cạnh đó, những vận-động ráo-riết đã thành hình, sửa-soạn cho chọn-lựa ứng-viên và bầu-cử tổng-thống mới năm 2008 —với cuộc chiến Iraq vẫn là đề-tài tranh-cử chính.

CỔ-LŨY

Cuối năm 2006, một số nhà quan sát chính trị đưa cái nhìn trào phúng về phía chính quyền, đáng kể nhất là tổng thống Bush trong năm đầy "lận đận" vừa qua, vì phần lớn từ cuộc chiến ở Iraq. Mức độ dân chúng ủng hộ ông đã đi xuống thấp chưa từng thấy (giữa mức 30 phần trăm ủng hộ, so với hơn 70 phần trăm phản đối, những con số đi ngược hẳn với lúc cuộc chiến bắt đầu). Ở Anh, đồng minh lớn và trung thành nhất với ông Bush, dân chúng xem ông là người nguy hiểm hơn cả hai tổng thống Kim Jong Il ở Bắc Hàn và tổng thống Mahmoud Ahmadinejad ở Ba-Tư (Iran) với vũ khí hạch nhân trong tay cùng những phát ngôn vô trách nhiệm. Cố vấn "phù thủy chính trị" Karl Rove như hết mầu nhiệm và đảng Cộng-hòa từng ngoan ngoãn ủng hộ tổng thống đã mất thế đa số trong quốc hội. Nhóm nghiên cứu Tìm-hiểu Iraq (Iraq Study Group) gồm những nhân vật uy tín lưỡng đảng xem chính sách ở Iraq thất bại hoàn toàn, và nghe nói các tướng lãnh trong bộ Tổng Chỉ-huy Liên-quân (Joint Chiefs of Staff) phản đối biện pháp "đôn quân" ("surge," gia tăng quân số) ở Iraq. Giới báo chí "lá cải" đồn đại đệ nhất phu nhân Laura Bush đang tính chuyện li dị, và cả chó "cưng" Barney cũng không buồn vẫy đuôi mừng tổng thống!

Vấn đề chính các nhà quan sát đều đồng ý là Iraq: chính quyền không thể đương đầu được, mà cũng chẳng bỏ qua được, trong khi đó nó "bòn" hết vốn liếng chính trị của ông Bush (dù tình hình kinh tế trong nước khá phấn khởi), nếu không nói là tương lai chính trị của gia đình Bush với thế hệ cháu sửa soạn đi lên (em tổng thống, thống đốc tiểu bang Florida Jeb Bush đã mất hy vọng tranh cử tổng thống nối nghiệp bố và anh, như kiểu "triều đại" tỉ phú Kennedy hay Rockefeller). Sẽ phải hành động ra sao ở Iraq: Tổng thống không thể rút lui (dù muốn dù không đây là sự nghiệp và "di sản" lớn nhất của chính quyền cũng như ông Bush; làm sao để giải thích trước dân chúng?); cũng không thể ở lại (số thương vong Mỹ và Iraq mỗi ngày một chồng chất; không thể đi ngược ý dân phản đối); "đôn quân" (lấy quân đâu ra, chưa nói đến chuyện ngân sách chiến tranh mỗi năm gia tăng cả trăm tỉ, có thể bị đe dọa vì ý dân bất lợi; và nếu có tăng cường, quân số gia tăng để làm gì? có một chiến lược gì chăng?).

I. IRAQ: "CON HẢI-ÂU" CỦA CHÍNH-QUYỀN BUSH?

Qua bài thơ phổ thông trong giới quen thuộc với văn thơ tiếng Anh, bài thơ truyện *The Rime of the Ancient Mariner* (1797-1798, nổi tiếng nhất bên cạnh *Kubla Khan* và *Christabel* cùng tác giả), nhà thơ lãng mạn Anh Samuel Taylor Coleridge (1772-1834) viết về một mê tín nổi danh trong giới đi biển, rằng

hải âu là con chim mang điềm lành trên chốn biển nước; xúc phạm đến con hải âu là một điềm gở, mang đến những xui xẻo, tan nát hủy hoại. Anh thủy thủ trong bài thơ bắn nỏ giết chết một con hải âu, rồi khi thuyền buồm mất hướng bị đẩy đến vùng đứng gió gần đường xích đạo không di chuyển được và cạn nước uống ("Nước nôi trùng điệp, nhưng chẳng một giọt để uống," *Water, water, everywhere, Nor any drop to drink.*), các thủy thủ bạn đổ lỗi cho người thủy thủ đã hồ đồ giết con hải âu để nên mối họa này, và buộc anh ta phải quàng xác con hải-âu chung quanh cổ mình gánh tội — như một ăn năn tội lỗi ngăn chặn con đường đi đến cứu rỗi, giải-thoát. Trong ngôn ngữ thảm kịch Tây phương, đây gần như một quả báo, oan khiên khó dứt bỏ. Trong giới quan-sát chính-trị, nhiều người xem Iraq như con "hải-âu" oan-nghiệt của chính-quyền Bush.

Chính quyền đã hùng hổ đi vào Iraq đầu Xuân năm 2003, "chiến thắng" chớp nhoáng về quân sự, và với kiêu ngạo không nhỏ tiến đến những thành công chính trị với sự ủng hộ nồng nhiệt của dân chúng trong nước lo sợ "an ninh," dồn phiếu cho chính quyền cũng như đảng Cộng-hòa thắng cử hai năm 2002 và 2004.

Chính trong cái hùng hổ, "chiến thắng" này mầm mống suy tàn, hủy hoại như xảy ra cùng một thời gian, hoặc không lâu sau đó. (Xin xem loạt bài về trước và sau khi chính quyền đi vào Iraq trên *Thế-Kỷ 21*, những năm 2003, 2004, 2005 và 2006, cùng người viết).

Cuối năm qua, trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ hai của chính quyền, phe Cộng-hòa mất thế đa số nắm giữ quốc hội đã mười hai năm; lý do chính là phản ứng dân chúng chống lại cuộc chiến Iraq và thêm nữa là hối mại quyền thế của giới dân cử Cộng-hòa. Những khó khăn của tổng thống ở Iraq và về Iraq sẽ bắt đầu gia tăng mạnh mẽ trong năm tới —và chắc chắn suốt hai năm chót của chính quyền— với đa số Dân-chủ trong hai viện quốc hội và tình hình vô vọng ở Iraq (xin xem hai bài về trước và sau bầu cử, *Thế-Kỷ 21*, tháng Mười-một và Mười-hai năm 2006, cùng người viết).

A. Tổng trưởng Quốc phòng công nhận thất bại?

Ngày 2 tháng Mười-hai năm vừa qua, tờ báo hàng đầu trong nước, *The New York Times*, tiết lộ tin mật: Một ngày trước bầu cử giữa nhiệm kỳ (ngày Bẩy tháng Mười-một, năm 2006), tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld viết một văn thư dài dòng gửi đến tòa Nhà Trắng trong đó ông xác nhận chiến lược đang thi hành ở Iraq không có hiệu quả gì hết, và ông cũng đưa ra những đề nghị nhằm thay đổi chiều hướng này.

Hai ngày sau ông Rumsfeld lại một lần nữa xin từ chức; lần này, ông được sự chấp thuận của tổng thống Bush.

Dù kết quả bầu cử cho thấy yếu tố chính trong thất bại lớn của phe Cộng-hòa —cũng được xem như trưng cầu dân ý về chính quyền Bush— là cuộc chiến sa lầy ở Iraq, một hai tuần trước bầu cử tổng thống Bush còn ca ngợi hai ông Rumsfeld và phó tổng thống Dick Cheney (cùng với cố vấn Paul Wolfowitz cao cấp nhất của ông Rumsfeld, là ba kiến trúc sư chính của cuộc chiến) cũng như đồng lòng với họ là chính quyền đang thắng lớn ở Iraq và sẽ không có thay đổi gì hết về đường lối chiến tranh. Nhiều giới Dân-chủ và một số nhân vật Cộng-hòa từng gay gắt đòi hai ông này phải ra đi. Ông Wolfowitz đã im lặng ra đi làm chủ tịch Ngân-hàng Thế-giới hai năm trước —giống hệt trường hợp tổng trưởng quốc phòng Robert McNamara trong chính quyền Lyndon Johnson thời chiến tranh Mỹ ở Việt-Nam. Nhân vật chót trong khối tân bảo thủ thiết kế và thực hiện chiến tranh Iraq, ông Stephen Cambone, đứng hàng thứ ba trong bộ quốc phòng chuyên về phản gián và tình báo và cũng là cánh tay phải của ông Rumsfeld, cũng rục rịch ra đi.

Giới chỉ trích cuộc chiến xem đây là thú nhận thất bại của Hoa-Kỳ ở Iraq. Trong văn thư tối mật dài ba trang, ông Rumsfeld đưa ra những đề nghị mà trước đây ông cũng như tổng thống và phó tổng thống nặng lời mạt sát. Ông đề nghị giảm bớt hiện diện của quân lực Mỹ ở Iraq, gồm cả giảm bớt quân số ở đây —giống như những đề nghị và kêu gọi phe Dân-chủ đưa ra trước đây từng bị phe Cộng-hòa xem là "rút dù tháo chạy ("cut and run," được dùng như một khẩu hiệu tranh cử giữa hai đảng đối lập). Ông cũng đề nghị một kế hoạch dễ gây ra những phản ứng mạnh, và trước đây chính ông Saddam Hussein cũng đã dùng để cai trị Iraq: lót tiền bạc vào hầu bao "những lãnh tụ chính trị và tôn giáo chính" để họ ngoan ngoãn vâng lời lực lượng Mỹ chiếm đóng Iraq và nhất là thủ đô Baghdad.

Qua lời ông Rumsfeld, "đây là lúc phải thay đổi lớn. Rõ ràng là những gì lực lượng Hoa-Kỳ đang làm ở Iraq không có hiệu quả đáng kể hoặc nhanh chóng cần thiết." Tiếp theo nhận xét này ông Rumsfeld đưa ra một loạt những biện pháp —phần lớn nói đến di chuyển hay rút quân ra khỏi Iraq— để tòa Nhà Trắng chọn lựa. "Thay đổi vai trò quân sự và mục tiêu của Hoa-Kỳ," ông đề nghị với việc đóng cửa đa số căn cứ Mỹ ở Iraq hoặc sát nhập những căn cứ lại với nhau (từ hơn một trăm căn cứ xuống còn mười hoặc năm căn cứ giữa năm tới; chính quyền từ trước đến nay vẫn giữ im lặng về những căn cứ chiến lược này, và đây cũng là một lý do chính quân nổi dậy lấy được ủng hộ của dân chúng). Ông cũng đề nghị rút lực lượng Mỹ ra khỏi những nơi nguy hiểm như các khu thành thị hoặc các hoạt động tuần hành, và củng cố lực lượng "phản ứng nhanh" trấn đóng Iraq hoặc nằm ngoài Iraq như Kuwait chẳng hạn.

Để giữ an toàn ổn định, và có lẽ nhất là để tránh những thiệt hại về nhân mạng binh sĩ Mỹ, lực lượng ở lại sẽ chỉ cung cấp an ninh cho các tỉnh hay thành phố nào công khai yêu cầu và tích cực hợp tác với lực lượng an ninh Mỹ. Công cuộc tái thiết cũng áp dụng công thức tương tự, với chủ đích chọn lựa giúp đỡ và bảo vệ những nơi Hoa-Kỳ có thể bảo vệ và giúp đỡ mà thôi

—những điều này như chứng tỏ là người Iraq nói chung không muốn thấy hiện diện của lực lượng Mỹ trên đất nước họ, hay nói cách khác là một xác nhận tinh thần quốc gia Iraq vẫn bị chính quyền Bush và giới truyền thông Mỹ không đếm xỉa đến. Đồng thời Hoa-Kỳ và "đồng minh" bắt đầu rút quân từ từ, và đây cũng là một lối cho người Iraq biết là họ "phải gánh lấy trách nhiệm cho đất nước" họ (một hình thức "Iraq hóa," Iraquization).

Theo phát ngôn nhân cao cấp thuộc bộ quốc phòng, ông Eric Ruff, văn thư của ông Rumsfeld đã được nghiền ngẫm vài tuần lễ trước đây trong giới lãnh đạo bộ quốc phòng.Văn thư này được chuyền đến tòa Nhà Trắng một ngày sau khi ông Bush phỏng vấn ông Robert Gates, nguyên giám đốc CIA và viện trưởng viện đại học Canh nông và Kỹ thuật Texas A&M.

B. Tổng trưởng Quốc phòng mới: Robert Gates

Ngày18 tháng Mười-hai ông Robert Gates chính thức lên thay thế ông Donald Rumsfeld trong chức vụ tổng trưởng Quốc phòng. Việc thay thế này đã xẩy ra trước thời gian dự định: lẽ ra ông Rumsfeld sẽ chính thức rời chức vụ đầu năm 2007, với thành tích tổng trưởng Quốc phòng có nhiệm kỳ dài nhất từ khi chức vụ này được lập ra sau Thế-chiến 2 (1939-1945; trước đây chỉ có chức vụ tổng trưởng Chiến tranh, Secretary of War). Không hiểu lý do bên trong cấp bách nào đã khiến ông ra đi trước dự định và mất danh tước tổng trưởng quốc phòng với nhiệm kỳ dài nhất. Ông Gates trước đây cũng nói ông sẽ làm việc mới ngay sau khi bàn giao công việc tại viện đại học, và ông đã làm xong việc bàn giao này ngay sau khi thượng viện chấp thuận bổ nhiệm ông. Nhìn từ bên ngoài, chính quyền như được điểm tốt với ngụ ý muốn đổi mới nhanh chóng về Iraq.

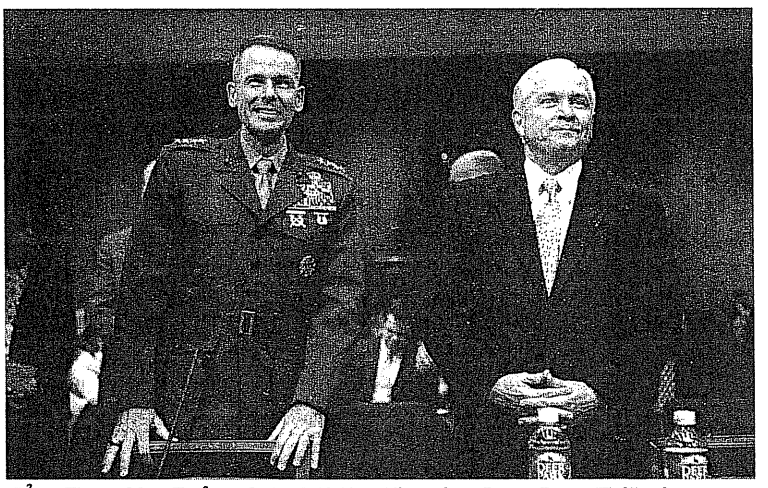

Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Hoa Kỳ, tướng Peter Pace (Trái) và Bộ Trưởng Quốc Phòng, Robert Gates trong phiên điều trần trước Ủy Ban Quân Vụ Thượng Viện Hoa Kỳ ngày 12 tháng 1-2007 vừa qua.

Ông Gates đã ra điều trần trước thượng viện theo đúng thủ tục bổ nhiệm viên chức cao cấp trong nội các. Sau năm tiếng đồng hồ điều trần ông đã được tất cả hai-mươi nghị sĩ trong Ủy-ban Quân-lực và sau này, ngày 6 tháng Mười-hai, đại đa số thượng viện (95 trên một trăm nghị sĩ) chấp thuận thông qua đề nghị bổ nhiệm của tổng thống. Khác hẳn với ông Rumsfeld trước đây luôn luôn và khá sỗ sàng bảo vệ đường lối của chính quyền ở Iraq, ông Gates rất thẳng thắn và thành thực trước các nghị sĩ trong Ủy-ban Quân-lực và với thượng viện nói chung qua tuyên bố: ông không "mắc nợ" một ai về mặt ơn huệ chính trị. Đây có nghĩa là ông sẽ giữ vai trò khá độc lập với tổng thống, như ông đã khẳng định trong điều trần là Hoa-Kỳ hiện không "chiến thắng" ở Iraq. Tuy buổi tối sau tuyên bố ông có sửa lại khẳng định cho nhẹ bớt đi, đây cũng cho thấy ông đi ngược với tuyên bố của tổng thống và chính quyền nói chung. Các nghị sĩ Dân-chủ rất hài lòng về điểm này, nhất là nghị sĩ Carl Levin (Michigan), người sẽ lên nắm chức chủ tịch Ủy-ban Quân-lực năm 2007. Ông Gates cũng nói sẽ chú ý tới những phương cách mới —cũng khác với chủ trương "stay the course" của tổng thống— và nêu ra những "lỗi lầm" trong một số quyết định của chính quyền đưa đến những vấn đề nghiêm trọng hiện nay ở Iraq: "Tôi tin rằng nếu để mắt nhìn lại, một số viên chức trong chính quyền sẽ không phạm những lỗi lầm đã phạm trước đây."

Sau phiếu chấp thuận của thượng viện, tổng thống Bush nói, "Tôi tin rằng với sự lãnh đạo và khả năng của mình ông [Gates] sẽ giúp Hoa-Kỳ đương đầu với những thử thách quân sự và sửa soạn cho những đe dọa trong thế kỷ 21." Các nghị sĩ Dân-chủ ủng hộ ông Gates vì ông

thẳng thắn đánh giá cuộc chiến Iraq và sẵn sàng sửa đổi. Nghị sĩ Cộng-hòa cũng khen ngợi ông Gates. Chỉ có hai nghị sĩ Cộng-hòa đồng minh với tổng thống, ông Rick Santorum (Pensylvania) và Jim Bunning (Kentucky) bỏ phiếu phản đối bổ nhiệm ông Gates vì ông chỉ trích chiến tranh và muốn nối Ba-Tư (Iran) vào giải pháp cho Iraq, xem hai việc này là lỗi lầm nghiêm trọng. Một điểm rõ rệt là, tuy đại đa số trong thượng viện có ủng hộ ông Gates ông vẫn chưa cho biết sẽ hành động ở Iraq ra sao, và chỉ hứa là sẽ thăm dò ý kiến giới lãnh đạo quân sự trước đã.

Hai ngày sau khi nhậm chức, ông Gates đã lặng lẽ có mặt tại Iraq gặp các tướng lãnh đạo cũng như giới sĩ quan tác chiến trung cấp. Ba ngày sau ông trở về Hoa-Kỳ để họp bàn với bộ tham mưu an ninh cấp cao của tổng thống — gồm tổng thống, phó tổng thống Dick Cheney (vừa âm thầm đi tới đồng minh Saudi Arabia giầu nhất Tây-Nam-Á, nhưng không nghe nhắc tới mấy sau khi ông Rumsfeld từ chức), tổng trưởng ngoại giao Condoleezza Rice (cũng mới công du Tây-Nam-Á về), cố vấn an ninh Stephen Hadley và tổng trưởng quốc phòng — tại trại tĩnh tâm Camp David và trang trại của tổng thống ở Texas, trước khi ông Bush đọc diễn văn quan trọng về Iraq, đáng lẽ cuối năm 2006 nhưng đã bị âm thầm đình lại đến đầu năm 2007.

Ông Gates từng làm giám đốc Trung-ương Tình-báo (CIA). Ông được xem là người thuộc phái theo chính sách đối ngoại "Thực tiễn" (Realism, không cực đoan hay nghiêng về ý thức hệ tả hoặc hữu, không giáo điều như nhóm tân bảo-thủ). Người "Realist" nhắm đạt quyền lợi quốc gia thực tiễn, và sẵn sàng thỏa nhượng để đi đến mục tiêu kiểu nguyên cố vấn an ninh và ngoại trưởng Henry Kissinger, nguyên cố vấn an ninh Brent Scowcroft, nguyên ngoại trưởng James Baker III (phía Cộng-hòa) và cố tổng trưởng quốc phòng Clark Clifford, cố thứ trưởng ngoại giao George Ball, nguyên cố vấn an ninh Zbignew Brezinski và một phần nào nghị sĩ Joseph Biden (phe Dân-chủ) —cả một thế hệ trưởng thành trong chiến tranh Việt-Nam lồng trong bốn-mươi năm Chiến-tranh Lạnh giữa "thế giới tự do" và cộng sản. Ông Gates đã cho thấy những suy nghĩ nói chung khác với chính quyền về Iraq; vẫn chưa rõ ông sẽ hành động ra sao tuy ông đã góp phần thay đổi nhân sự lãnh đạo cao cấp nhất ở Iraq, với đô đốc William Fallon đứng đầu CENTCom (bộ chỉ huy trung bộ toàn cầu gồm khu vực "Trung Đông," với bản doanh ở Florida) thay tướng John Abizaid, và tướng David Patraeus tổng chỉ huy chiến trường Iraq thay tướng George Casey. Đô đốc Fallon, một phi công hải quân thời chiến tranh Việt-Nam, đã dồn hàng không mẫu hạm về "Trung Đông," mà nhiều người xem như một đe dọa cho Iran, và tướng Petraeus với bằng cấp tiến sĩ có vẻ muốn lập lại "bình định" và "Iraq hóa" như ở Việt-Nam trước đây. Những thay đổi này bị nhiều giới quan sát chính trị xem là "quá ít và quá trễ."

C. Tường trình của "Nhóm tìm hiểu Iraq"

Tường trình của Nhóm Tìm-hiểu Iraq (Iraq Study Group, ISG, cũng gọi là Ủy-hội Baker-Hamilton dẫn đầu bởi nguyên ngoại trưởng James Baker III và nguyên dân-biểu Dân-chủ Lee Hamilton, cùng tám nhân vật chính trị uy tín chia đồng đều giữa hai đảng) sau nửa năm làm việc tại Iraq và Hoa-Kỳ đưa ra hai phần chính (vào tuần lễ đầu tháng Mười-hai, thay vì trước bầu cử giữa nhiệm kỳ, sợ gây ảnh hưởng bất lợi cho tổng thống và đảng của ông). Phần đầu là nhận định rõ rệt về thất bại trong chính sách của chính quyền ở Iraq: "tình hình ở Iraq rất là nghiêm trọng và đang đi đến tan vỡ," và "chính sách của Hoa-Kỳ ở đây không có hiệu quả gì hết," và Hoa-Kỳ không còn nắm thế chủ động ở chiến trường này nữa. Đây hoàn toàn là do chính sách sai lầm của chính quyền.

Ủy-hội cũng than phiền rằng Ngũ-giác-đài (Pentagon, bộ Quốc-phòng) và CIA không làm việc hữu hiệu ở Iraq vì thiếu chuyên viên thông thạo ngôn ngữ và văn hóa bản xứ, ảnh hưởng trực tiếp vào phẩm lượng tin tức tình báo. Tình báo quân đội (Defense Intelligence Agency, DIA) chỉ có mười nhân viên với hơn hai năm kinh nghiệm về chiến tranh nổi dậy (insurgency). Nhân viên CIA không huấn luyện tình báo địa phương và không dựng một trung tâm tình báo chống khủng bố, cũng như luôn luôn báo cáo mức độ bạo hành thấp hơn thực tế. Về mặt kinh tế, Ủy-hội không muốn tiếp tục tài trợ tái thiết lớn lao cho Iraq, nhưng nhấn mạnh Hoa-Kỳ phải xúc tiến những chương trình trợ giúp và dành quyền tự trị nhiều hơn cho nhân viên tại chỗ quyết định tăng, giảm trợ giúp kịp thời. Ủy-hội cũng đề nghị quốc tế hóa việc đầu tư và quản trị dầu hỏa ở Iraq.

Phần thứ hai của tường trình đưa ra những

đề nghị có tính cách chính trị. Đây tương đối là khó khăn cho chính quyền, vốn chỉ chú mục vào khía cạnh quân sự, sử dụng phần lớn lợi điểm dồi dào về trang bị, tiếp vận và kỹ thuật trong trận địa chiến, hoặc cùng lắm là lực lượng nhỏ, thiện chiến và di động nhanh chóng — nhưng hoàn toàn kiêu căng hay "mù tịt" về lịch sử và văn hóa của người cũng như vùng đất mình đến dự chiến trong một chiến tranh nổi dậy, không khác mấy giai đoạn chính quyền John F. Kennedy và Lyndon B. Johnson chuẩn bị cũng như tham chiến ở Việt-Nam hơn bốn-mươi năm trước đây.

Đề nghị đưa ra một tấn công về ngoại giao nhằm gắn bó với Syria và nhất là Ba-Tư với ảnh hưởng lớn lao bao trùm trong vùng, cùng giới lãnh đạo quân nổi dậy trong nước vào những điều đình về tương lai Iraq. Chính quyền Bush và Do-Thái lại như đặt ưu tiên về tấn công quân sự vào Ba-Tư. Rộng lớn và cốt tủy hơn là nỗ lực giải quyết xung đột chưa giải quyết hơn nửa thế kỷ giữa Do-Thái và khối A-Rập ở Tây-Nam Á-châu (mà người Tây phương, quen lấy mình làm trung tâm thế giới, đến nay vẫn gọi là "Trung-Đông").

Tuy nhấn mạnh khía cạnh chính trị, Ủy-hội cũng đưa ra một số những giải pháp chọn lựa cho quân lực Mỹ. Ủy-hội phản đối việc rút ngay quân đội Mỹ ra khỏi Iraq nhưng cũng không chấp nhận tăng cường quân lực ở đây lên mức hai trăm ngàn (từ khoảng 140 ngàn hiện nay), với lý luận rằng gia tăng quân số dễ gây thêm phản ứng bạo hành từ dân chúng Iraq, nhưng rút lui cũng sẽ đưa đến những cơ nguy khôn lường. Thay vào đây Ủy-hội đề nghị tăng cường quân số tạm thời nhằm vào huấn luyện và trang bị lực lượng an ninh Iraq, gia tăng từ mức ba đến bốn ngàn hiện nay lên đến hai-mươi ngàn— đồng thời cũng nhắm vào mục tiêu giảm thiểu quân số tác chiến và rút ra khỏi chiến trường Iraq vào đầu năm 2008, có lẽ như để làm nhẹ bớt ảnh hưởng chính trị bất lợi cho phe Cộng-hòa trong cuộc tổng tuyển cử cuối năm.

Ủy-hội cũng đề cập đến liên hệ mỗi ngày một tiêu cực giữa giới thuần quân sự và giới lãnh đạo dân sự trong bộ quốc phòng (hiến pháp Mỹ ngay từ đầu đã thận trọng đặt quân lực dưới quyền lãnh đạo của giới dân sự để tránh tập trung quyền hành vào giới thuần quân sự, có thể là một nguy cơ cho dân chủ). Như một chỉ trích gián tiếp nhắm vào ông Rumsfeld và phó tổng thống Cheney, Ủy-hội khuyến cáo tổng trưởng Quốc phòng mới phải để giới lãnh đạo quân sự cao cấp đưa ra những ý kiến độc lập, không đi theo chiều hay ý muốn chính trị nhất thời của chính quyền.

Trở lại năm năm trước mở đầu G-WOT, Ủy-hội cảnh cáo chính quyền không thể gạt qua một bên những đe dọa mỗi ngày một gia tăng ở A-Phú-Hãn. Sau năm năm ở đây, lực lượng liên minh NATO và Liên-Hiệp-Quốc, với Hoa-Kỳ nắm phần chính, đã mất thế chủ động, đồng thời quân Hồi-giáo cực đoan Taliban gia tăng củng cố lực lượng và quyền kiểm soát ngoài thủ đô Kabul (tổng thống Hamid Karzai chỉ kiểm soát nổi thủ đô và bị gắn hỗn danh "đô trưởng Kabul"), "nhập cảng" những hoạt động khủng bố, du kích từ Iraq vào giữa thủ đô. Osama bin Laden và giới lãnh đạo đầu não al Qaeda vẫn đi lại dễ dàng với ủng hộ của dân chúng ở A-Phú-Hãn cũng như Hồi-Quốc (Pakistan), và mức sản xuất thuốc phiện, heroin và cần sa lên cao hơn bao giờ hết. Lãnh tụ hai nước "đồng minh" của Hoa-Kỳ này công khai đổ lỗi cho nhau về tình trạng khủng bố (tổng thống Pervez Musharraf bị xem là đồng lõa và "đô trưởng Kabul" Karzai bị gọi là bất lực với khủng bố) và độc dược ma túy lên cao. Ủy-hội nói, nếu Taliban gia tăng kiểm soát "mức ủng hộ chính trị [từ dân chúng cho Taliban] sẽ đưa đến nhiều chiến dịch khủng bố hơn nữa."

Nhiều giới quan sát chính trị than phiền rằng tường trình của Ủy-hội đưa cơ hội chính trị thuận lợi (political cover) cho chính quyền sửa đổi chính sách ở Iraq, ít nhất tạm thời về mặt quân sự để rồi tìm cách rút lui ít mất mặt và tai hại nhất, nhưng chính quyền như vẫn có ý quyết đi theo đường cũ dù kết quả rất tiêu cực ("denial") —hoặc tệ hơn nữa là không biết phải tiến thoái ra sao. Ông Bush và nhất là ông Cheney (tuy âm thầm, lặng lẽ hơn) xem ra rất miễn cưỡng, không muốn thay đổi gì mấy; hai ông là người "tân bảo-thủ cuối cùng" muốn đóng vai trò lịch sử "lãnh đạo cương quyết" như thủ tướng Anh Winston Churchill trước nghịch cảnh trong Thế-chiến 2 trước đây. Đến cuối năm, sau thông điệp phủ nhận và phản đối rõ ràng của dân chúng qua bầu cử gần hai tháng trước, hai ông còn khăng khăng đòi "đốn quân" hay nói đúng hơn là đòi thêm bổ sung quân số, gia tăng ngân sách và thời gian ở Iraq— ba điều khó mà đạt được trong không khí chính trị hiện nay. Một số người bi quan xem là đã quá trễ, chính quyền đã thất bại ở Iraq và không

có cách nào cứu chữa. Một số lo ngại chính quyền có thể "đôn quân," "leo thang" cuộc chiến ở Iraq kéo dài một hai năm nữa (như tổng thống Richard Nixon đã làm trước đây ở Việt-Nam, với sự tham dự đồng tình của hai ông Cheney và Rumsfeld) trước khi rút ra khỏi Iraq, với những hệ quả khôn lường.

II. ĐƯỜNG ĐI TỚI TỔNG-TUYỂN-CỬ 2008

Ngay sau thành công của phe Dân-chủ qua bầu cử giữa nhiệm kỳ tháng Mười-một, giới truyền thông đã xôn xao bàn tán về tổng tuyển cử (bầu cử tổng thống kèm với một số dân biểu và nghị sĩ mới) tháng Mười-một hai năm tới, quan trọng nhất là việc chọn lựa một tổng thống mới. Chiến tranh Iraq vẫn như một đám mây đen phủ lên chính quyền Bush trong hai năm chót không còn mấy vốn liếng chính trị và gần như bất lực cả về mặt ngoại giao và nội trị ("lame duck"), và đảng Cộng-hòa nói chung.

A. Năm mới, chuyện cũ

Như đã đưa ra trong bài *Bầu-Cử Giữa Nhiệm-Kỳ: Ngọn Triều Mới?* (*Thế-Kỷ 21*, tháng Mười-hai, 2006, cùng người viết), đầu năm 2007 giới lãnh đạo thâm niên đảng Dân-chủ lên nắm quyền đa số trong nhánh lập pháp, trong vai trò chủ tịch những ủy ban đầy quyền lực trong hai viện thuộc quốc hội. Sau mười-hai năm ở thế thiểu số và nhất là sáu năm bất lực dưới sự khống chế của hành pháp và lập pháp cùng một đảng Cộng-hòa, phe Dân-chủ như khó mà hòa hoãn khi "cờ đến tay," nhất là khi Iraq đã chuyển từ lợi điểm mạnh mẽ nhất của chính quyền thành nhược điểm chính trị lớn lao—"con hải-âu" quàng trên cổ từ tổng thống cho đến giới dân cử ủng hộ cuộc chiến. Dân biểu Henry Waxman (Dân-chủ, California) tuyên bố, "Khi ông Clinton [Dân-chủ] làm tổng thống, dù chuyện nhỏ mọn đến đâu phe Cộng-hòa [đa số trong quốc hội lúc bấy giờ] cũng điều tra và gửi trát đòi điều trần. Khi ông Bush [Cộng-hòa] làm tổng thống, không một xì-căng-đan lớn nào mà họ [phe Cộng-hòa đa số trong quốc hội] không lờ đi." Phe Dân-chủ như đã không bỏ qua chuyện Iraq như một nhược điểm lớn nhất cho đảng đối lập trong hai năm đi đến tổng tuyển cử. Tin cuối năm cho thấy, sau gần sáu năm với không một ảnh hưởng nào vào cuộc chiến, giới dân cử Dân-chủ sẽ ra tay nhanh chóng đầu năm 2007 để nắm quyền chủ động ở Iraq và ngăn trở mọi nỗ lực gia tăng quân số của chính quyền. Và họ đang ráo riết làm việc này ở hai viện quốc hội.

Vài tuần lễ sau đầu năm tổng thống Bush đọc diễn văn đưa ra kế hoạch về Iraq của chính quyền; cũng trong thời gian này giới lãnh đạo Dân-chủ sẽ tổ chức một loạt những điều trần trước quốc hội bởi giới quân sự cao cấp, viên chức trong chính quyền cùng các nhà nghiên cứu, học giả về chính sách ngoại giao. Chủ tịch Ủy-ban Ngoại-giao thượng viện mới, nghị sĩ Joseph Biden (Dân-chủ, Delaware) nói ông sẽ mời nhiều viên chức chính quyền, kể cả ngoại trưởng Condoleezza Rice, ra điều trần ít nhất là hơn mười lần —nhưng, như một cách gây chú ý, cũng không cho biết rõ sẽ mời ông Donald Rumsfeld hay không. Ông Biden từng là nghị sĩ từ thời chiến tranh Việt-Nam và cũng có dự định tranh cử tổng thống, tuyên bố: "Tôi hy vọng tổng thống và những người dưới quyền ông sẽ nghe ngóng kỹ lưỡng." Ông cũng là một trong những người chỉ trích chính sách Iraq gắt gao, và xem dự định gia tăng quân số của tổng thống như "một chiến lược hoàn toàn sai lầm." Đồng thời dân biểu Tom Lantos (Dân-chủ, California), chủ tịch Ủy-ban Bang-giao Quốc-tế hạ viện mới, cũng chuẩn bị làm những điều trần tương tự với các thành viên cầm đầu Ủy-hội Baker-Hamilton. Dân biểu Ike Shelton (Dân-chủ, Missouri), chủ tịch mới Ủy-ban Quân-lực hạ viện, lại hứa hẹn những điều trần có vẻ nặng nề và căn bản hơn nữa nhằm tìm ra và sửa chữa những lỗi lầm trong cuộc chiến. Ông nói, "Phải hỏi những câu hỏi gay gắt —như 'Tại sao lại xẩy ra như vậy? Tại sao lại có quyết định thế này thế nọ?'—để tìm ra lý do rõ ràng." Chủ tịch Ủy-ban Quân lực mới ở thượng viện, nghị sĩ Carl Levin (Dân-chủ, Michigan, nơi có khá nhiều cử tri gốc A-Rập, Hồi-giáo cư ngụ), từng gay gắt với chính quyền về Iraq, sẽ chuẩn bị những điều trần trong tháng Giêng với chiều hướng rõ rệt: chính quyền phải bắt đầu rút quân "trong vòng bốn đến sáu tuần lễ."

Phe Dân-chủ đã lấy lại thế đa số trong quốc hội dựa trên những bất mãn của dân chúng đối với cuộc với chiến, nhưng họ cũng chưa đưa ra giải pháp nào khả dĩ thay thế cho những thất bại của chính quyền ở Iraq. Khi dân biểu lão thành John Murtha (Dân-chủ, Pennsylvania), gốc Thủy-quân Lục-chiến vẫn được tiếng là "diều hâu," ("halk," ủng hộ quân lực, chiến tranh) khẳng khái lên tiếng đòi rút quân ra khỏi

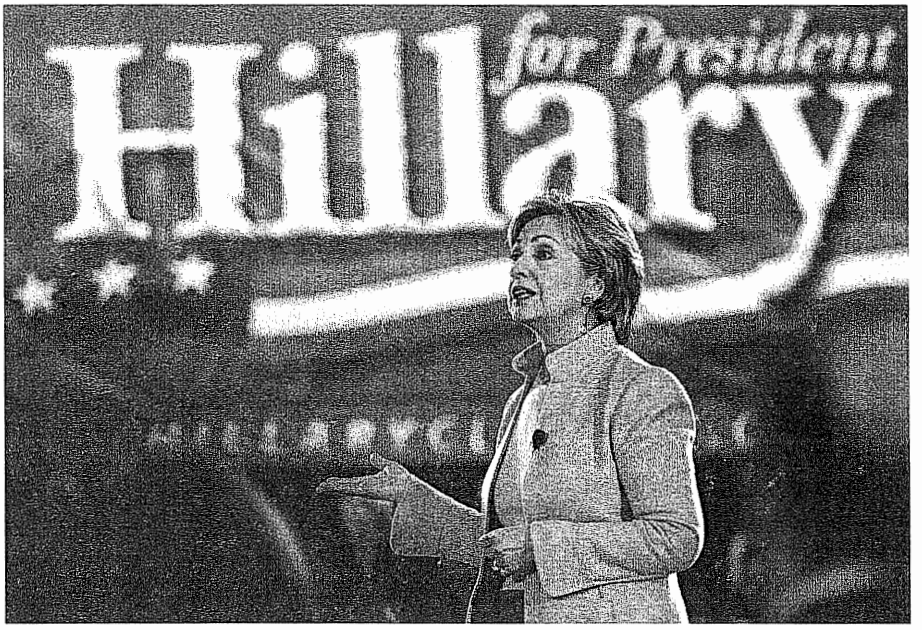

Nữ Thượng Nghị Sĩ Hillary Clinton

Iraq, nhiều giới Dân-chủ đã lo sợ phe Dân-chủ sẽ bị mang tiếng yếu đuối. Nhưng với những bất mãn vì cuộc chiến gia tăng và ảnh hưởng của ông Bush đi xuống, giới dân cử Dân-chủ mỗi lúc một mạnh dạn hơn, nhất là giới lãnh đạo cao cấp như đã đồng lòng chấp thuận rút quân tuần tự (phased withdrawal) —cũng là một đề nghị của Ủy-hội Baker-Hamilton. Nghị sĩ Harry Reid (Dân-chủ, Nevada), lãnh tụ đa số mới ở thượng viện, tuyên bố: "Giới dân cử Dân-chủ và Ủy-hội [Baker-Hamilton] lưỡng đảng đã đưa ra lộ trình cho tổng thống bắt đầu rút quân sĩ Mỹ ra khỏi cuộc nội chiến ở Iraq. Chúng ta chờ xem tổng thống có đi theo lộ trình này không."

Đây gần như một thách thức và đe dọa, nhưng nay là thách thức ông Bush không thể gạt qua một bên nữa. Với thế đa số ở hai viện quốc hội phe Dân-chủ nay có quyền đặt thời khóa biểu và chọn lựa đề tài cũng như những ai sẽ được vời ra điều trần, quyền đòi hỏi những tài liệu, hồ sơ và văn thư liên hệ, và nhất là khả năng đặt điều kiện cho ngân sách chiến tranh Iraq. Đầu tuần lễ cuối năm, phát ngôn viên tòa Nhà Trắng xác nhận tổng thống có ý thức về "quyền giám sát" của quốc hội. Trong khí thế chống chính quyền ở quốc hội và phản đối chiến tranh Iraq giữa quần chúng, nghị sĩ New York Hillary Clinton đã làm một thay đổi thái độ quan trọng cuối năm: bà tuyên bố đã không ủng hộ chiến tranh Iraq nếu có những chi tiết biết được sau này. Là ứng cử viên tổng thống "sáng giá" nhất của phe Dân-chủ bà cũng là một người từng chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt "an ninh quốc gia" (một "nhược điểm" tranh cử của phe Dân-chủ) bằng quyết định bỏ phiếu ủng hộ chính quyền đi vào Iraq trước đây và ít khi lên tiếng chỉ trích chính sách của chính quyền ở Iraq trong gần bốn năm qua. Bà cũng không ra tranh cử tổng thống, hay phó tổng thống trong một liên danh nào, khi khí thế G-WOT trước đây còn là lợi điểm chính của tổng thống Bush .

B. Đường vào tòa Nhà trắng

Như đã nói ở trên, những vận động tranh cử tổng thống đã bắt đầu sớm hơn thường lệ, ngay sau bầu cử giữa nhiệm kỳ —có nghĩa là đúng hai năm trước tổng tuyển cử. Giới quan sát chính trị nhận ra lý do chính là tranh cử vào tòa Nhà Trắng kỳ tới sẽ rất gắt gao, các ứng viên cần bắt đầu vận động sớm. Những xác nhận ra tranh cử sẽ phải xảy ra đầu năm 2007 hoặc sớm hơn, lúc dân chúng còn bận rộn với mùa lễ lạc và giới truyền thông "đói" tin về chính trị; công việc vận động tranh cử chính (xin ủng hộ và tiền bạc từ những thế lực bao trùm, và cho dân chúng biết tên tuổi, lập trường, vân vân) phải làm xong trong năm 2007, để tháng Hai 2008 hai bên sẽ chọn "chung kết" người đại diện đảng chính thức.

Điểm thấy rõ: lần đầu tiên trong hơn nửa thế kỷ vừa qua không một tổng thống hoặc phó tổng thống đương nhiệm ra tái cử hoặc tranh cử tổng thống. Hiến pháp không cho phép ông Bush ứng cử tổng thống một lần nữa, và dù có được phép, ông cũng khó mà vượt qua chuyện Iraq; đây cũng là lý do chính không ai nghĩ em ông là Jeb Bush có thể ra ứng cử, ít nhất cho tới khi chuyện Iraq lùi ra khỏi ý thức của người đi

bầu. Phó tổng thống Dick Cheney từng tuyên bố là không có tham vọng làm tổng thống, dù một số giới bảo thủ cực đoan sùng mộ ông và đòi ông phải ra tranh cử. Ông sẽ không làm chuyện này; lý do chính là sức khỏe: ông đã 66 tuổi, đã gắn máy trợ tim từ mấy năm trước và lâu lâu lại phải vào nhà thương cấp cứu. Ông cũng có nhiều nhược điểm chính trị khó vượt qua: chuyện Iraq cùng những xì-căng-đan nối ông với cuộc chiến (ông có thể phải ra tòa điều trần về cựu đổng lý văn phòng Lewis Libby của ông bị buộc tội khai gian và cản trở công lý liên quan đến Iraq, và phe Dân-chủ cũng không muốn gì hơn là đưa ông ra điều trần trước quốc hội về Iraq, những vi phạm hiến pháp nại cớ an ninh quốc gia, liên hệ kín với giới kỹ thương dầu khí, liên hệ công khai với hãng thầu độc quyền Halliburton ở Iraq). Khả năng tranh cử của ông cũng quá thấp; ông chỉ có thể nói chuyện trước thính giả lựa chọn như giới chính trị Cộng-hòa và giới tôn giáo cực kỳ bảo thủ mà thôi.

Như thế có nghĩa là cơ hội ứng cử cũng mở rộng ra cho những người có tham vọng bước vào tòa Nhà Trắng hai năm tới. Hiện nay mỗi đảng chính có tới cả chục người hăm he ra tranh cử, tuy nổi bật nhất là nghị sĩ Hillary Rodham Clinton (Dân-chủ, phu nhân tổng thống Clinton trước đây) và nghị sĩ lão thành John McCain (Cộng-hòa, Arizona), hai ứng viên xem ra có hy vọng nhất. Nhưng nhiều người còn nghi ngờ triển vọng đắc cử của hai nhân vật "sáng giá" này: bà Clinton là phụ nữ đầu tiên ra ứng cử tổng thống trong lịch sử Hoa-Kỳ, dù trên thế giới đã có hơn bốn-mươi nguyên thủ quốc gia phái nữ —phần lớn là ở các nước không có truyền thống dân chủ lâu đời như Hoa-Kỳ. Về ngoài mặt, khi trả lời đầu phiếu dư luận (nhất là trên truyền hình) dân chúng thường nói sẵn sàng chọn một phụ nữ hay người da đen làm tổng thống dựa trên khả năng và tư cách; trên thực tế đi bầu không hẳn là như vậy, và các thành kiến, kỳ thị vẫn là yếu tố quan trọng. Ông McCain được xem như trong sạch và cương trực, cùng với thành tích nằm "hỏa lò Hà-Nội" (nhà tù khét tiếng từ thời thực dân Pháp mà người Mỹ nói trẹo ra là khách sạn "Hanoi Hilton") trong thời chiến tranh Việt-Nam, nhưng ông lại không được cảm tình của những nhóm tôn giáo bảo thủ với tổ chức chặt chẽ và tiền bạc dồi dào (từng dồn tiền và phiếu ủng hộ ông Bush từ lúc ra tranh cử sơ bộ năm 2000, đánh bạt ứng viên McCain lúc đó có nhiều triển vọng hơn) và do đó không lấy được ủng hộ từ khối này.

Cả hai đảng chính cũng có những ứng viên "hấp dẫn" quần chúng —nhưng chưa từng thử lửa— có thể làm thay đổi nhanh chóng chiến trường tranh cử sơ bộ, hay tranh cử nội bộ trong đó từng đảng tuyển lựa người đại diện đảng mình ra tranh cử với đảng đối lập. Trong số này phải kể nghị sĩ Barack Obama (Dân-chủ, Illinois) và cựu đô trưởng Nữu-Ước Rudolph Giuliani (Cộng-hòa). Ông Obama là người da đen đầu tiên được xem như có triển vọng thực sự như cựu ngoại trưởng và tướng bốn sao Colin Powell trước đây. Như bà Clinton —và có lẽ còn hơn nữa, vì ông là da đen— ông sẽ phải đương đầu với các thành kiến và kỳ thị thực tế (phu nhân của ông, giống như phu nhân ông Colin Powell da đen, rất lo ngại cho tính mệnh ông khi có quyết định ra tranh cử). Hơn nữa, ông Obama, tuy là một người trẻ xuất sắc (tốt nghiệp đại học Columbia và trường luật, đại học Harvard) mới chỉ làm nghị sĩ liên bang hai năm, sau hai nhiệm kỳ nghị sĩ tiểu bang ở Illinois.

Hiện nay ông Obama rất "hấp dẫn" với cử tri; theo giới quan sát ông, cũng như bà Clinton, giống như những khuôn mặt mới hay một luồng gió mới thổi vào không khí khá tẻ nhạt hay "ô nhiễm" với những giới dân cử đàn ông da trắng đứng tuổi quá cũ nhàm hay có thành tích xấu. Nhưng nhiều người cũng lo sợ ông nổi bật quá sớm qua sự chú ý đặc biệt của giới truyền thông —nhằm thỏa mãn thị hiếu "đòi cái mới" không ngừng của một xã hội và nền kinh tế dựa trên tiêu thụ— và do đó dễ có thể bị bỏ quên hay thay thế trong khuôn khổ thời gian hai năm dài (hiện nay rõ ràng giới truyền thông Mỹ chỉ nói những gì tích cực về ông Obama; chưa ai đặt câu hỏi nghiêm chỉnh nào hết). Ông Giuliani có thể bị xem như ở lâu trên chính trường và đã "cũ;" ông lại còn rắc rối nhiều về chuyện gia đình. Ông có hình ảnh nổi bật là người lãnh đạo "có mặt tại chỗ" sau khi khủng bố tấn công thành phố Nữu-Ước, nhưng đây cũng có thể là chuyện cũ "an ninh" mà chính quyền Bush đã sử dụng quá nhàm. Thêm nữa, lập trường ôn hòa về những vấn đề xã hội (như kế hoạch gia đình, gồm việc phá thai và đồng tính luyến ái) cũng khiến ông không lấy được ủng hộ và tiền bạc của khối tôn giáo bảo thủ, giống như trường hợp ông McCain.

Ngoài ra, một số nghị sĩ và thống đốc thuộc hai đảng chính cũng sẽ nhẩy vào vòng chiến, đáng chú ý như thống đốc Bill Richardson, (Dân-chủ, New Mexico) người gốc Trung-Mỹ đầu tiên và Mitt Romney (Cộng-hòa, Massachusetts) người theo tôn giáo Mormon đầu tiên ra tranh cử với tên tuổi toàn quốc. Bên cạnh là các ứng viên cũ quen thuộc như nghị sĩ John Kerry (Dân-chủ, Massachusetts), cựu nghị sĩ John Edwards (North Carolina) cùng liên danh với ông Kerry năm 2004. Phe Cộng-hòa ít hồ hởi hơn với tranh cử tổng thống sau khi mất thế đa số trong quốc hội; họ có vẻ chú mục tài lực vào việc khả dĩ hơn: lấy lại đa số quốc hội trong kỳ tổng tuyển cử hai năm tới. Dĩ nhiên thời gian dài trước bầu cử cũng cho nhiều ứng viên cơ hội suy nghĩ lại triển vọng của mình; một thống đốc Dân-chủ và một nghị sĩ Cộng-hòa ít hy vọng đã rút ra khỏi vòng chiến trước cuối năm. Những nghị sĩ Cộng-hòa như Rick Santorum, George Allen và Sam Brownback xem ra ít có triển vọng. Ông Kerry cũng mới rút lui.

Về mặt tài trợ tranh cử —"tiền bạc là huyết mạch của chính trị Mỹ," như đa số đồng ý— các ứng viên phải chi tiêu khoảng năm-mươi triệu đô-la trên lý thuyết; ngoài thực tế có thể là gấp đôi con số này (ngân sách tranh cử tổng thống năm 2004 lên tới trên dưới hai trăm triệu mỗi bên). Trong số ứng viên hai bên, bà Clinton là người sẵn sàng nhất với "ngân sách chiến tranh" ("war chest," ngân sách tranh cử) trên mười-bốn triệu có sẵn, cộng với khả năng gây quĩ "thần sầu" của ông Clinton, người nổi tiếng với một trực giác chính trị bén nhậy, vừa trí thức vừa thực tiễn có thể xoay chuyển thời thế, và với ủng hộ rộng rãi bền bỉ của giới trung lưu học thức và dân da mầu thiểu số— nhưng cũng có nhiều giới bảo thủ "ghét cay, ghét đắng" hai vợ chồng ông, xem như không "chính thống" (không thuộc thế giá dòng giõi để làm nguyên thủ Hoa-Kỳ) và "nguy hiểm" (quá trí thức và có khuynh hướng "xã hội" kiểu các nước dân chủ Tây và Bắc-Âu, hay Gia-Nã-Đại, Úc và Tân-Tây-Lan). Nói chung, các ông McCain, Giuliani và Obama đều thua xa về tiền bạc và ủng hộ. Tất cả ứng viên sửa soạn tranh cử đều đã đi vòng toàn quốc, nhất là những tiểu bang quan trọng nhằm vận động ủng hộ cho các ứng viên dân biểu, nghị sĩ trong kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ vừa qua và để đoạt lấy các ơn huệ chính trị quan trọng trong bầu cử tới.

Như thế, vận động tranh cử năm 2007 sẽ rất ráo riết và ngoạn mục. Đồng thời "chuyện dài Iraq," như đã được người viết nhắc nhiều lần trong hơn ba năm qua, sẽ còn kéo dài hơn nữa.

Năm mới, xin đón đọc từ ngòi bút độc-lập, tin-cậy đã quen thuộc với người đọc qua Thế-Kỷ 21 và nhật-báo Người-Việt từ thập-niên 1970:

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
NHỮNG VẤN-ĐỀ HÔM NAY VÀ SẮP TỚI
TUYỂN-TẬP I*

CỔ-LŨY

* Sẽ xuất bản - như một lời hứa không nói ra với anh ĐNY.

Cải Tổ và Phát Triển Kỹ Nghệ Điện Lực Tại Việt Nam

NGUYỄN QUỐC KHẢI
Hoa Thịnh Đốn, 15.02.2007

Kỹ nghệ điện lực của Việt-Nam thay đổi rất nhiều trong 20 năm qua do nhu cầu về điện gia tăng rất nhanh, sự chuyển biến từ chế độ kinh tế chỉ huy sang chế độ thị trường và do sự hội nhập vào thị trường thế giới. Việt-Nam đã thực hiện nhiều dự án điện lực nói riêng và năng lượng nói chung, nhưng sự thử thách quá to lớn và chính sách kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm cho việc cải tổ kỹ nghệ điện lực tiến hành chậm và làm cản trở sự phát triển.

Bài nghiên cứu này sẽ phân tách hiện trạng của kỹ nghệ điện lực Việt-Nam ở phần I, việc cải tổ kỹ nghệ này ở phần II và kế hoạch phát triển ở phần III. Một số đề nghị sẽ được ghi nhận tại mỗi phần và tóm tắt trong phần kết luận ở phần cuối. Bài này dùng dữ kiện của năm 2004 vì dữ kiện của hai năm 2005 và 2006 không đầy đủ.

I. Tình trạng hiện nay của kỹ nghệ điện lực

1. Khu vực nhiên liệu

Việt-Nam có dầu hỏa và hơi đốt ở ngoài biển miền Nam, than đá ở ngoài Bắc, và thuỷ lực tại vùng núi phía Tây chạy dài từ Bắc vào Nam. Số lượng tài nguyên này không nhiều mà chỉ tạm đủ để dùng cho nhu cầu trong nước. Hiện nay Việt-Nam xuất cảng một số lượng than đá và hầu hết số lượng dầu thô khai thác vì chưa có xưởng lọc dầu. Trị giá năng lượng xuất cảng nhiều hơn trị giá năng lượng nhập cảng.

Việt-Nam sản xuất được 16 triệu tấn dầu thô vào năm 2000 và 20 triệu tấn vào năm 2004 và thu về được $5.7 tỉ Mỹ kim, tương đương với khoảng 21% tổng số trị giá hàng xuất cảng của Việt-Nam. Dầu thô là sản phẩm mang về nhiều ngoại tệ nhất. Tuy nhiên Việt-Nam nhập cảng khoảng 11 triệu tấn dầu lọc và sản phẩm dầu hỏa trị giá khoảng $3.6 tỉ Mỹ kim. Cán cân thương mại về dầu hỏa thặng dư $2.1 tỉ Mỹ kim. Mức dầu thô sản xuất sẽ tiếp tục gia tăng một cách vừa phải trong tương lai. Mức sản xuất trung bình sẽ vào khoảng 25-40 triệu tấn tính đến năm 2020.

Việt-Nam có một số lượng hơi đốt thiên nhiên lớn ở ngoài khơi. Tất cả số lượng hơi đốt này dự trù đủ dùng cho nhu cầu nội địa, đặc biệt cho kỹ nghệ năng lượng, phân bón, và một số kỹ nghệ nặng. Việt-Nam sản xuất được 6.6 tỉ thước khối hơi đốt vào năm 2005. Số lượng này sẽ tăng lên đến khoảng 15-20 tỉ thước khối vào năm 2015.

Mức sản xuất than đá gia tăng đáng kể trong những năm qua, từ 11 triệu tấn vào năm 2000 lên đến 16 triệu tấn vào năm 2004. Với 7.5 triệu tấn xuất cảng, Việt-Nam đã thu về được 355 triệu Mỹ kim nhờ giá nhiên liệu trên thị trường quốc tế tăng cao.

Tính đến cuối năm 2004, Việt-Nam mới khai thác được 1/4 tiềm năng thủy điện có lợi ích kinh tế. Phần lớn những nhà máy thủy điện ở vào cỡ trung bình hoặc nhỏ với sản lượng dưới 1,000 megawatts (MW), ngoại trừ những nhà máy Hòa Bình, Sơn La và Lai Châu trên con sông Đà ở miền Bắc.

2. Khu vực điện lực

2.1 Sản xuất điện lực.

Với nguồn nước ở cả ba vùng, thủy điện trở thành nguồn nhiên liệu chính của Việt-Nam từ cuối thập niên 1980 cho đến mới đây. Sau đó Việt-Nam sản xuất thêm nhiệt điện từ than đá ở miền Bắc, hơi đốt thiên nhiên, và một số lượng dầu hỏa ở miền Nam kể từ cuối thập niên 1990. Khả năng sản xuất tổng cộng là 11,200 MW vào năm 2004. Trung bình trong ba năm 2002-2004, 44.7% điện sản xuất bằng hơi đốt thiên nhiên và dầu hỏa, 42% bằng thủy lực, và 13.3% bằng than đá. Nhiệt điện sản xuất bằng dầu và hơi đốt lần đầu tiên vượt quá số lượng thủy điện khi nhà máy Phù Mỹ bắt đầu hoạt động vào năm 2003. Nhiệt điện nói chung chiếm trung bình 58% trong 2002-2004, sẽ tiếp tục gia tăng tỉ lệ so với thủy điện.

Điện ở ba miền được nối bởi một đường giây

truyền điện với điện áp 500 KV. Một đường giây 500 KV đang được hoàn tất. Ngoài ra Công Ty Điện Lực Việt-Nam (Electricity of Vietnam — EVN) dự trù xây đường giây truyền điện với điện áp cao chung quanh thành phố Hà Nội và Saigon. Đồng thời các đường giây nối với Trung Quốc, Campuchia, và Lào sẽ được phát triển nhanh chóng trong tương lai.

Kỹ nghệ năng lượng của Việt-Nam tương đối thành công trong việc thỏa mãn nhu cầu nội địa trong thập niên vừa qua. Tuy nhiên Việt-Nam từng trải qua những trường hợp mất điện trong thời gian ngắn và thiếu điện như vào mùa hè 2005. Sự thiếu điện tiếp tục xẩy ra trong năm 2006 và sẽ xẩy ra trong năm 2007. Mức điện thiếu hụt ước tính vào khoảng 800 — 1,300 MW vào lúc mức tiêu thụ lên cao nhất. Có hai lý do làm thiếu điện. Thứ nhất là mức sản xuất thủy điện giảm vào mùa khô. Nếu hạn hán xẩy ra lâu nhà máy sẽ thiếu nước để sản xuất điện. Thứ hai, là khả năng tăng cường sản xuất điện của Việt-Nam trong hoàn cảnh nguy ngập rất thấp.

2.2. Nhu cầu tiêu thụ điện lực

Vào năm 1995, mức tiêu thụ điện của Việt-Nam trung bình vào khoảng 156 KWh cho mỗi người hàng năm. Trong thời gian 1996-2004, mức tiêu thụ tăng gấp ba lần, lên đến 484 KWh. Tuy nhiên so với mức tiêu thụ 1,265 KWh tại những nước có lợi tức thấp và trung bình trên thế giới, mức tiêu thụ điện của Việt-Nam rất thấp. Nhu cầu tiêu thụ điện của khu vực công nghệ và dân cư chiếm 85%-90%. Khuynh hướng này sẽ tiếp tục trong tương lai. Trong khi đó tỉ lệ tiêu thụ điện của khu vực nông nghiệp giảm một cách đáng kể.

Các ngành công nghệ tiêu thụ điện rất nhiều, kể cả những ngành công nghệ nhẹ như biến chế nông phẩm, may dệt, hoá phẩm, sản phẩm lân bền cho người tiêu thụ, kỹ nghệ dự trữ lạnh. Việt-Nam ngày càng kỹ nghệ hoá khiến cho nhu cầu tiêu thụ điện càng tăng. Dân cư cũng dùng nhiều điện hơn vì nhiều yếu tố. Trước hết là chương trình điện hóa nông thôn đã mang điện đến cho thêm 30 triệu người dân, tương đương với 37% của dân số trong khoảng thời gian 1995-2004. Tỉ lệ gia đình ở nông thôn có điện tăng từ 50.7% vào năm 1996 lên đến 88% vào năm 2004 và dự trù 100% vào 2010. Yếu tố thứ hai là kinh tế phá triển, lợi tức gia tăng khiến một số gia đình có khả năng mua sắm máy móc gia dụng chạy điện.

2.3.- Phẩm chất của dịch vụ cung cấp điện

Nói chung dịch vụ cung cấp điện lực căn bản tại Việt-Nam đã được cải thiện trong 10 năm qua, nhưng còn nhiều thiếu sót. Cuộc điều nghiên gần đây của Ngân Hàng Thế Giới về môi trường đầu tư cho thấy rằng 19% các công ty công nghệ nói rằng giá điện là một trở ngại nghiêm trọng cho hoạt động thương mại của những công ty này. Gần một nửa số công ty được điều nghiên cho rằng việc cung cấp điện không đáng tin cậy đã là một trở ngại ngại lớn. Mỗi năm xẩy ra khoảng 12 lần mất điện hoặc cường độ đột nhiên tăng mạnh. Đối với những công ty nhỏ và trung bình, mỗi lần mất điện làm giảm 2-3% trị giá thương vụ.

2.4.- Giá điện

Hệ thống giá điện ở Việt-Nam rất phức tạp. Giá thay đổi tùy theo mức điện áp, số lượng điện tiêu thụ, giới tiêu thụ, và thời điểm tiêu thụ trong ngày. Giới tiêu thụ chia ra làm năm loại: công nghệ, thương mại, nông nghiệp, cư dân thành thị và cư dân nông thôn. Mức điện áp và thời điểm tiêu thụ trong ngày chỉ áp dụng cho ba ngành công nghệ, thương mại và nông nghiệp. Giá biểu vào lúc tiêu thụ nhiều có thể gấp ba lần so với thời gian tiêu thụ thấp. Số lượng điện tiêu thụ chỉ áp dụng cho cư dân thành thị. Giá điện tại nông thôn được bao cấp bởi giá điện ở những nơi khác. Giá điện cho cư dân thành thị cũng được bao cấp một phần bởi giá điện áp dụng cho công nghệ, thương mại, và những cơ sở ngoại quốc.

Giá điện lẻ ở Việt-Nam là 800 đồng / KWh (US5.1 cents / KWh) vào năm 2004. Nếu kể cả thuế giá trị thặng dư (value-added tax - VAT) 10%, giá điện lẻ trung bình sẽ là US5.6 cents / KWh, khá thấp so với với phần đông các nước khác. Ngay cả giá điện trung bình áp dụng cho công nghệ là US5.4 - 6.2 cents, kể cả VAT cũng không cao so với tiêu chuẩn quốc tế. Thí dụ, giá điện ở Trung Quốc là US 7-10 cents / KWh tại các vùng duyên hải, và US12 cents / KWh tại những khu chế xuất.

II. Cải tổ kỹ nghệ điện lực

Kỹ nghệ năng lượng cho đến vài năm gần đây hầu như hoàn toàn do các công ty quốc doanh bao thầu. Kể từ 1995, kỹ nghệ năng lượng do ba tổng công ty lớn nhất của Việt-Nam quản trị. Đó là Tập Đoàn Điện Lực Việt-Nam (Electricity of Vietnam — EVN), Tập Đoàn Dầu Khí Việt-Nam (PetroVietnam), và Tập Đoàn Công Nghiệp Than — Khoáng Sản Việt-Nam (Vinacomin) theo mô hình chaebol của Nam Hàn. Điện Lực Việt-Nam được thành lập bằng cách sát nhập ba công ty sản xuất năng lượng ở ba vùng. Các tổng công ty hoạt động không khác gì những cơ quan của các bộ

liên hệ và được nhà nước cho độc quyền về 12 ngành bao gồm năng lượng, dầu khí, than, xi măng, giấy, ngân hàng, hàng không, thép, may dệt, máy móc, bưu điện và viễn thông, và hàng hải.

Bộ Công Nghiệp soạn thảo chính sách và quản lý khu vực năng lượng bao gồm việc kiểm tra tất cả những doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lãnh vực này, soạn thảo kế hoạch đầu tư và ấn định mức giá cả nhiên liệu để đệ trình thủ tướng chính phủ. Tập Đoàn Điện Lực Việt-Nam (ĐLVN) được tổ chức theo hàng dọc về cả ba phương diện phát triển, quản trị và điều hành. ĐLVN gồm bẩy công ty điện lực vùng đảm trách truyền và phân phối điện, bốn công ty truyền điện, và bốn công ty kỹ sư tư vấn về điện, và một số công ty sản xuất dụng cụ.

Kể từ khi Luật Điện Lực được ban hành vào năm 2004, Việt-Nam bắt đầu cải tổ khu vực điện lực. Tuy độc lập mấy năm gần đây với nhà nước về phương diện tài chánh, ĐLVN vẫn phụ thuộc vào nhà nước về mọi kế hoạch sản xuất, phát triển, đầu tư và giá cả. Luật Điện Lực ban hành vào cuối năm 2004 đánh dấu một thay đổi lớn trong ngành điện lực của Việt-Nam. Luật này tạo một căn bản pháp lý để thiết lập một thị trường điện lực theo định hướng thương mại tại Việt-Nam trong ba giai đoạn kéo dài trong 20 năm. Mục tiêu của giai đoạn I là tạo một thị trường sản xuất điện lực cạnh tranh. Giai đoạn II chủ yếu thiết lập thị trường bán sỉ với sự thành hình của một số công ty sản xuất lớn để đáp ứng nhu cầu của một số công ty tiêu thụ lớn. Giai đoạn III thực hiện thị trường bán lẻ.

Luật Điện Lực 2004 cho phép thành lập vào cuối năm 2005 Cơ Quan Điều Hợp Điện Lực Việt-Nam (Electricity Regulatory Agency of Vietnam — ERAV). Cơ quan này trên nguyên tắc là một cơ quan tự trị, có nhiệm vụ thi hành một số chức năng của Bộ Công Nghiệp. Nhưng trên thực tế, ERAV vẫn đặt dưới quyền chỉ huy của Bộ Trưởng Công Nghiệp.

Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện ngày càng gia tăng, Việt-Nam cần thêm nhiều vốn để tăng công suất, Việt-Nam cho phép thành lập một số những nhà máy sản xuất điện lực đứng ngoài hệ thống ĐLVN, hoàn toàn do tư nhân nội địa hoặc ngoại quốc làm chủ hay với sự đóng góp cổ phần của ĐLVN. Tại hầu hết các vùng ở nông thôn, cộng đồng địa phương làm chủ và điều hành những nhà máy sản xuất điện lực nhỏ với áp điện thấp. Ngoài ra, ĐLVN giải tư và cổ phần hoá một phần bằng cách tách một số bộ phận và nhà máy hiện hữu thành những công ty sản xuất điện lực độc lập (independent power producers — IPP). Tuy nhiên ĐLVN vẫn được phép duy trì ít nhất 51% cổ phần tại những công ty "độc lập" này theo chính sách của nhà nước hiện nay.

Kinh nghiệm của Trung Quốc vào những thập niên 1980 và 1990 cho thấy IPP là một phương pháp để phát triển điện lực nhanh chóng và tương đối hiệu quả. Tuy nhiên tại Trung Quốc có nhiều cơ sở muốn đầu tư vào khu vực điện lực. Trong khi Việt-Nam chỉ có một ít công ty quốc doanh lớn có khả năng này như những công ty sản xuất nhiên liệu như PetroVietnam và Vinacomin hoặc làm dịch vụ xây cất. Trong trường hợp này khó có thể tạo được cạnh tranh thực sự và hậu quả là giới tiêu thụ phải trả giá điện cao một khi chế độ bao cấp chấm dứt.

Do đó biện pháp cải tổ kỹ nghệ điện lực là phải hủy bỏ hệ thống hàng dọc hiện nay của ngành này và thay thế bằng một thị trường điện lực cạnh tranh thực sự. Do áp lực của nhà nước và việc Việt-Nam gia nhập WTO, ĐLVN đã phải cổ phần hóa và đồng thời sát nhập hai nhà máy thuỷ điện nhỏ Song Hinh và Vĩnh Sơn thành một công ty vào năm 2005. Ngoài ra công ty phân phối điện Khánh Hòa và Nhà máy Phả Lại của ĐLVN cũng được bán cho tư nhân kể cả những nhà đầu tư ngoại quốc vào năm 2005.

ĐLVN còn có kế hoạch cổ phần hóa tất cả những nhà máy điện lực hiện hữu ngoại trừ những nhà máy thuỷ điện lớn trong vòng hai năm tới. Bộ Công Nghiệp Mới đây tuyên bố Việt-Nam sẽ tư nhân hóa tất cả những công ty phân phối điện trong 2006-2007, kể cả những công ty nhỏ tại 64 tỉnh mà phần lớn thuộc quyền sở hữu của ĐLVN. Những nhà máy sản xuất nhiệt điện cũng sẽ chuyển giao cho các nhà đầu tư tư nhân. Tuy nhiên nhà nước sẽ tiếp tục độc quyền về hệ thống truyền điện (power transmission) và điều hành luật lệ liên quan hệ thống phân phối điện trên toàn quốc.

Tiến trình cổ phần hóa kỹ nghệ điện lực hiện nay là một kế hoạch cải tổ hữu ích, là một bước tiến trong việc thương mại hóa và hữu hiệu hóa những công ty quốc doanh.

III. Kế hoạch phát triển kỹ nghệ điện lực

1. Giải pháp cho việc thiếu hụt điện lực

Một trong những giải pháp để giải quyết tạm thời nhanh chóng việc thiếu hụt điện là dùng những máy sản xuất điện nhỏ chạy bằng dầu hỏa hoặc hơi đốt. Những máy này có thể thiết kế nhanh chóng. Việt-Nam dự trù xây thêm tại miền Bắc

bốn đơn vị chạy bằng dầu hỏa, mỗi đơn vị có thể sản xuất 37 MW và một số máy lớn hơn chạy bằng dầu hỏa hoặc hơi đốt ở miền Nam. Giải pháp thứ hai là mua điện của Trung Quốc. Điều này hầu như chắc chắn sẽ gia tăng trong những năm sắp đến. Trong năm 2005, Việt-Nam đã thương thuyết với Trung Quốc để có thể tăng số lượng điện mua của Trung Quốc lên đến 400 MW trong những năm sắp đến.

Về mặt tiêu thụ, những chuyên viên điện lực cho rằng Việt-Nam có triển vọng giảm bớt mức tiêu thụ điện được khoảng 600-800 MW trong vài năm tới chỉ bằng cách giảm thiểu sự lãng phí, tăng cường hiệu năng sử dụng nhiên liệu. So sánh cường độ tiêu thụ điện (mức tiêu thụ điện / GDP) của Việt-Nam với một số nước Á châu, người ta thấy con số của Việt-Nam khá cao (0.89), chỉ thua Trung Quốc (1.29). Điều đó phản ảnh sự phung phí điện lực và chính sách bao cấp nặng nề sự tiêu thụ điện lực tại hai quốc gia này. Trong khi đó cường độ tiêu thụ điện của Nhật Bản ở mức thấp nhất (0.20). Hiệu năng thấp của nền kinh tế Việt-Nam còn thể hiện qua chỉ số đầu tư / GDP ở mức cao là 25-30% trong năm 2006.

2. Bành trướng kỹ nghệ điện lực

Trong dài hạn, Việt-Nam cần phải bành trướng kỹ nghệ điện lực để thoả mãn nhu cầu tiêu thụ điện gia tăng do kết quả của sự tiếp tục phát triển kinh tế. Việt-Nam cần xây dựng thêm nhà máy điện, đường giây truyền điện cao thế, và hệ thống dẫn điện đến người tiêu thụ.

Theo ước tính của Việt-Nam, nhu cầu về điện lực của Việt-Nam sẽ gia tăng 16% mỗi năm trong giai đoạn 2006-2010, 11% trong những năm 2011-2015 và 9.1% trong 2016-2020. Đây là một thử thách rất lớn. Khả năng sản xuất điện của Việt-Nam sẽ phải tăng gấp đôi trong 2005-2010 và tăng gấp 2.5 lần nữa trong thời gian 2011-2020.

Trọng tâm của kế hoạch bành trướng kỹ nghệ điện lực là xây dựng thêm một hỗn hợp ba loại nhà máy theo công thức 20% chạy bằng than đá, 40% chạy bằng dầu hỏa hay hơi đốt, và 40% chạy bằng sức nước. Về phương diện truyền điện, Việt-Nam sẽ thiết kế thêm một đường giây cao thế Bắc Nam 500 KV thứ hai và hai đường giây cao thế 500 KV chạy quanh Hà-Nội và Saigon. Về phương diện phân phối điện, Việt-Nam cần tối tân hóa những trạm biến điện để giảm những thất thoát điện lực qua những đường giây, máy biến thế, và những bộ phận cũ kỹ. Tỉ lệ điện bị thất thoát trong khu vực công nghiệp vào năm 2003 ở vào khoảng 14.2% bao gồm 2.3% phát xuất từ trong tiến trình sản xuất điện, 11.9% còn lại phát xuất từ việc truyền và phân phối. Tỉ lệ thất thoát điện giảm xuống còn 13% trong năm 2005. ĐLVN dự trù giảm tỉ lệ này xuống còn 10% trong năm 2010 và 8% trong năm 2020.

Việc xây dựng thêm nhà máy thủy điện là giải pháp ít tốn kém nhất. Giải pháp tương đối nhanh chóng là phát triển những tài nguyên thủy điện sẵn có. Việt-Nam sản xuất được 4,227 MW thủy điện vào năm 2004. Hai nhà máy mới ở Sơn La (2,400 MW) và Lai Châu (1,100 MW). Ngoài ra Việt-Nam còn dự trù xây cất 30 nhà máy thuỷ điện cỡ trung bình ở rải rác từ Bắc vào Nam với công suất tổng cộng khoảng 6,000 MW. Nhà máy Sơn La đã khởi công và dự trù sản xuất điện vào khoảng 2012-2015. Việc xây dựng nhà máy Sơn La đòi hỏi phải di 70,000 dân ra khỏi khu vực. Đây là một thử thách lớn. Ngoài ra, Việt-Nam cũng đang đầu tư để thiết lập nhà máy thủy điện ở Lào với sự thỏa thuận là Việt-Nam sẽ mua lại số điện lực do nhà máy sản xuất.

Để gia tăng công suất từ 11,200 MW lên đến 81,000 MW, ĐLVN dự trù xây thêm 74 nhà máy phát điện từ nay cho đến năm 2020 bao gồm 48 nhà máy thủy điện, 17 nhà máy nhiệt điện chạy bằng than đá, năm nhà máy chạy bằng dầu khí, và hai nhà máy chạy bằng năng lượng hạt nhân với kinh phí là 109 tỉ Mỹ kim. Trong khi đó ĐLVN chỉ đủ khả năng cung cấp một nửa số vốn cần thiết.

Việc lựa chọn loại máy sản xuất nhiệt điện phải dựa trên giá cả nguyên liệu là than đá và dầu hỏa. Với giá than đá nội địa hiện nay, sản xuất điện bằng than nội địa sẽ giảm được phí tổn. Tuy nhiên nếu dùng than đá nhập cảng, chi phí sản xuất điện sẽ cao hơn một cách đáng kể. Hiện nay Việt-Nam dựa vào thủy điện, nhất là tại miền Bắc. Nhưng thủy điện không đáng tin cậy vì cần nước trong khi đó Việt-Nam thỉnh thoảng vẫn bị hạn hán kéo dài làm nhà máy thiếu nước. Ngoài ra nhà máy thủy điện còn chịu rủi ro về động đất, khủng bố và các tai nạn khác.

Nhà máy điện lực nguyên tử đầu tiên với công suất là 2,000 MW trị giá khoảng 3 - 4 tỉ Mỹ kim. Từ năm 2002, Việt-Nam đã nhận được

đề án xây cất nhà máy nguyên tử này từ các nước Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Hàn và Đức Quốc. Nhà máy này lúc đầu dự trù hoàn tất vào năm 2015 và khởi sự sản xuất điện vào năm 2020. Dự án này cho tới nay còn trong giai đoạn sơ khởi nhưng những chuyên viên Việt-Nam đã có một suy nghĩ nghiêm chỉnh về dự án này.

Với giá dầu tăng lên cao, số lượng than và dầu hỏa của Việt-Nam giới hạn và trở thành khan hiếm vào 25 năm tới, nên việc tìm một nhiên liệu thay thế như nguyên tử, gió và ánh sáng mặt trời để sản xuất điện lực là cần thiết. Theo dự án, điện lực nguyên tử sẽ chiếm khoảng 11% vào năm 2020 và 25-30% vào 2040-2050. Sáu địa điểm có thể được lựa chọn là Quảng Bình, Phú Yên, và hai địa điểm tại mỗi tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận.

An toàn và thiếu chuyên viên nguyên tử năng là hai vấn đề Việt-Nam hiện phải đối phó. GS Phạm Duy Hiển, một trong những chuyên viên hàng đầu của Việt-Nam về năng lượng nguyên tử với trên 25 năm kinh nghiệm, nhận xét rằng ngoại trừ Việt-Nam có thể thoả mãn được tất cả những tiêu chuẩn về khoa học và kỹ thuật, kế hoạch xây cất nhà máy nguyên tử lực không có thể thực hiện được. Ngay cả pháp lý căn bản để đối phó với tai nạn nguyên tử Việt-Nam cũng chưa có.

IV. Kết luận

Việt-Nam đã bắt đầu cố gắng cải tổ khu vực điện lực từ giữa thập niên 1990, nhưng kết quả rất khiêm tốn vì Việt-Nam chủ trương cải tổ từng bước một, chú trọng về mặt thay đổi cấu trúc và củng cố quyền hạn của các tổng công ty. Quyết định hội nhập vào thị trường quốc tế qua việc gia nhập vào Tổ Chức Thương Mại Thế Giới đã tạo cơ hội cho Việt-Nam nhìn thấy rõ hơn nhu cầu cấp thiết phải gia tăng hiệu năng để sống còn. Để đáp ứng nhu cầu điện lực gia tăng gấp hai lần mức tăng trưởng kinh tế hiện nay và nạn khan hiếm vốn, Việt-Nam không còn lựa chọn nào khác là phải thực sự đẩy mạnh việc cải tổ khu vực điện lực sâu rộng hơn kể từ đầu thập niên 2000 bằng cách chia cắt các tổng công ty thành những doanh nghiệp nhỏ, cổ phần hóa một số công ty này và cho phép khu vực tư nhân nội địa và ngoại quốc đầu tư vào khu vực điện lực.

Giá cả và vốn dưới chế độ kinh tế chỉ huy không có giá trị nào cả, nhưng ngày nay trong nền kinh tế thị trường hai yếu này đóng một vai trò quan trọng. Do đó Việt-Nam cần phải huy động vốn để phát triển kỹ nghệ điện và năng lượng nói chung. Nhà nước không đủ khả năng để cung cấp cho kỹ nghệ điện và năng lượng khoảng 3 — 5 tỉ Mỹ kim mỗi năm trong thời gian 2006-2010, chưa kể nhu cầu vốn cho những khu vực hạ tầng cơ sở khác. Do đó sự đóng góp của tư nhân vào khu vực năng lượng là một điều rất cần thiết và đáng khuyến khích.

Hạ tầng cơ sở nói chung và năng lượng nói riêng là hàng rào cản tiến bộ kinh tế của Việt-Nam trong nhiều năm qua và trong thập niên sắp tới, nếu Việt-Nam không thực hiện nhanh chóng những cải tổ cần thiết. Trong giai đoạn chuyển tiếp hiện nay, giá điện lực có thể gia tăng. Nhưng trong dài hạn, nếu Việt-Nam quyết tâm thực hiện thị trường điện lực cạnh tranh đúng nghĩa, giá cả sẽ ổn định theo luật cung cầu. Đối với Việt-Nam, hoạch định và thực hiện chính sách là hai vấn đề có thể khác nhau. Mức độ thành công của khu vực điện lực phần lớn dựa vào rủi ro này.

Chú thích:

(1) Watt (W) là đơn vị đo năng lượng. KW (Kilowatt) =1,000 W. Megawatt (MW) = 1,000,000 W. Gigawatt (GW) = 1,000,000,000 W. Terawatt (TW) = 1,000,000,000,000 W.

(2) Watt-hour (Wh) = số Watt tiêu thụ trong 1 giờ. Kilowatt-hour (KWh) = 1,000 Wh.

(3) Volt (V) là đơn vị đo áp suất của điện. Áp suất của điện ấn định tốc độ của hạt nhân điện (electron) chạy trong mạch điện. Khái niệm giống như áp lực của nước làm cho nước chạy nhanh trong các ống dẫn nước.

Tài liệu tham khảo:

(1) Nguyễn Quốc Khải, "Tổng Kết Tình Hình Kinh Tế Việt-Nam Trong Năm 2006," Thế Kỷ 21, số 213-214, Tháng 1, 2007.

(2) World Bank, "Infrastructure Strategy: Cross-Sectoral Issues", Washington, DC: 2006.

(3) Reuters, "Vietnam Plans 74 New Power Plants to Meet Demand," March 15, 2006.

(4) Tran Dinh Thanh Lam, "Government Favors Nuclear Power Over Water Power," Inter-Press Service, March 13, 2006

(5) Reuters, "Vietnam to Privatise Power Distributors by 2007," December 5, 2005.

(6) Tran Dinh Lam, "Vietnam's Doubts on Nuclear Plans Grow After Japan Mishap," Inter-Press Service, August 17, 2004.

(7) Le son, "Power Transmission and Distribution in Vietnam," U.S. Department of Commerce: May 9, 2003.

(8) Harvard University, "Review of Power Sector Reform Issues in Vietnam," Harvard Institute for International Development, Development Discussion Paper No. 620, January 1998.

TUYÊN DƯƠNG MỘT NHÀ TRÍ THỨC VIỆT NAM

TRẦN NGỌC NINH

Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham

LTS. *Vào ngày 14 tháng 01 năm 2007, Viện Việt Học đã cùng các đồng nghiệp, môn sinh, thân hữu của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham tổ chức lễ Thượng Thọ Bách Niên của Giáo sư tại San Jose, Bắc California. Bài "Tuyên Dương Một Nhà Trí Thức Việt Nam" đã được Giáo sư Trần Ngọc Ninh đọc trong dịp này.*

Giáo sư Nguyễn Khắc Kham đã tốt nghiệp cử nhân Văn Khoa Đại học Sorbonne, Paris và cử nhân Luật khoa tại Đại học Luật Khoa Paris cùng năm 1934. Cụ đã dạy đại học Văn Khoa Hà Nội trước năm 1954; sau năm 1954 các Đại học Văn Khoa, Đại Học Sư Phạm và Đại Học Vạn Hạnh ở Sài Gòn và Huế. Tại nước ngoài, Giáo sư đã dạy tại Đại Học Ngoại Ngữ Tokyo, Nhật Bản.

Giáo sư Nguyễn Khắc Kham là hình ảnh mẫu mực của một nhà mô phạm theo truyền thống dân tộc.

*

Nhân dịp Lễ Thượng Thượng Thọ (100 năm) của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham, trong tư cách Viện trưởng đương nhiệm Viện Việt Học và với trách nhiệm tinh thần của một người trong quá khứ đã giữ trọng trách về nền Văn Hóa và Giáo Dục của nước Việt Nam Cộng Hòa, tôi trân trọng tuyên dương công đức và sự nghiệp của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham, tự Lãng Hồ, sinh năm Mậu Thân 1908 tại Hà Nội, Việt Nam.

Trong chốc lát, một nhân viên của Viện Việt Học sẽ đọc một bản tóm lược các học vị, chức tước trong- ngoài nước và một số công trình nghiên cứu trước tác của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham. Thực là lớn lao và căn bản, những đóng góp trong một cuộc đời không lúc nào không vui với sự làm sáng những điểm còn mù mờ, tối tăm hay khuyết nghi và thiếu bằng chứng trong lịch sử, ngôn ngữ, văn tự và văn học sử của nước nhà cũng như vài nước lân cận và nước Pháp, nước Mỹ.

Trong một trăm năm vừa qua, nền văn hóa và văn minh Việt Nam đã trải qua những cơn giông tố phũ phàng nhất của lịch sử và đã có những lúc tưởng như bị cuốn đi để chìm vào một dĩ vãng không đáy, tương đương với sự tử vong như văn hóa Lạc-Âu và văn minh Inca, Aztec. Sau khi vua Hàm Nghi hai lần xuống chiếu Cần Vương (1885), những cuộc võ trang lớn chống Pháp của Nguyễn Thiện Thuật, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám lần lượt bị tiêu diệt, Đế quốc Pháp đã hoàn toàn khống chế triều đình bản xứ và khởi sự công cuộc gọi là "khai hóa," chủ yếu là xóa bỏ qui mô nền văn hóa cổ truyền Việt Nam. Thi Hương bị bãi bỏ (1915 và 1917), rồi thi Hội (1919), đồng thời vua Khải Định bị ép phải ra lệnh chấm dứt sự dạy chữ Hán để trong các trường kiểu mới còn lơ thơ xơ xác, chữ a b c lên ngôi độc tôn. Bút

sắt thay bút lông, các vị túc nho thời ấy phải về làm những ông đồ làng chờ ngày Tết để đi bán chữ. Trẻ nhỏ, của những gia đình tương đối đủ ăn, nếu ở gần trường tỉnh, ngày ngày xách cái lọ mực tìm đến nghe tiếng trống trường, sắp hàng vào ngồi sát nhau trên những ghế dài để ê a học đánh vần. Kinh sách của thánh hiền ngày hôm qua, nay chỉ có những con mọt bò vào để gặm nhấm.

Nền tân học chính thức bắt đầu từ lúc ấy. Một nền học nhỏ giọt, hư nhiều hơn thực, ngăn chặn và đào thải từng bước từ sơ học, tiểu học lên, và cắt tay chặt đầu. Sự đàn áp và kìm giữ bởi cả hai chính quyền, thực dân và bản xứ, nhằm vào sự phá hủy mọi nhúc nhích muốn ra thoát con đường hẹp có hàng rào dẫn đến sự thần phục mẫu quốc.

Thiếu lãnh đạo, phản ứng của quốc dân hoang mang, rời rạc. Tất nhiên cũng có những người đầu hàng nhưng tối đại đa số nép mình, nhịn nhục trong căm hờn và uất ức, với một vài nhóm người bất khuất, rút vào bóng tối để tính chuyện vá trời. Thâm sâu hơn những sự kiện nói ấy mà ai cũng thấy, là sự khởi phát hay thái độ phản kháng xây dựng trường kỳ mà triết học đã làm sáng tỏ.

Hegel viết, trong Hiện tượng học Tinh thần (Phénoménologie de l'Esprit), rằng khi một nhóm người bị dìm vào đời sống nô lệ, đầy ải, nhục nhằn, sống cũng như chết, thì âm thầm họ tìm cách để chống lại và thoát ra ngoài vòng. Sự sáng tạo là lẽ sống của người nô lệ và sẽ có một ngày họ làm ra lịch sử. Triết gia Kojeve đã giảng Hegel như thế trong những năm trước Thế chiến thứ Hai.

Sau Thế chiến thứ Nhất, Oswald Spengler, trong cuốn *Sự suy tàn của Tây phương* (Le Déclin de l'Occident) nêu lên giả thuyết của một quá trình giả-biến-hình lịch-sử (pseudo morphoise historique) trong đó một khu vực văn hóa lớn bị chinh phục và bị ép phải đồng hóa với kẻ chiến thắng, nhưng chỉ "hóa" ở bề mặt và chờ thời cơ để vùng dậy, biến thể thành một văn minh khác là tổng hợp của hai nền văn minh trong một ý thức mới. Mặc dầu thuyết Spengler bị C. Dawson và A.I. Toynbee nghi ngờ trong sự thoát thai của văn minh Ma giáo (Mage, Magian, tức Tiền-Arap) từ văn minh Hellen (Hellenisme) sau sự chinh phục của Alexander Đại-Đế, nhưng tôi nhận tư tưởng thâm sâu này của Spengler trong đại cương để giảng giải sự phát khởi của văn minh Việt Nam từ những di sản của Lạc Âu sau mười thế kỷ sống chui dưới cái bóng khổng lồ của Hán-Ngô-Đường-Tống.

Trong gần một thế kỷ Pháp thuộc từ 1863 đến 1954, giới trẻ Việt Nam không ai bảo ai, đã lăn mình vào trong hai công việc ấy: Học để giả biến hình, và suy tư sáng tạo mà mưu đồ sự phục hưng và tái sinh cho dân tộc. Những người đầu tiên, Cụ Nguyễn Khắc Kham thuộc thế hệ ấy, cùng với những người như các Cụ Trần Trọng Kim, Hoàng Xuân Hãn, theo Tây học sau khi đã được khai tâm vào nền Cổ học, đã lợi dụng tất cả những kẽ hở nhỏ hẹp mà chế độ bảo hộ còn để lại như những lỗ van an-ninh, để phá cái kế hoạch làm rỗng cái tâm của dân tộc Việt Nam. Song song với phong trào Đông Du và Duy Tân, mối tiếp tinh thần Đông Kinh Nghĩa Thục, các Cụ xâm nhập nền học chính bảo hộ, mở trường tư, dạy học, làm báo, lập hội. Hội Khai Trí Tiến Đức ở bờ Hồ Hoàn Kiếm, không phải chỉ như Viện Hàn Lâm Pháp quốc soạn thảo một bộ Việt Nam Tự Điển cho văn học Việt Nam, còn nhằm vào việc phát huy quốc hồn quốc túy, một việc thiên nan vạn nan trong những năm đầu của thập niên 30, khi mười ba cái đầu của những nhà đại ái quốc của Việt nam Quốc Dân Đảng mới bị rụng xuống bởi chính cái máy chém đã đưa Cách Mệnh Pháp lên đến độ cao nhất. Một con én chỉ là một dấu hiệu rằng mùa xuân lại đã bắt đầu, tiếng con chim quyên chỉ là để báo rằng trời đất đã vào hè; bọn trẻ chúng tôi thời ấy (tôi mới lên bảy khi được trông thấy ảnh của mười ba cái đầu dán ở các cột đèn), mỗi người chúng tôi đi tìm học cho hết những gì một người có thể học được ở thế giới bên ngoài với cái nguyện vọng và cái ý chí là cứu nước cứu dân vì biết rằng không cần phải chiêu hồn nước, hồn nước vẫn còn, ở trong tâm của mỗi người Việt Nam, và trước hết trong những người đã từ bỏ cái lốt của giới SĨ của Thời xưa, để thành những nhà TRÍ THỨC của đời nay. Cụ Nguyễn Khắc Kham là một trong nhưng người ấy.

Hôm nay, nhân danh Viện Việt Học, tôi tuyên dương công đức và sự nghiệp của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham và vinh danh những người cùng thời với Cụ, đã hết lòng hết sức giữ được cái truyền thống của hơn bốn nghìn năm lịch sử Việt Nam. Sự tiến bộ không có truyền thống chỉ là sự theo đuôi ngoại bang. Truyền thống là nền móng của văn hóa. Truyền thống là sự bất tử của quốc gia. Truyền thống là đất, là nước để cho sự sáng tạo nẩy mầm và nở hoa.

CON HEO ĐINH HỢI

ĐẶNG TIẾN

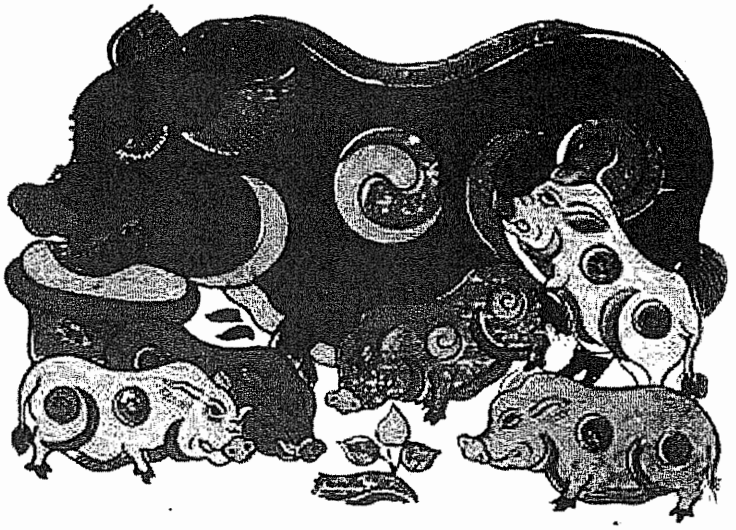

Lợn, heo, là gia súc thân cận và thân thiết với người, nhất là con người thôn dã Việt Nam, từ vài ba ngàn năm nay, nhưng ít xuất hiện trong văn thơ, nghệ thuật. Nó tham dự thường xuyên vào văn hóa loài người, nhưng không đi vào biểu tượng, có lẽ vì hình dáng và lối sống lè tè, «không nghệ thuật,» không thuận theo những quy ước trong tâm thức cộng đồng. *Cảnh Lợn Đàn* hay *Lợn ăn cây Dáy* trong nghệ thuật dân gian Việt nam, tranh Đông Hồ, là một biệt lệ.

Trong trí nhớ của tôi, câu thơ về lợn, hay và tha thiết nhất có lẽ là của Nguyễn Khuyến trong thơ gửi bạn:

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu
Lụt lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rày lớn bé,
Vài gian nếp cái ngập nông sâu?

Lời thơ ân cần, đằm thắm, chân thật và chân tình. Thật ở những lo lắng cho nhau, thiết thân trong sinh hoạt bấp bênh ở nông thôn trước thiên tai. Và tình ở niềm tưởng nhớ, vừa thực tế vừa vu vơ. Hỏi «bác ở đâu» là vì vắng nhau, nhớ nhau chứ không phải vì không biết. Hỏi «lớn bé, nông sâu» không phải là thắc mắc thật sự, mà chỉ bày tỏ không gian và thời gian nhung nhớ. Về mặt đối ngẫu: đem «con» đối «cái» là tuyệt vời. (Cũng có người cho rằng Nguyễn Khuyến chế giễu bạn Bùi Văn Quế, người Châu Cầu, huyện Thanh Liêm, Hà Nam, là địa phương chuyên nuôi lợn sề, bán lợn con, và nấu rượu, trữ nếp cái. Nhưng chắc không đúng).

Trong thơ Nguyễn Khuyến còn có thịt lợn ngày ông Lên Lão :

Anh em hàng xóm xin mời cả
Xôi bánh trâu heo cũng gọi là

Và đặc biệt ngày Tết :

Trong nhà rộn rịp gói bánh chưng
Ngoài cửa bi bô rủ chung thịt

Ở thôn quê ngày áp tết nhiều nhà chung tiền mua, rồi chia nhau một con lợn; hàng xóm nghèo cũng được một phần nhỏ, có khi là phần mỡ bạc nhạc. Nhưng nhà nào ngày Tết cũng có chút thịt để thực hiện câu ca dao :

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ
Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh

Đoàn Văn Cừ (1913-2004) tả mâm giỗ ngày Tết

Thịt lợn đầy mâm thái miếng to

Tục chia thịt ở nông thôn ta chỉ là một công việc thực dụng, không nghe nói đến nội dung tượng trưng nào, như tục giết lợn ở Âu châu, mùa đông chung quanh ngày Tết dương lịch; phong tục này có tính cách tế sinh, vừa nghi

thức vừa cuồng bạo, một truyền thống mang nhiều ý nghĩa tiềm ẩn mà giới phân tâm học đang quan tâm.

Nguyễn Khuyến còn có câu đối nổi tiếng, làm cho một hàng thịt lợn:

Tứ thời bát tiết canh chung thủy
Ngạn liễu đôi bồ dục điểm trang

Dịch nôm:

Bốn mùa tám tiết lòng chung thủy
Bờ liễu non bồ dục điểm trang.

Bồ và liễu là tên cây, họ dương, tượng trưng cho người phụ nữ thướt tha, yểu điệu. Đặc sắc là câu đối chữ Hán mà lại có được «bát tiết canh» đối với «đôi bầu dục» áp dụng cho hàng thịt lợn. Câu dịch nôm như trên chỉ làm lếu láo chiếu lệ, dù cố «vớt vát» cũng không sánh được với cách chơi chữ tài tình của Nguyễn Khuyến

Trong phong tục ngày Tết, con lợn đóng vai trò thiết yếu, như qua câu đố về cái bánh chưng:

Ruộng xanh mà trồng đỗ xanh
Trồng nếp trồng hành, rồi thả lợn vô

Hay nhất trong câu là từ «ruộng,» chữ Hán là «điền,» hình vuông vắn và chia tư như cái bánh chưng xanh mướt.

Thịt mỡ đi với dưa hành, vì hành làm tiêu chất mỡ; do đó dân gian có câu:

Con gà tục tác lá chanh
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng

Lợn sống gần gũi với người, chuồng lợn thường tiếp giáp với chái bếp, để tiện bề chăn sóc. Lợn là nguồn lợi của gia đình, là nhiệm vụ của người phụ nữ, nên có câu ca dao đùa vui dí dỏm:

Đương khi lửa tắt cơm sôi
Lợn kêu con khóc, chồng đòi tòm tem!
Bây giờ lửa đã nhóm lên,
Lợn no con ngủ tòm tem thì tòm.

Và có tục ngữ:

Gái không biết nuôi heo là gái nhác
Trai không biết nuộc lạt là trai hư

Lại còn ca dao:

Nuôi lợn thì phải vớt bèo,
Cưới vợ thì phải nộp cheo cho làng.

Nữ sĩ Anh Thơ (1921-2005) trong Bức tranh Quê (1941) khi tả cảnh sáng sớm trong một gia đình nông thôn, đã kết hợp lợn với bèo:

Người dậy cả, bà già lần thổi bếp,
Thằng cu con dụi mắt quét quàng sân.
Cùng trong lúc gà lồng kêu chiếp chiếp
Và lợn chuồng ủn ỉn dục cho ăn
Bên ao nước, bèo chen rau muống nổi,
Mẹ và con xắn váy cúi khom, và
Người vớt bèo, người khều rau, hái vội,
Vì trên đường lên chợ đã người qua.

Con lợn khi sống, thì gần gũi với người phụ nữ, khi chết còn đóng góp vào hạnh phúc lứa đôi, qua hôn lễ:

... Mai mốt lấy chồng, anh sẽ giúp cho:
Giúp em một thúng xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp em đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo...

Do đó không cứ gì ở Việt Nam mà còn trên nhiều nền văn hóa khác, lợn cũng đóng vai trò quan trọng.

Từ điển Robert Văn Hóa, 2005, đánh giá: vai trò này là quan trọng hàng đầu trong đời sống xã hội, trước khi nông nghiệp được cơ giới hóa tại Âu châu. Tại Trung Quốc, chữ «gia» là nhà hội ý từ chữ «thỉ» là heo, đội một mái ngang, là bộ «miên.» Không nên hiểu đơn giản, là người Tàu ngày xưa đồng hóa ngôi nhà với chuồng lợn; nhưng nhất định là có tương quan giữa con lợn và văn hóa loài người, trong thực tế và trong tâm thức.

Nhưng dường ngày xưa lợn được thả rong. Phùng Khắc Khoan, 1528-1613, đã ghi lại trong Đào Nguyên Hành làm giữa thế kỷ 16:

Trâu, bò, gà, lợn, dê, ngan,
Đầy lũ đầy đàn rong thả khắp nơi

Các nơi khác cũng vậy thôi. Trong Quốc văn giáo khoa thư, 1926, tôi vẫn nhớ bài tập đọc lớp Tư mang tên Truyện ngươi Thừa Cung, chăn lợn và hiếu học, cứ mỗi khi lùa lợn qua tràng, có tiếng giảng sách, thì đứng lại nghe. Về sau được thầy cho học, trở nên học trò giỏi và nổi tiếng. Ở Pháp, lợn được thả rong tại ngay thủ đô Paris, cho đến năm 1131, gây tai nạn lưu thông, làm thiệt mạng con vua Louis le Gros mới bị cấm. Ở Hy Lạp thời thượng cổ, theo trường ca Odyssée của Homère, lợn được nuôi đại trà và thả rong. Nhà thơ Nhất Uyên đã diễn ca trọn bộ 12110 câu:

Mười hai dãy trại cao nền
(...) Năm mươi lợn nái nằm dài chờ sinh
Lợn nọc chăn dắt ra đồng
Ba trăm sáu chục lợn con chạy cùng
Trong sân năm sáu chó săn
Dăm người phụ trại lo ăn, quét chuồng

Đoạn thơ nhắc lại truyền thuyết nàng Circé, phù thủy tóc vàng, có bùa phép biến hóa người

thành lợn. Truyền thuyết chứng tỏ người và lợn thời đó sống thân cận nhau.

*

Tuy nhiên, ngay thật mà nói thì con lợn, con heo, không phải là một hình tượng văn học thông thường; muốn tìm ắt phải có, nhưng phải cố công, chứ tự nhiên thì ít ai nhớ.

Con lợn đã xuất hiện rất sớm, từ những bài thơ quốc âm đầu tiên, như của Nguyễn Trãi:

Dài hàm, nhọn mũi, cứng lông,
Được dưỡng vì chưng có thửa dùng

Ý nói: nuôi chẳng qua chỉ để ăn thịt.

Tiện chẳng hay bề biến hóa

Đào Duy Anh giải thích: con lợn là giống bần tiện, chỉ nằm mà ăn, không biết biến hóa. Ưng hay oan? Nguyễn Trãi có ý ấy không?

Trương hai con mắt, lại xem rồng.

Vẫn một lối giải thích: tuy lợn không biết biến hóa, nhưng người ta dùng thủ lợn luộc để cúng thần, thì nó lại trương hai con mắt, «thao láo như mắt lợn luộc» mà nhìn rồng trên bàn thờ thần, là loại giỏi biến hóa.

Đây là một bài thơ bát cú nhưng thiếu câu sáu nên chúng tôi không trích toàn văn. Cặp 3, 4 cầu kỳ:

Lỗi hòa đàn, tinh Bắc Đẩu
Lang một điểm, thụy Liêu đông

Trần Văn Giáp giải thích: theo sách Tạp trở, đời Đường có vị thiền sư Nhất Hàng giỏi thuật số, muốn cứu một can phạm, đã bầy mưu: xem vườn nào có nuôi giống vật gì có bảy con thì bắt cả về. Người tù bắt được một ổ lợn mang đến. Nhất Hàng nhốt cả bảy con vào một cái ống rồi bịt lại. Thế là chòm sao Bắc Đẩu không mọc. Vua lo sợ vời đến vấn kế. Nhất Hàng khuyên nên làm đại xá. Vua nghe theo và người tù được tha. Nhất Hàng thả lợn ra, Bắc đẩu lại mọc.

Câu sau có nghĩa: ở Liêu Đông hiếm có lợn lang đầu, nên được xem là «thụy,» nghĩa là điềm lành, có người mang lên dâng vua. Đi đến Hà Đông, thấy đầy cả lợn lang đầu, bèn thẹn và lui về.

Điển cố cầu kỳ như vậy, tác giả dù uyên bác như Nguyễn Trãi, e cũng phải vắt óc mới tìm ra chứ không phải đến tự nhiên như khi tả cây chuối, lá chuối :

Tình thư một bức phong còn kín
Gió nơi đâu gượng mở xem

Nói khác đi và nôm na: tả con lợn thì dù cho đến Ức Trai có khi cũng phải bí! Ngoài việc tả lợn ăn ngủ, đẻ đái, khó còn chuyện gì khác để làm thơ. Vì như vậy, trong thơ văn ít thấy lợn.

Nhà thơ Ngô Văn Phú, bậc chánh tổng trong làng thơ thôn dã, trong ba bốn trăm bài thơ tả làng mạc, chỉ một lần tả con «lợn ủn ỉn» nhưng là ở một «chợ ven đê» (1984). Huy Cận —hay cả Phùng Cung— tả rất kỹ cảnh thôn dã với nhiều gia súc mà không hề đụng đến con heo. Có lẽ do thành kiến ăn sâu vào tiềm thức, như Đào Duy Anh đã giải thích: «Lợn là giống bần tiện, chỉ nằm mà ăn không biết biến hóa,» không lao động, không săn bắt như mèo chó, không bươi chải như gà vịt. Chưa kể lợn còn vô kỷ luật qua câu tục ngữ «lợn ở trong chuồng, thả ra mà đuổi»; lợn sống chuồng thì khó mà bắt lại. Đã vậy, ngày nay lợn còn chịu thêm tiếng thị phi, là diễn phim kích dâm, hủ hóa.

Lợn có đóng góp thân xác cho đời, âu cũng là việc tiêu cực ngoài ý chí.

Tóm lại lợn là con vật phi Khổng phi Mao, phi Lê phi Mác. Nó ủn ỉn bên ngoài sử quan, và tiếng ủn ỉn không hy vọng gì trở thành biện chứng.

*

Đối chiếu như vậy để biết trân trọng tấc lòng của dân gian Việt Nam đã tôn vinh con lợn qua tranh Gà Lợn bằng nghệ thuật Đông Hồ, hay còn rải rác trong tranh Kim Hoàng, Nam Đàn hoặc vài nơi khác. Thơ Hoàng Cầm:

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong,
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp.

Tranh dân gian, trong tính cách bình dị của nó, khó nói được là cao siêu. Riêng tranh Lợn Đàn, Lợn ăn cây dáy, có nét đặc sắc. Những nghệ nhân vô danh đã thấu hiểu triệt để và sâu sắc đề tài, tính chất con lợn, địa vị của nó trong đời sống người dân tầm thường, lam lũ. Lợn lên tranh là giống lợn ỷ, mặt ngắn, có nhiều nếp nhăn, lưng võng, chân thấp. Sống lưng lợn mẹ được tô đậm màu đỏ da cam, lún phún lông mọc nghiêng. Theo kinh nghiệm nông dân con lợn nào có lông «đai» như vậy là tốt giống, mạnh ăn, béo khỏe, mắn đẻ và đông con. Lũ lợn lúc nào cũng đang ăn, no căng, bụ bẫm, dáng dấp phủ phê, mặt mày phè phỡn, nụ cười tủm tỉm đầy nhân tính, có khi ranh mãnh, lẳng lơ. Vẽ ra con lợn, nghệ nhân phác họa thế giới của mình, tâm cảnh lồng vào ngoại cảnh, từ những lam lũ gieo neo vươn tới giấc mơ no ấm, sum vầy đông đúc. Trên thân hình mập mạp,

lợn mẹ lợn con đều mang hai vòng tròn xoáy âm dương. Công dụng là trang trí cho thân hình đơn điệu, nhưng đồng thời cũng tượng trưng cho khoáy lông, tướng lợn, biểu hiện cách điệu qua một nét vẽ siêu hình; vòng âm dương mở rộng hạnh phúc con người chan hòa với niềm vui trời đất, trong lẽ tuần hoàn vô thủy vô chung.

*

Tranh gà lợn Đông Hồ là một nét đặc biệt của nghệ thuật Việt Nam, không biết đặt vào đâu trong những dòng văn hóa địa phương hay thế giới. Ngày xưa, trên một lưỡi giáo Đông Sơn đào được ở Sơn Tây 1927, có hai con thú châu đầu vào nhau: một con cọp, và một con heo nhỏ hơn, mập mạp, chân thấp. Di chỉ này có thể là hiện vật có từ một, hai thế kỷ trước Tây lịch. Nhưng đây là một mô hình biệt lập chứng tỏ quan hệ xa xưa giữa Việt tộc và loài lợn, nhưng không liên quan gì đến tranh Đông Hồ.

Nghệ thuật Đông Hồ đã gợi ý cho nhiều bài thơ, đặc sắc nhất có lẽ là bài của Vũ Hoàng Chương (1915-1976) làm vào ngày tết Bính Thìn 1976.

Vịnh tranh gà lợn

Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành
Gà lợn om sòm rối bức tranh
Rằng vách có tai, thơ có họa
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh?
Mắt gà huynh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tấc thành
Cục tác nữa chi, ngừng ủn ỉn
Nghe rồng ngâm váng khúc tân thanh

Lời lẽ đơn giản nhưng tế nhị, súc tích và uyên bác. Tác giả dùng nhiều tục ngữ, ca dao, điển cố. Câu đầu vịn vào thành ngữ «tranh tối tranh sáng» là lời phá đề tài tình cho một bài thơ... tranh. Câu sau «om sòm» lấy lại ý thơ Tú Xương «om sòm trên vách bức tranh gà.» Câu thứ ba dựa theo thành ngữ «dừng có mạch vách có tai,» và chữ «họa» mang ba nội hàm khác nhau: xướng họa, hội họa, và nhất là... tai họa. Tiếp theo là thành ngữ «xanh vỏ đỏ lòng» và «mắt xanh» chỉ vào những con mắt tinh đời, có khả năng đánh giá đúng. Câu năm nhắc đến thành ngữ «mắt quáng gà» nhìn không rõ, và ca dao: «gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.» «Lợn âm dương» là tên tranh Đông Hồ. Thơ Hoàng Cầm: *Mẹ con đàn lợn âm dương/chia lìa đôi ngã*. Đoạn cuối «cục tác, ủn ỉn» lấy từ câu ca dao đã nhắc ở đoạn trên. Chữ «rồng» ở câu kết đánh dấu năm Thìn đang tới, sẽ là mùa xuân cuối cùng của thi nhân, và «tân thanh» là tên truyện Kiều, cắt bớt hai chữ «đoạn trường» đau đớn.

Dĩ nhiên là bài thơ còn u uẩn nhiều ngụ ý và u uất nhiều tâm sự, chúng tôi xin miễn bình giải nơi đây.

Nhưng về con heo cụ thể, chứ không phải con lợn trên tranh, thì Phan Khôi đã có bài thơ độc đáo, linh động, súc tích mà đơn giản. Tiếc rằng chúng tôi không có toàn văn, chỉ hái được một trích đoạn, từ một bài báo chửi bới Phan Khôi trên nguyệt san Văn Nghệ, Hà Nội, số 11 tháng 4 năm 1958, số đặc biệt chống Nhân Văn Giai Phẩm, tr. 52 :

Mới thoát khỏi chuồng,
Ngỡ được cổi thả
Ít ịt ít ịt,
Ra dáng hỉ hả
Đánh đùng một cái
Kêu éc éc ngay.
Bịt mồm, bịt miệng,
Trói chân, trói tay,
...
Từ đây đến cái dao
Chẳng có xa là bao
...
Ừ, con lợn thì thế,
Còn con người thì sao?

Hỏi như thế thì thật khó cho chúng tôi, vậy xin nhường niềm vui trả lời cho độc giả Thế Kỷ 21. Cho một mùa Xuân đã cạn ngày...

Người ta thường cho rằng kẻ sinh năm Hợi là tốt số, sống thong thả và sung túc, có lẽ là do cảnh sống của con lợn. Nó còn là một hình ảnh một thanh bình. Không nghe nói lợn tham dự vào cuộc chiến nào, hay có được thành tích nào hiển hách. Nhưng có một lần, đâu đó, nhà bác học Pháp Buffon, thế kỷ 18, cho rằng các làn sóng Hồi giáo không xâm nhập được vào Trung quốc là vì con lợn, chính xác hơn là thịt lợn. Lịch sử Trung Hoa nhờ miếng thịt lợn không cần một trận Poitiers nào cả.

Heo, lợn là sinh vật đáng thương đáng quý. Duyên phận của nó, là đem sinh mệnh của chính mình làm khoái trá cho kẻ khác

Trên đời còn có định mệnh nào bi thiết và cao cả hơn ?

Tết Đinh Hợi,
Orleans 14/02/2007

TRỞ LẠI BÀI THƠ "KHAI XUÂN THẠCH VẤN" của thi sĩ Vũ Hoàng Chương

TRẦN TỪ MAI

LTS. *Bài thơ chữ Hán Khai Xuân Thạch Vấn viết theo lối chữ thảo đăng trong số Xuân Thế Kỷ 21 vừa rồi là một phát giác mới về thơ Vũ Hoàng Chương, cũng là một thách đố cho những nhà Hán học trong việc đọc và dịch nó. Nhà nghiên cứu Trần Từ Mai và giáo sư Nguyễn Huệ Chi cùng với bạn bè Hán học của hai ông đã cố gắng hết sức, nhưng với một số chữ cũng phải đoán chứ không dám khẳng định hẳn, về âm cũng như về nghĩa.*

Nay thì mọi việc đã sáng tỏ với bài phiên âm và dịch thơ của chính thi sĩ Vũ Hoàng Chương vừa được tìm thấy, mà nhà nghiên cứu Trần Từ Mai trình bày sau đây.

Trước Tết Nguyên đán Đinh Hợi, khi được ông Chủ bút Phạm Phú Minh cho biết:

1) bài thơ chữ Hán với thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương xuất hiện trên một trang giấy màu hồng điều, mặt sau là một trang của báo *Nhà Văn* số 2, cũng là số đặc biệt Xuân Ất Mão 1975, và

2) *Nhà Văn* là một tập san văn học, xuất bản tại Sàigòn khoảng đầu năm 1975, do hai nhà thơ Nguyên Sa và Trần Dạ Từ đồng chủ biên, chúng tôi đã điện thoại tới nhà thơ Trần Dạ Từ để biết thêm chi tiết. Sau khi được xác nhận: "*Nhà Văn* số 2, tức số đặc biệt Xuân Ất Mão 1975 quả có in một bài thơ Xuân bằng chữ Hán với thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương," chúng tôi đã nêu nhận xét: "Mỗi khi gửi thơ với thủ bút chữ Hán để in trong các báo Xuân, thi sĩ Vũ Hoàng Chương thường gửi kèm theo các phần phiên âm, chú giải, có khi cả bản dịch sang thơ Việt, để làm rõ nghĩa bài thơ thủ bút. Nếu chúng ta có thể tìm lại toàn thể tập báo *Nhà Văn* số Xuân Ất Mão (Sàigòn, tháng 2-1975), việc tìm ra âm và nghĩa của bài thơ chữ Hán *Thế Kỷ 21* muốn giới thiệu sẽ không khó khăn" (xin xem lại *Thế Kỷ 21*, số đặc biệt Xuân Đinh Hợi, trang 17). Trong hoàn cảnh gấp rút (chỉ còn ít ngày trước Tết) và bất bình thường (rất khó tìm lại một tập báo, hơn nữa, một tập san văn học, của miền Nam trước 1975), chúng tôi nhận trách nhiệm tạm phiên âm và giải thích bài thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương trên *Thế Kỷ 21* số Xuân để làm chút quà văn nghệ gửi tới độc giả nhân dịp đầu năm, trong niềm ước vọng không sớm thì muộn, chúng ta sẽ tìm ra tập báo *Nhà Văn* Xuân Ất Mão ấy. Như đã trình bày trong số báo trước, trừ những vị đã bỏ ra nhiều chục năm để nghiên cứu thảo thư, ít ai dám đoan chắc có thể đọc hoàn toàn chính xác một bản văn lạ bằng chữ Hán với nhiều chữ viết thảo.

Sau khi gửi bản phiên âm và giải thích bài thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương tới tạp chí *Thế Kỷ 21*, không hoàn toàn yên tâm với việc dùng phỏng đoán để ấn định văn bản cho một tác phẩm văn học, chúng tôi tới một thư viện Đại học, dùng hệ thống OCLC (Online Computer Library Center) để truy tìm trong *WorldCat* (theo danh nghĩa: "thư mục thế giới," nhưng trên thực tế mới chỉ gồm thư mục khoảng 57,000 thư viện, đa số ở Hoa kỳ cùng một số thư viện quan trọng ở Canada và Âu châu). May mắn thay, nhờ *WorldCat*, chúng tôi phát hiện được rằng nguyệt san *Nhà Văn*, xuất bản tại Sàigòn từ tháng 1 tới tháng 3-1975 với hai chủ biên Nguyên Sa và Trần Dạ Từ, đã được tìm mua, và hiện vẫn được lưu giữ tại năm thư viện Đại học sau đây:

* Cornell
* Yale
* Univ. of California, Berkeley
* Univ. of Michigan, Ann Arbor, và
* Univ. of Wisconsin, Madison

Nhưng đó cũng chỉ là trên danh nghĩa. Trên thực tế, khi liên lạc với thư viện của Đại học California tại Berkeley, chúng tôi được biết toàn bộ gồm ba số của nguyệt san nói trên đã bị "declared missing" (tuyên bố mất tung tích), trong sự ngạc nhiên và phiền muộn của Ban Điều hành thư viện (Theo *WorldCat*, thư viện của Đại học California tại Berkeley có hai nguyệt san tiếng Việt cùng mang tên Nhà Văn, một nguyệt san xuất bản ở Sàigòn năm 1975, chỉ gồm có ba số, nguyệt san kia xuất bản ở Hà Nội từ năm 2000 trở đi. Nhưng khi nhân viên của nhà trường tới kệ sách tìm các tập xuất bản ở Sàigòn hầu làm

bản chụp theo thỉnh cầu của một Đại học ở Nam California, mới phát hiện các tập ấy đều đã mất tung tích không rõ lý do, chỉ còn lại các tập xuất bản ở Hà Nội). Trong khi đang đợi tin từ một số thư viện ở xa hơn thì chúng tôi được nhà thơ Trần Dạ Từ hân hoan cho biết: một độc giả báo *Nhà Văn*, còn giữ được số Xuân Ất Mão sau hơn 30 năm, có nhã ý gửi tới ông bản chụp một số trang của tập báo này sau khi đọc thấy bài thơ thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương đăng trên tạp chí *Thế Kỷ 21*. Trong những trang nhà thơ Trần Dạ Từ nhận được, có bản phiên âm và bản dịch bài thơ sang tiếng Việt của chính thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Nhà thơ Trần Dạ Từ đồng ý cho *Thế Kỷ 21* và chúng tôi phổ biến những tài liệu này. Trong vô cùng cảm kích, chúng tôi trân trọng ghi nhận tấm lòng với văn học của vị độc giả đã — không quản những nguy hiểm, phiền lụy... có thể xảy ra cho bản thân sau cuộc "đổi đời" năm 1975 — gắng công giữ tập báo *Nhà Văn* Xuân Ất Mão suốt hơn 30 năm qua và đã chụp gửi tới nhà thơ Trần Dạ Từ, cùng thành thật cám ơn anh Trần Dạ Từ.

Dưới đây là bản chụp hai trang báo Nhà Văn số Xuân Ất Mão, gồm phiên âm bài thơ sang Hán Việt cùng lời thơ Việt của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, và trang đối diện của bài thơ ấy. Theo nhà thơ Trần Dạ Từ, đây là các trang 2 và 3 của tập báo Xuân:

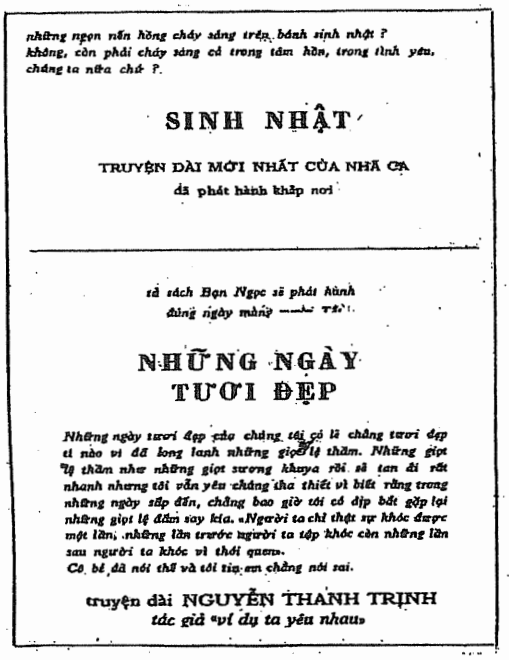

những ngọn nến hồng cháy sáng trên bánh sinh nhật ?
không, còn phải cháy sáng cả trong tâm hồn, trong tình yêu, chứng ta nữa chứ ?.

SINH NHẬT

TRUYỆN DÀI MỚI NHẤT CỦA NHÃ CA
đã phát hành khắp nơi

tủ sách Bạn Ngọc sẽ phát hành đúng ngày mùng — Tết

NHỮNG NGÀY TƯƠI ĐẸP

Những ngày tươi đẹp sao chẳng tái có là chẳng tươi đẹp tí nào vì đã long lanh những giọt lệ thắm. Những giọt lệ thắm như những giọt sương khuya rồi sẽ tan đi rất nhanh nhưng tôi vẫn yêu chúng tha thiết vì biết rằng trong những ngày sắp đến, chẳng bao giờ tôi có dịp bắt gặp lại những giọt lệ đầm say kia. «Người ta chỉ thật sự khóc được một lần, những lần trước người ta tập khóc còn những lần sau người ta khóc vì thói quen».
Cô bé đã nói thế và tôi tin em chẳng nói sai.

truyện dài NGUYỄN THANH TRỊNH
tác giả «vì dụ ta yêu nhau»

Vũ Hoàng Chương khai xuân thạch vấn

(thủ bút, bìa sau)

Tường vân mãn tọa nguyệt bôi minh
Hy chúc xuân khai dạ bán quỳnh.
Đông liễu Tây đào song tận mỹ,
Tần tang Yên thảo nhất hà thanh !
Tẫn giao cố quốc hoài kim phấn,
Tự hữu cuồng ngôn xuất thạch bình !
Đồi ngọa, dữ sa trường túy ngọa,
Cổ lai thùy dã chiếm cao danh ?

ĐÁ MỞ LỜI XUÂN

Bạn đầy mây, chén đầy trăng,
Xuân vào đêm, giữa lòng bằng nở quỳnh.
Liễu tơ đào gấm như tranh,
Dâu Tần biếc, cỏ Yên xanh, một trời.
Quê xưa phấn rụng vàng rơi
Có nghe vách đá vang lời hội duyên :
Say nằm trước ngõ là tiên,
Hoặc say nằm cát ngoài biên mới hào ?

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
trên thềm Tết Ất Mão

Để dễ đọc hơn, chúng tôi xin đánh lại phần phiên âm cùng lời thơ Việt của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, và thêm phần chép lại bài thơ sang Hán tự theo lối chữ chân phương:

BẢN PHIÊN ÂM CỦA THI SĨ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

KHAI XUÂN THẠCH VẤN	開春石問
Tường vân mãn tọa nguyệt bôi minh	祥雲滿坐月杯明
Hy chúc xuân khai dạ bán quỳnh.	嬉祝春開夜半瓊
Đông liễu Tây đào song tận mỹ,	东柳西桃双尽美
Tần tang Yên thảo nhất hà thanh!	秦桑燕草一河青
Tẫn giao cố quốc hoài kim phấn,	儘教故国懷金粉
Tự hữu cuồng ngôn xuất thạch bình!	自有狂言出石屏
Đồi ngọa, dữ sa trường túy ngọa,	頹卧與沙場醉卧
Cổ lai thùy dã chiếm cao danh?	古來谁也占高名

NGHĨA

Mây lành đầy khắp chỗ ngồi, ly rượu dưới trăng sáng lóng lánh

Vui đùa chúc Xuân sang, đêm đẹp gần như ngọc

Liễu bên đông, đào bên tây, cả hai cây đều tuyệt đẹp

Dâu đất Tần, cỏ đất Yên [bên bờ] một dòng sông cùng xanh

Dù vẫn nặng lòng nhớ thương hương phấn nước cũ

Tự có lời nói cuồng vượt ra khỏi tấm bình phong (bức vách) bằng đá

Giữa người say nằm suy nhược [ở nhà] và người say nằm nơi sa trường

Xưa nay ai cao danh hơn ai?

BẢN TIẾNG VIỆT CỦA BÀI THƠ

ĐÁ MỞ LỜI XUÂN

Bạn đầy mây, chén đầy trăng,
Xuân vào đêm, giữa lòng băng nở quỳnh.
Liễu tơ đào gấm như tranh,
Dâu Tần biếc, cỏ Yên xanh, một trời.
Quê xưa phấn rụng vàng rơi
Có nghe vách đá vang lời hỏi duyên:
Say nằm trước ngõ là tiên,
Hoặc say nằm cát ngoài biên mới hào?

VŨ HOÀNG CHƯƠNG
trên thềm Tết Ất Mão

NHẬN XÉT

1) So với bản phiên âm của chính thi sĩ Vũ Hoàng Chương ở trên, bản do một số thân hữu và tôi tạm đưa ra trên Thế *Kỷ 21* số Xuân đã:

* hoàn toàn đúng bốn chữ nhan đề: Khai Xuân Thạch Vấn;

* hoàn toàn đúng các câu 1, 2, 3, 5, 7, và 8;

* sai hai chữ trong các câu 4 và 6:

Với câu 4, trong khi thi sĩ Vũ Hoàng Chương muốn nói:

Tần tang, Yên thảo nhất HÀ thanh

thì chúng tôi đọc sai, thành: nhất HỒI thanh.

Với câu 6, trong khi thi sĩ Vũ Hoàng Chương muốn nói:

Tự HỮU cuồng ngôn xuất thạch bình

thì chúng tôi đọc sai, thành: Tự TẢ cuồng ngôn...

Nhờ tỉ lệ sai tương đối thấp (hai chữ trong tổng số 60 chữ, hay 3.33%), trừ một chi tiết đáng lưu ý ở câu 6 sẽ nhắc lại bên dưới, không có sai biệt đáng kể giữa ý tưởng bài thơ như chúng tôi trình bày trong số báo trước và ý tưởng bài thơ chúng tôi nhận thấy hôm nay, sau khi đã đọc kỹ bản phiên âm của thi sĩ Vũ Hoàng Chương cùng lời dịch sang thơ Việt của ông.

Đi vào chi tiết, trong khi chỗ sai ở câu 6 ("tự *có* lời nói cuồng" so với "tự *viết* ra lời nói cuồng") không đem lại nhiều khác biệt quan trọng cho ý cả bài thơ, thì chỗ sai ở câu 4 thuộc loại đáng kể. So với "Dâu đất Tần, cỏ đất Yên cùng xanh" thì câu "Dâu đất Tần, cỏ đất Yên *[từ đôi bờ] một dòng sông* cùng xanh" ý rõ và mạnh hơn nhiều. Là người Việt, lại biết rằng thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã phổ biến bài thơ đầu năm 1975, chúng ta hẳn biết ông muốn nói tới sông nào. Sau câu 3, với ý tưởng "trong khi hai phía đông, tây đều tươi đẹp, rực rỡ," thì cảnh ly biệt vì chiến tranh của những cặp vợ chồng trẻ ("Tần tang, Yên thảo") tại *hai bên bờ sông Bến Hải* càng thấm thía, xót xa (Trong bản tự phiên âm, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã đặt dấu chấm than ở cuối câu này). Tóm lại, chủ ý Vũ Hoàng Chương qua bài thơ *đúng là những điều chúng tôi trình bày trên Thế Kỷ 21 số Xuân Đinh Hợi, nhưng chữ HÀ với ý niệm dòng sông chia đất nước nói trên đã làm ý tưởng ấy rõ và thấm thía hơn nhiều.*

2) Về chữ "hà" 河 thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã dùng cũng có đôi điều đáng nói.

Hôm trước Tết, nói cho thực, Tiến sĩ Nguyễn Duy Chính có nêu câu hỏi: "Chữ thứ 6 câu 4 (mà đa số chúng tôi đọc là 'hồi') có thể đọc là 'hà' hay không?" Chúng tôi có suy nghĩ khi nghe câu hỏi trên, nhưng sau khi nhận thấy nếu chọn chữ "hà" này (với nghĩa là "sông," một danh tự), phép đối sẽ không chỉnh, nên đã bỏ một cách sai lầm:

Đông liễu Tây đào song TẬN mỹ
Tần tang Yên thảo nhất HÀ thanh

"Tận" ở vị trí một trạng tự (thời trước gọi là "bán hư"), không cân đối với "hà" ở vị trí một danh tự (thời trước gọi là "thực tự"). Do đó, chúng tôi không coi "hà" là đúng và đã chọn chữ "hồi."

Thơ Đường luật đòi hỏi hai câu 3-4 và hai câu 5-6 phải đối với nhau. Là một nhà thơ nghiêm túc và uyên bác, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã để lại nhiều bài thất ngôn bát cú Đường luật mà niêm, luật, vần, đối ... đạt tới độ toàn bích. Riêng về đối, ông có nhiều cặp câu thơ ý và lời rất cân đối, rất đẹp, và cũng khá dụng công. Chẳng hạn:

Gió mây Sa diện *vèo non* ***Thái***
Sương tuyết Hoàng hoa *đẹp vết* ***Hồng***
(Vịnh liệt sĩ Phạm Hồng Thái)

Đông Tây *mộng quải tam canh nguyệt*
Nam Bắc *tình khiên vạn lý vân*
("Loạn trung biệt hữu"— Tặng cụ Phan Khôi)

Sao nằm quạnh quẽ *mờ sông Hán*
Sầu chất bao la *hẹp điệu Đường*
("Nhớ cố nhân"— Tặng kịch sĩ Tuyết Khanh)

Một phen *nhật nguyệt* tranh ngôi *sáng*
Hai ngả *lòng thu* dựng tháp *sầu*
(Trong khi hai chữ Nhật + Nguyệt ghép thành chữ Minh thì hai chữ Thu + Tâm ghép thành chữ Sầu --
Từ miền Nam, gửi nữ sĩ Ngân Giang đang ở miền Bắc)

Vì những cặp câu thơ giữ luật đối công phu như thế, trong mấy hôm trước Tết, chúng tôi đã dè dặt không dám nhận chữ "hà," vì cho rằng thi sĩ Vũ Hoàng Chương sẽ không dùng chữ ấy để đối lại với "tận."

Nhưng sau khi được biết thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã thực sự chọn chữ "hà" cho bài "Khai xuân thạch vấn" này, chúng tôi nhớ lại một số trường hợp ông cũng đã hi sinh phép đối để có thể giữ những ý tưởng thích hợp hoặc cần thiết. Trong *Thơ Say* và *Mây* có nhiều bài thất ngôn bát cú tuyệt hảo về niêm, luật, vần..., nhưng các câu 3-4 và 5-6 không được đối với nhau. Chẳng hạn các bài "Nghe hát" trong *Thơ Say*, "Xem truyện quỷ," "Nửa đêm ca quán," "Một phút ngừng say" ... trong Mây. Với bản dịch bài "Hoàng hạc lâu" của Thôi Hiệu, ông cũng đã hi sinh phép đối trong hai câu 3-4:

Vàng tung cánh hạc đi đi MẤT
Trắng một màu mây vạn vạn ĐỜI
("Đời" là danh tự, không đối chỉnh với chữ "mất" ở câu trên).

Vậy chữ "hà" ở câu 4 của bài "Khai xuân thạch vấn" cũng ở trường hợp nhà thơ đã hi sinh phép đối để giữ một ý tưởng đặc sắc như thế.

3) Vì chữ "hà"何 là "sông" không đối chỉnh với chữ "tận" ở trên, và cũng vì câu 4 trong bản dịch sang thơ Việt không có ý "dòng sông":

Dâu Tần biếc, cỏ Yên xanh, một trời

giáo sư Lưu Trung Khảo và tôi đã có nêu giả thuyết: Hay thi sĩ Vũ Hoàng Chương muốn dùng chữ "hà"何 ở bộ "nhân" (với những nghĩa "sao," "nào")? Như thế câu 4 sẽ có nghĩa:

Dâu đất Tần, cỏ đất Yên, sao đồng loạt xanh đến như thế !

Nhưng sau khi cẩn thận tra lại các tự điển về cách viết chữ thảo, giáo sư Lê Văn Đặng và Tiến sĩ Nguyễn Duy Chính xác nhận: chữ thứ 6 câu 4 trong bản thủ bút đúng là một trong những cách để viết chữ "hà"何 với nghĩa là "sông" trong thảo thư, chúng tôi yên tâm chấp nhận ý kiến chung. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương quả đã muốn nhắc tới dòng sông từng chia đôi đất nước và nỗi đau của dân tộc trong bài "Khai xuân thạch vấn" này.

4) Bản tiếng Việt của bài thơ biểu lộ rõ tính cách một bài do tác giả tự dịch: khí văn mạnh, lời tự nhiên, linh hoạt, lưu loát. Nhà thơ không dịch sát từng chữ nhưng ý tưởng hai bài đúng là một. Ta cũng có thể nói: hai bản Việt và Hán bổ túc cho nhau. Sau khi đọc xong cả hai bản, chúng ta hiểu ý tác giả một cách đầy đủ hơn. Có lẽ chỉ có thi sĩ Vũ Hoàng Chương mới có thể chuyển bài thơ Hán của ông sang thơ Việt một cách sáng sủa, linh động, và tài tình đến như thế (Thực ra ông đã không "dịch." Ông chỉ nói lại ý mình, đôi chỗ giải thích rõ hơn bằng một bài thơ thứ hai, trong một ngôn ngữ quen thuộc với ông còn hơn ngôn ngữ của bài thơ thứ nhất). Ta có thể nói bài "Đá mở lời xuân" chúng ta có trên tay đúng là "thơ Vũ Hoàng Chương 100%," với ngôn ngữ già dặn, điêu luyện của Vũ Hoàng Chương, nhằm mục đích diễn lại cho rõ hơn ý bài "Khai xuân thạch vấn" ông đã đưa ra trước.

Việc tìm được bản phiên âm và bài thơ chuyển sang tiếng Việt của thi sĩ Vũ Hoàng Chương để nhập lại với bài thơ chữ Hán có thể coi là một chuyện "châu về Hợp phố." Chúng tôi bỗng liên tưởng tới một câu thơ Vũ Hoàng Chương, được ông phổ biến trong tập *Rừng Phong* (Sàigòn, 1959), gần 50 năm trước đây:

Mộng trung Hợp phố chính hoàn châu

Vì việc xảy ra ngay trong dịp đầu năm, hai câu ông tự dịch sau đây cũng vô cùng thích hợp:

Bên trời vẳng báo Xuân sang
Giữa khi Hợp phố mơ màng về châu.

Với trên 30 năm trôi qua, cùng với bao trở lực trong việc tìm kiếm do biến cố 30-4-1975 gây nên, từ khi bài thơ thủ bút xuất hiện trên *Thế Kỷ 21* số Xuân Đinh Hợi tới khi tìm được bản phiên âm cùng bài thơ tự dịch của tác giả, sự việc xảy ra trong một khoảng thời gian chưa tới ba tuần. Khi bắt đầu nhận nhiệm vụ tìm hiểu và giải thích bài thơ chữ Hán hôm trước Tết, xin nói rất thành thật là chúng tôi cũng không ngờ sự việc lại có thể diễn tiến với kết quả tốt đẹp nhanh đến thế. Trong niềm cảm tạ dành cho vị độc giả báo *Nhà Văn*, người đã gắng công giữ tập báo suốt trên 30 năm và làm bản chụp gửi tới nhà thơ Trần Dạ Từ, chúng tôi thành thật ao ước những khó khăn khác của dân tộc suốt mấy thập kỷ qua — với thời gian — rồi cũng sẽ giải quyết được một cách trôi chảy, thông suốt, hợp lý hợp tình, và tốt đẹp như thế./.

NGÔ NHÂN DỤNG

Nước còn cau mặt với tang thương

Mục Sổ Tay tháng này xin kể một chuyện trong nước, và một chuyện ở Quận Cam, California.

Ở trong nước, Đảng Cộng Sản Việt Nam dự định chiếm một khu đất thuộc Cổ thành Thăng Long mà giới khảo cổ mới khai quật gần đây, để xây một cái trụ sở mới cho quốc hội tay chân của đảng. Khi khu di tích cổ thành được tìm ra vào năm 2002, tất cả mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước đều vui mừng, hy vọng sẽ hiểu biết rõ hơn về nền văn minh Việt Nam từ thời Lý Trần trở lại. Khu cổ thành là nơi chứa hồn thiêng của dân tộc, mỗi tấc đất đều thấm máu của tiền nhân bảo vệ đất nước chống quân Đường, quân Tống, quân Nguyên. Đó là ngôi từ đường, là nơi mồ mả ông cha của cả một dân tộc.

Lúc đầu, đảng Cộng Sản Việt Nam đã chiều theo dư luận, hoãn việc xây dựng tòa nhà quốc hội mới ở khu đó. Nhưng sau mấy năm, vào cuối năm 2006, thấy dư luận dân chúng đang chú ý đến những WTO với APEC, Bộ Chính trị đã quyết định cứ cho nhà nước đào móng, xây nhà cho tòa trụ sở quốc hội! Việc này chỉ có các cán bộ Bộ Xây dựng và các nhà thầu của họ được hưởng lợi, nhưng sẽ làm toàn dân Việt Nam phẫn uất.

Tất cả mọi người Việt Nam đang bị sỉ nhục vì sự dốt nát của một guồng máy cai trị đất nước hiện nay. Phải nêu lên ý kiến ngay vì không có một tờ báo nào ở trong nước dám phản đối ý định "phá từ đường" đó, ngoại trừ những bản tin không ý kiến trên mạng lưới VietnamNet. Và ở bên ngoài mới chỉ có một tạp chí trên mạng là Diễn Đàn (Paris) chính thức phản đối hành động phản văn hóa này.

Di tích khảo cổ của một dân tộc rất quan trọng, vì chúng ta căn cứ vào đó mà tìm hiểu về đời sống của tiền nhân. Chúng ta thường nói nước Việt Nam có bốn ngàn năm văn hiến. Nếp văn hiến nằm trong trong các di tích khảo cổ. Ngăn cản công cuộc nghiên cứu khảo cổ, nhất là tại khu di tích của thủ đô nước ta suốt một ngàn năm, là một tội ác đối với văn hóa dân tộc. Thời niên thiếu bao nhiêu người trong số chúng ta đã hát bài Thăng Long Hành khúc của Văn Cao. Ai đi học mà không nhớ bài Thăng Long thành hoài cổ của Bà Huyện Thanh Quan? Nhà văn Lê Văn Siêu đã viết một bài nghiên cứu về kiến trúc thành Thăng Long để tìm hiểu triết lý trị quốc của các vua đời Lý, thay vì viết thành văn bản thì đây là gạch đá, kiến trúc phố phường đã nói lên lời.

Di tích khảo cổ thành Thăng Long được được khám phá từ năm 2002. Tin tức loan ra đã khiến cho tất cả mọi người dân Việt bồi hồi cảm động. Nhiều người sống ở nước ngoài cũng chợt nhớ đến câu hát: "Cùng ngước mắt về phương Thăng Long thành cao đứng" của Văn Cao. Ai cũng nhớ trước khi nhà Lý thiên kinh đô tới Thăng Long, thì các quan cai trị nhà Đường đã chọn nơi đó làm thủ phủ, lấy tên là Đại La Thành (thế kỷ thứ 7 đến thứ 10). Khi dân Việt nổi lên đánh đuổi người phương Bắc để lập nền độc lập thì các vị vua lúc đầu chưa về La thành, Ngô Quyền (939) còn đóng đô ở Cổ Loa, Đinh Tiên hoàng (968) ở Hoa Lư. Đến đời Lý Thái Tổ, năm 1010 mới thiên đô về thành Đại La và đổi tên là Thăng Long từ đó.

Khu khảo cổ Thăng Long hiện đang được các nhà khảo cổ nghiên cứu chưa xong, mà chắc còn lâu mới xong, nhưng đã cho thấy có những di tích của nhiều triều đại, từ La thành qua các đời Lý, Trần, Lê, cho tới triều Nguyễn, khi tên đổi thành Hà Nội. Khu đất được khai quật rộng gần hai mẫu tây (ha) được xác định là thuộc vào Cấm Thành, khu trung tâm nằm bên trong Hoàng thành, là một địa điểm không thay đổi suốt nhiều triều đại. Sử gia Phan Huy Lê viết, vào năm 2002, "Cấm thành là nơi tập trung những cung điện tiêu biểu nhất của các vương triều, những sản phẩm cao cấp nhất của nền kinh tế, văn hóa của đất nước qua các thời kỳ lịch sử."

Các cuộc khai quật đầu tiên đã cho thấy những di tích như nền móng của các cung điện mà các sử gia có thể tìm thấy tên để vẽ lại bản đồ Cấm Thành của Thăng Long. Người ta tìm được những giếng nước vẫn còn nguyên dù đã bị đời sau vùi lấp, những viên gạch thời Đại

La, những ống ngói từ thời Lý, Trần, những cống thoát nước, những đồ gốm tinh xảo. Đó là những chứng tích của khả năng kỹ thuật của người Việt Nam từ những thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 15. Hiện đã tìm ra hàng triệu các di vật quý giá, nhiều tác phẩm mỹ thuật, nhiều vật duy nhất chỉ mới thấy lần đầu. Nhưng việc khai quật đầy đủ toàn khu hoàng thành còn hứa hẹn sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về nghệ thuật kiến trúc và khả năng thiết kế của người Việt Nam từ ngàn năm trước. Kinh đô bao giờ cũng là nơi tập trung những cái hay, cái đẹp bậc nhất của một quốc gia, cho nên tìm hiểu thêm về Cấm thành Thăng Long cũng là tìm hiểu các giá trị lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Trong số các di tích cũng có những đồng tiền bằng đồng, những đồ sứ xuất phát từ Trung Hoa, Nhật Bản, các nước Tây Á châu, cho thấy người ngoại quốc đã tới và giao dịch tại kinh đô của nước ta. Những nhà khảo cổ người Nhật Bản, Pháp, Ý, Tây Ban Nha đã tới thăm khu khảo cổ này, cùng với ông giám đốc tổ chức Văn hóa Giáo dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO), họ đều công nhận đây là một khu khảo cổ quan trọng có tầm mức quốc tế. UNESCO sẵn sàng tài trợ các công trình nghiên cứu và có thể được công nhận là một di sản văn hóa của nhân loại, nếu được bảo tồn, giữ "nguyên gốc" và "toàn vẹn," theo Công ước quốc tế về Di sản Văn hóa thế giới.

Những người thiết tha nhất đến việc bảo tồn di sản văn hóa này là những nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Cho nên, ngay sau khi nghe tin đảng Cộng Sản định chiếm một khu D trong khu khảo cổ Thăng Long để cho các nhà thầu xây cất trụ sở quốc hội, vào ngày 1 tháng 11 năm 2006, Hội Khoa học Lịch sử đã viết một bản ý kiến yêu cầu đảng Cộng Sản bỏ ý định đó. Bản kiến nghị viết, "Xây dựng Nhà Quốc hội trên Khu Di tích Hoàng Thành Thăng Long, nhân dân trong nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài sẽ không đồng tình; thậm chí có thể có những phản ứng bất lợi cho uy tín của lãnh đạo và ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân." Hội Khoa học Lịch sử cũng báo động việc xây cất trên "khu di tích mang ý nghĩa thiêng liêng" này chắc chắn "sẽ phá vỡ không gian văn hóa- lịch sử" và "xâm hại một di tích vô giá của dân tộc." Cho tới nay, Bộ Chính trị đảng Cộng Sản vẫn lờ đi không trả lời bản kiến nghị này.

Khu di tích Thăng Long chắc chắn chứa đựng những ý nghĩa thiêng liêng đối với dân tộc Việt Nam. Có thể coi nơi đây giống như mồ mả tổ tiên chung của dân tộc. Chỉ có những chế độ tàn ác như Taliban mới nỡ lòng xoá bỏ các di sản văn hóa của tiền nhân như vậy.

Chế độ cộng sản đã chứng tỏ là xưa nay họ bất chấp văn hóa. Có lúc các người viết sử được chế độ bảo trợ đã từng nói lịch sử nước Việt Nam chỉ bắt đầu từ năm 1930, là năm thành lập đảng Cộng Sản! Chế độ này im lặng không thèm trả lời khi các sử gia, vì lương tâm thúc đẩy, phải lên tiếng. Điều đó cũng không lạ. Vì chế độ này đã từng chà đạp lên các nhà trí thức, thời 1950 đã học tập bài tọa đàm ở Diên An của Mao Trạch Đông, coi giới trí thức không bằng cục phân. Hãy nhớ Nguyễn Hữu Đang, Phùng Quán, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Văn Cao. Nhạc sĩ tác giả bài Thăng Long Hành Khúc chỉ vì tham gia Nhân Văn, Giai Phẩm mà bị trù đập bao nhiêu năm. Trong cuốn Ba Phút Sự Thật, Phùng Quán kể có bữa đang ngồi ở quán bán nước trà bên hè phố thấy Văn Cao vịn vai một giáo sư đại học chuếnh choáng đi tới. Văn Cao xin được hai điếu thuốc lào, hút đã, rồi hỏi mượn Phùng Quán năm đồng, để rủ bạn đi ăn cháo, vì từ buổi sáng tới lúc đó chưa có gì ăn. Phùng Quán chỉ có ba đồng, rút ra đưa cho bậc đàn anh. Một lát sau, bà vợ nhạc sĩ đi qua, hỏi: "Từ sáng tới giờ anh có thấy anh Văn đi ngang qua đây không?" Biết chồng mới vay tiền đi ăn, bà vợ than: "Có khổ thân tôi không!" Vì, bà kể, từ buổi sáng đã có người thuộc xưởng chế biến trà ở Hà Giang tới đặt nhạc sĩ "vẽ cho cái nhãn chè." "Người ta đem xuống 50 đồng với 10 gói chè loại 1. Chờ mãi không được, thế là người ta đem tiền, đem chè đi nhờ họa sĩ khác!" Phùng Quán cũng than: "Chao ôi, thật là đáng tiếc!" Đó là cách đảng Cộng Sản đối đãi với một người đã từng viết bài quốc ca cho chế độ!

Bà Huyện Thanh Quan nếu sống vào thời này sẽ nghĩ thế nào? "Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt – Nước còn cau mặt với tang thương!" Những viên gạch, đá còn nằm trong lòng đất của khu Di tích Hoàng thành Thăng Long từ ngàn năm nay, giờ cũng đang cùng dòng nước Hồ Hoàn Kiếm "cau mặt với tang thương." Cần phải mở ra những diễn đàn để đồng bào trong và ngoài nước cùng bầy tỏ ý kiến. Chúng ta không thể im lặng đồng lõa với những hành động phi văn hóa của một bè nhóm cầm quyền vô học. Trong khi đó cả nước ta vẫn hãnh diện

với lời Bình Ngô Đại Cáo, "Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang." Chúng ta không thể đang tâm im lặng trước việc này. Hồn thiêng của tiền nhân đang chứng kiến xem chúng ta có dám nói thẳng hay không. Khi chết đi, chúng ta sẽ đi gặp tổ tiên đời trước, những Sư Vạn Hạnh, Lý Thường Kiệt, Chu Văn An, Nguyễn Trãi; chứ không phải như Hồ Chí Minh chỉ tính chết đi để gặp các ông Karl Marx, ông Lenin ở thế giới khác. Chúng ta sẽ nói gì với con cháu sau này? Chúng sẽ hỏi: Ông, bà ở đâu, ông bà làm gì khi họ dầy đạp trên phần mộ tổ tiên để xây cái nhà hát cho đám phường tuồng đó?

Bầu cử ở Quận Cam

Đầu năm nay, có ba người Mỹ gốc Việt cùng tranh cử một ghế ủy viên giám sát (supervisor) ở Quận Cam, với bẩy ứng cử viên thuộc các sắc dân khác. Quận Cam là quận giầu có nhất nước Mỹ, sáu vị supervisor có quyền rất lớn, nhất là khi biểu quyết ngân sách quận. Một người đang giữ chức đó đã đắc cử vào thượng viện tiểu bang California, có chỗ trống, cho nên mới có cuộc bỏ phiếu phụ này. Nguyễn Quang Trung, Janet Nguyễn, và Larry Phan ghi tên tranh cử. Cuộc bầu cử này gây chấn động các giới chính trị Mỹ ở trong vùng, vì không ai ngờ hai ứng cử viên họ Nguyễn dẫn đầu chiếm nhiều phiếu như vậy, mỗi người gần 11 ngàn lá phiếu, trong khi ứng cử viên người Mỹ về thứ ba chưa được 9 ngàn phiếu! Các đài phát thanh quốc tế tiếng Việt đều chú ý tới cuộc bầu cử này.

Hai tờ "báo Mỹ" trong vùng mỗi lần nhắc đến tên hai ứng cử viên gốc Việt Nam, cô Janet Nguyễn và ông Nguyễn Quang Trung, đều ghi chú thêm rằng hai người này không thuộc cùng một gia đình. Người Mỹ đã biết, và nhiều người đang biết thêm, là dân Việt Nam có rất nhiều người họ Nguyễn!

Lúc đầu sự có mặt của nhiều ứng cử viên Việt Nam gây nên nhiều ý kiến bênh, chống, khuyên can, giải hòa. Nhiều người khuyên họ hãy thỏa hiệp rút bớt đi, để lại một người ứng cử thôi, khỏi chia phiếu! Nhưng đây là một hiện tượng bình thường trong một xã hội dân chủ. Mọi người được tự do ứng cử, tự do giành giật nhau lá phiếu cử tri. Không cần phải có một ứng cử viên duy nhất của mỗi sắc dân. Ba ứng cử viên này có thể cùng trong một đảng Cộng Hòa (hay Dân Chủ), họ vẫn có thể tranh cử với nhau, nếu đảng của họ không đưa ai làm đại diện chính thức. Họ càng cãi nhau hăng, càng chứng tỏ người dân bỏ phiếu sẽ là những người quyết định.

Không có một "Đảng của người Mỹ gốc Việt Nam" trong sinh hoạt chính trị; mà cũng không nên có. Các ứng cử viên họ Nguyễn nếu ai đắc cử cũng không chỉ đại diện cho người Việt Nam ở đây mà phải làm "công bộc" cho tất cả các cử tri trong đơn vị. Không thể bầu theo lối người Hoa bỏ phiếu cho ứng cử viên gốc Hoa, người Mễ chỉ bỏ phiếu người gốc Mễ, người theo tôn giáo nào ủng hộ ứng cử viên tôn giáo đó. Nếu bây giờ ở nước Mỹ có những "đảng da đen, đảng da trắng, đảng da vàng, đảng da ngăm ngăm," chẳng hạn, thì nước Mỹ sẽ giống như nước Iraq hay sao? Nhiều ứng cử viên gốc Việt Nam giành nhau một ghế đại biểu, phải coi đó là chuyện bình thường.

Nhưng trong cuộc tranh cử cũng có những chuyện bất thường, như một tấm ảnh ghép vụng.

Ban vận động của cô Janet Nguyễn đã khám phá ra một bức hình quảng cáo của ông Nguyễn Quang Trung là hình ghép, trong hình đó ông Trung đứng phía sau Thống đốc Arnold Schwarzenegger trong ngày ông công bố quyết định công nhận việc treo cờ Việt Nam Cộng Hòa cũ tại California. Nhưng trong hình này, đầu ông Trung được ghép trên thân hình một người khác. Ban vận động của cô Janet Nguyễn đã thuê in lại các bức hình đó trên báo để các cử tri so sánh; nhân dịp này đã tấn công vào những chữ "Đạo đức, Thành thật," mà ông Nguyễn Quang Trung vẫn nêu lên làm khẩu hiệu tranh cử.

Phía ứng cử viên Nguyễn Quang Trung công nhận bức hình đó là ngụy tạo, nhưng nói đó là do công ty quảng cáo và một người tự nguyện đã làm. Ông Nguyễn Quang Trung có rất nhiều hình khác, đứng bên ông thống đốc California trong cùng buổi lễ "Vinh danh Cờ Vàng" đó, không hiểu sao bộ tham mưu của ông lại phải chế tạo thêm một cái mới?

Có Tự do là thấy đủ cái tốt, cái xấu

Vụ này lại khiến nhiều người Việt Nam than trách. Tại sao "người mình" lại dùng các thủ đoạn tranh cử xấu, làm xấu mặt cả đám Con Rồng Cháu Tiên như vậy?

Nhưng thực ra không nên than phiền là người Việt đã dùng những thủ đoạn xấu, đả kích, bới móc lẫn nhau. Vì khắp thế giới, hễ có tranh cử

là có thủ đoạn, nhiều khi thủ đoạn không đẹp đẽ. Không nên nghĩ mang tiếng chỉ dân ăn phở và dùng nước mắm mới tranh cử xấu.

Thứ hai, cũng không nên vì thấy các thủ đoạn tranh cử xấu mà cho là các ứng cử viên đều xấu, do đó chế độ dân chủ với những cuộc bầu cử cũng xấu nốt. Trong chế độ dân chủ người ta được tự do cho nên những cái xấu và cái tốt đều dễ bị phơi bầy ra hết. Nhờ thế, người cầm lá phiếu càng có nhiều thông tin để quyết định. Phải tin ở người dân, tin ở lương tri con người, khi họ được sống tự do. Abraham Lincoln nói: "Anh có thể đánh lừa một số người suốt đời, có thể đánh lừa tất cả mọi người trong một thời gian ngắn, nhưng không ai có thể đánh lừa tất cả mọi người mãi mãi." Đó là lý do chúng ta chọn chế độ dân chủ tự do.

Một điều chúng ta biết chắc, là nếu không có cạnh tranh thì khó có người nào đi tìm ra bức hình ngụy tạo này. Nếu một ứng cử viên do một đảng độc quyền lãnh đạo giới thiệu, thì người dân bỏ phiếu cũng không ai quan tâm đến việc khám phá bức hình ông ta là giả hay thật. Hãy coi những cuốn lịch sử dưới chế độ Stalin, Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh, biết bao nhiêu bức hình bị cạo xóa, bao bài diễn văn bị sửa đổi! Dưới thời Stalin, tất cả những bức hình Lenin có Trotsky đứng bên đều bị cạo, Trotsky biến mất. Thời Mao sắp chết, hình Lâm Bưu cũng bị xóa trên tất cả các bức hình chụp chung với Mao và các lãnh tụ khác. Cho đến di chúc của Hồ Chí Minh cũng bị sửa, bây giờ đố ai biết thực sự ông Hồ viết những gì khi lên đường "về với các cụ Marx, Lenin."

Nhưng trong chế độ dân chủ tự do, một bài báo, một bức hình ngụy tạo, sẽ có người tìm ra – với xác suất rất cao. Vì, giống như trong các thị trường tự do cạnh tranh khác, rất nhiều người có "động cơ tự nhiên" đi tìm và tố giác hàng mạo hóa. Một chế độ độc quyền độc đảng giống như một thị trường chỉ có một công ty bán mỗi một thứ nước mắm, muốn bán nước vối pha muối cũng được! Khi có hai công ty bán nước mắm, anh làm hàng giả sẽ có người tố cáo ngay!

Rất nhiều "diễn đàn điện tử," (blog) ở California đã có dịp bàn tán sôi nổi về bức hình ngụy tạo của một ứng cử viên Việt Nam, cũng như vụ những lá thư gửi người gốc Mexico trong cuộc bầu cử trước đây. Một ứng cử viên Việt Nam năm ngoái đã gửi thư cho những người gốc Mễ nhắc nhở rằng ai "chưa phải công dân Mỹ" thì nếu đi bầu sẽ có thể bị tù. Nhưng ứng cử viên này lại dùng chữ "di dân" thay vì những chữ "chưa phải công dân Mỹ." Nói như vậy là sai, vì những người từ nước khác tới đã nhập tịch cũng vẫn gọi là di dân như thường. Vụ tố cáo trên gây sôi nổi, ứng cử viên người Việt đã thua.

Nhiều người Việt sẽ nói, đúng là xấu mặt cho cả đám. Nhưng nói thật, dân Việt ở Quận Cam không sáng chế ra những thủ đoạn tranh cử xấu. Người Việt ở đây còn quá ít, các ứng cử viên Việt còn thiếu kinh nghiệm, thủ đoạn xấu nếu có cũng thua xa các ứng cử viên ở Mỹ hay ở nước khác. Sử gia Richard Shenkman, chuyên nghiên cứu về bầu cử tổng thống ở Mỹ, thú nhận: Chúng ta có một truyền thống chơi xấu trong chính trị! Ông đã viết một cuốn sách về đề tài này, "Legends, Lies, and Cherished Myths of America History." Năm 2004, ban vận động của ứng cử viên John Kerry đã khám phá ra một bức hình ngụy tạo ghép ông Kerry với Jane Fonda, để khích động các cựu chiến binh Mỹ, vì họ rất ghét cô tài tử chiếu bóng phản chiến này. Cũng như ông Trung, ban vận động của Tổng thống Bush không nhận họ là tác giả, quy trách nhiệm cho mấy người tự nguyện. Một cựu biệt kích mũ xanh, ông Ted Sampley đã phổ biến bức hình đó cho mấy chục người bạn đồng ngũ coi, mỗi người lại chia sẻ với hàng trăm người khác, cứ như thế nhân lên.

Lịch sử tranh cử đã mang vết xấu từ năm 1828, khi ứng cử viên Jackson bị tố oan đủ thứ tội, như giết người, cờ bạc, buôn nô lệ và phản quốc. Bà vợ ông bị tố tội song hôn (chưa ly dị chồng trước xong đã sống với chồng sau). Đến bà mẹ ông cũng bị lôi ra kể xấu khiến ông phát khóc. Nhưng sau cùng ông đã đánh bại đương kim tổng thống Adams để lên làm tổng thống 8 năm.

Năm 1884 ông Grover Cleveland tranh cử, những người chống ông đã tung tin ông có con hoang, do ngoại tình. Và sáu ngày trước khi bỏ phiếu, một mục sư ở New York đã lên diễn đàn tố cáo đảng Dân Chủ của ông là một bọn "Rượu chè, trai gái, và làm loạn" (Rum, Romanism and Rebellion." Nhưng nhờ số phiếu của những người gốc Ái Nhĩ Lan ủng hộ (dân nước này đã nổi loạn chống đế quốc Anh, và họ cũng có tiếng uống giỏi như Lý Bạch) cho nên ông Cleveland đã thắng ở New York với 1,149 phiếu. Năm 1888, Tổng thống Cleveland tái ứng cử, mấy tuần trước ngày bỏ phiếu, bỗng xuất hiện một lá thư của Đại sứ Anh quốc tại Washington gửi cho một người Anh sống ở California. Trong thư, ông đại sứ nói chính phủ Anh hoàng ủng hộ Cleveland.

Người gốc Ái Nhĩ Lan (vốn ghét chính phủ Anh) giận quá, bỏ rơi ông Cleveland. Năm đó ông thất cử. Mãi về sau người ta mới biết "người Anh" ở California đó là một người Mỹ thuộc đảng đối lập.

Quý vị có thể đọc những câu chuyện về thủ đoạn tranh cử ma quái đời xưa trong cuốn sách trên, nếu tò mò tìm coi giải trí. Coi để khỏi nản lòng khi thấy người Việt Nam mới đến Mỹ mà đã "hội nhập" được nhiều thứ, hay có, dở có! Trong năm Bính Tuất, một thủ đoạn bẩn, bẩn thật, đã được ban vận động của dân biểu Marilyn Musgrave khám phá dễ dàng. Có người đem bỏ vào thùng thư ban vận động của bà một phong bì chứa toàn phân chó. Nếu như năm tới, Đinh Hợi, chắc họ sẽ dùng phân heo. Nhưng cuối cùng bà vẫn được tái cử ở Colorado.

Tại những nước cộng sản mới dân chủ hóa, người ta đã học ngay những thủ đoạn cạnh tranh, xấu cũng như tốt. Tại Tallinin, xứ Estonia, trong cuộc tranh cử năm 2006, một chủ xí nghiệp đã bị tố cáo lạm dụng quảng cáo cho Đảng Trung Dung (Keskerakond). Ông này quảng cáo cho thứ nước ngọt hãng ông sản xuất, tên là Kohuke, nhưng chữ K in lớn giống hệt chữ K mà đảng trên vẫn dùng làm biểu hiệu. Cuối cùng, tòa tuyên án vô tội, vì không thể cấm người ta viết hai chữ K giống nhau được! Ở Nga, trong những cuộc tranh cử đầu tiên sau khi chế độ cộng sản sụp đổ, người Nga cũng chứng kiến rất nhiều thủ đoạn xấu. Đảng của Tổng thống Yeltsin đã tung tin tố cáo đảng của ứng cử viên đối lập Yury Luzhkov đủ thứ tội, tham nhũng, mê tín và cả giết người. Đảng Tổ quốc Toàn Nga của ông Luzhkov, thị trưởng mát Cơ Va vì thế đã bị mất nhiều phiếu.

Tại sao bây giờ các thủ đoạn tranh cử xấu coi bộ nhiều và phong phú hơn một, hai thế kỷ trước? Vì truyền thông nở rộ. Thời đại tin học, chúng ta có báo, có đài, có talk show, và nhất là có internet. Nhưng tất cả các thủ đoạn xấu, cuối cùng sẽ chỉ làm hại người dùng thủ đoạn, dù có đắc cử cũng sẽ bị ô danh. Không vì có những thủ đoạn tranh cử xấu mà chúng ta không muốn tự do bầu cử, tự do ứng cử. Ở một nước dân chủ, người ta phải làm ra đủ thứ luật trừng phạt các việc làm xấu, kể cả trong việc tranh cử. Chúng ta vững tin ở thể chế dân chủ tự do. Nói như Winston Churchill, Dân Chủ là một chế độ rất tồi, chỉ khi so sánh với tất cả các thể chế đã thử trên trái đất này thì mới thấy là nó khá nhất.

Bầu xít xao, rất có ý nghĩa

Giống như tất cả các độc giả *Thế Kỷ 21*, chúng ta không thể chấp nhận các thủ đoạn tranh cử xấu, những hành động gian trá, trái đạo đức hoặc không hợp pháp. Chúng ta cần khuyến cáo các người Việt muốn làm chính trị ở nước Mỹ phải tôn trọng luật lệ bầu cử, phải tranh đấu thẳng thắn, trong danh dự. Mỗi một hành động sai trái của một ứng cử viên gốc Việt Nam đều có thể gây tiếng xấu cho tất cả cộng đồng người gốc Việt. Trước đây gần 30 năm, có lúc cả cộng đồng đã xấu hổ khi người ta khám phá ra những vụ gian lận về bảo hiểm y tế, vết thương đó vẫn còn để lại nỗi đau lòng cho tất cả mọi người. Cho nên đồng bào ta nên tẩy chay các ứng cử viên không trung thực, không thẳng thắn. Khi các hành động xấu bị cử tri trừng phạt thì các cuộc vận động sau này có thể sạch sẽ hơn.

Như quý vị thấy, kết quả cuộc bỏ phiếu cho thấy số chênh lệch rất gay go. Ngày hôm trước, cô Janet Nguyễn dẫn trước ông Nguyễn Quang Trung 52 phiếu, chiều hôm sau, sau khi đã đếm số phiếu bỏ bằng thư, ông Trung đã thắng cô Janet 7 phiếu. Sau mấy tuần đếm lại các phiếu bầu khiếm diện, tức là gửi thư tới bầu, kết quả lật ngược, cô Janet Nguyễn lại hơn ông Trung 7 phiếu! Kết quả xít xao đó cho thấy sự tham dự của các cử tri người Việt tuỳ thuộc những nỗ lực vận động của cả hai ứng cử viên dẫn đầu. Nhưng cũng cho ta một bài học: Thủ đoạn xấu có thể gây tác dụng ngược.

Ngày 6 tháng Hai năm 2007, kiểm được 10,920 cử tri bầu cho Luật sư Nguyễn Quang Trung, ông Trung thắng cử vì nhận được 7 phiếu nhiều hơn cô Janet Nguyễn. Cuộc kiểm phiếu lại sau ba tuần cho thấy cô Janet được 10,919 phiếu, ông Trunh chỉ được 10,912. Thử hỏi: Trong số hàng chục ngàn cử tri bỏ phiếu cho cô Janet Ng, ai là những người bỏ bẩy lá phiếu chênh lệch giúp cô đắc thắng?

Tất cả gần 11 ngàn vị cử tri ủng hộ cô Janet Nguyễn đều có quyền tự nhận chính họ là một trong số bẩy người bỏ những lá phiếu quyết định kết quả cuộc bầu cử. Ngược lại, người ta cũng có thể nói không một lá phiếu nào thực sự quyết định hết; tất cả gần 11 ngàn cử tri đã quyết định. Hai lối nhìn trái ngược đó, lối nhìn nào đúng, lối nào sai? Đây là một điều thú vị trong "cuộc chơi" dân chủ. Có thể nói, một bí nhiệm, một điều khó hiểu, khó nói. Trong một cuộc mua đấu giá một bức tranh, trong đó những người tranh mua

tranh đấu với nhau công khai, mỗi người xin trả thêm 100 hay 1,000 đồng cuối cùng để giành mua được họa phẩm; cuối cùng người ngoài nhìn vô biết những đồng tiền cuối cùng nào đã quyết định ai làm chủ bức tranh. Những cuộc bầu cử bỏ phiếu kín biến tất cả các cử tri thành những người vô danh, không ai biết cử tri nào là những người tới sau cùng, bỏ những lá phiếu quyết định. Nhưng khi kết quả xít xao thì các ứng cử viên phải nhớ là sau này họ sẽ phải chú ý đến cử tri nhiều hơn. Các cử tri người Việt ở quận Cam sẽ theo dõi các hoạt động của họ. Không một nhóm nào có thể kêu gọi hai chục ngàn người Việt ở ba thành phố trong đơn vị Một đi bỏ phiếu. Chính nhờ cuộc tranh cử gay go cho nên các cử tri mới đi bầu đông như vậy.

Khi hai ứng cử viên thay đổi địa vị thắng bại chỉ vì chênh lệch nhau có bảy lá phiếu, thì phải công nhận là mỗi lá phiếu của cử tri đều quan trọng thật. Bất cứ ứng cử viên nào nỗ lực vận động thêm một chút, chỉ cố gắng kêu gọi thêm được 10 người, thêm 15 người nữa ủng hộ mình, là thắng rồi. Ngược lại, đừng làm gì để mất phiếu của 10 người, 20 người vì họ ghét mình mà bầu cho đối thủ, thì chắc cũng đã thắng rồi!

Phải công nhận là trong cuộc tranh cử vừa qua, ban vận động của cả hai ứng cử viên Nguyễn Quang Trung và Janet Nguyễn đều nỗ lực hết sức, nhiều khi những người trong hai ban vận động đó đã làm những việc không chính đáng, mà bây giờ có thể họ thấy hối hận vì đã làm cho ứng cử viên của họ mất phiếu.

Sau vụ ghép hình ông Nguyễn Quang Trung đứng bên cạnh Thống đốc Arnold Schwarzenegger bị phe cô Janet Nguyễn tìm ra và tố cáo, thế nào ông Trung cũng bị nhiều người giận, bỏ rơi ông để bầu cho cô Janet Nguyễn, vì họ ghét những việc ngụy tạo. Phía cô Janet Nguyễn cũng có những sai lầm giống như vậy, cũng chỉ vì hăng hái quá. Hai tuần lễ trước ngày bỏ phiếu, có người ủng hộ cô đã đưa cho một tờ báo bức hình chụp cô đến thăm viếng Hòa thượng Thích Tâm Châu tại chùa Quan Âm ở Los Angeles. Hình đăng cùng một bản tin cho biết hòa thượng đã ngợi khen gia đình cô, và cho biết cô đã trình bầy với hòa thượng về những việc cô phục vụ đồng bào tại địa phương này. Nhưng hóa ra bản tin đó hoàn toàn không đúng sự thật. Mà tên người cung cấp hình cũng không đúng sự thật! Thân phụ ông Nguyễn Quang Trung là một Phật tử quen biết rất nhiều chùa trong vùng và đã vận động ở nhiều chùa, cho nên đã cho người đi hỏi lại sự thật. Ngày hôm sau, hòa thượng Thích Tâm Châu đã cải chính, nói cô Janet có đến thăm nhưng ngài không hề nhận xét gì về gia đình cô, giản dị vì ngài chưa bao giờ quen biết gia đình cô Janet Nguyễn. Và ngài cũng cho biết là hôm đó cô Janet chỉ ngồi nghe chuyện, không hề nói câu nào khi gặp vị hòa thượng 86 tuổi này! Vị Phật tử chùa Quan Âm được tờ báo giới thiệu là người cung cấp hình cũng lên tiếng cải chính rằng ông không hề đưa cho tờ báo bức hình đó, hình chụp nằm trong máy của ông Toni Lâm, một người cổ động cho cô Janet Nguyễn. Phật tử này còn than phiền là ông đã bị mang tiếng là người "bán thầy" chỉ vì bức hình bị mạo danh đó. Những tin tức này cho thấy một tờ báo lớn đã loan tin bịa đặt để làm lợi cho một ứng cử viên, nhưng cũng khiến nhiều cử tri nghi ngờ cả ứng cử viên Janet Nguyễn. Nhiều người bất bình khi thấy hình ảnh và uy tín của một vị đại lão hòa thượng bị lợi dụng để làm quảng cáo cho một ứng cử viên. Hòa Thượng Tâm Châu đã phải thân hành đến nhiều ngôi chùa trong đơn vị tranh cử để minh xác việc ngài từ Canada sang California làm việc đạo nhưng không dính líu gì tới những cuộc tranh cử ở địa phương! Chính điều này cũng khiến nhiều Phật tử giận ứng cử viên Janet Nguyễn đã "lợi dụng" vị hòa thượng, năm 1964 từng là Viện trưởng đầu tiên của Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Nhiều cử tri có thể bỏ rơi cô Janet Nguyễn trước ngày bỏ phiếu vì lý do đó, mặc dù tờ báo trên đợi tới sau ngày bỏ phiếu mới đăng những lời cải chính.

Trong hai thí dụ trên, ban vận động của hai ứng cử viên đã vấp phải những việc làm thiếu trung thực, không chính đáng. Chính các hành động đó đã gây tác dụng ngược, khiến nhiều cử tri bất bình và khiến các ứng cử viên của họ bị mất một số phiếu. Chúng ta không biết mỗi lần như vậy có bao nhiêu cử tri vì ghét thủ đoạn xấu mà thay đổi ý kiến. Chắc con số có thể lên tới hàng trăm người. Nhưng trong một cuộc bỏ phiếu với kết quả sát nút vừa qua, mỗi lá phiếu đều đáng quý, hàng chục hay hàng trăm lá phiếu chắc chắn là rất quan trọng.

Một bài học đáng rút ra là các ứng cử viên từ nay về sau hãy tự kiểm soát ban vận động của mình. Đừng bao giờ phạm vào những hành động thiếu trung thực và không chính đáng! Chúng ta hy vọng bài học này sẽ giúp các ứng cử viên người Việt Nam sẽ mạnh hơn, trong sạch và thẳng thắn hơn trong các kỳ bầu cử sắp tới.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

XUÂN

Tết là tiếng kèn ra quân của mùa xuân. Nó lì xì đồng đều cho mỗi người một tuổi. Có muốn nhận hay không nó bất biết. Cứ nhét vào tay. Cỡ tuổi tôi thì món quà này chẳng muốn đón nhận. Báu gì mà nhận! Nhưng chạy đâu cho thoát?

anh quen quá những cuối năm cà chớn
ngó hiên người xuân mới lắm chạy vô
anh chạy đâu thì cũng không có tết
nên chạy ra xuống phố chắc đỡ buồn
(Nguyễn Nam An)

Chạy xuống phố, trốn tết, nhưng chắc chắn tuổi vẫn cứ dính vào người. Tuổi nào? Còn tuổi nào nữa! Câu hỏi tưởng như cà chớn nhưng thực ra rất... khoa học. Thứ tuổi mà tết ấn vào tay là tuổi thời gian (*chronological age*), cứ sống một năm trên đời là có một tuổi. Tuổi này cũng gọi là tuổi hành chánh bởi vì chúng được tính trên tất cả mọi thứ giấy tờ hành chánh. Cứ thay lịch là thay tuổi. Tôi tưởng chỉ có tôi buồn khi tuổi bỗng rơi xuống đôi vai, nhưng nhà thơ Quan Dương cũng có nỗi buồn y như tôi.

Hôm nay không giống hôm qua
Bởi vì ta phải chịu già chút thêm
Dẫu ta cứng cỏi xâm mình
Cũng không tránh khỏi rưng rưng ngậm ngùi

Ngậm ngùi chi cũng vậy. Tuổi thời gian rất công bằng, ai cũng lãnh nguyên con, không ai hơn ai kém. Có những thứ tuổi khác không được công bằng như vậy. Như tuổi trí lực chẳng hạn. Bằng tuổi nhau nhưng đầu óc mỗi người khác nhau. Người ta tính thứ tuổi mà tiếng Hồng Mao kêu là *mental age* này bằng cách đo chỉ số thông minh IQ. Đó là thứ thang bậc cho người ta tính toán mức phát triển trí óc tương ứng với từng độ tuổi. Tỉ như một em bé 10 tuổi trả lời được tất cả các câu hỏi được coi là chuẩn mực về phát triển trí óc của một đứa trẻ 10 tuổi thì chỉ số IQ là 100. Nếu cũng đứa bé 10 tuổi này mà không trả lời đúng được những câu hỏi chuẩn mực của độ tuổi của nó mà chỉ có thể trả lời được những câu hỏi dành cho một đứa bé ở độ tuổi tám tuổi thì hơi bết, chỉ số IQ của nó chỉ là 80. Nhưng cũng đứa bé 10 tuổi mà trả lời được những câu hỏi dành cho độ tuổi 12 chẳng hạn thì chỉ số IQ của nó là 120, thông minh hơn người! Người thường thường bậc trung có chỉ số IQ = 100 chiếm đa số, chắc chúng ta đều ở vào hạng thông thường này. Khoảng 18% có IQ từ 101 đến 119 thuộc hạng thông minh và 15% có IQ thấp hơn trung bình. Nếu bạn có IQ trên 120 thì&số dách. Bạn là người thông minh khác thường. Trên nữa thì là xuất chúng. Nhưng nếu chỉ số IQ dưới 70 thì thuộc loại chậm phát triển, không khá!

Tuổi tâm lý là loại tuổi đo mức đặc trưng tâm lý của con người theo từng độ tuổi. Các nhà tâm lý học phân biệt đời sống tâm lý của con người qua các giai đoạn chính: tuổi ấu thơ, tuổi tiền mẫu giáo, tuổi mẫu giáo, tuổi đi học, tuổi vị thành niên, tuổi thành niên, tuổi trung niên, tuổi lão niên. Mỗi tuổi có những đặc trưng riêng. Tuổi mẫu giáo thiên về trực giác, tuổi thanh xuân nhiều mơ mộng, tuổi lão niên thường hoài cổ.

Tuổi xã hội lại tính tới chuyện khác. Chuyện về khả năng xử sự và thích ứng với hoàn cảnh xã hội của mỗi người. Tuổi loại này phụ thuộc nhiều vào trình độ văn hóa, sự từng trải, kinh nghiệm sống và mức độ thành thục về phương diện tâm lý. Cứ nhìn quanh ắt chúng ta sẽ thấy là có những người non tuổi mà xử sự rất chững chạc trong khi có những người đã cứng tuổi mà lại ngô nghê trong những tình huống của cuộc đời!

Như vậy tết chỉ đếm thêm cho con người một tuổi thời gian mà không phát búa xua cho mỗi người được những cái tuổi rắc rối kia. Chúng ta có thêm hiểu biết, mẫu mực, khôn ngoan hơn hay không là tùy chúng ta. Tết không ăn nhậu chi vào chuyện này được. Khôn ngoan nhất có lẽ là cụ Khổng. Cụ không chơi với những thứ tuổi được phân tích chi ly cặn kẽ trên mà cụ đặt riêng ra một loại tuổi thực tế hơn. Thứ tuổi không những bao gồm được sự phát triển của con người về trí óc, tâm lý, xã hội mà còn đề cập tới những mục tiêu cụ thể cho mỗi giai đoạn của đời người.

Giai đoạn 1: "*Thập hữu ngũ nhi chí vu học.*" Mười lăm tuổi thì để hết tâm trí vào việc học. Học có nghĩa là thu thập kiến thức nhưng đồng

thời cũng tu dưỡng tâm tính.

Giai đoạn 2: "*Tam thập nhi lập.*" Ba chịch cái xuân xanh thì coi như đã ổn định cuộc sống trong gia đình, ngoài xã hội.

Giai đoạn 3: "*Tứ thập nhi bất hoặc.*" Tuổi này thì không còn mê hoặc, đã chín chắn, kinh nghiệm đầy mình nên nhìn những sự việc xảy ra trọng xã hội một cách rõ ràng, không còn nghi ngờ gì nữa.

Giai đoạn 4: "*Ngũ thập nhi tri thiên mệnh.*" Tuổi này ngon rồi, biết rất rõ sứ mệnh của mình, nắm vững qui luật của thiên nhiên và xã hội nên xử sự rất ngon lành, dễ công thành danh toại.

Giai đoạn 5: "*Lục thập nhi nhĩ thuận.*" Sáu chịch, lên cụ rồi tuy chưa được lãnh tiền già, nhưng đã hiểu cặn kẽ nhân tình thế thái nên dễ thông cảm và khoan dung hơn, nhìn những trò đời không còn thấy chướng tai gai mắt.

Giai đoạn 6: "*Thất thập nhi tòng tâm sử dục, bất du cửu.*" Tới cái tuổi cổ lai hy này thì đạt tới mức tâm tính và đạo đã hợp nhất, mọi thứ đã thành bản năng nên nghĩ gì hay làm gì cũng đều hợp đạo, không vượt ra ngoài quy tắc.

Tuổi kiểu Khổng Tử như vậy là tổng kết hết mọi thứ tuổi kiểu phân tích của Tây phương. Cụ này đúng là... cụ Khổng, khôn hết biết, ngôn một lần bằng người ta lai rai nhiều lần. Ấy chết, tôi còn quên một món... lai rai của phương Tây. Đó là tuổi sinh lý. Nó là cái chi chi vậy? Đó là loại tuổi phản ảnh mức độ phát triển của con người về mặt sinh lý. Nó chịu ảnh hưởng của thời tiết, dinh dưỡng, kinh tế, xã hội, văn hóa. Loại tuổi này đang... hot! Nó núp dưới chữ "sex" để chi phối cuộc sống con người ngày nay. Hầu như mọi lãnh vực đều bị nó hớp hồn. Xuân cũng vậy. Xuân là giai đoạn hot nhất của cuộc đời một cá nhân. Vậy thì tuổi nào là tuổi xuân?

Tuổi xuân tính theo kiểu... Nguyễn Bính là mười sáu.

Lòng Xuân lơ đãng, má Xuân hồng
Cô gái Xuân mơ chuyện vợ chồng
Đôi tám Xuân đi trên mái tóc
Đêm Xuân cô ngủ có buồn không?

Xuân ngày nay đến trễ hơn. Mười tám tuổi. Đó là tuổi trưởng thành theo pháp lý. Ở Bắc Mỹ tuổi này đã tấp tểnh ra ở riêng để tạo một mùa xuân riêng. Ở Việt Nam, 18 tuổi vẫn lả tuổi ăn chưa no lo chưa tới, nhưng đã có những giấc mơ thầm kín. Mười tám tuổi, cô bé Quỳnh Như, con nhà giầu ở Huế, nhân vật trong trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, có một buổi mừng sinh nhật rất vui vẻ và sinh động. Cô bé vừa lạc vào tuổi mười tám có lẽ không làm vừa ý nhà thơ. Cái thân thể vừa tròn mười tám mùa xuân đêm đó có ngủ được đâu! Đây là mẩu đối thoại giữa hai chị em ngủ chung giường.

"Thôi ngủ đi. Quá khuya rồi."

"Em không ngủ được, trong lòng cứ nao nao thế nào!"

"Hay mày phải lòng đứa nào rồi? Đêm nay có thấy đứa nào coi được đâu."

Quỳnh Như thành thật tâm sự:

"Em chả chú ý đến ai cả. Em chỉ thích có mỗi một mình em. Đêm nay em thấy mình lạ quá. Em lớn hẳn lên, đẹp hẳn lên. Qua mười tám tuổi, chao ơi, thiên hạ không ai dám gọi em là con bé nữa. Phải kêu 'cô' đàng hoàng. 'Thiếu nữ,' ừ nhỉ, em đã thành một thiếu nữ như ai. Từ nay nhất định em không thèm mặc jupe xanh đi học nữa. Phải áo dài. Chị biết không, hồi tối anh Ngô mời em làm người mẫu cho anh ấy vẽ bức tranh thi tốt nghiệp đấy."

... ...

Năm nay lên mười tám tuổi, trong nhà không ai hiểu cho cô cả... Mình muốn kể cho chị ấy nghe niềm hãnh diện đáng yêu của mình đêm nay, niềm thương bao dung mình muốn mọi người trên thế gian đều được chia sẻ âu yếm. Thiếu nữ! Mười tám tuổi! Thiếu nữ! Ôi chao, thật là tuyệt vời. Quỳnh Như bất giác cười khúc khích. Quỳnh Trang quay lại hỏi:

"Mày còn định bày trò gì nữa!"

Quỳnh Như cười rồi đáp:

"Chẳng có trò gì. Thấy vui nên cười, thế thôi."

"Con này điên rồi."

"Có lẽ."

Mười tám tuổi xuân như vậy đó! Ngủ nghê gì được đâu! Xuân nó ma quái lắm. Nó nhung nhăng cùng khắp. Mười tám tuổi là xuân. Chưa tới mười tám tuổi nhưng trong đêm động phòng cũng là xuân. Động phòng thì xuân quá đi chứ. Mười lăm tuổi đã làm người lớn trên giường tân hôn xuân đến như thế nào? Hai đứa bé nhà quê cùng mười lăm tuổi trong tiểu thuyết *Mẫu Thượng Ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh, Điều và Nhụ, chơi với nhau từ nhỏ, lấy nhau theo sự sắp đặt của người lớn, đã có một đêm xuân trặc trẹo. Cô dâu Nhụ vào phòng rồi gài ngay then cửa. Chú rể Điều năn nỉ.

"Nó kiên trì gọi lần thứ hai; lần này tiếng gọi êm êm, năn nỉ như tiếng hát. Đến lúc mỏi mồm, Nhụ mới lên tiếng:

"Đừng có vào. Đây ngượng lắm."

"Nhưng ông bảo: Đây phải ngủ với đấy."

"Rõ dơ! Đây nhất định không cho đấy vào đâu."

Phải có sự can thiệp của người ông, phải năm lần bảy lượt vừa liều mạng, vừa năn nỉ, Điều mới có cơ hội. "Điều đã nhanh như chớp ôm lấy cái thân hình lẳn chắc mới chớm nở của cô bé. Nhụ cố chống đỡ song lần này không nổi, đành chịu thua. Điều luồn ngay bàn tay xuống dưới yếm, sờ ngực Nhụ. Điều có vẻ thích chí cười khúc khích. Nhụ khẽ hỏi:

"Sao mà cười?"

"Tớ cười 'cái' của đằng ấy."

"Làm sao?"

"Cậu có nhớ thằng lính khố đỏ ở ngoài đồng hôm xưa, nó nhìn đằng ấy và nó nói thế nào không?"

"Không nhớ!"

Nhụ trả lời khẽ nhưng là nói dối.

"Nó bảo: "Chum chúm núm cau." Tức là nó bảo 'cái' của đằng ấy... nó to bằng cái núm cau."

"Thật là dơ!" Nhụ lại huých tay vào ngực Điều. Và toàn thân cô chợt nóng ran khi tay Điều mân mê đôi ngọc nhũ của nàng.

"Sao nó chóng lớn thế nhỉ? Sao nó chóng to thế nhỉ?"

"Chỉ điêu thôi!"

"Thật đấy! Đằng ấy sờ vào của mình mà xem. Ba tháng trước nó chỉ to bằng cái núm cau. Hôm nay nó đã bằng quả táo rồi."

Tay Điều từ vùng ngực đã không cưỡng lại được sự tò mò những điều bí hiểm, nó lần mò đi xuống vùng dưới, quá cái rốn, tìm đến một miền kỳ lạ mềm mại và mượt như nhung, mát rượi, nóng bỏng... Bàn tay vừa chạm tới vùng cấm địa thì bất thần bị chặn lại. Chặn đứng! Bàn tay của Nhụ không biết bằng cách nào, đã nắm chặt bàn tay của Điều. Người con trai cảm thấy cổ họng khô đến rát bỏng. Nó hỏi:

"Sao thế?"

"Chưa được đâu!"

"Sao lại chưa được? Có ai cấm đâu?"

... ...

Nhụ ấp úng tìm lời mãi mới nói ra một cách rõ ràng:

"Cô Mùi bảo bây giờ 'cái trên' chỉ mới bằng quả táo thì phải cố nhịn... không được động tới 'cái dưới'."

"Thế bao giờ mới được đụng tới 'cái dưới'?"

"Bao giờ 'cái trên' to bằng cái bánh dầy thì 'cái dưới' mới..."

"Nó mới làm sao?"

"Nó mới chín."

Hay thật! Cái ấy mà cũng chín hay sao? Câu chuyện dở dẫn của đôi vợ chồng trẻ đến đây thì ngừng. Hai đứa cười khúc khích, rồi ôm lấy nhau mà ngủ suốt đêm."

Hai đứa trẻ này bị tục tảo hôn bắt đi tìm một đêm xuân hơi sớm. Cụ Khổng dạy chẳng bao giờ sai. *Thập hữu ngũ nhi chí vu học*. Mười lăm tuổi phải ráng mà học. Chúng còn phải bỏ nhiều công để học bài học... xuân! Cũng cụ Khổng phán: "*Thất thập nhi tòng tâm sở dục, bất du cửu*." Bảy chục niên thì đã đắc đạo nên nghĩ hay làm gì cũng đều hợp đạo. Ông bạn họa sĩ Trịnh Cung năm nay cũng đã mấp mé bờ... cổ lai hy, chắc ông làm gì cũng hợp đạo! Chuyện ông vừa làm là chuyện... đổ! Người ta đồn rằng, chỉ một mẩu tin nhắn: "Em cần một bờ vai để khóc" của Phương Lan là Trịnh Cung đã "đổ" rồi! Trịnh Cung nói về cái sự... té của ông: "Một cô gái trẻ đẹp làm thơ hay, gửi cho tôi một tín hiệu đẹp như thế thì không 'đổ' mới là 'có vấn đề' (cười). Mọi chuyện xảy ra không thể nhanh hơn thế. Chúng tôi cứ thế là ập vào và bốc cháy thôi!" Nhà thơ Phương Lan, chỉ đúng hai chục cái xuân xanh... tiếp lửa: "Tôi không giấu giếm. Tôi đã 'tự đổ' trước khi thốt lên điều đó. Tôi cũng còn đủ tỉnh táo để biết rằng anh ấy 'đổ' là vì xiêu lòng. Xiêu lòng vì thấy tôi 'đổ' anh ấy đứ đừ rồi! Trong chuyện 'bốc cháy' này, chẳng biết ai là lửa, ai là rơm! Nhưng nói chung là lúc ấy chẳng còn biết gì cả. Tôi bị choáng váng đúng như tôi vẫn thường... mơ thấy!" Vụ cháy này sanh ra một phản ứng phụ: nhà thơ hai chục tuổi vác cái bụng. Họ sống với nhau trong một mùa xuân chắc không có trong tâm trí của Ngài Khổng. Mùa xuân của riêng họ.

Người ta vẫn thường nghĩ là những người làm văn nghệ không có tuổi. Họ chỉ có tết! Họ lúc nào cũng như những đứa trẻ hồn nhiên trong cuộc đời. Ông bạn Trịnh Cung vốn là người hồn nhiên. Hồn nhiên quá đi chứ. Suốt đời ông chỉ đi tìm cái đẹp. Còn cái đẹp nào hơn cái đẹp của một trái cây vừa "chín." Ông đã làm hỏng một trái cây chín. Tôi cùng một lứa với ông, chẳng làm được như ông. Ông Trịnh Cung, tôi nợ ông một chầu rượu... xuân!

01/2007

CHÓT

Tiếng cô tiếp viên điện thoại của hãng hàng

không Air Canada ngọt lịm trên ống nghe. *Không được rồi ông ạ! Tôi muốn nói là nếu ông đi vào ngày thứ bảy thì ông phải trả giá vé mắc lắm. Ngày Chủ nhật thì được vì hôm nay cũng là Chủ Nhật, như vậy ông đổi vé trước một tuần thì giá vé cũng bằng giá vé ông đã mua, chỉ phải thêm bốn chục tiền phạt cộng thuế. Nếu ông muốn tôi tiếp tục tìm chuyến bay cho ông thì ông phải trả thêm hai chục tiền dịch vụ. Ông nên vào internet tìm lấy thì khỏi mất số tiền này. Ông nói sao? Cứ tiếp tục hả? Tôi đã tìm cách đỡ tốn tiền cho ông mà ông không chịu sao?* Cái giọng pha đường dễ chịu làm số tiền hai chục đô nhỏ đi. Thực ra tôi đang lang thang ở Cali, có việc gấp muốn đổi vé máy bay trở về Montréal sớm hơn, internet không có sẵn, cũng có thể có được nhưng mất công, cứ biếu thêm người đẹp (có thấy hình dáng đâu mà cũng cứ nghĩ là đẹp!) hai chục cho được việc nhà nước. Tôi liếc nhìn lên tấm lịch treo tường. Ngày Chủ Nhật là ngày chót của tờ lịch tháng 12! Lại thêm một lần di chuyển vào ngày cùng tháng tận! Tôi đã từng viết ở đâu đó là đời tôi vẫn cứ phải long đong xê dịch vào những ngày chót trong năm như vậy. Không biết bao nhiêu lần, tôi chẳng buồn đếm nữa.

Cuối hay chót đều chỉ một vị trí lẹt đẹt không còn gì ở phía sau. Nhưng tôi thích chữ "chót" hơn. Nghe như bị bỏ rơi một cách tội nghiệp! Chuyến đi cuối năm, trở về vào ngày chót của tấm lịch, làm tôi hao hụt nhiều. Trong niềm vui còn được nhìn thấy nhau giữa những người bạn xưa, cố ý tìm gặp cũng có, tình cờ gặp cũng có, nghe ra có nhiều mất mát. Leo lên xe đò Hoàng từ San Jose về Santa Ana, tôi có nhiều bỡ ngỡ. Một ông khách, lắc đầu cho sự ngờ nghệch cứ nhất định hỏi cho ra chỗ mua vé của tôi, đẩy tôi lên xe. Các ghế ngồi đã hầu như kín khách. Liếc thấy một chỗ trống, tôi vội xà xuống. Loay hoay với quần áo và hành lý một hồi, quay sang người đồng hành ghế bên cạnh, vội sững người. *H. phải không?* Cặp mắt lờ đờ dưới tròng kính cận dầy cộm nhướng lên tra hỏi. *Đúng rồi! Mà ông là ai vậy?* Hóa ra ông bạn học ở Văn Khoa Sài Gòn ngày xưa. Cũng từ đầu thập niên 1960 đến giờ không gặp nhau. Hơn bốn chục năm tình cờ gặp lại, câu hỏi đầu tiên của tôi thật vô duyên. *Ông có vé xe chưa? Tôi chưa kịp mua vé!* Lại một cái nhìn thương hại. *Ông cứ ngồi yên đó. Người ta không quên ông đâu!* Ấy, bạn bè bây giờ nhìn thấy lại được nhau nó cứ lẩm cẩm như vậy. Ông bạn tôi khai ra từ đầu xuống đến... ngực. Đầu đã bị đục một lỗ để lôi ra một cục bướu. May phước đó là bướu lành! Tim chạy loạng quạng đã phải gắn thêm một anh... cảnh sát công lộ bằng máy để điều hòa nhịp tim. Lâu lâu lại phải móc ra thay pin! Ba món ăn chơi: cao máu, *cholesterone* và tiểu đường đều đề huề nằm trong người. Cười, tay móc ra một bao ni-lông. Xanh đỏ trắng vàng lổn nhổn nằm một vốc. *Thuốc mỗi ngày đấy!*

Mấy ông bạn từ hồi Chu Văn An không biết giấu thuốc nơi đâu nhưng chẳng ông nào không khai bệnh. Không vẹo chỗ này thì cũng vẹo chỗ khác. Có ông còn chơi nguyên một cây gậy chống mà miệng vẫn toe toét. Tiếng mày tao nghe ra đã ngường ngượng. Đứa thì chục năm, đứa vài chục năm, mèng ra cũng hai ba năm chưa nhìn thấy mặt nhau. Vẫn cứ tưởng như vẫn còn ở độ tuổi mười tám đôi mươi. *Cười cười nói nói rộn ràng/ Mà bạch phát với... bạch phát thường ái ngại!*

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn vốn vẫn thường nhỏ nhẹ. Nhỏ nhẹ như văn của anh. Tóc chưa... bạch phát, da dẻ vẫn thắm thiết, chỉ có mỗi tội buồn. *Moa không thích hợp được với cuộc sống bên đây!* Thế nên chuyện di chuyển phó mặc cho bà xã. Chị lái xe, anh lái tài xế. Thêm một tội nữa: nhìn đời bằng nửa con mắt! Mắt anh bị che mất một nửa không nhìn thấy gì. Chỉ còn nhìn được một nửa. *Nửa trên hay nửa dưới?* Câu trả lời vọt ra ngay. *Nửa trên mới chán chứ!* Cười. Tiếng cười cũng nhỏ nhẹ.

Ông bạn đồng liêu của tôi vốn ăn to nói lớn, cười đùa sảng khoái, bỗng một tích tắc bị anh *stroke* ghé thăm. Vẹo! Xe ò e đưa vào bệnh viện. Rồi xe ò e tiếp tục đưa qua *nursing home*. Tôi ghé San Francisco chỉ để thăm người... tiếu sĩ ngã ngựa này. *Nursing home* nằm ngay giữa *downtown* tiện cho người nhà lui tới nhưng chỗ đậu xe thì thiên nan vạn nan. Chạy lui chạy tới mãi mới kiếm được một cái lỗ hổng. Đút đầu xe vô. Cột bỏ tiền chỉ cho tối đa nửa tiếng đồng hồ. Chạy vội lên lầu ba. Ông bạn trông như một bản nháp vụng về của lần gặp hai năm trước đây. Gọi tên. "Người" ngơ ngác. Xưng tên mình. Cặp mắt nhướng lên. Rồi bỗng òa khóc nức nở. Qua cơn xúc động, cuộc chuyện trò khập khiễng. Nửa giờ trôi qua. Nói kéo lê kéo lết chỉ khoảng mười phút, khóc tới hai mươi phút. Chào tạm biệt. Người ông bạn quặn lên. Nước mũi nước giãi đầm đìa. Đành cứ đằng sau quay! Chạy đua với ông cảnh sát đang rình rập đâu đó sẵn sàng phát cho cái *ticket*!

Ticket của anh bạn dân không được mến chuộng, chuyện nhỏ! *Ticket* của anh già Ung tinh

quái mới là chuyện phiền phức. Ông bạn Nguyễn Mộng Giác đã nhận được cái *ticket* phiền phức này hơn ba năm trước. Đúng vào dịp tôi ti toe ra mắt cuốn *Bên Lưng Những Con Chữ* tại phòng Sinh Hoạt của nhật báo Người Việt. Đây là lần đầu tiên tôi vác sách tới khoe với bàn dân thiên hạ tại nơi được mệnh danh là "thủ đô" của người Việt hải ngoại. Giới thiệu tác giả đã có ông bạn cùng lớp ở Chu Văn An xưa, nay là Tiến Sĩ Trần Huy Bích. Giới thiệu tác phẩm đã có nhà văn trẻ Đặng Thơ Thơ. Vậy mà ông bạn Nguyễn Mộng Giác cũng tình nguyện lên sân khấu để tâm tình "giữa người viết với người viết." Bữa đó anh nói rất nhiệt thành và sôi nổi. Tôi phải xúc động và cám ơn người cầm trịch của tạp chí Văn Học. Nhưng sau đó tôi mới biết, khi lên phát biểu, anh Nguyễn Mộng Giác vừa biết mình bị anh già Ung hỏi thăm lá gan. Về lại Montreal, tôi mới liên lạc điện thoại được với chị Diệu Chi. Anh Giác đã về Việt Nam thăm mẹ già trước khi trở lại để lên bàn giải phẫu. Tôi trách chị sao không cho chúng tôi biết để chia sẻ với anh. Chị cho biết là anh chị đã quyết định giữ sự không may này trong gia đình với nhau, không muốn làm phiền tới các bạn. Gặp lại anh Giác lần này, anh già Ung hình như đã hết linh. Ngồi nói chuyện tại quán cà phê văn nghệ Factory, trả lời một người không quen hỏi thăm, Nguyễn Mộng Giác đã điềm nhiên và dõng dạc: "Tôi bị ung thư gan!" Rồi vẫn cười nói rộn ràng. Coi anh già khó chịu chuyên chơi xấu thiên hạ như pha! *Bệnh ở trong người thành bệnh bạn / Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân / Gối tay lên bệnh nằm thanh thản / Thành một đôi ta rất đá vàng* (Mai Thảo). Bạn gì nổi, thân gì nổi, đá vàng gì nổi! Bạn tôi đánh văng anh già đi. Hình như sau bốn lần dao kéo, thuốc men triền miên, anh già đành thu quân. *Sức khỏe tôi khá tốt, bây giờ sáu tháng mới tái khám, bác sĩ bảo nếu qua được tới năm năm thì hết nguy hiểm, cũng đã ba năm rưỡi rồi!* Hai phần ba đoạn đường chiến binh đã vượt qua. Xá chi khúc... chót! Chẳng thế mà chưa bước vào cửa căn nhà có cái phòng khách rộng lúc nào cũng như muốn tiếp rước bạn bè, tôi đã nghe vang vang tiếng cười của người hiền phụ đã từng xắn tay áo phụ chồng đá anh già Ung khó chịu ra ngoài đường!

Nhà của nhà thơ Du Tử Lê lại ăn đứt về cái vườn. Một khuôn vườn như để hoang dã với cây cỏ mọc tự nhiên. Một vũng nước nhỏ nằm chính giữa, cỏ cây bao quanh, chiếc thùng phuy chứa nước quanh năm nhả ra một dòng nước chạy liếm qua những phiến đá cao thấp róc rách. Tượng bán thân nhà thơ do bàn tay tài hoa của nhà điêu khắc Ưu Đàm ngồi trên một chiếc bệ cao nhìn xuống dòng nước bên dưới. Một lồng chim, phải nói là... nhà chim mới đúng, chiếm một khoảnh vườn, líu chíu tiếng oanh. Những gốc cây nằm rải rác trên mặt đất thô tháp như phong cảnh một vùng quê Việt Nam. Giữa khung cảnh hoang sơ đó, Du Tử Lê vẫn cười nói, nhỏ nhẹ nhưng hào hứng. Anh già Ung lại một lần nữa bị chọc quê! Chút ruột già bị nhiễm ung như không hề hiện diện. Cuộc chiến đang tiếp diễn. Tinh thần quân ta rất vững! Khi tiễn tôi ra về, Lê nhỏ nhẹ, như anh vẫn nhỏ nhẹ suốt cuộc đời. *Làm được gì cứ làm đi nghe toa. Làm gì cũng tốt cả. Thời gian của chúng mình không còn nhiều đâu!*

Thời gian của cuộc sống không phải là thứ miên viễn. Người ta vẫn ví von cuộc đời này như cõi tạm. Ở đậu chốc lát rồi con người sẽ quày quả ra đi. Đi về đâu? Đó là lãnh vực của tôn giáo. Thiên Chúa giáo vẫn dạy con người về một nước thật ngày sau. Cuộc sống nơi trần thế không bao giờ là một cuộc sống thật. Của cải trần gian là thứ vướng víu bước chân con người. Trong một buổi lễ vào ngày cuối năm tại một ngôi thánh đường hành lễ bằng tiếng Việt nơi Quận Cam, hàng ngàn giáo dân vừa hoàn tất tham dự thánh lễ. Vị linh mục chủ tế ban phép lành cuối lễ, chúc "anh chị em ra đi bình an." Tưởng đã xong, nhưng chưa xong. Ông còn nói thêm vài câu với con chiên bổn đạo. Đại khái như thế này. Tôi vừa nhìn qua giỏ thu tiền thấy giấy một đồng nhiều quá. Có những thứ tiền khác giấy một đồng. Chúa thương chúng ta vô cùng, Ngài ban cho chúng ta nhiều ơn phúc, vậy thì chúng ta phải trả ơn Ngài một cách tương xứng hơn. Tôi sững sờ nhìn lên mặt người đại diện của Chúa trong chiếc áo lễ trang nghiêm. Ngài nói rất hồn nhiên. Như thể đang rao giảng những điều thánh thiện. Ngài là một vị linh mục có chút tiếng tăm, Giám Đốc một Phong Trào Công Giáo. Sống ở tuốt tận Canada như tôi mà cũng nghe tới danh ngài. Vậy thì tại sao lại có những lời khiến tôi nóng tai nóng mặt vì xấu hổ. Hình như ngài đã thản nhiên sa vào cõi thế. Mười ngày ngắn ngủi tôi lưu lại Quận Cam, tôi đã thấy phần lớn người Việt chúng ta ở đây đang tiếp tục sống trong một xã hội Việt Nam nối dài. Họ kèn cựa nhau theo mốt quần áo, theo kim cương hột soàn, theo kiểu xe, theo nhà cửa... Họ không sống mà như chạy theo cuộc sống. Cuộc sống trong mắt người khác. Họ nhìn thấy thành công, nể vì, hãnh

diện bằng cặp mắt của người bên cạnh. Rối rít tranh đua nhau, như những cầu thủ trong một đội banh nhìn lên bảng tỷ số trận đấu. Vị linh mục khả kính này không làm trọng tài, cũng không làm khán giả. Ông cũng đổ mồ hôi chạy theo trái banh, sút vào lưới ghi điểm. Dự xong một thánh lễ, tôi không có được sự bình an như lời chúc cuối lễ mà chỉ có một nội tâm rối beng vì bực bội. Những gì thuộc về vật chất, nó là vật chất. Những gì thuộc về tinh thần, nó là tinh thần. Mang chúng ra cân với nhau là một hành động bất khả và lố bịch. Tình thương, nhất là tình thương của Đấng Tối Cao, chẳng thể nào được trả bằng những đồng tiền trần gian, dù là những tờ giấy có trị giá lớn nhất. Người ta chỉ có thể trả lại tình thương bằng tình thương. Sự đóng góp trong nhà thờ không bao giờ là một cách trả nợ, nhất là món nợ ân tình. Giá trị của mỗi đồng tiền dâng cúng khác nhau. Người có hai đồng dâng cúng một đồng thì một đồng đó có giá trị hơn người có một ngàn đồng mà dâng cúng mười đồng. Dùng con mắt tinh thần để nhìn vào thì khác mà dùng con mắt trần tục để nhìn vào thì khác. Khác xa lắm. Vị linh mục khả kính trong buổi lễ cuối năm đã lạc bước ngay khi còn đang mặc áo lễ!

Tôi không thể lạc bước trên quãng đường trở về lại thành phố cũ. Trao phó thân mình cho cánh chim sắt thì lạc thế quái nào được! Máy bay hạ cánh đúng giờ. Chỉ còn bốn tiếng đồng hồ nữa là giao thừa. Tôi lễ mễ và mệt mỏi nuốt những thước đường dài dằng dặc tới chỗ lấy hành lý trong phi cảng Pierre Trudeau của thành phố ngụ cư Montreal. Những vòng xoay chập chờn trước mắt. Lấy xong hành lý, tôi đẩy qua cửa Quan Thuế. Tôi đưa tờ khai cho nhân viên thuế quan đứng kiểm soát ở cửa ra. Liếc nhìn tờ giấy, ông kéo tôi sang một góc. Tôi ngao ngán trong lòng. Lại rắc rối chi đây? Hai người đứng sát một bức tường tránh lối cho những người khác thơ thới xẹt ngang qua cửa ra ngoài. Ông thuế quan nhìn vào mặt tôi. Tay tôi đã sẵn tờ hóa đơn những thứ mua ở bên Mỹ. Chẳng có gì nhiều. Còn dưới số tiền tôi được phép mua rất nhiều. Tôi an tâm nhìn lại ông ta.

"Ông mang bao nhiêu tiền trong người?"

Câu hỏi tôi không chờ đợi. Tôi thành thật khai báo.

"Khoảng một ngàn."

Cặp mắt nghi ngờ xoáy lấy tôi.

"Ông có chắc không?"

Tôi khựng lại phác qua trong đầu số tiền mang theo và số tiền đã tiêu xài trong mười ngày ở Cali.

"Tôi nhớ khoảng đó."

"Ông để tiền ở đâu? Trong bóp phải không?"

"Không, tôi để trong xách tay."

"Ông mở ra cho tôi coi!"

Tôi vừa ngạc nhiên, vừa bất bình nhưng cũng đành theo lệnh. Nhìn vào xấp giấy bạc mỏng manh, ông ta phóng ra câu hỏi khác.

" Ông có đeo túi đựng tiền trong người không?"

"Không!"

Có lẽ tiếng không dứt khoát và mau mắn của tôi đã tốp lại được cái trò chơi thiếu thú vị này.

Về nhà tôi soi gương thấy mặt mình không đến nỗi hãm tài lắm. Vậy tại sao mọi người thong thả ra về mà mình bị chặn lại một cách vô duyên và... mất mặt như vậy? Suy nghĩ mãi tôi mới vỡ lẽ. Có lẽ tôi mang cái tên Việt Nam! Mang âm hưởng của những cái tên xuất hiện trên mặt báo gần đây liên quan đến chuyện rửa tiền rửa bạc. Tôi lại khổ vì tiền. Mà không phải tiền của mình. Nhưng làm sao mà chối mình không phải là người Việt Nam được đây!

Chuyện đi chơi mà thấy chẳng có chuyện nào vui. Thật chán mớ đời! Có chuyện nào vui không nhỉ? À, có chuyện ông Võ Phiến. Nhà văn Võ Phiến vừa "lên" 82 tuổi, trái tim không còn trinh nữa. Tim ông đã bị dao kéo giải phẫu lục tung lên rồi. Tôi tặng ông bốn cuốn sách, nhà thơ Luân Hoán gửi tôi mang tặng ông một cuốn nữa. Cầm sách, mắt ông sáng vui. Ông bày ra trên mặt bàn trước mặt năm cuốn sách nằm dắt giây nhau. Và ông ngồi ngắm, đầu gật gù thích chí. *Thế ra bây giờ anh em vẫn còn in sách được nhỉ?* Ông vào nhà trong, một hồi lâu sau, ông mang ra cuốn *Tuyển Tập Võ Phiến* dày trên ngàn trang, bìa cứng, in ấn rất đẹp, vừa được nhà xuất bản Người Việt cho phát hành. Trang đầu sách, ông đã đề tặng tôi, lại còn cho hai câu thơ:

Gặp nhau quen ít biết nhiều
Văn thơ một chữ trăm điều vấn vương.

Hóa ra ông cũng đã từng đọc Phiếm một chữ của tôi, thứ mà bà Viễn Phố, phu nhân của ông, cứ nhắc hoài trong suốt cuộc thăm viếng. Tiễn khách ra cửa, nhà văn Võ Phiến thường có một câu tiễn rất lạc quan. *Lần gặp này là áp chót đấy nhé!* Áp chót chẳng bao giờ là chót cả. Cũng là một niềm vui. Tuy rất mong manh!

01/2007

Website: www.songthao.com

TƯỜNG THUẬT CUỘC HỘI THẢO
"VĂN HỌC HẢI NGOẠI: THÀNH TỰU VÀ TIỀM NĂNG"

Tại nhật báo Việt Báo, Little Saigon, Nam California
ngày 27 tháng 01 năm 2007

CAM VŨ

LTS. *Cuối tháng Giêng năm 2007, hai biến cố văn học đã xảy ra tại Quận Cam, Nam California: ngày 27 cuộc Hội thảo "Văn học hải ngoại: Thành tựu và Tiềm năng" được tổ chức tại hội trường nhật báo Việt Báo, và ngày 28, buổi ra mắt Tuyển Tập Võ Phiến tại phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt. Hai sinh hoạt này gắn liền với nhau, có cái này nên có cái kia, vì nói chung, nhiều anh chị em trong văn giới từ các nơi xa về Quận Cam trong thời điểm có hai sinh hoạt này.*

Thế Kỷ 21 số này dành nhiều trang để tường thuật và đăng lại các tham luận và lời phát biểu của các diễn giả trong buổi hội thảo cũng như buổi ra mắt Tuyển Tập Võ Phiến.

Sau hơn 30 năm người Việt Nam ra nước ngoài sinh sống và xây dựng được những cộng đồng vững mạnh về kinh tế và văn hóa, trong đó sinh hoạt viết lách và xuất bản có lúc khá phồn thịnh, có lẽ không ai thấy cần phải đặt vấn đề "có một nền văn học Việt Nam hải ngoại" không, mà chỉ nên hỏi nền văn học ấy như thế nào.

Có người nghĩ rằng văn học là văn học, sao lại phân chia văn học trong nước và văn học hải ngoại. Trong một cái nhìn tổng quát, điều đó đúng. Đầu thế kỷ trước, một người Pháp sang làm việc tại thuộc địa Đông Dương, hay một người Anh tại thuộc địa Ấn Độ, mà viết tiểu thuyết, thì tác phẩm của các người ấy thuộc về nền văn học Pháp và Anh tại mẫu quốc, chứ không hề có "nền văn học thuộc địa." Thế tại sao người Việt Nam đi ra nước ngoài thì cứ khư khư đòi khẳng định một nền văn học của riêng mình? Vì hoàn cảnh của chúng ta khác. Chúng ta hoặc bị đuổi chạy, bị đẩy đi, hoặc trốn khỏi nước để ăn nhờ ở đậu xứ người với tư cách những kẻ mất quê hương, vì quê hương bị chiếm đoạt bởi những người theo chủ nghĩa cộng sản là thứ chế độ mà chúng ta, giống như phần nhân loại văn minh của thế giới, không thể chấp nhận về mọi mặt. Người Việt Nam đi tị nạn là để thoát ra khỏi sự áp bức tuyệt đối về cả đời sống vật chất lẫn tinh thần của chế độ cộng sản, vậy sự ra đi đó tự nó bao hàm một nội dung khác về con người và cuộc đời, xây dựng từ hai bàn tay trắng trên đất lạ một loại tinh thần Việt Nam khác với trong nước. Tinh thần đó có thể là nối tiếp truyền thống Việt Nam, có thể là sáng tạo nên cái mới dựa trên cái nền cũ, nhưng chắc chắn chúng ta không phải là những con ngựa bị che hai bên mắt chỉ biết cắm cổ chạy theo cái roi chỉ đường của đảng cộng sản. Chúng ta sống, sáng tác, với tư cách là những con người tự do. Chúng ta có nền văn học của chúng ta, dù hay dù dở dứt khoát đó không phải là văn học dưới cây gậy chỉ huy của bất cứ ai. Người cầm bút hải ngoại biết chắc chắn rằng những điều mình viết chỉ bắt nguồn từ chính trái tim của mình, khối óc của mình, cái nhìn của riêng mình, cảm hứng thẳm sâu từ lòng mình; mình không nhận mệnh lệnh hay giáo điều từ bất cứ nơi đâu, không phải né tránh điều gì. Vì thế rất khác với hoàn cảnh văn học trong nước. Vì thế, ít nhất trong tình hình hiện nay (năm thứ 32 sau 1975) không thể đánh đồng hai luồng văn học trong và ngoài nước Việt Nam với kiểu nhận định rất chung chung "văn học nào cũng là văn học."

Và, vì thế, chúng ta mới nói rằng có một nền văn học Việt Nam hải ngoại.

Những mức độ gọi là "cởi trói" của giới cầm quyền cộng sản chỉ là hành động "nới lỏng giây," anh chị em viết văn trong nước chưa bao giờ được cởi khỏi hẳn các vòng giây quấn quanh mình. Tự thâm tâm, người cầm bút chân chính trong hay ngoài nước có lẽ có những ước vọng không khác nhau trong việc sáng tác những tác phẩm cho văn học Việt Nam, nhưng trong thực tế những khác biệt về khí hậu chính trị lẫn nếp sống chắc chắn đóng vai trò rất lớn để tạm thời

tạo nên tình trạng giống như câu hát của Đặng Thế Phong ngày xưa: "*Trên con sông Thương nước chảy đôi dòng...*" Cùng một con sông mà có hai dòng nước, chúng ta không nói bên nào đục bên nào trong theo cái nghĩa đánh giá hơn thua, mà chỉ nói là có hai dòng nước tính chất khác nhau cùng chảy song song, và có thể, có những đoạn chảy ngược nhau nữa.

Văn học Việt Nam hải ngoại là một trong hai luồng nước ấy. Ngày 27 tháng Giêng năm 2007, tại Quận Cam, California Hoa Kỳ, bốn tạp chí Văn Học, Văn, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21 cùng với diễn đàn văn học nghệ thuật trên mạng www.damau.org và hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) cùng đứng ra tổ chức một cuộc hội thảo mang tên "Văn Học Hải Ngoại: Thành Tựu và Tiềm Năng," với sự tham gia của khoảng một trăm người thuộc giới văn học tại địa phương Quận Cam và từ xa tới.

Từ nước ngoài, có Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Hoàng Ngọc Diệp (Úc), Lê Quỳnh Mai (Canada),

Từ các địa phương khác trong nước Mỹ có Trần Hữu Thục tức Trần Doãn Nho (Boston), Nguyễn Thị Thanh Bình (Washington DC), ông bà Trần Hoài Thư (Virginia), Nguyễn Tường Thiết (Seattle), Nguyễn Xuân Hoàng, Lê Thị Thấm Vân, Lê Quế Hương, Trương Thị Thịnh (San Jose), Hoàng Đình Bình (Alabama)...

Các văn hữu sống trong vùng Quận Cam thì có ông bà Võ Phiến, ông bà Nguyễn Mộng Giác, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Đỗ Quý Toàn, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Xuân Nghĩa, Quỳnh Giao, Nguyễn Chí Thiện, Trịnh Thanh Thủy, Cao Xuân Huy, Hoàng Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Hương, Đặng Phú Phong, Lương Văn Tỷ, Phụng Nghi, Trần Văn Nam, Lữ Quỳnh, Xuân Đỗ, Trúc Chi, Phan Nhật Nam, ông bà Trần Huy Bích, Chân Huyền, Trần Văn Chi, Đặng Hiền, Lê Đình Nhất Lang, Đỗ Lê Anh Đào, Lê Đình Y-Sa, Phùng Nguyễn, Võ Thắng Tiết, Nguyễn Mạnh, Đặng Thơ Thơ, Phạm Xuân Đài...

Diễn tiến hội thảo

Cô Lê Đình Y-Sa, Chủ tịch Hội VAALA, đại diện Ban tổ chức chào mừng tất cả hội thảo viên, ngỏ lời cám ơn sự hỗ trợ của nhật báo Việt Báo đã cho mượn phòng sinh hoạt, một gian phòng đã trưng bày đầy tranh của họa sĩ Đằng Giao từ Việt Nam mang sang triển lãm, cảm ơn sự giúp đỡ của nhật báo Người Việt về một số phương tiện khác để thực hiện buổi hội thảo. Cô Y-Sa giới thiệu nhà thơ Trần Dạ Từ và nhà văn Nhã Ca, với tư cách là chủ nhà, lên nói lời chào đón tất cả anh chị em có mặt.

Cũng thuộc ban tổ chức, nhà báo Phạm Phú Minh nói về một cái duyên may, đó là nhân dịp ra mắt Tuyển Tập Võ Phiến vào ngày 28.01.2007, "quần hào" khắp nơi quy tụ về khá đông, nên sáu đơn vị nói trên mới đồng ý với nhau tạo nên buổi gặp gỡ và thảo luận này. Ông giới thiệu các anh chị thành viên của ban tổ chức gồm Nguyễn Xuân Hoàng (tạp chí Văn), Cao Xuân Huy (tạp chí Văn Học), Đặng Hiền (tạp chí Hợp Lưu), Đặng Thơ Thơ (website Damau.org), Lê Đình Y-Sa (VAALA) và chính ông, Phạm Phú Minh (tạp chí Thế Kỷ 21). Ban điều hợp buổi hội thảo được mời, gồm nhà báo Đỗ Quý Toàn, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, và cô Đỗ Lê Anh Đào, một nhà thơ trẻ đang hoạt động trong hội VAALA.

Nhà phê bình **Nguyễn Hưng Quốc** từ Úc sang, được ban điều hợp mời đầu tiên để trình bày phần đề dẫn cho buổi hội thảo. Với cái nhìn của một người nghiên cứu văn học, ông khẳng định nền văn học hải ngoại đã đạt nhiều bước tiến mới mẻ so với trong nước, và sự tự do sáng tác chính là một trong các tiềm năng to lớn mà người cầm bút hải ngoại đang có (xin xem toàn văn bài đề dẫn trong số báo này.)

Sau phần đề dẫn, cô Đỗ Lê Anh Đào cho biết một số văn hữu ở xa có gửi ý kiến đóng góp về cho ban tổ chức, đó là các nhà văn Trần Vũ ở Pháp, Đỗ Quyên ở Úc và Trần Mộng Tú ở Seattle. Ý kiến của **Trần Vũ** được cô Anh Đào đọc lại như sau:

Trước tiên nên gọi "Văn Học Di Dân Việt Nam" thay vì "Văn Học Hải Ngoại," vì cụm từ "Hải Ngoại" giới hạn ý nghĩa duy nhất trong lĩnh vực địa lý, trong khi "Di Dân" bao gộp chuyển động lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, địa lý của cả một dân tộc dưới cả hai hình thức: tự nguyện hoặc cưỡng bức.

Nếu trong hai chữ "Hải Ngoại" phạm trù không gian là chính, thì trong "Di Dân" con người-dân tộc là yếu tố chính. Nếu con người là trung tâm khảo sát của văn chương, thì tên gọi phải là "Văn Học Di Dân" thay vì "Văn Học Hải Ngoại."

Cách đây nhiều năm, Nguyễn Hưng Quốc đã lấy lại cụm từ "Khối Thịnh Vượng Chung" từ khái niệm Commonwealth của Liên Hiệp Anh, tuy nhiên "Khối Thịnh Vượng Chung" chưa thật

sự phù hợp với tình trạng hiện nay khi văn học VN chưa thịnh vượng và cũng chưa "chung." Hãy còn nhiều những phân cách, những rào cản hải quan, chế độ kiểm duyệt... Sẽ còn rất lâu trước khi người Việt có thể chứng kiến thực tế thịnh vượng của một nền văn học VN duy nhất.

Đóng góp của "Văn Học Di Dân" vô cùng hiển nhiên: Đã bảo lưu di sản của Văn Học Miền Nam 1954-1975 bị thiêu hủy tại quê nhà; đã giới thiệu thành công đến bạn đọc di dân thời kỳ 1986-1991 của "Văn Học Cởi Trói"; thành công trong việc chuyển hoá tâm tư độc giả hải ngoại thôi còn xem các nhà văn quốc nội là văn công mà đánh giá công bình các tác phẩm của họ. Đặc biệt, qua dịch thuật, đã giới thiệu ra thế giới nhiều tiểu thuyết giá trị của đất nước.

Chủ nhân Việt Báo Trần Dạ Từ - Nhã Ca chào mừng văn hữu tham dự hội thảo

Về mặt tinh thần, "Văn Học Di Dân" đã đi tiên phong trong nỗ lực hàn gắn vết thương chiến tranh. Chính các nhà văn di dân đã làm công việc này đầu tiên, với tất cả thiện chí, vừa bằng hội thảo, vừa "bảo trợ," đã cho nhiều nhà văn ''chính thống'' tiếng nói trước công chúng ''không chính thống'' bên ngoài... So sánh với tình trạng do dự, ngần ngại, chưa thật sự muốn xúc tiến hay thiếu quyết tâm, hoặc giới thiệu nhỏ giọt của Hội Nhà Văn, của Trường Viết Văn Nguyễn Du, của Viện Văn Học khi bàn đến ''văn chương của người Việt xa xứ,'' chúng ta càng thấy rõ ưu điểm của "Văn Học Di Dân" là một nền văn học mở.

Trong lịch sử chưa thời kỳ nào các nhà văn Việt Nam được tự do như các nhà văn di dân bây giờ. Sau nhiều ngàn năm lập nước, "Văn Học Di Dân" là nền văn học VN duy nhất không bị kiểm duyệt.

Cô Anh Đào cũng đọc một góp ý ngắn của nhà văn, nhà thơ **Trần Mộng Tú**; tóm tắt như sau: Sau hơn 30 năm nền văn học hải ngoại chưa có tác phẩm *tầm vóc* nào ra đời, như vậy thì chưa thể gọi có một thành tựu. Tiềm năng và thành tựu chỉ có thể có trong sự hy vọng vào lớp trẻ.

Cô Lê Đình Y-Sa đọc một số trích đoạn ý kiến của nhà văn **Đỗ Quyên** gửi từ Úc trong đó ông không đồng ý việc so sánh văn học hải ngoại với văn học trong nước, vì "muốn nói về sự thành công, về cái hay của Văn học hải ngoại thì phải so sánh với các điều kiện tồn tại của chính nó." Nói cách khác, vấn đề hải ngoại – trong nước không hề chỉ là về mặt địa lý, mà là tương quan đối kháng Ta-Địch, và chính sự đối kháng ấy là máu thịt của văn chương hải ngoại. Nhà văn Đỗ Quyên cho rằng thơ và dịch thơ là thành tựu lớn nhất của văn học hải ngoại, và đánh giá cao Tạp chí Thơ và các Websites văn học.

Các tham luận và ý kiến

Trở lại với cử tọa đang tham dự hội thảo, Ban điều hợp mời người phát biểu đầu tiên, nhà văn lão thành **Võ Phiến**. Sau đây là nguyên văn bài nói của nhà văn:

"Nói về nền văn học hải ngoại không khỏi có sự liên tưởng đến một nền văn học khác: quốc nội. Thật ra không phải chỉ từ khi có vài ba triệu người Việt Nam thoát nước ra đi dân tộc mới có cùng lúc hai nền văn học khác biệt tồn tại song song.

Từ 1946 đến 2006 là sáu mươi năm. Trong thời gian 30 năm đầu, trên cùng một nước có hai phía: phía cộng sản, phía dân chủ. Mỗi phía một nền văn học khác nhau. Ngẫu nhiên mà cánh cộng sản luôn ở bên ngoài: ngoài khu (trước hiệp định Genève), ngoài Bắc (sau hiệp định Genève). Còn cánh dân chủ lại luôn ở bên trong: trong thành (trước Genève), trong Nam (sau Genève). Rồi trong thời khoảng 30 năm sau đó - từ 1976 đến 2006 - thì phía cộng sản ở trong nước, phía chống cộng có một số thoát được ra ngoài nước.

Thành thử trong vòng 60 năm lúc ta ở trong thì họ ở ngoài, lúc ta văng ra ngoài thì họ tung hoành trong nước. Mỗi lần đổi vị trí phía cộng sản đều được hưởng thuận lợi. Họ kéo theo đông đảo nhân tài, nắm trong tay một lực lượng văn nghệ sĩ hùng hậu vượt hơn hẳn phía dân chủ.

Vào thời khoảng 1946-1955 bao nhiêu danh nhân nghệ sĩ Việt Nam đều ra khu cả, số còn lại trong thành được mấy đâu. Rồi sau 1955, đất nước chia hai, số văn nghệ sĩ thoát được vào Nam thấm gì so với số ở lại ngoài Bắc? Sau cùng khi Miền Nam sụp đổ vào năm 1975, văn nhân tài tử mấy ai thoát thân kịp thời? Đại đa số kẹt lại cả.

Trong hơn nửa thế kỷ, trải qua ba biến cố lớn (1946, 1954, 1975) lần nào phía cộng sản cũng tóm thu được phần đông đảo nhất, giỏi giang nhất của giới văn học nghệ thuật. Thế mà rốt cuộc thành quả hoạt động thì... Trường phái hiện thực xã hội chủ nghĩa được ca ngợi hết lời, được đem ra nghiên cứu ứng dụng ráo riết, rốt cuộc có được những tác giả và tác phẩm nào có giá trị? Ưu việt bậc nhất một thời là Tố Hữu: tác phẩm của ông đã chết theo tác giả.

Sáu mươi năm văn học cộng sản không có thành tựu lớn. Trái lại, cánh cộng sản đã để xảy ra một biến cố xấu xa: vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Tai tiếng về vụ này có hi vọng được nhắc nhở muôn đời.

Sự việc ở Việt Nam từ 1945 đến nay giữa hai bên cộng sản và dân chủ diễn ra như thể giữa hai tay chơi trên một chiếu bạc. Trên chiếu có một bên ván bài nào thoạt tiên cũng bắt được những lá bài tốt nhất mà rốt cuộc ván nào cũng thua.

Lý do thất bại liên tiếp của phía cộng sản là vì văn học nghệ thuật đố kỵ độc tài.

Văn nghệ không thể phát triển tốt đẹp dưới chế độ độc tài, điều ấy được chứng minh nhiều lần - như đã thấy - ở tại Việt Nam. Văn nghệ kỵ độc tài: nói chung thì vậy, nhưng có thể xét riêng từng mức độ độc tài. Hồi Pháp thuộc có trấn áp, có hạn chế tự do, có kiểm duyệt sách báo, tuy vậy bấy giờ các bộ môn văn học nghệ thuật vẫn phát triển: báo chí ra đời nhiều, các phái nhóm Tự Lực văn đoàn, Hàn Thuyên hoạt động mạnh, văn tài xuất hiện đông đảo. Đến thời đại cộng sản: có hò hét cổ võ tưng bừng mà hoạt động sáng tạo lại xoàng xĩnh.

Thực dân và cộng sản đều độc tài, nhưng một bên tiêu cực một bên tích cực. Thực dân độc tài bằng cách cấm đoán, cắt xén nghệ phẩm, chứ thực dân không điều khiển, không qui hướng sáng tác, không bắt buộc sáng tác phải theo đúng đường lối nào, trường phái nào. Có thể gọi đó là lối độc tài tiêu cực. Còn cộng sản thì tích cực: Không những cấm làm theo lối này, mà họ còn buộc văn nghệ sĩ phải làm theo cung cách kia đường lối nọ. Nói toạc ra, là phải sáng tác đúng theo hiện thực xã hội chủ nghĩa, một chủ nghĩa được quốc hội Nga xô chấp nhận!

Qua sự tình đã diễn ra, có thể nhận thấy: Để văn nghệ tự do tìm đường lối phát triển là tốt nhất. Hạn chế, cấm cản, tất nhiên có ngăn trở sự phát triển; nhưng tệ nhất là khi chính trị ra tay dìu dắt, uốn nắn, lèo lái thì đó là lúc... rồi đời văn nghệ.

Văn nghệ hải ngoại thì được tự do, đó là cái thuận lợi, ta mừng cho nó.

Nhưng ở văn nghệ hải ngoại, yếu tố "hải ngoại" còn đặt thêm những vấn đề cần suy nghĩ. Đây là chuyện mới mẻ, hi vọng rồi từ từ chúng ta sẽ thấy rõ dần."

Nhà phê bình **Bùi Vĩnh Phúc** có một số góp ý ứng khẩu. Theo ông, tiềm năng của văn học hải ngoại là những gì chưa phát triển đầy đủ, và ông tin là tiềm năng ấy phong phú qua điều kiện và môi trường sống cùng khả năng của người Việt hải ngoại. Tuy nhiên cũng phải xét đến những yếu kém, vì nếu bỏ qua thì khó thấy toàn diện các khả thể của nền văn học hải ngoại, một nền văn học mà ông tin là có thể có ảnh hưởng lên nền văn học trong nước.

Nhà văn **Đặng Thơ Thơ** đang chủ trương một diễn đàn văn chương trên mạng, mang tên ***damau.org***. Cô cho biết chính Website này là một hoạt động tích cực góp phần cho tương lai của văn học Việt Nam hải ngoại, vì những người chủ trương nghĩ đến một nền văn chương tiếng Việt xuyên quốc gia và xuyên biên giới địa lý, không đặt trọng tâm và không lệ thuộc vào một thể chế chính trị nào, mà liên kết với tất cả những nơi tiếng Việt đã đâm nhánh, tủa rễ ngoài nước Việt Nam (xin đọc toàn văn bài tham luận trong số báo này).

Một điều mà bản đề dẫn hội thảo đề nghị, là không nói, hoặc chỉ nói ít thôi, những nét tiêu cực của văn học hải ngoại, không phải vì muốn tránh né, nhưng chỉ vì những năm gần đây đã được nói đến nhiều rồi. Nhưng nhà văn **Nguyễn Mộng Giác** đã đề cập mạnh mẽ đến một số hình ảnh không phấn khởi chút nào về nền văn học này. Thứ nhất là độc giả đã trở nên quá ít: một cuốn thơ in ra chẳng hạn, chỉ

dùng để biếu, nhưng ngay cả biếu cũng không dễ, phải mời người ta đi uống cà phê mới đặt cuốn sách vào tay người ta được. Thời gian cực thịnh của văn học hải ngoại cách đây hơn hai mươi năm, một đầu sách có thể in 2000 cuốn, tiêu thụ một năm thì hết, bây giờ tối đa chỉ 500 cuốn mà thời gian tiêu thụ hết thì... vô tận. Thứ nhì, cả một nền văn học không có một cơ chế nào đóng vai trò một cái máy lọc, để định giá dùm cho người tiêu thụ cuốn sách nào hay, cuốn nào dở, để khỏi phải mua lầm. Ông cũng nhận thấy Internet là một khả năng mới mẻ để phổ biến sáng tác, cũng như nhận định tự do chính là một tiềm năng lớn của giới viết văn hải ngoại.

Nhà văn **Nguyễn Xuân Hoàng** trong ban điều hợp tiếp ngay lời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, cho biết rằng ông mới đọc một bài của nhà văn Nguyên Ngọc ở trong nước, thì thấy rằng tình hình in sách của một nước 83 triệu dân cũng không khác mấy với một nhúm dân di cư hải ngoại chỉ có ba triệu ở rải rác: số in cũng chỉ 500. Vậy cũng không nên bi quan quá đáng về tình hình bế tắc về người đọc ở hải ngoại.

Kế tiếp theo là phát biểu của **Hoàng Ngọc Tuấn**, người trông coi Website Tiền Vệ từ Úc sang. Thoạt tiên ông kể chuyện nước Nga: trùng với thời kỳ Glasnost, xuất hiện một nhà thơ Nga lừng lẫy ở nước ngoài, là Joseph Brodsky, được dân Nga coi như thần tượng. Và một cao trào nổi lên: những người trẻ thấy đây là một cơ hội thay đổi, họ không làm báo như là những người chống đối, nhưng mà làm văn chương đích thực. Họ đang học làm người tự do. Sau 1991, Liên Bang Xô Viết sụp đổ, các tác phẩm văn chương lưu vong được xuất bản ồ ạt trong nước, nhưng dần dần chỉ những tác phẩm có giá trị văn chương cao được ưa chuộng. Các tác giả lưu vong lần lượt về thăm quê hương, được giới trẻ đón tiếp nồng nhiệt, họ tổ chức nhiều cuộc hội thảo mời những nhân vật tiếng tăm như Solzhenitsyn, J. Brodsky... về nói chuyện. Các nhà văn xô viết cũ thì bây giờ đổi giọng, biến văn chương phục vụ chủ nghĩa cộng sản thành văn chương phục vụ đất nước. Họ ngồi lại với nhau, ca ngợi nhau, xuất bản sách báo với khẩu hiệu "hiện thực chủ nghĩa" thay vì "hiện thực xã hội chủ nghĩa." Đại hội Thơ Ca Nga Quốc Tế năm 2003 tại Moscow đã công nhận nền văn chương Nga lưu vong đích thực là tiền phong, giá trị của nó không thể chối cãi, và những tác phẩm ưu tú của văn chương lưu vong chiếm ưu thế tuyệt đối. Các tác giả thuộc nền văn học xô viết cũ, kể cả những người được huy chương Lê Nin, không còn một chỗ đứng nào. Bài học rút ra từ đấy là làm văn học thì phải viết cho hay, có tác phẩm giá trị thì trước sau sẽ được công nhận.

Năm ngoái nhà văn Nguyễn Viện từ Việt Nam qua Mỹ nghiên cứu về thơ, có cho biết sự thay đổi nhanh chóng và táo bạo của những nhà thơ Sài Gòn hiện nay là chịu ảnh hưởng các nhà thơ bên ngoài. Nguồn cảm hứng của họ bắt nguồn từ cảm thức tự do, bất cần nhà nước, họ viết cho bản thân mình. Nhờ Internet mà họ học được những thành tựu về ngôn ngữ và thi pháp của thơ ca hải ngoại. Đó là một thông tin đáng suy nghĩ.

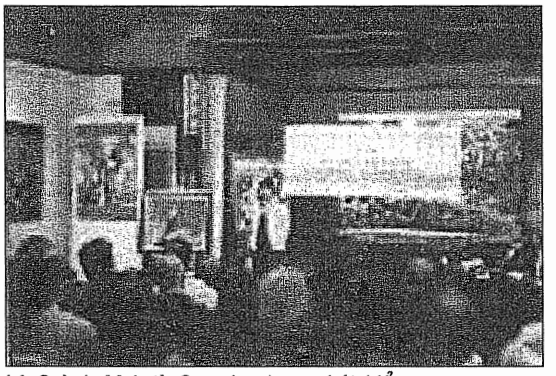

Lê Quỳnh Mai, từ Canada, đang phát biểu

Đặng Hiền, người chủ biên tạp chí Hợp Lưu hiện nay, trong phát biểu của mình cho rằng không nên phân chia văn học trong nước và văn học hải ngoại, vì thật ra chỉ có chung một nền văn học Việt Nam. Một nền văn học lớn phải là một nền văn học nhân bản. Ông cũng nghi ngờ khả năng của Internet trong lãnh vực văn học, cho rằng nó không thể thay thế sản phẩm in, vì là một phương tiện quá dễ dãi, mọi người ai cũng có thể thực hiện được nên nó có nguy cơ biến thành nhiều loại diễn đàn không đứng đắn.

Nhà văn **Nguyễn Hương**, tức Nguyễn Võ Thu Hương hiện là giáo sư môn Asian American Studies tại đại học UCLA đã được mời lên diễn đàn không có một tham luận được soạn trước, vì hiểu lời mời "tham dự hội thảo" chỉ là đến để nghe người khác nói. Tuy nhiên cử tọa vẫn bị lôi cuốn bởi lối nói hùng hồn, lưu loát, ý tưởng rất mạch lạc của cô. Cô nhắc đến hình ảnh nền Thịnh Vượng Chung văn học của Nguyễn Hưng Quốc và ý kiến phản bác của Trần Vũ nói không có thịnh vượng mà cũng

chẳng có chung, và cho cả hai đều có cái lý của mình. Nguyễn Hương đồng ý với ý niệm một nền thịnh vượng chung như một tiềm năng, tuy chưa bộc lộ hết khả năng của mình, nhưng luôn luôn hiện diện như một dự phóng, một kỳ vọng ở tương lai. Còn thực tế thì Trần Vũ đúng, vì một nền văn học ngoài chỗ đứng văn học của nó, còn phải có chỗ đứng chính trị và lịch sử, mà những điều này thì nền văn học hải ngoại của chúng ta chưa đạt được. Văn chương miền Nam, văn chương hải ngoại cho đến bây giờ coi như bị bôi xóa ở trong nước. Gần đây có một tạp chí Thơ xuất bản ở Hà Nội lại có đăng một số sáng tác của các tác giả hải ngoại, trong lời giới thiệu nhà văn Hữu Thỉnh nói trong nước đang mở rộng vòng tay đón nhận những người tha hương mà không pha tiếng. Nguyễn Hương cho rằng nếu chúng ta chỉ đứng yên một chỗ, và nếu có một nền Thịnh Vượng Chung dưới sự khống chế của nhà nước Việt Nam, thì hãy coi chừng! Lấy lại ý kiến của Đặng Hiền vừa nêu, là cần có một nền văn học nhân bản, có giá trị phổ quát về con người, cô nói điều đó thì không ai chối cãi được. Nhưng để đến chỗ phổ quát đó thì mọi phía phải bình đẳng với nhau, về lịch sử và chính trị. Điều đó buộc ta phải nhìn lại một số vấn đề về lịch sử. Phải suy nghĩ gắt gao hơn, không thể quá tự dễ dãi với chính mình.

Hoàng Ngọc Tuấn ngoài việc nghiên cứu văn học còn là một nhạc sĩ sáng tác có ngón đàn ghi ta rất độc đáo. Anh đã đàn và hát hai ca khúc anh phổ thơ Thanh Tâm Tuyền, là bài Nhịp Ba và Những Cuộc Tình Duyên Budapest. Nghe xong, nhà thơ Đỗ quý Toàn từ bàn điều hợp nói rằng những bài thơ này ông đã đọc cách đây nửa thế kỷ, nhưng chưa lần nào thấy hay và thấm thía như lần này.

"Người ta thường gọi tôi là kinh tế gia, nghe mãi tôi tưởng là thật" nhà kinh tế **Nguyễn Xuân Nghĩa** nửa đùa nửa thật đã nói như vậy để mở đầu phần phát biểu của mình. Ông muốn nói về nền văn học hải ngoại với tư cách một người tiêu thụ, nghĩa là người bỏ tiền mua sách để đọc. Liên hệ ý kiến của nhà văn Nguyễn Mộng Giác vừa phát biểu than phiền về việc mua phải sách dở, kinh tế gia nói rằng người viết có tự do của họ, có thể viết hay hoặc dở, và người mua, tức người tiêu thụ, mang tiền mua sách phải chấp nhận cái rủi ro của thị trường tự do. Nếu bây giờ lại đòi hỏi một cơ quan làm công tác chọn lựa dùm cho công chúng tác phẩm để đọc thì không khéo lại rơi vào hệ thống văn học có chỉ huy. Trong thị trường tự do, một tác phẩm hay hoặc dở tự nhiên được thông tin giữa giới đọc sách với nhau, không cần phải được chỉ đạo bởi một mệnh lệnh nào. Một sự kiện khác được Nguyễn Xuân Nghĩa lưu ý là ngày nay ở hải ngoại có thể đọc nhiều sách trong nước, hoặc qua các hiệu sách, hoặc qua Internet, trong khi đó trong nước thì không đọc được hải ngoại bao nhiêu. Vì chính quyền trong nước cấm đoán đã đành, nhưng ngay trên Internet những tác phẩm hải ngoại được giới thiệu cũng không nhiều. Lý do, nhà văn Nguyễn Mộng Giác gọi là sự lão hóa, nhà kinh tế Nguyễn Xuân Nghĩa gọi là sự lười biếng. Ông trách giới văn học hải ngoại không chịu cố gắng đưa nhiều tác phẩm văn học lên mạng, ngay cả những tạp chí chuyên về văn học cũng ít khi làm việc này. Nếu chịu khó đưa tác phẩm lên mạng, ta sẽ đếm được số người đọc, và những con số sẽ cho chúng ta biết rằng chúng ta vẫn còn có người đọc, chỉ có chúng ta bỏ rơi họ thôi! Ngay sách in, có những cuốn (dù chưa hẳn là sách văn chương) bán tới số bốn, năm nghìn trong một thời gian ngắn, điều đó cho thấy đâu có hết người đọc. Những cuốn sách văn học thật sự giá trị, ví dụ hai bộ trường thiên của Nguyễn Mộng Giác, được tái bản nhiều lần, số in đâu có dừng ở năm trăm! Vấn đề là nhà văn phải xét lại mình: chúng ta có thật sự viết cho độc giả hay không, hay là chúng ta chỉ viết cho mình, về những tự sự của chính chúng ta? Độc giả không thấy những giá trị phổ quát trong đó, họ thờ ơ, đó là lỗi tại người viết. Chúng ta có tiềm năng nhưng không khai thác, rồi lại quay ra cắn đắn, than trách nhau!

Nhà văn **Cao Xuân Huy** hiện nay đang là chủ biên tạp chí Văn Học, muốn nói về một sự thành tựu cụ thể của nền văn học hải ngoại: tờ Văn Học. Tiền thân của Văn Học là tờ Văn Học Nghệ Thuật do hai nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều sáng lập vào đầu thập niên 1980. Sau đó biến thành tờ Văn Học do nhà văn Nguyễn Mộng Giác coi sóc một thời gian dài, rồi kéo dài cho đến nay với Cao Xuân Huy. Trong thời gian hơn hai mươi năm đó, Văn Học có công gìn giữ và phát triển sự sinh động trong sinh hoạt văn học, và đã khám phá ra một số đáng kể các cây bút mới như Trần Vũ, Đỗ Quỳnh Dao, Lê Minh Hà, Y Chi, Nhược Thủy, Quỳnh Mai... Những người chủ trương ban đầu của tạp chí này, trừ Lê Tất Điều, đều có mặt tại hội

thảo, và nhà văn Cao Xuân Huy đã thay mặt tất cả cám ơn công trình "khai sơn phá thạch" của họ.

Nhà thơ **Nguyễn Chí Thiện** thì nhận xét rằng sinh hoạt văn, thơ lúc nào cũng có nhiều người tham gia, nhưng số thành công thì rất hiếm hoi. Ông cho rằng cái chính là sự cố gắng của người cầm bút, còn chuyện thành bại không nên để tâm nhiều. Ông cũng nghĩ rằng văn học hải ngoại có một tiềm năng rất lớn.

Nhà văn **Nguyễn Thị Thanh Bình** đến từ Washington DC là người đầu tiên yêu cầu cử tọa lưu ý đến các nhà văn nữ, một lực lượng rất quan trọng, ngay trong phòng hội thảo này đã hiện diện nào Đặng Thơ Thơ, Thấm Vân, Nguyễn Hương, Anh Đào, Ngọc Anh... Các nhà văn nữ đã góp công đáng kể để xây dựng nền văn học hải ngoại. Thanh Bình cho rằng cần nuôi dưỡng văn chương trong đường trường, nếu hải ngoại vững mạnh thì sẽ đồng đẳng với trong nước.

Tiếp theo Thanh Bình là một nhà văn nữ khác, **Lê Quỳnh Mai** đến từ Monteral, Canada và cũng có cùng một ý với Thanh Bình, là phải lưu ý đến các nhà văn nữ. Theo Quỳnh Mai, nhà văn nữ hải ngoại đã đóng góp xuất sắc trong lãnh vực truyện ngắn, và đã tạo nên bước đột phá về sự táo bạo của mình khi từ đề tài quen thuộc tình yêu bước một bước sang lãnh địa của tình dục. Sự táo bạo này đã bị tấn công, nhưng các nhà văn nữ biết rõ những gì mình làm: tình yêu và tình dục là hai yếu tố gắn liền nhau. Đó là đề tài của văn chương, không phải khiêu dâm.

Khi viết truyện thì ký là Trần Doãn Nho, khi viết khảo luận thì ký tên thật **Trần Hữu Thục**, nhà văn đến từ Boston này lôi cuốn sự chú ý của cử tọa ngay ở giây phút đầu tiên. Ông chia sẻ những hình ảnh không mấy phấn khởi của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, nhưng nói rằng văn chương luôn luôn bắt nguồn từ sự thất bại, kể cả thất bại trong tình dục. Và nhờ bi quan mà có nền văn học hải ngoại. Nhưng về nền văn học mà chúng ta đang có, chúng ta không nên lạc quan hay bi quan. Chúng ta chỉ nên nói về cái chúng ta đang có. Và một khi còn cảm thấy sự thúc bách nội tâm, chúng ta còn viết, viết hoài, không màn ai khen hay ai chê, thành công hay thất bại: chính thái độ sáng tác như thế đã là một thành tựu. Về một mặt khác, nền văn học hải ngoại đã gìn giữ nền văn học miền Nam đã bị chính quyền cộng sản thiêu hủy ngay trên đất nước Việt Nam. Và trong một mức độ nào đó, nó còn gìn giữ nhiều di sản văn hóa xa hơn nữa trong quá khứ, nhất là những thứ không vừa khẩu vị của chế độ cộng sản. (Xin đọc nguyên văn bài phát biểu của Trần Hữu Thục trong số này).

Người phát biểu sau cùng trước khi tổng kết là nhà văn **Phùng Nguyễn**. Ông nhấn mạnh đến ảnh hưởng của yếu tố kỹ thuật trên văn học. Kỹ thuật có thể cứu vãn những gì có thể mất đi, có thể xóa bớt sự cách biệt trong ngôn ngữ của những vùng địa lý cách xa nhau... Đó là một tiềm năng rất lớn mà những ai có trách nhiệm cần sử dụng. (Xin xem toàn bài phát biểu của Phùng Nguyễn trong số này).

Người nói lời đề dẫn cũng là người nói lời kết thúc buổi hội thảo. Nhà phê bình **Nguyễn Hưng Quốc** đã thở phào một hơi dài để tỏ nỗi vui mừng của ông sau bốn tiếng đồng hồ theo dõi cuộc trao đổi ý kiến. Điều ông lo sợ nhất là diễn đàn hội thảo sẽ biến thành nơi để công kích nhau, đã không diễn ra. Trái lại toàn là những ý kiến dù có thể trái ngược nhau, nhưng đều xây dựng, ngắm vào cái chung, và đều cùng được lắng nghe. Ông cũng thấy rằng một cuộc hội thảo như thế này khó có thể nói đã đạt được một điều gì cụ thể. Về văn học là phải đề cập đến từng tác phẩm, từng tác giả cụ thể, riêng buổi hôm nay chúng ta chỉ nói đến toàn những điểm chung chung. Thế nhưng dù kết quả của hội thảo sẽ không tìm thấy trong buổi hội thảo hôm nay, nhưng nó sẽ có, khi một điểm nào đấy thuộc nội dung buổi hội thảo này còn theo mỗi người về nhà, còn ám ảnh tâm tư người ấy, khiến người ấy thao thức: chính đó mới là điều quan trọng.

Nền văn học hải ngoại trong thực tế đã cứu vãn nền văn học miền Nam trước 1975. Không những cứu tác phẩm, nó còn cứu tác giả: chỉ những tác giả đi ra được nước ngoài mới còn được tồn tại như là nhà văn nhà thơ, những người ở lại trong nước hầu như mất cái tư cách ấy. Nền văn học hải ngoại còn cứu mảng văn học đối kháng trong nước: nó đã hỗ trợ, quảng bá phong trào đổi mới trong nước, giới thiệu những tác phẩm bị cấm đoán, nói chung, nó đã "quốc tế hóa" mảng văn học này trong nước.

Sau cùng, nói đến văn học là nói đến tác phẩm. Tín hiệu gửi đi từ cuộc hội thảo này là: chúng ta phải tạo ra những tác phẩm hay. Đó là điều cần nhất để làm nên vinh dự, thành công cho nền văn học hải ngoại của chúng ta.

HỘI THẢO VỀ VĂN HỌC HẢI NGOẠI:
THÀNH TỰU VÀ TIỀM NĂNG
(California, 27 tháng 1, 2007)

ĐỀ DẪN
NGUYỄN HƯNG QUỐC

Nguyễn Hưng Quốc sinh năm 1957 tại Quảng Nam, vượt biên và định cư tại Pháp từ 1985, di dân sang Úc từ năm 1991. Tốt nghiệp thủ khoa Khoa Văn trường Đại học Sư phạm thành phố HCM và tiến sĩ văn học tại Úc, Nguyễn Hưng Quốc nguyên là giảng viên về văn học cổ điển tại Việt Nam trước khi vượt biên và hiện là chủ nhiệm ngành Việt Học tại trường Victoria University, Úc, dạy các môn ngôn ngữ, văn học, văn hoá và chiến tranh Việt Nam.

Cộng tác với hầu hết các tạp chí văn học ở hải ngoại, từ *Văn*, *Văn Học* đến *Hợp Lưu*, Nguyễn Hưng Quốc còn là chủ bút tạp chí *Việt* (1998-2001). Từ đầu 2003, cùng với Hoàng Ngọc-Tuấn, NHQ sáng lập và điều hành Trung tâm văn học nghệ thuật Liên Mạng Tiền Vệ http://www.tienve.org, tờ báo mạng duy nhất về văn học nghệ thuật bằng tiếng Việt có bài mới cập nhật mỗi ngày.

Là tác giả của 10 công trình nghiên cứu, gồm: *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (1988), *Nghĩ về thơ* (1989), *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản* (1991 & 1996), Võ Phiến (1996), *Thơ, v.v... và v.v...* (1996), *Văn học Việt Nam từ điểm nhìn h(ậu h)iện đại* (2000), *Văn hoá văn chương Việt Nam* (2002), *Sống với chữ* (2004), *Thơ Con Cóc và những vấn đề khác* (2006), và *Mấy vấn đề phê bình và lý thuyết văn học* (2007), Nguyễn Hưng Quốc được nhiều nhà văn và nhà thơ, trong cũng như ngoài nước, đánh giá là một trong những nhà phê bình xuất sắc, có uy tín và có ảnh hưởng nhất của Việt Nam hiện nay.

Khác với các cuộc hội thảo về chính trị thường nhắm đến việc tìm kiếm sự đồng tình và đồng thuận trong quan điểm cũng như trong kế hoạch hành động, mục tiêu chính của các cuộc hội thảo về văn học thực sự, ngược lại, chủ yếu là để mỗi người tự giác hơn về sự khác biệt của mình, hay nói cách khác, để... gây chia rẽ. Lý do rất đơn giản: trong lãnh vực văn học, những vấn đề mà mọi người đồng ý với nhau thường rất ít có ý nghĩa. Đó là những điểm bắt đầu chứ không phải là những điểm kết thúc. Từ những chỗ bắt đầu ấy, mỗi người phải tìm các câu trả lời riêng. Sự thành công hay thất bại của cuộc hội thảo hôm nay, như vậy, tuỳ thuộc vào những câu trả lời mà mỗi người tự tìm ra cho mình. Nói cách khác nữa, chúng ta không nên chờ đợi bất cứ điều gì trong một cuộc thảo luận như thế này trừ những điều chính bản thân chúng ta tìm kiếm và phát hiện được. Mọi ý kiến, đến từ bất cứ ai, do đó, đều chỉ là những gợi ý.

Nhưng tại sao đề tài hội thảo lại là văn học hải ngoại?

Thật ra, cũng không có gì khó hiểu. Sự phản tỉnh và tự đánh giá bao giờ cũng là những sự cần thiết cho bất cứ một nỗ lực tự hoàn thiện nào. Đối với một tập thể, điều đó lại càng quan trọng. Đối với một tập thể lưu vong, còn hơn là một sự quan trọng, đó là một thiết yếu: bản chất của một nền văn học lưu vong là sự bất an. Bất an về những gì được viết ra và những gì còn lại. Bất an về cả sự hiện hữu của cái gọi là văn học lưu vong; về số mệnh của nó trong tương lai gần cũng như tương lai xa. Bất an về mọi mặt. Không bất an cũng không được. Xã hội chung quanh thường xuyên nhắc nhở chúng ta: văn học lưu vong là chuyện bên lề, mong manh, nhỏ nhoi và hết sức phù phiếm. Quê gốc, nơi chúng ta bỏ lại và không ngớt nghĩ đến, cũng nhắc nhở chúng ta: "họ" mới là chính mạch và thuộc về lịch sử. Thái độ kỳ thị ấy bàng bạc ở mọi nơi và mọi lúc. Nó bộc lộ công khai,

Nguyễn Hưng Quốc nói lời dẫn đề dẫn.

không cần giấu giếm. Sách báo xuất bản ở hải ngoại: cấm (1). Mọi phê bình về văn học hải ngoại từ góc độ mỹ học: cấm. Thậm chí cả những trích dẫn từ nhiều cây bút ở hải ngoại: cũng bị cấm nốt.

Càng bất an càng thao thức. Bởi vậy hoàn toàn không có gì đáng ngạc nhiên nếu hôm nay chúng ta lại quay trở lại cái đề tài chúng ta đã từng bàn cãi nhiều lần: thành tựu và tiềm năng của văn học hải ngoại. Dĩ nhiên, đây không phải là lần cuối cùng. Sẽ không bao giờ có cái lần cuối cùng ấy cả. Bởi không bao giờ chúng ta có được câu trả lời rõ ràng và dứt khoát về vấn đề này. Nó sẽ được đặt ra nữa, một lúc nào đó, trong tương lai. Chắc chắn.

Chỉ có điều là lần này, chúng ta sẽ không bàn đến những khía cạnh tiêu cực, những khó khăn, những trắc trở và những bế tắc của văn học hải ngoại. Từ lâu, đã có nhiều người bàn đến những chuyện ấy rồi. Điều kiện sống vừa phân tán vừa tự cô lập với môi trường chung quanh, tình trạng lão hoá của cả tác giả lẫn độc giả, tinh thần hoài hương và hoài cổ nặng nề, cảm giác bị hụt hẫng, chơi vơi ở khoảng giữa các nền văn hoá, mặc cảm vừa tự tôn lại vừa tự ti khi đối sánh với người trong nước, v.v... tất cả, với những mức độ khác nhau, đều có thật. Đó là số mệnh của mọi nền văn học lưu vong, không riêng gì của Việt Nam. Nhưng chính vì thế, việc đào sâu những khía cạnh ấy chỉ có ý nghĩa nhận thức nhưng lại không có ý nghĩa thực tiễn: Chúng ta biết tất cả những hạn chế ấy, nhưng với tư cách cá nhân cũng như tư cách tập thể, chúng ta không thể làm gì khác được. Mọi người đã cố gắng hết sức. Nhưng dù cố gắng đến mấy cũng có những giới hạn không thể vượt qua được.

Hơn nữa, những nhận xét về các khía cạnh tiêu cực của văn học hải ngoại, tuy đúng, nhưng chưa chắc đã đúng hẳn. Một là, hầu hết những nhận xét ấy đều dừng lại ở khía cạnh sinh hoạt; mà văn học không phải chỉ là việc xuất bản hay phát hành. Các con số liên quan đến nhà xuất bản và lượng phát hành của mỗi đầu sách không tiết lộ gì nhiều về giá trị của một nền văn học. Ở miền Bắc, trước 1975, người ta thường rất tự hào về số ấn bản của các tác phẩm văn học (thường là vài chục ngàn); bây giờ nhìn lại: những con số ấy thật vô nghĩa. Cả một nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa kéo dài suốt mấy chục năm không để lại bất kỳ một tác phẩm có giá trị nào. Hai là, tình hình sinh hoạt văn học thay đổi rất nhanh. Nhiều điều tưởng là đúng cách đây mấy năm, nay không còn đúng nữa. Cách đây mấy năm, việc đóng cửa một tạp chí văn học hay việc giảm sút số báo phát hành được nhìn như một tai hoạ, nhưng hiện nay, giả dụ (giả dụ thôi!) tất cả các tạp chí văn học hải ngoại đều bị đóng cửa thì, thành thực mà nói, chúng ta cũng không mất mát điều gì quá trầm trọng. Bởi vì đã có internet thay thế. Và càng ngày internet sẽ càng đóng vai trò

quan trọng.

Bỏ qua những khía cạnh tiêu cực với những khó khăn, những trắc trở, những bế tắc, chúng ta sẽ tập trung chủ yếu vào hai khía cạnh chính: tiềm năng và thành tựu.

Tiềm năng chứ không phải là triển vọng. Nói đến "triển vọng," giống như chuyện bói toán, rất phiêu hốt. Văn học vẫn thường phát triển theo những cách thức rất riêng, chủ yếu dựa vào tài năng đột phá của một số cá nhân và do đó, rất khó tiên đoán. Chúng ta chỉ cố gắng phát hiện và phân tích những tiềm năng mà cộng đồng văn học Việt Nam ở hải ngoại, từ tác giả đến độc giả, có sẵn. Những tiềm năng gắn liền với điều kiện sinh sống, chủ yếu là điều kiện sống xuyên quốc gia (transnational), xuyên văn hoá (transcultural), thậm chí, xuyên thời gian — lúc nào cũng lơ lửng giữa quá khứ và hiện tại, giữa ký ức và dự phóng - của những người lưu vong. Những tiềm năng ấy được phát huy đến đâu và chịu những sự tác động nào từ ngoại giới? Nhìn từ tiềm năng và một số biểu hiện của tiềm năng ấy, chúng ta sẽ thấy hình như cái gọi là văn học hải ngoại chỉ là một khái niệm khá mơ hồ và trừu tượng. Từ những ký ức văn hoá khác nhau do những nơi xuất phát khác nhau đến những ảnh hưởng khác nhau từ những nền văn hoá và quốc gia định cư khác nhau, văn học hải ngoại cứ càng ngày càng phân hoá: một lúc nào đó sẽ có không phải một mà là NHIỀU nền văn học Việt Nam hải ngoại khác nhau. Tất cả, cùng với văn học trong nước, hình thành nên cái tôi hình dung là Khối Thịnh Vượng Chung của Văn Học Việt Nam (Commonwealth of Vietnamese literature), ở đó, không chừng chỉ có một thứ tiền tệ chung: tiếng Việt. Mà ngay cả tiếng Việt ấy cũng chưa chắc đã giống nhau hẳn.

Chỉ có một số tiềm năng biến thành hiện thực và được xem là thành tựu. Nói đến thành tựu của văn học hải ngoại thực chất là đặt văn học hải ngoại trong tương quan so sánh với văn học trong nước (2). Có thể so sánh trên nhiều bình diện, từ (a) sinh hoạt đến (b) chất lượng tác phẩm trong từng thể loại, (c) kỹ thuật và ý thức mỹ học mới được khai mở, nhờ đó, cách nhìn về văn học trở thành rộng hơn và thoáng hơn, cũng như (d) những đóng góp có tính chất lịch sử và văn hoá của văn học hải ngoại đối với nền văn học Việt Nam đương đại nói chung.

Về phương diện sinh hoạt, có vài hiện tượng cần lưu ý: ở trong nước, kể từ sau 1975, không có tạp chí sáng tác văn học nào có tuổi thọ cao hơn tạp chí *Văn* (từ 1982) hay *Văn Học* (từ 1985) (3) ở hải ngoại (4) ; không có tạp chí nào dành riêng cho một thể loại như tạp chí *Thơ* (5), không có websites nào chuyên về văn học như Tiền Vệ, Da Màu, Gio-O, Tạp chí Thơ, Thơ Tân Hình Thức (6). Hiện nay, tất cả những websites về văn học đều nằm ở hải ngoại. Ở trong nước, với hơn 80 triệu dân, với một Hội Nhà Văn có gần 1000 hội viên, không hề có một website nào về văn học cả. Tuyệt đối không. Chỉ có vài websites thiên về tin tức văn học; và thường chỉ đăng lại tin tức từ các báo khác (7) chứ không có website nào chuyên về văn học đúng nghĩa. Trong tình trạng đó, quan hệ giữa văn học hải ngoại và văn học trong nước thế nào cũng sẽ thay đổi. Dần dần, từ từ, chậm chạp, nhưng không thể không thay đổi.

Về phương diện thể loại, trong khi thể **tuỳ bút** tiếp tục được phát triển ở miền Nam và ở hải ngoại sau 1975, ở miền Bắc, ngược lại, trừ Nguyễn Tuân, không có người nào nổi lên như một nhà tuỳ bút. Mà Nguyễn Tuân, sau 1954, cũng ngả sang viết ký hơn là viết tuỳ bút. Tại sao? Sau 1975, nhiều nhà văn miền Bắc ôm ấp giấc mộng viết **tiểu thuyết trường thiên**, nhưng cuối cùng, không mấy người thực hiện được. Ngược lại, ở hải ngoại, tiểu thuyết trường thiên lại nở rộ, trong đó một mình Nguyễn Mộng Giác đã có hai bộ: *Sông Côn mùa lũ* và *Mùa biển động*. Tại sao? **Truyện thật/cực ngắn** cũng thế. Người đi tiên phong là một nhà văn ở hải ngoại: Võ Phiến với tập *Truyện thật ngắn* xuất bản năm 1991 (8). Hai năm sau, một số cuộc thi truyện thật ngắn được tổ chức trong nước, nhưng tất cả chỉ loé lên như một phong trào ngắn ngủi. Rồi thôi. Những diễn đàn văn học kiên trì cổ vũ cho thể loại này đều nằm ở hải ngoại: trước, Tiền Vệ; sau, Da Màu. Tại sao? **Hồi ký** cũng là một thể loại đáng chú ý. Hơn nữa, đó lại là hồi ký của những người không có quyền chức gì trong xã hội, hồi ký của những sĩ quan cấp uý, của những người thua trận và phải chịu đựng bao nhiêu nhục nhằn, những người có tham vọng phục hồi những góc khuất, tối và bị bỏ quên của lịch sử. Có ý nghĩa văn hoá nào đằng sau hiện tượng ấy? Trong các thể loại thơ, truyện ngắn và truyện dài, ở hải ngoại cũng có không ít thành tựu. Những thành tựu đó là gì?

Về nhận thức mỹ học và kỹ thuật cũng như phong cách sáng tác, ở đâu phong cách sáng tác hiện thực thần kỳ (magical realism) được

thử nghiệm đầu tiên? Ở hải ngoại! (9). Ở đâu tư tưởng nữ quyền được đề cao một cách quyết liệt và với sự tự giác cao nhất? Ở hải ngoại! Ở đâu cái riêng tư, kể cả trong đời sống tình dục, của con người được khám phá nhiều nhất? Ở hải ngoại! Ở đâu chủ nghĩa hậu hiện đại được quảng bá sớm và với nhiều nhiệt tình nhất? Cũng ở hải ngoại! (10)

Về phương diện văn hoá, văn học hải ngoại không những là kho lưu trữ và nơi nghiên cứu văn học miền Nam trước đây mà còn là một môi giới giữa văn học miền Nam và văn học miền Bắc, qua đó, làm chất xúc tác cho nhiều nỗ lực đổi mới và hiện đại hoá văn học trong nước. Văn học cũng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc lưu vong của cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

V.v... và v.v...

Có hai vấn đề tôi xin được nói thêm là:

Thứ nhất, đáng lẽ việc tổng kết các thành tựu và phân tích các tiềm năng của văn học hải ngoại này, trước hết, là nhiệm vụ của giới phê bình. Tuy nhiên, có lẽ ai cũng biết là lực lượng phê bình văn học ở hải ngoại rất mỏng và họ có cả hàng ngàn lý do để ngại ngần trước công việc đòi hỏi rất nhiều thời gian, công sức và hứa hẹn nhiều bạc bẽo ấy. Hơn nữa, một sinh hoạt văn học phong phú, đa dạng và rất mực phân tán như nền văn học hải ngoại chắn chắn là sẽ vượt ra ngoài khả năng bao quát của bất cứ một nhà phê bình nào. Do đó, họ chưa viết, chúng ta đã biết là những gì họ viết ra đều bất cập. Không ai có thể bù lấp hoàn toàn những bất cập ấy. May ra, chỉ bù lấp phần nào. Và ai sẽ đảm nhiệm vai trò bù lấp ấy? — Chính giới sáng tác! Trong tình hình phê bình hiện nay, nếu giới sáng tác không tự nói về mình, sẽ không có ai nói về họ cả. Có khi, vĩnh viễn.

Thứ hai, chúng ta không nên chờ đợi chính quyền hay giới cầm bút trong nước công nhận những thành tựu của văn học hải ngoại. Do nhiều lý do, kể cả lý do chính trị, văn hoá và tâm lý, chính quyền và phần lớn giới cầm bút ở trong nước chưa sẵn sàng cho một sự công nhận như vậy đâu. Mà không phải họ chỉ không công nhận văn học hải ngoại. Xin lưu ý: cả nền văn học rất dồi dào hương sắc ở miền Nam từ 1954 đến 1975 cũng vẫn chưa được công nhận. Theo tôi, trong lãnh vực này, chúng ta không nên có ảo tưởng. Nhưng cũng chẳng có gì để phải quá bận tâm. Chính quyền cũng như những cây bút thân chính quyền, thật ra, có khả năng rất hạn chế trong việc ngăn chận sức sống của một nền văn học ngoài luồng. Sau mấy chục năm bị trù dập, Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn vẫn sống mạnh và càng ngày càng toả sáng. Sau bao nhiêu chiến dịch tịch thu sách và đốt sách, những tên tuổi lớn của văn học miền Nam vẫn có sức cuốn hút kỳ lạ không những đối với độc giả gốc miền Nam mà còn ngay cả các độc giả ở miền Bắc, sinh ra và lớn lên dưới chế độ xã hội chủ nghĩa (11).

Những điều tôi vừa trình bày chỉ là một số gợi ý và gợi hứng để chúng ta cùng thảo luận mà thôi.

Chú thích

(1) Tác phẩm của một số cây bút ở hải ngoại đã được xuất bản hoặc tái bản trong nước. Tuy nhiên, số lượng còn cực ít; nếu giới hạn trong số những cây bút tương đối có tiếng tăm, con số có lẽ chưa tới một chục. Như một trò biểu diễn hơn là một sự thừa nhận.

(2) So sánh ở đây chỉ là một biện pháp đánh giá chứ không phải là kỳ thị hay phân biệt.

(3) Tiền thân của tạp chí Văn Học là Văn Học Nghệ Thuật ra từ 1978 và tồn tại đến 1979, sau số 13.

(4) Trong nước, tạp chí Tác Phẩm Mới của Hội Nhà Văn ra năm 1969, đến 1976 thì đình bản. Đến 1987 mới tục bản, thoạt đầu, với tên Tác Phẩm Văn Học, sau, Tác Phẩm Mới, và gần đây, tạp chí Nhà Văn. Tạp chí Sông Hương ra năm 1983, nhưng hai tháng mới ra một số, tổng số báo, đến nay, vẫn thua tạp chí Văn Học ở California.

(5) Tạp chí Thơ ở trong nước chỉ ra đời từ tháng 1.2006.

(6) Ba websites sau ít bài vở và mức độ cập nhật cũng chậm hơn. Ngoài ra, cũng có thể kể thêm talawas.org vốn nặng về chính trị và văn hoá nhưng số lượng bài vở về văn học cũng khá nhiều.

(7) Như eVan và Văn Nghệ Đồng Bằng Sông Cửu Long.

(8) Trước đó, Mai Thảo có một truyện ngắn nhan đề là "Một truyện rất ngắn" in trong tập Một đêm thứ bảy, Tổ hợp xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 1988, tr. 120-1.

(9) Chủ yếu với Võ Đình. Xin xem bài "Đọc Võ Đình" trong cuốn Sống Với Chữ của Nguyễn Hưng Quốc (Văn Mới, California, 2004, tr. 177-191) hoặc trên http://www.tienve.org/home/literature/viewLiterature.do?action=viewArtwork&artworkId=500

(10) Chủ yếu là trên tạp chí Việt (1998-2001) và trên Tiền Vệ (tienve.org).

(11) Gần đây trên Talawas có chuyên mục "Sách xuất bản tại miền nam trước 1975." Đã tái bản nhiều tác phẩm của Phạm Công Thiện, Nguyễn Hữu Hiệu, Đỗ Long Vân, Đặng Tiến, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, v.v... Hầu hết các thành viên trong Ban Biên Tập Talawas đều ra đi từ miền Bắc.

damau.org như một hình thức vượt biên giới

tham luận tại Hội thảo Văn học tại Little Saigon ngày 17.01.2007

ĐẶNG THƠ THƠ

Đứng ở trung tâm của một vòng tròn nhìn ra, chúng ta dễ có cảm giác bị bao vây, bị khép kín và khó chịu khi ý thức về giới hạn của mình. Vòng tròn, vừa như một nơi bảo bọc, vừa là biên giới ngăn cách chúng ta với phần còn lại của thế giới. Như một người sáng tạo thực sự, chúng ta không chấp nhận biên giới, vì biên giới đã tự động giới hạn tự do của chúng ta. Hoặc chúng ta vượt rào nhảy qua biên giới, hoặc chúng ta bôi xóa nó, hoặc chúng ta định nghĩa lại nó.

Cũng theo cách đó, chúng ta có thể có cách nhìn khác về văn chương di dân. Không phải một nhóm văn chương thiểu số, đứng ở ngoại vi văn chương dòng chính của nước sở tại. Không phải sự co cụm và tự cô lập. Không phải đứa con ghẻ của văn chương "chính thống" trong nước. Mà nhìn khác đi, như Nguyễn Hưng Quốc đề nghị cụm từ Khối Thịnh Vượng Chung trong Văn Chương Việt nam, hay như Nguyễn Hương đã viết trong bài giới thiệu Chủ Đề Màu Da và Ngôn Ngữ (1), chúng ta có thể nghĩ đến khái niệm một nền văn chương tiếng Việt xuyên quốc gia và xuyên biên giới địa lý. Như thế chúng ta sẽ tiến đến một nền văn chương không đặt trọng tâm và không lệ thuộc ở một thể chế chính trị nào. Có thể nhìn văn chương Việt Nam như sự liên kết tất cả các nhánh văn chương viết bằng tiếng Việt trên thế giới: Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Úc châu, Âu châu... như trong một cấu trúc toàn cầu hóa, tiếng Việt của chúng ta đã đâm nhánh, tủa rễ, đã lan chảy đến các đại lục khác ngoài phạm vi của nước Việt Nam.

Điểm độc đáo của văn chương di dân là vị trí đứng ở giữa những biên giới của nó. Tùy theo cách chúng ta nhìn, biên giới này không giới hạn tự do mà mở ra tự do của văn chương và người viết. Nó cho chúng ta có sự chọn lựa, đứng ở bên này hay đứng ở bên kia, nhìn từ góc độ này hay quan sát ở góc độ kia. Nó cho chúng ta có toàn quyền nhảy qua hay nhảy về, hay dạng chân qua hai phía biên giới, mỗi bàn chân đặt trên một lãnh thổ, một mình chiếm hữu cả hai vùng đất bằng tư thế đứng dạng chân. Như Đinh Từ Bích Thúy đã viết thành một tuyên ngôn dõng dạc trong tiểu luận Ngụ Ngôn Miền Đất Hoang (2):

"Chúng tôi chất vấn mọi ngôn ngữ và lối nhìn hà khắc. Nghệ thuật đối với chúng tôi cũng là chính trị. Dạng chân qua hai dòng văn hóa, chúng tôi không phải là những thành viên của một Lost Generation, mà là hiện tại và tương lai của nền văn học xuyên văn hóa và xuyên màu da."

Đó là văn chương di dân. Xuyên quốc gia, xuyên biên giới địa lý, xuyên biên giới giữa các ngôn ngữ, biên giới giữa các nền văn hóa, nó phổ quát và là chỗ phát sinh những yếu tố xúc tác mới cho văn chương thế giới trong thời đại toàn cầu hóa.

Nằm trong dòng văn chương di dân, **damau.org** là một diễn đàn mới, còn non trẻ, và sự non trẻ cũng là sự táo bạo của nó. Cách thực hiện **damau.org** hiện nay, như đã khẳng định trong chủ trương văn chương không biên giới, cũng là một cách đẩy lùi những biên giới bao quanh và là hình thức đồng đẳng hóa tất cả các nền văn chương. Trung thành với mục tiêu: để mọi tiếng nói đều được lắng nghe, mọi tiếng nói đều được cất cao, và mọi nền văn chương đều đồng đẳng; mỗi số **damau** giới thiệu một mảng văn học thế giới với độc giả Việt Nam và giới thiệu văn chương Việt Nam với thế giới, thông qua song ngữ và dịch thuật.

Những mục tiêu mà **damau.org** nhắm tới là:

1. Tính quốc tế và chủ nghĩa hiện đại trong nội dung và hình thức. Khuyến khích những nỗ lực và khuynh hướng cách tân trong sáng tác. Văn chương sẽ phản ảnh những tác động có tính quốc gia trên bối cảnh quốc tế qua sự tương tác giữa đa ngôn ngữ và đa truyền thống. Chuyển dịch xuyên quốc gia sẽ dẫn đến sự hình thành của liên hệ đa văn hóa và đa ngôn ngữ ngay trong lòng một quốc gia, sẽ dẫn đến toàn cầu hóa trong từng nhánh văn chương Việt. Đề cao những kinh nghiệm nhân bản và phổ quát, nếu đồng thời vẫn muốn giữ bản sắc riêng của người viết trong những điều kiện lịch sử, xã hội, chính trị, kinh tế đặc thù. Nằm chung trong một hệ thống siêu thị tư tưởng (3) thế giới, những vấn đề chúng ta soi rọi trong văn chương cũng sẽ

vượt ra ngoài giới hạn nhỏ hẹp của phạm vi quốc gia dân tộc.

Ngoài thể loại sáng tác như thơ, truyện, kịch... **damau.org** khuyến khích những thể loại phi-hư cấu nhưng vẫn mang tính văn chương và sáng tạo: phê bình, nhân văn, lịch sử, tùy bút, tiểu sử, hồi ký, nhật ký, du lịch và báo chí. Ảnh hưởng của những thể loại này lên văn chương, và ngược lại.

2. Dịch thuật: Những người viết da màu đang cố gắng, từng bước một, dịch thơ, dịch truyện chớp, dịch cả tiểu thuyết Việt Nam sang Anh ngữ. Chúng tôi kêu gọi thêm những công trình dịch thuật những tác phẩm đương đại từ nhiều dịch giả uy tín khác.

Chúng tôi cũng kêu gọi những giáo sư đại học trong các ngành văn chương hay khoa Á Mỹ Học hay hậu thuộc địa học tiếp tay vào công tác này, đưa những tác phẩm đã dịch hoặc nguyên tác tiếng Việt vào giáo trình giảng dạy và nghiên cứu. Và tất nhiên, nếu muốn làm điều này, bản thân những người nghiên cứu về văn hóa văn chương Việt Nam cũng cần một số vốn liếng vững vàng về ngôn ngữ Việt. Điều này rất cần thiết, vì cách tốt nhất để thẩm thấu một nền văn hóa và ngôn ngữ là tiếp cận với nguyên bản của những sáng tác văn chương trong ngôn ngữ đó. Nếu làm được điều này, chúng ta đã đi xa hơn một bước trong việc đồng đẳng hóa các ngôn ngữ (giữa Anh ngữ và Việt ngữ) và các nền văn chương: văn chương di dân Việt và văn chương Việt trong nước.

Nhưng với những người không thể đọc được tiếng Việt, chỉ có cách chuyển ngữ, xuyên biên giới văn chương bằng dịch thuật. Khái niệm dịch thuật là chuyển ngữ qua lại giữa các văn bản, đồng thời mang trong nó khái niệm trao đổi văn hóa giữa các quốc gia. Dịch thuật như vậy chuyển động chung quanh và bên ngoài ngôn ngữ, nó làm hai công việc là bảo hiểm văn bản nguyên tác viết bằng ngôn ngữ ít người biết, và phổ biến chúng vào Anh ngữ hay những ngôn ngữ đứng đầu thế giới. Một hành động mang tính cách văn hóa và chính trị cùng lúc. Vượt biên là một hành động mang tính chính trị khẳng định tự do, và vượt biên ngôn ngữ cũng vậy.

Dịch thuật cũng sẽ dẫn đến những thảo luận về bản sắc văn hóa và sự đồng hóa, nhất là về phía những người biểu dương ngôn ngữ và văn hóa bản xứ. Chúng ta được gì và mất gì qua dịch thuật?

Trong ý thức đó, damau.org ngoài việc là một diễn đàn văn chương, còn là một mô hình tiên phong chủ xướng một đối thoại tự do giữa các ngôn ngữ, đặc biệt là giữa những ngôn ngữ bên lề và những ngôn ngữ có thế lực kinh tế và chính trị. Đưa văn chương Việt đến những cộng đồng văn chương thiểu số khác. Đưa tác phẩm Việt Nam vượt biên giới ngôn ngữ. Tự công việc này là một dự phóng về tiềm năng của văn học hải ngoại.

Tổng kết:

Văn chương đi chung với vận động xã hội và thế giới về kinh tế, chính trị. Và nếu chuyện di dân còn tiếp tục như một hiện tượng của thời đại chúng ta đang sống, thì văn chương di dân sẽ còn tiếp tục. Những gì chúng ta đã làm cho đến hôm nay, cho văn chương di dân, lưu vong, hải ngoại, chưa phải là chung cuộc, mà có lẽ chỉ là bước khởi đầu và sẽ còn lớn mạnh nữa. Vẫn còn tiếp tục những người ở hải ngoại về nước, vẫn còn tiếp tục những người trong nước ra ngoại quốc để học hỏi, để làm việc, để sinh sống, định cư, vẫn còn nền văn học di dân...

Chúng ta không sợ hãi chuyện "lão hóa" như một số người bi quan nghĩ. Chính ý tưởng "lão hóa" cũng là một biên giới, biên giới mang tính thời gian, trói chặt chúng ta vào một định mệnh bi thảm không cần thiết và hoàn toàn có thể tránh khỏi. Trong một bài thơ của Cavafy, những người dân trong thành phố chờ đợi một cuộc xâm lăng của The Barbarians (những kẻ man rợ), họ tốn thời gian để canh gác, họ đình chỉ mọi sinh hoạt để chỉ ngồi chờ những kẻ man rợ đến. Cuối cùng, dù những kẻ man rợ không đến, nhưng sự hiện diện của họ đã tràn ngập thành phố, vì những dân cư trong thành đã hóa ra những kẻ man rợ mà họ chờ đợi và họ sợ hãi. Điều chúng ta có thể liên hệ từ câu chuyện là: những kẻ man rợ cũng là sự lão hóa, chúng hiện diện vì chúng ta đã chấp nhận và đã cho phép chúng xâm nhập và hủy hoại chúng ta. Nếu chúng ta không đẩy lùi những biên giới thì những biên giới sẽ bóp nghẹt chúng ta. Cách chúng ta nhìn thế giới sẽ thay đổi chính cái thế giới mà chúng ta đang nhìn ngắm.

Chú thích:

(1) Giới thiệu Màu Da và Ngôn Ngữ, Văn Chương Di Dân Việt trong Bối Cảnh Hoa Kỳ và Thế Giới của Nguyễn Hương, trong phần Chủ Đề Màu Da và Ngôn Ngữ của damau.org

(2) Tiểu luận Ngụ Ngôn Miền Đất Hoang của Đinh Từ Bích Thúy, cũng trong phần Chủ Đề Màu Da và Ngôn Ngữ của damau.org

(3) Tiểu luận Siêu Thị và Quái Thai của Đinh Từ Bích Thúy trên damau.org số 15

Cuộc trở về của dòng văn học Nga lưu vong:
Một hình ảnh lạc quan cho chúng ta

HOÀNG NGỌC-TUẤN

(Phát biểu trong buổi hội thảo văn học ngày 27.01.07 tại Little Saigon, California)

Kính thưa các bạn,

Chúng ta đang sống và viết như những nhà văn, nhà thơ lưu vong. Trong chúng ta, đôi khi có người đã lo lắng rằng liệu rồi đây dòng văn chương lưu vong này sẽ đi về đâu. Hôm nay, trước các bạn, tôi xin thưa rằng: các bạn hãy an tâm, vì không thể có một dòng văn học lưu vong vĩnh viễn, nếu cố quốc của nó chưa bị xoá tên trên bản đồ thế giới. Dòng văn học lưu vong nào cũng chỉ tồn tại tạm thời ở hải ngoại, và sẽ trở về với cố quốc khi những lý do khiến người cầm bút bỏ nước ra đi đã được giải quyết.

Nền văn học Nga hậu-Cộng Sản có thể cho chúng ta những ví dụ thú vị và, qua đó, chúng ta có thể nhìn thấy trước một hình ảnh tương tự sẽ xảy đến cho nền văn học Việt Nam trong một tương lai không xa. Có thể nói ngay, hình ảnh đó là: Dòng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa — một thứ văn học chỉ phục vụ cái chế độ chính trị đã đẻ ra nó — sẽ tiêu vong theo sự sụp đổ của chế độ ấy, và nền văn học của những con người Việt Nam yêu tự do, cả ở trong và ngoài nước, sẽ thay thế nó như MỘT NỀN VĂN HỌC VIỆT NAM duy nhất, trong đó, bên cạnh dòng văn học miền Nam Việt Nam trước 1975 và dòng văn học bị bịt miệng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1954, dòng văn học Việt Nam hải ngoại sau 1975 sẽ có những cống hiến to lớn cho lịch sử văn học Việt Nam.

Khuôn khổ của cuộc hội luận hôm nay chỉ cho phép tôi nêu lên một số ví dụ rút ra từ thực trạng văn học Nga hậu-Cộng Sản, nhưng tôi tin rằng chừng ấy có lẽ cũng đủ để củng cố trong chúng ta một hình ảnh lạc quan về tương lai văn học Việt Nam của chúng ta.

Năm 1987, chính sách "mở cửa" được công bố ở Liên Xô. Cùng năm đó, hội nghị đầu tiên của các nhà văn Nga lưu vong thuộc đợt sóng thứ ba được tổ chức vào tháng 2, ở Fribourg, Thụy Sĩ. Trong hàng ngũ những người tham dự hội nghị, ngoại trừ Andrey Sinyavsky, tất cả đều là những nhà văn ở lứa tuổi 40 trở xuống; đó là giới cầm bút trẻ, bắt đầu sự nghiệp sáng tác ở hải ngoại, và tác phẩm của họ đặt cơ sở trên những kinh nghiệm sống ở Tây phương thay vì ở quê hương. Những nhà văn trẻ này khẳng định rằng họ tư duy và sáng tác hoàn toàn độc lập đối với các ý thức hệ chính trị, và họ tin rằng văn chương của họ có giá trị nghệ thuật thực sự, do đó, sẽ có chỗ đứng trong lịch sử văn học Nga, dù họ sống và viết ở hải ngoại. Cũng vào tháng 10 năm ấy, một nhà thơ Nga lưu vong thuộc thế hệ lớn hơn, là Joseph Brodsky, đoạt giải Nobel Văn chương.

Chỉ vài tháng sau, vào năm 1988, một loạt tác phẩm của các cây bút lưu vong như Joseph Brodsky, Sasha Sokolov, Viktor Nekrasov, Vladimir Voynovich, và Aleksandr Galich lần đầu chính thức xuất hiện tại Liên Bang Xô-viết. Điều này làm nổi lên cuộc tranh luận về vấn đề phải chăng chỉ có một hoặc có hai nền văn học Nga. Tại một hội nghị chung có sự tham dự của đại biểu của văn giới cả trong và ngoài nước, học giả Nga lưu vong Efim Etkind (1918-1999) đề nghị viết lại văn học sử Nga như một lịch sử của một nền văn học duy nhất — văn học tiếng Nga. Wolfgang Kasach tái cập nhật hóa bộ sách đồ sộ *Lexikon der russischen Literatur ab 1917* (Từ điển văn học Nga từ 1917), xét nền văn học Nga từ 1917 đến 1988 như một thực thể thống nhất bao gồm cả văn học Nga trong và ngoài nước, và dịch bộ sách ấy ra tiếng Nga dưới nhan đề *Văn học Nga từ A đến Z*. Đồng thời, nhiều nhà nghiên cứu khác cho ra đời những tác phẩm nhằm tổng kết hoặc nhìn lại những chặng đường văn học Nga lưu vong đã qua, như cuốn *Nửa thế kỷ sinh hoạt văn học Nga ở Paris* của Yury Terapiano; thi tuyển *Các nhà thơ Nga ở phương Tây*; cuốn *Lời thân ái từ hư không* của Dimitry Savitsky; tuyển tập *Những tiếng nói tự do của văn học Nga, 1950-1980*, do A.

Sumerkin biên tập; cùng với bộ danh mục những luận văn đã đăng tải trong các tạp chí và sách của văn học Nga lưu vong từ 1920 đến 1980, dưới nhan đề *L'emigration russe— Revues et recueils, 1920-1980: Index general des articles.*

Khi làn gió tự do đầu tiên đã lách được qua khe hở của bức màn sắt, nó được trớn, và chẳng mấy chốc, trở thành cơn gió lớn. Năm 1989, nhiều tác phẩm quan trọng của Aleksandr Solzhenitsyn bắt đầu xuất hiện ở nội địa Liên-Xô, kể cả cuốn *Quần đảo Gulag* cũng được in lại từng kỳ trên tờ *Novyi Mir* trong năm đó. Tác phẩm của rất nhiều cây bút lưu vong khác cũng bắt đầu dồn dập chuyển về xuất bản trong nước. Những khuôn mặt đáng kể là Anatoly Marchenko, Vladimir Nabokov, Yuli Daniel, Leonid Borodin, Vadim Delonnais, Ivan Shmelev, và Boris Zaitsev. Hiện tượng đáng lưu ý là từ 1989 trở đi, tác phẩm văn học Nga lưu vong càng ngày càng tràn ngập thị trường sách trong nước, và càng hiếm hoi ở hải ngoại. Năm 1990, lằn ranh giữa văn học Nga trong nước và lưu vong trở nên thực sự mờ nhạt, với sự xuất hiện của thi tập *Khai Thị* của Joseph Brodsky gồm những bài thơ viết từ 1962 đến 1989. Thi tập này được Brodsky cho ra mắt tại Leningrad, và được hầu hết giới phê bình lý luận văn học Nga trong và ngoài nước xem như một biểu tượng nhất quán của thi nghiệp Brodsky, nói riêng, và của nền văn học Nga, nói chung.

Từ 1991, chế độ Xô-viết hoàn toàn sụp đổ. Giới phê bình không còn chia văn học Nga thành hai dòng nữa. Họ xem tất cả các tác phẩm văn học được viết bằng tiếng Nga, bất kể tác giả sống ở trong nước hay ngoài nước, đều thuộc về nền văn học Nga. Trong tình hình đó, lối viết hiện thực xã hội chủ nghĩa nhanh chóng thoái bộ, nhường chỗ cho những cuộc biểu diễn bút pháp mới dưới ảnh hưởng của cuộc tái hội nhập của dòng văn chương lưu vong. Thử nêu một ví dụ: Vladimir Makanin (1937~) — một nhà văn sinh ra từ trong lòng chế độ Xô-viết, và hầu như cả văn nghiệp của ông là để phục vụ cho chế độ ấy — đã nhanh chóng thích ứng với làn gió mới. Giải Booker của Nga năm 1993 được trao cho cuốn *Cái bàn phủ len và bình chiết rượu* của Valdimir Makanin, trong đó ông đã mô tả cuộc sống con người dưới chế độ Xô-viết qua ngòi bút siêu thực kiểu Kafka. Một ví dụ khác: Năm 1992, hai tờ tạp chí văn học nghệ thuật nổi bật nhất và được trao giải thưởng ở Nga là tờ *Vestnik novoi literatury* và tờ *Solo*. Tờ *Vestnik novoi literatury* do Mikhail Berg chủ biên, là một tạp chí chuyên về mỹ học, quyết liệt loại trừ những tiêu chí nghệ thuật mà trước đây nhà nước Xô-viết đã đề ra và xiển dương; đồng thời tạp chí này cũng kêu gọi vất bỏ quan niệm mỹ học của chủ nghĩa hiện thực nói chung, trong đó, quan niệm mỹ học của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa bị kết án là thủ phạm đã tàn phá văn học nghệ thuật Nga suốt gần một thế kỷ. Tờ *Solo*, do Aleksandr Mikhailov chủ biên, xiển dương việc mở rộng tối đa biên độ thẩm mỹ, nhắm đến một lối tiếp cận mỹ học mang tính hậu hiện đại. Tờ này sẵn sàng đăng những tác phẩm gây shock cho độc giả, với mục đích thử thách và nâng cao khả năng cảm thụ của họ.

Trong bầu không khí mới mẻ đó, hàng loạt những sự kiện thú vị diễn ra. Về tiểu thuyết, những tác phẩm một thời được Đảng và nhà nước Liên-Xô đề cao như những "thiên anh hùng ca", những "kiệt tác" — chẳng hạn những cuốn tiểu thuyết của Georgii Markov và Pyotr Proskurin — đột nhiên được xem như những cái bướu ung thư trong văn học Nga. Ngược lại, những cuốn tiểu thuyết từng bị cấm lưu hành, hoặc chỉ được in rất hạn chế, của Anna Akhmatova, Osip Mandelstam, Mikhail Bulgarov, Nikolai Gurnilev, Boris Pasternak, Andrei Platonov, Evgenii Zamyatin và Boris Pilnyak, và của những nhà văn lưu vong như Vladimir Nabokov, Nina Berberova, Mark Aldanov và Vladislav Khodasevich, được các nhà xuất bản tranh nhau in và được giới phê bình mới tuyên dương như những giá trị tiêu biểu của văn học Nga thế kỷ 20. Về thơ, vô số những cây bút trẻ xuất hiện như nấm sau mưa, hăng hái thử nghiệm những lối sáng tác mới với một thứ nhiệt tình avant-garde ngây ngất. Họ quay lưng lại với cái "di sản" thơ xã hội chủ nghĩa, và hướng về những ảnh hưởng mới được du nhập từ dòng thơ Nga lưu vong và thơ ngoại văn.

{Điều này khiến tôi nhớ đến một bài nghiên cứu mới đây của nhà văn Nguyễn Viện tại William Joiner Center, thuộc đại học Massachusetts. Bài nghiên cứu của anh, dưới nhan đề "Về Thơ Trẻ Sài Gòn: Tác động của thơ Việt hải ngoại," trình bày những điều rất tương đồng với những gì đã xảy ra cho thế hệ nhà thơ trẻ ở Nga trong những năm cuối 80, đầu 90. Thật vậy, dòng thơ Nga lưu vong đã ảnh hưởng đến bút pháp của lớp nhà thơ Nga trẻ lúc ấy như thế nào, thì dòng thơ Việt Nam lưu vong cũng đã ảnh hưởng đến bút pháp của lớp nhà thơ trẻ Sài Gòn hôm nay như thế ấy. Nhưng hôm nay chúng ta có nhiều điều kiện thuận lợi hơn văn học Nga lúc ấy. Chúng ta có internet, và nhờ đó, cuộc giao lưu giữa các nhà thơ Việt Nam

lưu vong và các nhà thơ ở trong nước có thể diễn ra rất dễ dàng. Các nhà thơ ở trong nước có thể đọc thơ hải ngoại hàng ngày và, ngược lại, họ có thể gửi ra hải ngoại để đăng tải những tác phẩm mà họ không thể xuất bản ở trong nước.}

Năm 1999, Đại Hội Thơ Lưỡng Niên Moscow lần đầu được tổ chức, như một cuộc đoàn tụ đầy cảm hứng giữa các nhà thơ Nga nội địa và hải ngoại. Năm 2001, song song với nhiều sinh hoạt khác, Đại Hội đã tổ chức riêng một cuộc sinh hoạt, mệnh danh là "21st Century Classics," dành cho thế hệ các nhà thơ Nga lứa tuổi 20 ở trong và ngoài nước. Trong cuộc sinh hoạt đó, họ đã ngồi lại với nhau để đánh giá hiện trạng thi ca Nga và so sánh hiện trạng ấy với những phát triển của thi ca thế giới đương thời. Năm 2003, Đại Hội càng mở rộng hơn, cả trăm nhà thơ Nga từ nhiều nước trên thế giới đã về Moscow để tham dự; và năm 2005, trong kỳ Đại Hội lần thứ IV, hai ấn phẩm quan trọng đã được công bố, đó là tuyển tập *Ulysees Unbound: Russian Poetry Outside the Borders of Russia* — một tập thơ tiêu biểu cho tinh hoa thi ca Nga của những cây bút sống và viết ở hải ngoại —, và cuốn *Poets of the Russian Diaspora* — cuốn đầu tiên của loạt sách sẽ được xuất bản liên tục nhằm tạo điều kiện giao lưu cập nhật giữa các nhà thơ Nga ở hải ngoại và độc giả ở nội địa.

Từ 1991 đến nay, giới phê bình và nghiên cứu văn học Nga cũng chuyển hướng hoàn toàn cùng với những thay đổi lớn lao trong thực tiễn sáng tác. Loại sách báo ca ngợi văn học Xô-viết đã rút lui ra khỏi kệ sách của tất cả những tiệm sách ở Nga, nhường chỗ cho những sách báo về các đề tài mới. Tất nhiên, trong những đề tài mới này, có cả những đề tài liên quan đến sự tranh cãi giữa phe bảo thủ và phe cấp tiến. Phe bảo thủ (gồm đa số những người đã bỏ cả đời để phục vụ cho đường lối văn nghệ của Đảng) ra sức biện minh cho nền văn học Xô-viết. Họ phải ra sức biện minh, vì họ không thể chịu đựng được cái thực tế khắc nghiệt rằng toàn bộ sự nghiệp văn chương đồ sộ của họ, cùng với những bằng khen, những huy chương cao quý nhất do Đảng trao tặng, giờ đây, đột nhiên, đi vào sọt rác. Một số ít cựu văn nô khăng khăng thề thốt rằng hiện trạng văn học Nga hôm nay chỉ là một cơn khủng hoảng nhất thời, và tin rằng những giá trị của văn học Xô-viết rồi sẽ được khôi phục trong văn học sử! Phần đông cựu văn nô lại cố gắng đánh tráo bản chất văn học của họ; họ cho rằng cả sự nghiệp văn học của họ là để phục vụ cho dân tộc, phục vụ cho nhân dân, chứ không phải phục vụ cho Đảng. Họ tự xếp những tác phẩm sặc tính Đảng của họ vào phạm trù "văn học dân tộc chủ nghĩa"! Họ cho rằng thời kỳ Xô-viết là một thời kỳ không tránh khỏi của lịch sử nước Nga và, do đó, nền văn học Xô-viết là một nền văn học gắn liền với lịch sử nước Nga trong thời kỳ ấy! Thế nhưng, mặc tình cho họ loay hoay biện minh, độc giả ở Nga hôm nay không còn muốn đọc văn học Xô-viết nữa, và các nhà xuất bản ở Nga hôm nay không còn thấy có nhu cầu ấn hành thứ văn học ấy nữa.

Rốt cuộc, chúng ta thấy gì? Chúng ta chứng kiến sự diệt vong của nền văn học Xô-viết cùng với cái chết của chế độ Xô-viết. Chúng ta chứng kiến sự khôi phục của dòng văn học Nga trước thời kỳ Stalin và dòng văn học bị bịt miệng dưới chế độ Xô-viết. Chúng ta chứng kiến cuộc trở về tuyệt vời của dòng văn học Nga lưu vong. Chúng ta chứng kiến cuộc kết hợp của những dòng văn học ấy tạo thành MỘT nền văn học Nga đích thực. Những điều tương tự cũng sẽ đến với chúng ta. Chúng ta sẽ chứng kiến sự diệt vong của nền văn học Việt Nam xã hội chủ nghĩa cùng với cái chết của chế độ đó. Chúng ta sẽ chứng kiến sự khôi phục của dòng văn học miền Nam Việt Nam trước 1975 và dòng văn học bị bịt miệng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1954. Chúng ta sẽ chứng kiến cuộc trở về tuyệt vời của dòng văn học Việt Nam lưu vong. Chúng ta sẽ chứng kiến cuộc kết hợp của những dòng văn học ấy tạo thành MỘT nền văn học Việt Nam đích thực.

Thật vậy, chúng ta không cần phải lo lắng rằng dòng văn học Việt Nam lưu vong, một dòng văn học có rất nhiều thành tựu và tiềm năng, sẽ bị mai một. Không, những tác phẩm VĂN CHƯƠNG NGHỆ THUẬT ĐÍCH THỰC CỦA NHỮNG CON NGƯỜI TỰ DO SÁNG TẠO, một khi đã ra đời, tự nó sẽ tiếp tục sống và nó sẽ đi vào lịch sử văn học. Chỉ những tác phẩm vô giá trị, những tác phẩm phục vụ như công cụ nhất thời cho một chế độ chính trị, sẽ bị đào thải. Chúng ta hãy an tâm. Không một sức mạnh chính trị nào, không bằng khen nào, không một chiến dịch tuyên dương to tát nào có thể giúp cho những tác phẩm vô giá trị ấy được trường tồn như những đại biểu của một nền văn học "chính thống". Vì, khi chính cái chế độ đẻ ra chúng đã đi vào sọt rác, thì, tất nhiên, chúng cũng đi thẳng vào sọt rác.

Xin cảm ơn các bạn.

Chính sự hiện diện là thành tựu

(được phát biểu tại cuộc Hội luận Văn học ngày 27.01.2007, Little Saigon)

TRẦN HỮU THỤC

(Lời tác giả: *Bài này là tổng hợp của những ý kiến nảy sinh ra trong lúc ứng khẩu và những ý kiến ghi ra sẵn (notes) nhưng do giới hạn về thời gian nên được tóm tắt hoặc bỏ qua khi phát biểu trong buổi hội thảo*).

Dùng hai chữ "thành tựu" khi nói đến Văn Học Hải Ngoại (VHHN) có lẽ hơi lớn lối.

Tuy nhiên, tôi cho là không có gì sai. Tôi nghĩ đến hai chữ này một cách đơn giản: thành tựu là những gì ta đã đạt được qua một quá trình thời gian dài. Trong bài đề dẫn, Nguyễn Hưng Quốc (NHQ) đã trình bày khá rõ và tôi không có gì thắc mắc. Về những gợi ý của NHQ về tác giả, tác phẩm, tính thẩm mỹ... trong VHHN thì quá chi li, đòi hỏi tài liệu, thời gian đọc, suy gẫm và phân tích cẩn thận. Ở đây, tôi chỉ xin trình bày thêm một số suy nghĩ riêng về chuyện "thành tựu." NHQ có nói rõ: thành tựu ở đây là thành tựu so với trong nước. Tôi đồng ý và nhìn thấy sự thành tựu qua một vài điểm khác.

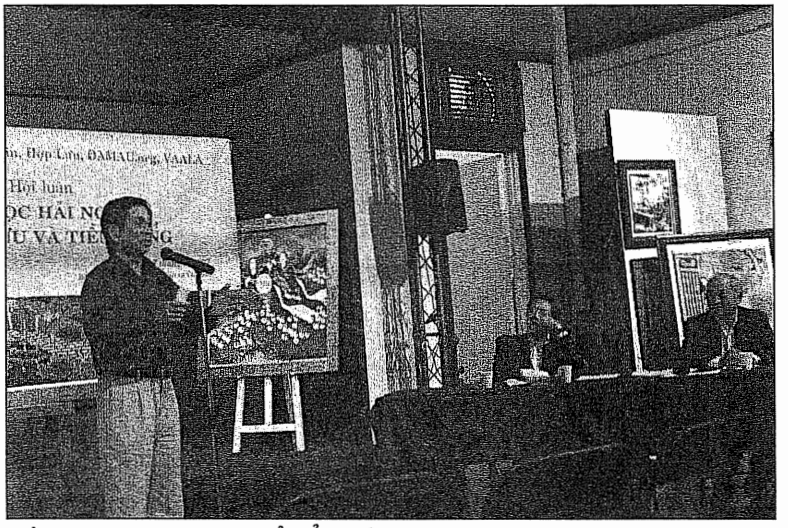

Trần Hữu Thục đang phát biểu (Ảnh của phóng viên Việt Báo)

1. Sự hiện diện của một nền văn học:

Sau 1975, khi tất tả rời bỏ đất nước, ai cũng chỉ có một mong ước duy nhất: sống còn. Và thế cũng là quá khó khăn rồi, nói gì đến việc hình thành một nền văn học, vừa hoàn toàn thiếu thực tế vừa nằm ngoài khả năng. Cả một chế độ miền Nam, quân là thế tướng là thế dân là thế mà còn không giữ nổi thì một đám người lưu lạc xứ người làm sao mà làm được một cái gì. Không ai từng mơ ước, hình dung hay chọn lựa một cái gì gọi là văn học. Thế mà rồi "nó" đã hình thành, đã hiện diện. Ấy thế mà không những hình thành, hiện diện mà "nó" còn (có lúc) phát triển để chúng ta có quyền nói đến tiềm năng, triển vọng hay cả những bế tắc của nó thì tự điều đó quả đáng cho ta... gọi là thành tựu. Nhìn lại một chặng đường đã qua, chắc ta không thể ngờ là có thể có một "nền" văn học như thế. Nhà nước Cộng Sản Việt Nam lại càng không thể ngờ và ước tính nó tồn tại và tồn tại dai dẳng như thế. Mười ba năm trước, khi được ra định cư ở đây, thú thật, tôi ngỡ ngàng và sung sướng nhìn thấy - không những chỉ là những sinh hoạt văn học - mà thực sự một "nền" văn học đã hình thành tự bao giờ để tôi hưởng thụ và rồi đóng góp. Mọi người có thơ, văn để đọc, có báo để viết để sáng tác, rồi lại để tranh cãi, để thí nghiệm những cách tân và giới thiệu các trào lưu văn học thế giới, vân vân và vân vân. Có lúc VHHN là một môi trường thuận tiện để cho tác phẩm "có vấn đề" của một số nhà văn trong nước xuất hiện. Ngay cả hiện nay, nếu gạt bỏ đi thái độ kẻ cả, ngạo mạn của

một số thành phần nào đó trong hàng ngũ viết lách trong nước, thì VNHN vẫn còn là cánh cửa mở, là lối ra nếu không muốn nói là lối thoát cho bản thân nền văn học trong nước.

Đó là một "nền" văn học đa dạng với nhiều xu hướng khác nhau. Có những cây bút cũ, có những cây bút mới, hoàn toàn mới, xuất hiện từ những điều kiện ngặt nghèo tại hải ngoại. Cứ vào *website* Tiền Vệ hay một *website* mới toanh do một nhóm các bạn trẻ (hơn thế hệ chúng tôi) là Da Màu hay tạp chí Hợp Lưu, Văn, Văn Học là ta thấy ngay. Nhiều sáng tác mới, nhiều tác giả mới với một không khí sôi nổi, rộn ràng hiếm thấy. Ngoài những cây bút "già" quen thuộc, chúng lôi kéo không những những cây bút trẻ (thật) ở hải ngoại mà còn cả những cây bút trẻ trong nước tham gia.

Bạn văn gặp nhau: Từ trái, Trần Hoài Thư, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Hữu Thục.

Cũng phải kể thêm các tạp chí Gió Văn, Phố Văn, Khởi Hành, Thế Kỷ 21, các *website* Gió O, Tân Hình Thức, Ăn Mày Văn Chương và rất nhiều tạp chí khác như Giao Mùa, Hồn Quê, Giao Cảm, vân vân.

2. Biến một môi trường phi-văn-học thành môi trường văn học

Hoàn cảnh tỵ nạn và lưu vong, như chúng ta biết, xét về bất cứ phương diện nào, là một hoàn cảnh phi văn học, từ nhân lực, vật lực, ngôn ngữ, hoàn cảnh sống, sự kế thừa, thời gian và điều kiện (nhà xuất bản, tài chánh, in ấn...). Ấy thế mà, phát xuất từ nhu cầu thông tin và tấm lòng yêu tiếng mẹ đẻ, những người nặng lòng với văn học ra được báo, tạp chí và từ thông tin ta tiến lên làm văn học, để sau đó dần dà đưa văn học trở thành một bộ phận riêng biệt. Đây là một nền văn học tự phát, hoàn toàn tự phát. Mỗi người chúng ta viết lách, sáng tác và xuất bản, không chịu bất cứ một sự chỉ đạo nào. Mỗi một tờ báo hay *website*, tuy do một hay vài cá nhân chủ trương và phụ trách nhưng được sự góp tay tập thể. Tuy không có nhuận bút, không bán, nhưng người viết vẫn viết, vẫn đóng góp rất nhiệt tình và với tinh thần trách nhiệm. Người viết không nhằm bán sản phẩm tinh thần của mình. Tự viết, tự in, tự gửi vừa tốn công, tốn thì giờ và tiền bạc, nhưng vẫn cứ viết. Trong điều kiện xuất bản và bán sách, báo như hải ngoại, tưởng chừng như sẽ không còn văn chương nữa. Trước đây có người than thở: *Văn chương hạ giới rẻ như bèo*. Bây giờ không những rẻ mà trở thành vô giá. Người viết và in ra hay đưa lên mạng mà không cần bất cứ một lợi nhuận nào, dù tối thiểu. Miễn là được xuất bản và đến tay người đọc và được đọc. Đúng là một thứ "tình cho không biếu không"!

Ngoài ra là thiện chí vô song của những người đứng ra làm tờ báo hay website văn học. Một vài tạp chí hay website, chỉ với một người, ngày đi làm lương ba cọc ba đồng, đêm về lo liên lạc văn hữu xin bài, rồi edit, layout, mang đi in, phát hành, đi thâu tiền... Phần nhiều là họ phải bỏ thêm tiền ra để duy trì tờ báo. Ấy thế mà vẫn nuôi dưỡng chúng qua hàng bao nhiêu năm. Các tờ báo mạng cũng thế. Không có hội nhà văn, không có ngân sách tài trợ, không có bất kỳ một quyền lợi tối thiểu nào lại không hề được khuyến khích, được ca ngợi — có khi còn bị chỉ trích - lại còn thiếu thì giờ thế mà vẫn viết, vẫn ra báo, vẫn làm báo mạng, vẫn xuất bản. Nếu không xuất phát từ sự yêu văn học thì không thể nào làm được.

3. Tính "miễn phí" của Văn Học Hải Ngoại

Hầu như tất cả các tạp chí văn học như Hợp Lưu, Văn, Văn Học... đều "sống" dựa trên một số bán ra tối thiểu, chỉ đủ để trang trải các chi phí cần thiết. Mà thực ra, ngay số bán ra đó cũng dựa trên tinh thần hỗ trợ hơn là chuyện mua bán bình thường. Bản thân người chủ trương và các tác giả cộng tác hoàn toàn không có bất kỳ một lợi nhuận nào. Nghĩa là miễn phí. Đến các tạp chí mạng thì tính cách miễn phí là gần như tuyệt đối. Người chủ trương trang trải mọi chi phí và tiêu tốn thì giờ để đưa đến cho người đọc các tác phẩm văn chương hoàn toàn miễn phí. Ngoài các tác phẩm vừa sáng tác, những tác phẩm in thành sách cũng lần lượt được đưa lên mạng.

Các tác giả cũng thế. Hầu hết tác giả hải ngoại đều viết lách trong tinh thần "miễn phí" đó. Viết xong, đưa lên mạng, hay in thành sách và gửi biếu bạn bè, bạn văn và người quen. Bây giờ, ngay cả dự tính "lấy lại vốn" cũng hầu như chỉ phảng phất trong đầu người viết. Mọi ước mong chỉ là có người đọc. Điều đó mới nghe gây cảm giác buồn. Với tình hình này, tôi chia sẻ cái nhìn khá bi quan của nhà văn Nguyễn Mộng Giác là dù hiện diện, nhưng Văn Học Hải Ngoại ở tình trạng lão hóa, chẳng có gì đáng gọi là thành tựu và tiềm năng. Người viết càng ngày càng hiếm, càng "lão hóa" và người đọc cũng càng ngày càng hiếm. Theo tôi, nói cho cùng, các tác phẩm văn chương bao giờ cũng xuất phát từ sự bi quan, từ sự thất bại, từ sự bế tắc. Nếu mọi điều, mọi thứ đều suông sẻ, đều khả quan thì chắc là không có văn chương.

Sản phẩm văn chương bây giờ không hệ lụy vào số lượng người (mua) để đọc nữa. Bản thân tôi, từ ngày ra hải ngoại, cầm bút viết lại trong một tinh thần hào hứng. Những cuốn sách đầu in ra, tôi cũng mong có người đọc, có người mua. Cái sự "mong" ấy càng lúc càng hoài công. Nhưng rồi tôi vẫn viết, cứ viết. Tốn công, tốn thì giờ, tốn tiền và bị... vợ la cũng cứ viết. Viết vì thích... viết. Viết xong in ra hay đưa lên mạng. Ai đọc? Tôi không còn băn khoăn vì những câu hỏi như thế. Nhưng biết chắc rằng thế nào cũng có người đọc. Tôi cố gắng chẳng quan tâm đến chuyện tác phẩm "để đời" hay tác phẩm "lớn". Cũng như các tác giả hải ngoại, khi viết, chẳng ai viết nhằm xây dựng một "nền" văn học học hải ngoại cả, nó là cái đến sau, chuyện "để đời" hay "lớn" là cái đến sau, là cái mà khi viết có lẽ chẳng có ai nghĩ đến. Vả lại, chỉ có một số tác phẩm là "để đời," còn hầu hết đều chỉ là để làm nền, để đan kết lại thành một mạng lưới gọi là văn học.

Người viết hải ngoại bây giờ đột nhiên có thêm một lần tự do. Họ viết lách trong một tinh thần rộng lượng hơn, cởi mở hơn và do đó, (hy vọng thế) văn chương hơn! Và nếu như thế, tôi xem đó cũng là một trong những thành tựu khá đặc thù của văn học hải ngoại thời đại Internet. Internet gần như xóa nhòa ranh giới giữa trong và ngoài nước và ranh giới địa phương, giữa người đọc và người viết, giữa tác phẩm lớn và tác phẩm nhỏ, giữa chuyện "để đời" và ngắn hạn của văn chương.

4. Sự nối tiếp

Dù hiểu theo cách nào thì VHHN rõ ràng là cánh tay nối dài của 20 năm nền văn học miền Nam. Trong một chừng mực nào đó, VHHN đã tái tạo, bảo trì và nối tiếp giòng văn học miền Nam trước 1975 đồng thời nối tiếp dòng văn học Việt từ thời tiền chiến và thời gian dài trước đó mà người Cộng Sản, do chủ trương "hiện thực xã hội chủ nghĩa," tìm mọi cách xóa bỏ. Nhiều tác phẩm cũ thời Việt Nam Cộng Hòa đã được tái bản. Các tờ báo đã dành nhiều số đặc biệt để bàn về tác giả, tác phẩm trước tháng 4/1975 ở miền Nam. Võ Phiến đã viết bộ "Văn học miền Nam" gồm bảy tập, dù chưa thật đầy đủ, nhưng cũng phác họa được sự phong phú, đa dạng của một nền văn học bị bức tử. Ngoài ra, "Thư Quán Bản Thảo" do nhà văn Trần Hoài Thư cùng một số bạn văn âm thầm làm việc, tự đánh máy, tự in và gửi biếu bạn bè với ước mong phần nào bảo tồn một phần nào đó những thành quả của nền văn học miền Nam. Tác phẩm mới nhất của "Thư Quán Bản Thảo" là một tuyển tập thơ của những tác giả miền Nam:"Thơ Miền Nam trong thời chiến" gồm 263 tác giả. Trang mạng Talawas đã và đang làm chuyện tương tự, đưa lên mạng nhiều tác phẩm của miền Nam xuất bản trước 1975. Trang mạng Da Màu (damau.org) cũng đang dự tính làm như thế.

Cuối cùng, với tôi, sự hiện diện của rất nhiều nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu thuộc nhiều thế hệ khác nhau từ nhiều nơi về quy tụ nơi đây, tự nó, cũng là một thành tựu. Xin hãy đẩy sự thành tựu đi xa hơn, có ý nghĩa hơn và nhất là hiện thực hơn!

(1/2007)

Ứng dụng của kỹ thuật Internet trong hoạt động văn học

tham luận của PHÙNG NGUYỄN

Trong buổi Hội luận Văn học tại Little Saigon ngày 27 tháng 01, 2007

Đêm Las Vegas

Las Vegas. Đêm. Nhà hàng Jasmine. Vũ điệu của nước. Hoàng Đình Bình, Thận Nhiên, Hoàng Ngọc-Tuấn. Chỉ còn thiếu Cirque du Soleil. Nhưng đành bỏ qua buổi trình diễn hấp dẫn này và quay trở lại căn phòng khách sạn một mình để làm việc. Lý do: trang tạp chí văn học damau.org bị hư, cần phải sửa gấp để độc giả khắp nơi có thể vào truy cập bài vở.

Khoảng nửa đêm, nhóm bạn kéo về phòng, và trong khi mọi người chui vào giường, Hoàng Ngọc-Tuấn một mình cặm cụi ở bàn viết với chiếc máy vi tính anh mang theo từ nhà. Tôi biết là anh đang lo duyệt và đăng bài lên trang Tiền Vệ. Trước khi bất cứ ai trong chúng tôi kịp chìm vào giấc ngủ, một máy chủ đặt ở thành phố Sydney, Úc Đại Lợi sẽ nhận được những tín hiệu gởi đi từ một căn phòng khách sạn ở cách nó nửa vòng trái đất, và vài giây sau đó, những bạn đọc của tienve.org kể cả những người sống ở những góc nẻo khuất lấp nhất của hành tinh này, sẽ có cơ hội thưởng thức những tác phẩm mới nhất trong ngày. Chỉ vài tiếng đồng hồ trước đó, cũng trong chính căn phòng khách sạn này và sử dụng cùng một đường dây nối mạng, những thao tác kỹ thuật cần thiết đã được thực hiện để hồi sinh một trang tạp chí văn học khác. Điều này không phải ai cũng có thể tưởng tượng ra được vào mười năm trước.

Kết luận: Internet thay đổi phương thức sinh hoạt của nhiều, rất nhiều người. Và không dừng ở đó.

Những ưu tư lỗi thời

Một số những nhận định "tiền-liên mạng" liên quan đến tình cảnh/vận mạng văn học hải ngoại cách đây không lâu nay đã không còn đúng nữa, và nguyên nhân chính của thay đổi này là tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt kỹ thuật liên quan đến Internet. Người viết ở hải ngoại sẽ không còn phải lo lắng về chuyện người đọc sẽ ngày mỗi rơi rụng như lá mùa thu. Số máy vi tính được nối mạng ở Việt Nam mỗi ngày chỉ có tăng chứ không giảm, và cùng với điều này là số lượng độc giả thăm viếng các trang văn học mạng hải ngoại. Tất nhiên, không ai cấm đoán độc giả hải ngoại vào đọc các trang văn học mạng trong nước nếu quả thực có điều gì đó đáng đọc! Những giao lưu thường xuyên giữa "trong" và "ngoài" như thế này sẽ làm triệt tiêu mối lo ngại về sự cô lập của ngôn ngữ, văn hóa, văn học lưu vong. Ngay cả cái biên giới trong ngoài trong văn học xem ra cũng ngày mỗi mờ nhạt. Bức tường lửa cuối cùng cần phải vượt qua có thể không dính líu gì đến liên mạng và những kỹ thuật an ninh rắc rối phía sau nó. Có thể chỉ đơn giản là tấm thẻ hội viên của hội nhà văn!

Tiềm năng của văn học hải ngoại, ở khía cạnh kỹ thuật

Trong khi các phương tiện / ứng dụng mới liên quan đến liên mạng không dành riêng cho bất cứ ai, và trình độ kỹ thuật trong nước ngày càng tiến bộ do những yếu tố kinh tế trong thời gian gần đây, và có cơ hội phát triển rất nhanh trong thời gian tới bắt nguồn từ những nhu cầu cung cấp dịch vụ Tin học cho các sơ sở thương mại ngoại quốc (IT outsourcing), giới làm văn học hải ngoại luôn có những thuận lợi trong việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật so với đồng nghiệp trong nước. Một số lý do chính gồm có điều kiện chính trị, văn hóa, tập quán. So với trong nước, tự do ngôn luận được bảo đảm ở hải ngoại

là điều không thể tranh cãi. Thêm vào đó, phương tiện kỹ thuật dồi dào và có thể có được với một phí tổn vừa phải hoặc miễn phí. Những trang mạng có liên quan đến văn học và ứng dụng nhuần nhuyễn các tiến bộ kỹ thuật thường có tác động và hiệu quả cao. Talawas.org, tienve.org, và gần đây nhất, damau.org là những thí dụ điển hình.

Ứng dụng thực tiễn: Một văn khố tổng hợp cho một nền văn học bị bỏ rơi

Một trong những ứng dụng thực tiễn và thành công nhất của Internet là sưu tập, lưu trữ, và bảo quản tư liệu. Những tiến bộ về mặt kỹ thuật kèm với những khái niệm mới lạ và táo bạo nhất đã mở ra những khả năng mà chỉ vài năm trước đây không ai nghĩ có thể thực hiện được. Thí dụ như việc xây dựng một thư viện/văn khố Văn Học Việt Nam trên liên mạng, bắt đầu với văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975 (VHMN).

Có rất nhiều lý do để bắt đầu dự án này với văn học miền Nam ở giai đoạn 54-75. Trước hết đây là một nền văn học không những không được bảo trì mà còn bị cố tình xóa đi hoặc tảng lờ bởi giới hữu trách trong nước kể từ năm 1975. Nền văn học này chưa hề được cân nhắc, đánh giá một cách vô tư, công bình trong hơn ba mươi năm qua, và có vẻ như sẽ không bao giờ có được bất cứ cơ hội nào nữa.

Nói cho công bằng, đã có những cố gắng đơn lẻ của cá nhân, hầu hết ở hải ngoại, để cứu vớt, bảo tồn một phần nào những tác phẩm của nền văn học này. Tuy nhiên, những nỗ lực ở tầm mức cá nhân sẽ không mang đến kết quả mong đợi. Bởi vì, bên cạnh những tổn thất to lớn đã xảy ra, mỗi ngày trôi qua, sẽ có thêm những mất mát không thể cứu vãn. Và ngày tháng thì sẽ luôn trôi qua.

Trong khi không còn cơ hội để phục hồi toàn bộ những công trình văn học miền Nam giai đoạn 54-75, bằng cách kết hợp những khái niệm mới và tiến bộ kỹ thuật mới liên quan đến Internet, chúng ta có nhiều cơ hội để sưu tập và bảo quản những gì còn lại của nền văn học này.

Trong những năm gần đây, WIKI là một từ ngày càng trở nên quen thuộc với những người thường xuyên sử dụng Internet. Trong sự giới hạn về thì giờ như hôm nay, chúng ta sẽ không có nhiều cơ hội để đi sâu vào chi tiết của WIKI. Chỉ xin phát biểu một cách ngắn gọn, và do đó có thể không chính xác lắm, WIKI là một khái niệm và đồng thời là kỹ thuật để thực hiện chính khái niệm này: hợp tác mở. Bằng cách cho phép trực tiếp đóng góp và đánh giá, phân loại nội dung văn kiện còn giữ được dưới nhiều hình thức bởi tất cả, lập lại, tất cả, mọi người, giải pháp WIKI sẽ giúp dự án được phát triển và gặt hái thành quả nhanh gấp bội các giải pháp khác.

Như vậy, về mặt khái niệm, dự án thư viện/ văn khố VHMN 54-75 có thể được thực hiện bằng cách kêu gọi sự đóng góp của bất cứ ai sở hữu bất cứ tư liệu nào về VHMN. Một website ứng dụng kỹ thuật WIKI (tương tự như wikipedia.org) sẽ được thiết kế để thu thập, công bố, và bảo quản tư liệu nhận được.

Sẽ có rất nhiều câu hỏi, rất nhiều vấn đề được đặt ra nếu dự án này được sự chú ý và hỗ trợ rộng rãi bởi giới làm văn học và độc giả trong và ngoài nước. Nhưng câu trả lời chung và trước hết là "Hãy bắt đầu!"

"Cái còn lại" cần được cứu vãn

Trong số thính giả hôm nay, tôi dễ dàng nhận ra những khuôn mặt đã thực sự đóng góp tâm huyết của mình vào việc xây dựng và làm nên diện mạo của nền văn học miền Nam giai đoạn 54-75. Các nhà văn nhà thơ Võ Phiến, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Đỗ Quý Toàn, Trần Hoài Thư... Tôi cũng nhận ra những khuôn mặt văn nghệ thuộc thế hệ của tôi hoặc trẻ hơn, những người không nhiều thì ít lớn lên trong và thừa hưởng hoa trái của dòng văn học này. Những Bùi Vĩnh Phúc, Hoàng Ngọc-Tuấn, Đặng Thơ Thơ, Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thanh Bình, Đỗ Lê Anh Đào, Lê Đình Nhất Lang... Chính là ngọn đèn vàng trong truyện "Cái Còn Lại" của Võ Phiến đã mở ra những ngăn kéo ký ức trong truyện ngắn đầu tay của tôi, Tháp Ký Ức, và chính là "Dấu Binh Lửa" và "Dọc Đường Số Một" của Phan Nhật Nam đã tràn ngập những phần thơ mộng nhất trong "Tùy Bút Xám" của Trần Vũ. Và tôi tin rằng mỗi tác giả thuộc thế hệ sau luôn có một cái tên, một khuôn mặt của văn học miền Nam giai đoạn 54-75 để nghĩ đến và nói về.

Không chỉ những người tạo dựng nền văn học Miền Nam giai đoạn 1954-1975 mà cả những người thừa hưởng và sử dụng nó với tư cách người sáng tác hoặc/và người đọc có bổn phận cứu vãn nó. Không phải vậy hay sao?

01.27.2007

Đi Tìm Võ Phiến

(Phát biểu trong buổi ra mắt sách Tuyển Tập Võ Phiến, ngày 28.01.2007 tại nhật báo Người Việt)

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Đi tìm nhà văn Võ Phiến, tôi bắt gặp một nhà tuỳ bút. Đi tìm nhà tuỳ bút Võ Phiến, tôi bắt gặp một nhà nghiên cứu.

Phát hiện đầu không có gì đáng kể. Từ lâu, đã có nhiều người đã nhận ra là, một, sở trường của Võ Phiến nằm ở thể tuỳ bút; và hai, phong cách tuỳ bút bàng bạc trong mọi tác phẩm văn xuôi của ông. Thật ra, hai điểm này có quan hệ chặt chẽ với nhau. Đặc điểm nổi bật nhất của thể tuỳ bút, theo tôi, là ưu thế của giọng văn, hơn nữa, của thứ giọng văn giàu cảm xúc và, đặc biệt, giàu cá tính. Viết truyện, người ta có thể sử dụng lối văn gọn gàng, giản dị, vô ngã, không có màu sắc hay mùi vị gì cả để cho nhân vật dễ có được đời sống riêng với những cá tính riêng chứ không phải là những con rối hay những cái bóng mờ nhạt của tác giả. Chính vì vậy, đối với các nhà tiểu thuyết thời 1930-45, ngay cả các nhà tiểu thuyết lớn như Nhất Linh, Khái Hưng, Nam Cao hay Vũ Trọng Phụng, rất hiếm khi người ta đề cập đến giọng văn. Không phải tại những tác giả ấy viết không hay. Hay, nhưng cái hay ấy không phải là yếu tố hàng đầu làm nên cái lớn của họ. Với các nhà tuỳ bút thì khác. Nhắc đến Nguyễn Tuân, chẳng hạn, hầu như ai cũng nhắc, trước hết, đến một giọng văn hết sức điệu đàng và khinh bạc. Sau này, nhắc đến Mai Thảo, người ta cũng nhắc đến một giọng văn mượt mà với những kiểu ngắt câu lạ, rất gần với thơ; nhắc đến Vũ Bằng, người ta cũng lại nhắc đến đến giọng văn tha thiết và sôi nổi của ông về từng món ăn hay từng kỷ niệm cũ. Với Võ Phiến, cũng thế; nhắc đến ông, người ta cũng lại nhắc đến một giọng văn phóng túng và dí dỏm, chứa đựng rất nhiều khẩu ngữ, như một lời trò chuyện linh động, duyên dáng, thân mật và vô cùng lôi cuốn.

Ưu thế của giọng văn, thực chất, là ưu thế của nhu cầu tự bộc lộ và tự thể hiện: viết tuỳ bút là một cách bày tỏ trực tiếp cảm xúc và thái độ của mình, là xem tính chất phong phú và độc đáo của sự liên tưởng là tiêu chuẩn thẩm mỹ chính của việc viết lách, là đặt cái tôi của mình vào vị trí trung tâm của tác phẩm, hay nói theo Nguyễn Mộng Giác, là làm "một người khoả thân ngay giữa chợ." (1) Nhu cầu tự bộc lộ và tự thể hiện ấy khiến nhà tuỳ bút dễ có khuynh hướng xâm phạm vào "quyền sống" và "quyền độc lập" của nhân vật, đẩy truyện ngắn và truyện dài đến gần với tuỳ bút và làm nhoè đi ranh giới giữa các thể loại. Điều này có thể thấy rõ ở Nguyễn Tuân qua các tác phẩm được gọi là truyện dài và ký sự, và càng rõ hơn nữa, ở Võ Phiến qua nhiều tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau. Dưới ngòi bút của Võ Phiến, không những truyện ngắn mà cả các bài phê bình và lý luận cũng đều phảng phất hình dáng của tuỳ bút; ở đâu cảm xúc cũng tràn lên giọng văn; ở đâu giọng văn cũng nổi lên như một yếu tố chủ đạo trong phong cách; và ở đâu phong cách cũng trở thành trung tâm của nghệ thuật ngôn từ. Có thể nói, đằng sau nhà văn, nhà phê bình và nhà lý luận văn học Võ Phiến đều có một nhà tuỳ bút. Đằng sau cây bút bình luận chính trị, xã hội, ngôn ngữ và văn hoá Võ Phiến cũng có một nhà tuỳ bút. Nhà tuỳ bút ấy chi phối toàn bộ cách hành ngôn và giọng điệu của nhà văn Võ Phiến.

Nhưng đằng sau nhà tuỳ bút Võ Phiến là ai? Theo tôi, đó là một nhà nghiên cứu.

Tôi ngờ người đầu tiên phản đối "phát hiện" này không chừng là chính Võ Phiến. Ông đã nhiều lần công khai phủ nhận, thậm chí, cười cợt tư cách nghiên cứu, phê bình cũng như lý luận ngay cả trước khi người ta kịp gán cho ông các danh hiệu ấy. Trong "Lời nói đầu" cuốn *Văn học Miền Nam, tổng quan*, xuất bản lần đầu năm 1986, Võ Phiến khẳng định ngay ông "không phải là một nhà phê bình, nhà biên khảo gì ráo." (2) Trong bài "Nằm chơi", viết năm 1997, sau khi nêu ra một phát hiện thú vị: cái võng mà người Việt Nam ta ngày trước thường nằm đung đưa không có nguồn gốc từ Trung Hoa nhưng dường như lại có quan hệ khá mật thiết với nhiều dân tộc khác ở Đông Nam Á và Nam Mỹ, Võ Phiến đã than thở "Rắc rối quá

lắm!" Rồi tiếp theo, ông phân trần: "Vả lại mình biết phận mình: Có nghiên có khảo gì tới nơi tới chốn được đâu? Chẳng qua nhón lấy vài sự kiện trong tầm tay, nêu lên để gợi ý các bậc cao minh vậy thôi." (3) Lúc nào và ở đâu Võ Phiến cũng chỉ nhận là một tay ngang, một kẻ ngoại cuộc, một người "không có một chút vốn kiến thức chuyên môn," lâu lâu mới "có dịp rón rén ghé mắt nhìn vào công việc gian nan của các học giả." (4)

Chuyện danh hiệu, hay ngay cả thái độ khiêm tốn trong văn chương, đôi khi, cũng chỉ là một cách nói. Nói cho nhẹ nhàng. Như một kiểu tu từ nhằm làm tăng sức thuyết phục và từ đó, ảnh hưởng của tác phẩm. Nhưng theo tôi, đó không phải là trường hợp của Võ Phiến. Trong cuộc đời cầm bút dài hơn nửa thế kỷ của ông, Võ Phiến đã nhiều lần né tránh những chữ như nghiên cứu, biên khảo hay khảo luận. Né thật. Tránh thật. Chứ không phải là giả vờ. Cuốn *Chúng ta qua cách viết*, khi được đưa vào *Toàn tập Võ Phiến*, sắp vào loại "tiểu luận," thoạt kỳ thuỷ, trong ấn bản đầu tiên ở Sài Gòn năm 1972, được ghi là "tuỳ bút." "Bút" chứ không phải là "luận," cho dù chỉ là "tiểu luận." Nhưng ngay cả khi gọi *Chúng ta qua cách viết* cũng như *Tiểu thuyết hiện đại* là "tiểu luận," chúng ta vẫn thấy có cái gì như nỗ lực tự thu nhỏ mình lại ở Võ Phiến. Cuốn *Chúng ta qua cách viết* cũng như cuốn *Tiểu thuyết hiện đại* đều dày trên 200 trang, có cấu trúc chặt chẽ và có tính hệ thống cao, rõ ràng là những công trình biên khảo hoàn chỉnh và khá dài hơi, vượt hẳn ra ngoài khuôn khổ của các bài tiểu luận thông thường. Cả với cuốn *Văn học Miền Nam, tổng quan*, ấn bản mới nhất dày đến gần 500 trang, Võ Phiến cũng có thái độ e dè như thế. Ông không xem đó là công trình phê bình hay nghiên cứu có tính văn học sử. Trong cuộc phỏng vấn đăng trên tạp chí *Văn Học* năm 2000, khi bị hỏi dồn về thể loại của cuốn sách ấy, ông vẫn loay hoay tìm cách né tránh. Đến lúc không né tránh được, ông mới rụt rè thừa nhận là cuốn sách ấy "đại khái có liên hệ với phê bình và khảo luận, qua loa thôi, nhẹ nhàng thôi." (5)

Tác giả có thể khiêm tốn, nhưng người đọc và giới phê bình thì phải công minh. Chưa nói đến chuyện hay hay không hay, sâu sắc hay không sâu sắc, bất kể tác phẩm nào được hình thành từ kết quả của quá trình đọc và phân tích một khối lượng lớn các tài liệu liên hệ đến một đề tài nhất định nhằm chứng minh cho một luận điểm nào đó chưa được công nhận là một chân lý hiển nhiên đều được gọi là một công trình biên khảo. Trong ý nghĩa như thế, không còn hoài nghi gì cả, những tác phẩm như *Tiểu thuyết hiện đại* (1963), *Văn học Nga-xô hiện đại* (1965), *Chúng ta qua cách viết* (1972) và *Văn học miền Nam, tổng quan* (1986) đều thuộc thể loại biên khảo. Ngoài ra, Võ Phiến còn viết hàng mấy chục bài tiểu luận về văn học và văn hoá, sau, tập hợp trong cuốn *Tạp luận* (1987), *Tạp bút* (1989) và một phần trong các cuốn *Tiểu luận* (1988), *Sống và viết* (1996), và *Cảm nhận* (1999). Tất cả, với những mức độ khác nhau, đều có thể được xem là biên khảo. Là tác giả của những tác phẩm biên khảo đầy đặn như thế, nếu Võ Phiến không phải là một nhà nghiên cứu thì còn là một cái gì nữa chứ?

Đi tìm và đã gặp. Từ trái: Nguyễn Hưng Quốc, ông và bà Võ Phiến trong bữa tiệc thân mật sau buổi ra mắt sách.

Hơn nữa, nếu chỉ căn cứ vào số lượng, với những tác phẩm kể trên, có lẽ Võ Phiến là một trong những người viết biên khảo nhiều nhất trong số những cây bút chuyên về sáng tác tại Việt Nam. Nhiều hơn hẳn Xuân Diệu, người có khuynh hướng bình hơn là khảo. Nhiều hơn cả Chế Lan Viên, người có khuynh hướng luận hơn là khảo. Cũng nhiều hơn Bình Nguyên Lộc, người chỉ tập trung chủ yếu vào ngôn ngữ học lịch sử với hai công trình nổi tiếng *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* và *Lột trần Việt ngữ*, và cả Nguyễn Văn Xuân, người nghiên cứu về cuộc Nam tiến, về phong trào Duy Tân và về dịch giả của bản *Chinh phụ ngâm* hiện hành. Có thể ngang ngửa với Sơn Nam, người,

theo Võ Phiến, sự nghiệp chia đều ra hai phần: khảo luận và sáng tác (6) và cũng là người, cùng với Vương Hồng Sển, được xem như nhà Nam bộ học có uy tín hàng đầu ở Việt Nam trong gần trọn nửa sau của thế kỷ 20.

Nhưng Võ Phiến không chỉ là nhà nghiên cứu khi viết biên khảo; ông còn là nhà nghiên cứu ngay cả khi ông viết phê bình và tuỳ bút nữa. Viết phê bình, cần nghiên cứu, đã đành. Không có nhà phê bình thực sự nào mà lại không phải là một nhà nghiên cứu: phê bình chủ yếu là đánh giá; đánh giá chủ yếu là so sánh; so sánh chủ yếu là phát hiện các quan hệ; độ chính xác của các phát hiện ấy tuỳ thuộc chủ yếu vào hai yếu tố: sự nhạy bén và tầm nhìn vừa rộng rãi vừa tỉ mỉ: cái rộng rãi và cái tỉ mỉ ấy chủ yếu đến từ kinh lịch và từ sự học hỏi. Tuy nhiên, nếu quan hệ giữa nhà nghiên cứu và nhà phê bình khá hiển nhiên, có thể được nhìn thấy khắp nơi, ngay trong chữ "bình khảo" thông dụng, mối quan hệ giữa nhà nghiên cứu và nhà tuỳ bút phức tạp và tế nhị hơn, dường như chỉ đặc biệt nổi rõ trong trường hợp của Võ Phiến. Có thể nói, ngoài giọng văn, chính tư cách nhà nghiên cứu là một trong những điểm mạnh nhất của nhà tuỳ bút Võ Phiến, yếu tố góp phần làm cho tuỳ bút của Võ Phiến khác hẳn tuỳ bút của những người khác. Như Nguyễn Tuân hay Vũ Bằng, chẳng hạn.

Sự khác biệt này đã được Võ Phiến nhận thấy khi ông tự so sánh ông với Nguyễn Tuân và Vũ Bằng. Theo ông, cả Nguyễn Tuân lẫn Vũ Bằng đều viết "tuỳ bút tâm tình" và đều "chủ về cái tâm, không phải cái lý." (7) Thật ra thì không phải bài tuỳ bút nào của Võ Phiến cũng thiên về cái lý. Tuỳ bút của ông rất đa dạng về đề tài cũng như về hình thức: ông có những bài tuỳ bút gần với thơ văn xuôi; một số bài tuỳ bút khác gần với truyện ngắn và khá nhiều bài tuỳ bút gần với tiểu luận. Ở hình thức nào Võ Phiến cũng có những thành tựu nhất định. Khó nói được đâu là sở trường của ông. Chỉ biết, về số lượng, hình thức thứ ba nhiều nhất: chiếm nguyên cả tập *Tuỳ bút 1* (1986), trong khi hai hình thức trên được gộp chung, cùng với một số bài thơ, vào tập *Tuỳ bút 2* (1987). Hơn nữa, dường như đó cũng chính là nơi dấu ấn của Võ Phiến đậm nhất. Và cũng sắc nhất.

Làm nên dấu ấn ấy có công lao của một nhà nghiên cứu.

Thử nêu một ví dụ: cả ba người, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng và Võ Phiến đều thích viết về các món ăn và thức uống nhưng cách viết của Võ Phiến khác hẳn hai người kia. Trong khi Nguyễn Tuân và Vũ Bằng thường xem các món ăn và thức uống như một nghệ thuật hoặc một kỷ niệm, Võ Phiến lại xem chúng như những phản ánh của tâm hồn một địa phương, một dân tộc hay một thời đại; trong khi Nguyễn Tuân và Vũ Bằng say sưa mô tả cảm giác và cảm xúc của họ về những món ăn và thức uống ấy, Võ Phiến lại đăm đăm nghĩ ngợi về ý nghĩa văn hoá và lịch sử của chúng; trong khi Nguyễn Tuân và Vũ Bằng cảm, Võ Phiến luận; trong khi Nguyễn Tuân và Vũ Bằng lúc nào cũng tỏ ra là những kẻ thưởng ngoạn sành sỏi, tài hoa và hào hoa, Võ Phiến hiện ra trên trang viết như một người hay tư lự, đọc nhiều và nhận xét tinh tế; trong khi Nguyễn Tuân và Vũ Bằng chủ yếu khai thác độ nhạy bén và sự giàu có trong tâm hồn, Võ Phiến chủ yếu khai thác sự rộng rãi của kiến thức và sự sắc sảo của trí tuệ. Nói cách khác, tuỳ bút của Nguyễn Tuân và Vũ Bằng có tính chất phản tỉnh (reflective); tuỳ bút của Võ Phiến, ngay cả những bài tuỳ bút gần với truyện ngắn nhất, cũng hơi nghiêng về tính chất phân tích (analytical): hoặc phân tích một vấn đề, một hiện tượng hoặc phân tích một tính cách nhân vật trong chiến tranh, giữa những biến động khốc liệt của lịch sử.

Một ví dụ nữa: có lần Nguyễn Tuân và Võ Phiến cùng viết về một đề tài giống nhau: Hội An. Nguyễn Tuân viết về Hội An, nơi có bãi biển Cửa Đại, như một du khách, hay nói theo chữ của ông, một "gã lữ thứ" (8): ông đến, thưởng thức cảnh sinh hoạt lạ mắt ở phố xá vào sáng sớm, ngắm ánh trăng và lắng nghe tiếng gió thổi lồng lộng trong đêm ngủ đò, tấm tắc trước bãi biển Cửa Đại "chưa bị hoen ố bởi những tấm biển quảng cáo" và cũng chưa có "tiếng âm nhạc hỗn xược của nhà khiêu vũ hay của khách sạn" như ở Đồ Sơn hay Sầm Sơn. Trong cảnh đẹp ít nhiều hoang dã ấy, ông đâm khó chịu hẳn khi nhìn thấy, trên chiếc xe ngựa ông đi, một phụ nữ có vẻ như hành nghề mại dâm, hay nói theo chữ của ông, "một thứ đàn bà tồi" với "hai con mắt đục tố cáo rõ sự mệt mỏi của xác thịt bị vầy vọc nhiều và bộ ngực xọp xẹp [...] nhắc cho mình nghĩ đến những cái gì sắp vữa ra." (9) Ông xem sự hiện diện của người phụ nữ ấy như "để ám sát cái hiền lành của một chuyến xe ngựa rất nên thơ." Cách tiếp cận của Võ Phiến với thành phố Hội An hoàn

toàn khác. Ông có vẻ như không bận tâm đến vẻ đẹp hay những khiếm khuyết của thành phố: dường như, với ông, đó không phải là điều quan trọng. Ông chỉ ghi nhận và lý giải những đặc trưng lịch sử và văn hoá của nó: cảnh vật thì hoang sơ, thành phố thì cổ kính, người thì hừng hực đam mê chính trị. Dường như tất cả những đặc điểm này đều có quan hệ chặt chẽ với nhau: là một cửa biển phát triển sớm, giao thương với ngoại quốc sớm, Hội An có nhiều điều kiện thuận lợi để tiếp nhận các nguồn tư tưởng cách mạng mới mẻ từ Trung Hoa sớm hơn các địa phương khác ở Việt Nam. Ông dẫn chứng lịch sử, ông phân tích, ông quy nạp, ông rút ra những kết luận vừa bất ngờ vừa có tính thuyết phục cao. Nguyễn Tuân đến Hội An như một nghệ sĩ nhạy cảm và đa cảm, dễ vui và dễ buồn; Võ Phiến đến Hội An như một nhà nghiên cứu đăm đăm nghĩ ngợi với kho tư liệu dồi dào về thành phố ấy. Đọc Nguyễn Tuân, người ta thấy Hội An đẹp, một vẻ đẹp đơn sơ và hoang sơ; đọc Võ Phiến, người ta thấy Hội An có bề dày lịch sử thăm thẳm, chứa đựng nhiều bí ẩn và thường xuyên tác động lên tính cách của người dân địa phương. (11)

Nói cách khác, giá trị lớn nhất ở tuỳ bút Nguyễn Tuân là những phát hiện có tính thẩm mỹ; ở Vũ Bằng là những phát hiện có tính tâm tình và ở Võ Phiến là những phát hiện có tính nhận thức. Viết về cái gì, Nguyễn Tuân cũng chú ý, trước hết, đến khía cạnh mỹ thuật; Vũ Bằng chú ý, trước hết, đến các kỷ niệm và Võ Phiến chú ý, trước hết, đến ý nghĩa văn hoá.

Có thể nói đặc điểm nổi bật nhất trong diện mạo văn học của Võ Phiến chính là sự kết hợp hài hoà giữa tư cách nhà nghiên cứu và nhà tuỳ bút. Sự kết hợp này tạo ra sự sâu sắc cho nhà tuỳ bút Võ Phiến và sự duyên dáng cho nhà nghiên cứu Võ Phiến. Viết biên khảo, hiếm khi Võ Phiến kìm được cảm xúc và giữ được sự nghiêm nghị vốn được xem như một quy ước có tính thể loại của phong cách nghị luận. Ông không những ghi nhận và phân tích tư liệu hay sự kiện mà còn xuýt xoa trầm trồ, thán phục hay than thở, cảm khái, đôi khi, một cách khá ồn ào. Giọng văn ấy làm cho các tác phẩm biên khảo của Võ Phiến trở thành nhẹ nhàng và hấp dẫn lạ lùng: ấn tượng nhẹ nhàng và hấp dẫn ấy khiến người đọc dễ ngỡ Võ Phiến đang nói chuyện phiếm, một cách tuỳ hứng, từ trực giác và kinh nghiệm, chứ không phải đang trình bày kết quả của một quá trình tích luỹ và phân tích

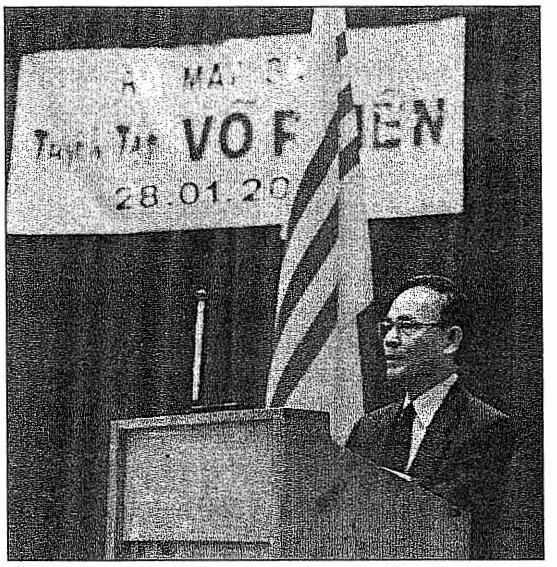

Nhà văn Nguyễn Tường Thiết phát biểu trong buổi ra mắt sách Tuyển Tập Võ Phiến.

tư liệu lâu dài và vất vả của ông. Từ cảm giác ấy, oái oăm thay, người ta đâm ngờ vực tư cách nhà nghiên cứu của Võ Phiến. Sự ngờ vực ấy không hề thấy khi người ta đọc Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Văn Xuân hay Sơn Nam. Các thao tác nghiên cứu của những cây bút ấy đúng theo quy định của giới hàn lâm hơn Võ Phiến chăng? Không đâu. Sự khác biệt chỉ đến từ giọng văn. Giọng văn của một nhà tuỳ bút. Nó tạo ấn tượng là Võ Phiến đang... *khảo chơi*.

Chữ "khảo chơi" này là chữ của Võ Phiến khi ông giới thiệu Lê Văn Lân, một bác sĩ y khoa chuyên viết về văn hoá và nhân học (anthropology), lại viết một cách "ung dung, khinh khoái", "chập chờn khắp nơi" và "di chuyển thoăn thoắt" từ đề tài này sang đề tài khác. Rồi Võ Phiến bênh vực giùm cho Lê Văn Lân:

"Nhưng ai bảo cái *khảo chơi* không quan trọng bằng cái *khảo thiệt*? Những nhà nghiên cứu cặm cụi đo từng cái xương sọ của người ta, hì hục khai quật di chỉ xưa, mằn mò nhặt nhạnh từng lưỡi búa mũi tên v.v... để tìm về nguồn gốc dân tộc, chắc gì khỏi mừng rơn khi có người nhờ lai rai đi nếm mắm mà chợt phát giác ra mối liên hệ gốc gác giữa các dân tộc từ bắc đến nam Á châu? chợt nhờ mắm mà thấy ngay sự sai lầm của các sử gia từng chủ trương rằng dân Việt có nguồn gốc Hoa? Đi *khảo thiệt* với cái búa khảo cổ lăm lăm trong tay thì trông khả kính; nhưng kẻ tài hoa đi *khảo chơi*, chỉ mang theo chiếc lưỡi giấu trong mồm, trông khả ái biết bao. Và gần gũi chúng ta biết bao."

Đọc, tôi cứ ngỡ như Võ Phiến đang nói về

chính ông.

Lòng ham hiểu biết của Võ Phiến cũng vô cùng mãnh liệt. Có lần, ông thú nhận "bất luận về khía cạnh sinh hoạt nào của nhân loại cũng có những đổi thay thu hút trí tò mò." (13) Trong câu văn vừa dẫn, có một chữ đáng lưu ý: "những đổi thay." Có lẽ đó là ám ảnh lớn xuyên suốt toàn bộ cõi viết của Võ Phiến. Bất cứ sự đổi thay nào, ngoài cái bản thể còn lại, bao giờ cũng bao gồm hai khía cạnh căn bản: một cái gì đang mất đi và một cái gì đang xuất hiện. Tuỳ bút của Võ Phiến tập trung chủ yếu vào khía cạnh thứ nhất: từ lâu, với tuỳ bút, ông được xem là nhà thơ của sự phôi pha và của những chuyện bọt bèo. Trong biên khảo, quân bình hơn, ông tìm hiểu cả chuyện quá khứ lẫn chuyện hiện tại và tương lai, cả những hiện tượng sắp hoặc đã tàn phai như thể truyện thơ, bài chòi hay hình tượng người nông dân trong văn học lẫn những trào lưu tư tưởng vừa mới chớm ở đâu đó trên thế giới.

Cũng với một sức đọc thật rộng, một cặp mắt thật tinh tế, và với "chiếc lưỡi giấu trong mồm," Võ Phiến đã phát hiện ra vô số những điều thú vị trong ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam. Có những phát hiện, thoạt nhìn, dễ ngỡ là hiển nhiên, nhưng nếu không nhạy bén, không thể nào thấy được, chẳng hạn: "Các nghệ sĩ triết nhân của chúng ta ngày xưa thiếu đi chút hóm hỉnh tinh quái," hay "người miền Trung không có hội he," (14) hay "những người Việt Nam sành ăn đều ăn bằng... mùi," (15) hay "Đọc tiểu thuyết bây giờ, nhận thấy nhân vật ít ăn hơn trước. Có nhà hàng, có tiệc tùng; nhưng người đọc tiểu thuyết chỉ thường thấy họ uống. Uống thì thật dữ [...] Nhưng ăn thì quả thực họ chẳng ăn bao nhiêu," (16) v.v...

Những phát hiện nho nhỏ nhưng thú vị như thế giúp chúng ta hiểu rõ hơn đời sống muôn màu muôn vẻ và không ngừng chuyển động chung quanh. Trong cái gọi là đời sống ấy, một trong những mối quan tâm chính của Võ Phiến là ngôn ngữ mà chúng ta sử dụng hằng ngày. Đã đành người cầm bút nào cũng ít nhiều say mê ngôn ngữ nhưng có lẽ hiếm có ai bị ngôn ngữ ám ảnh một cách thường xuyên và đầy khắc khoải như Võ Phiến. Trước năm 1975, sau khi hoàn tất cuốn *Chúng ta qua cách viết*, Võ Phiến bắt đầu viết cuốn *Chúng ta qua tiếng nói*. Một số bài đầu đã được đăng tải trên tạp chí *Thời Tập* và *Văn* ở Sài Gòn nhưng biến cố 4-1975 đã làm cho dự án ấy bị gián đoạn. Gián đoạn chứ không biến mất. Lâu lâu, đây đó, rải rác trong những bài viết khác nhau, ông lại luận bàn về tiếng Việt. Lúc thì ông theo dõi những thay đổi trong lời ăn tiếng nói hằng ngày, nắm bắt những từ mới xuất hiện, tìm kiếm những biến chuyển chính trị và xã hội đằng sau những sự thay đổi ấy. Lúc khác, ông cố gắng nhận diện những đặc điểm nổi bật nhất của tiếng Việt. Ở đâu ông cũng có phát hiện. Không phải phát hiện nào cũng có ý nghĩa lớn lao. Nhưng phát hiện nào cũng thú vị. Ví dụ, ông nêu lên sự giàu có của lớp từ vựng chỉ việc chế biến bằng lửa các món ăn mặn trong tiếng Việt: nấu, nướng, chiên, kho, hầm, hâm, ninh, hấp, rán, ran, chưng, luộc, chần, trụng, lùi, trui, phi, xào, xáo, quay, um, tráng (chả), đổ (bánh bèo), rim, tiềm, đồ, xôi, thổi, đun, hun, nhúng, khử, đồ, chấy, thắng, đúc (bánh), bung, sao, hui, (thịt) hon, khìa, thưng, thuôn (thịt), om (cà), tần (với thuốc bắc), ám (cá), v.v... Sau đó, ông nhận xét: "hầu hết là tiếng thuần Việt" và bàn tiếp: "Trong các lãnh vực văn học, triết học, hành chánh, kỹ thuật nông nghiệp... ta phải mượn vô số tiếng của người, kho ngôn ngữ ta lổn nhổn đầy tiếng Hán Việt. Nhưng khi vào bếp thì ta ngẩng cao đầu, không cần học theo ai, không mượn tiếng nói của ai cả." Từ đó, ông ghi nhận vai trò của người phụ nữ: "Vẻ vang thay người nội trợ tiền bối của chúng ta, tự buổi ban đầu xa lắc xa lơ của lịch sử đã nghênh ngang tung hoành đầy tự tín, giữa làn khói thơm tho ngào ngạt trong gian nhà bếp." (17)

Lần khác, ông ghi nhận sự giàu có bất ngờ của lớp từ vựng liên quan đến bệnh ghẻ:

"Ta phân biệt ghẻ với chốc, với mụt, với nhọt, với lát, với giời, với sài, với đẹn, với mề đay, với chùm bao. Ta phân biệt ra bao nhiêu là thứ ghẻ: ghẻ nước, ghẻ ngứa, ghẻ tàu, ghẻ bọc, ghẻ phỏng, ghẻ hờm, ghẻ ruồi, ghẻ cóc, ghẻ cái, ghẻ đen, ghẻ khoét v.v... Ta có bao nhiêu tiếng để diễn tả những việc liên quan đến ghẻ: ngứa, gãi, nặn (mủ) v.v..., để theo dõi chứng bệnh: sưng, lở, loét, sẹo, rựng, rần, mưng, nung (mủ), cái kèn, cái cồi, mạch lươn v.v... Tất cả đều là từ thuần Việt." (18)

Những hiện tượng ngôn ngữ như thế có tiết lộ điều gì về lịch sử hay văn hoá Việt Nam hay không? Võ Phiến không trả lời. Và thú thực, tôi cũng không biết. Có điều chắc chắn là những phát hiện ấy có khả năng gây ngạc nhiên, khích động sự tò mò và củng cố tình yêu của chúng ta đối với tiếng Việt.

Nhưng rõ ràng là Võ Phiến không dừng lại ở những hiện tượng ngôn ngữ riêng lẻ như thế. Ông bị ám ảnh bởi những vấn đề lớn hơn. Vấn đề bản chất của tiếng Việt, chẳng hạn. Dường như, với Võ Phiến, cái bản chất ấy có thể được quy vào một điểm: tính cụ thể. Biểu hiện đầu tiên của tính cụ thể là vai trò của cảm quan: về phương diện ngữ âm, trong rất nhiều trường hợp, người Việt không những nói mà còn biểu diễn cái mình muốn biểu đạt; về phương diện cú pháp, câu tiếng Việt được cấu trúc theo nguyên tắc liên tục, cái gì được giác quan ghi nhận trước thì được diễn tả trước; về phương diện từ vựng, trong tiếng Việt có rất ít từ trừu tượng; và về phương diện tu từ, người Việt thích những lối nói đầy hình ảnh, mang tính khả xúc và khả giác. (19) Võ Phiến gọi chung đó là xu hướng "đố kỵ cái trừu tượng" của người Việt. Vì xu hướng ấy, việc phát triển của văn học và văn hoá Việt Nam bị mất cân đối: phần luận thuyết và học thuật nói chung kém hẳn phần nghệ thuật. (20)

Nhưng những phát hiện mà tôi tâm đắc nhất ở Võ Phiến là những phát hiện trong lãnh vực văn học.

Từ lâu, đã có nhiều người, trong đó có Hoài Thanh, đã nhận ra: cũng là bảy chữ, nhưng câu thơ thất ngôn Việt Nam khác rất xa câu thơ thất ngôn của Trung Hoa. Khác, chủ yếu, ở nhịp ngắt: trong khi câu thơ thất ngôn Trung Hoa ngắt theo nhịp chẵn/lẻ (hoặc 4/3 hoặc 2/2/3), câu thơ thất ngôn truyền thống Việt Nam, ví dụ trong thể song thất lục bát, ngược lại, ngắt theo nhịp lẻ/chẵn (hoặc 3/4 hoặc 3/2/2). Dễ thấy nhất là hãy so sánh câu thơ "Tầm Dương giang đầu / dạ tống khách" trong nguyên tác bài "Tỳ bà hành" của Bạch Cư Dị với câu thơ dịch ra tiếng Việt của Phan Huy Vịnh "Bến Tầm Dương / canh khuya đưa khách". Võ Phiến đi xa hơn, cho câu thất ngôn truyền thống ấy không phải chỉ xuất hiện trong thể song thất lục bát mà còn cả trong thể nói lối của các tuồng hát bộ. (21) Hơn nữa, Võ Phiến còn cho chính câu thất ngôn truyền thống ấy là tiền thân của câu thơ tám chữ thịnh hành trong phong trào Thơ Mới thời 1930-45. Theo Hoài Thanh, trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*, thể thơ tám chữ ấy xuất phát từ ca trù. Theo Dương Quảng Hàm, thể ca trù (hay hát nói) là biến thể của lục bát và song thất. (22) Tổng hợp hai giả thuyết ấy, Võ Phiến cho thể thơ tám chữ trong phong trào Thơ Mới thực chất là sự mở rộng của câu thơ thất ngôn Việt Nam. (23) Cả hai đều có khuôn nhịp chính giống nhau: lẻ/chẵn, thường là 3/4 trong câu thất ngôn ("Trống Tràng thành / lung lay bóng nguyệt", *Chinh phụ ngâm*) và 3/3/2 ("Hỡi Thượng đế / tôi cúi đầu / trả lại; Linh hồn tôi / đà một kiếp / đi hoang; Sầu đã chín / xin Người / thôi / hãy hái; Nhận tôi đi / dù địa ngục / thiên đàng", thơ Huy Cận). Với cách nhìn như vậy, lịch sử câu thơ tám chữ trong phong trào Thơ Mới bỗng dài ra, gần với truyền thống hơn, và điều này cũng góp phần giải thích tại sao nó lại hoàn chỉnh nhanh và được chấp nhận nhanh đến như vậy: chỉ trong vòng có mấy năm, nó trở thành một thể thơ chính của cả một phong trào thơ rầm rộ và rực rỡ nhất trong lịch sử Việt Nam.

Nhưng những công trình nghiên cứu lớn nhất của Võ Phiến là thuộc về văn học đương đại.

Trong giới sáng tác Việt Nam, Võ Phiến là người đầu tiên nghiên cứu một cách có hệ thống về phong trào Tiểu Thuyết Mới ở Pháp (24) mặc dù chưa bao giờ ông tự nhận hoặc được xem là thuộc trường phái Tiểu Thuyết Mới cả. Trong cả giới sáng tác lẫn giới nghiên cứu, ông là người đầu tiên nghiên cứu về vai trò của khẩu ngữ và thoại ngữ trong loại văn chương nhật trình ở Sài Gòn, qua đó, ghi nhận rất sớm ảnh hưởng của nền văn hoá đại chúng, chủ yếu dựa trên thị giác, và nhu cầu giải trí đối với văn học Việt Nam đương đại. (25) Võ Phiến cũng là người đầu tiên ghi nhận những biến chuyển lớn lao trong đời sống xã hội thời hậu hiện đại với ưu thế của kỹ thuật, của tốc độ và của văn hoá thị giác, những

Thân hữu tham dự buổi ra mắt sách: Từ trái, Thái Tú Hạp, Ái Cầm, Thanh Nga, Bùi Bảo Trúc, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Đặng Thơ Thơ và Trần Doãn Nho.

biến chuyển sẽ có tác động sâu sắc đến diện mạo của văn học từ những thập niên cuối cùng của thế kỷ 20 trở đi. (26) Võ Phiến cũng lại là người đầu tiên, và cho đến bây giờ, là người duy nhất nghiên cứu về văn học Miền Nam thời kỳ 1954-75 từ góc độ văn học với bộ *Văn học Miền Nam*, trong đó, đáng kể nhất là tập đầu, cuốn *Văn học Miền Nam, tổng quan*. Cho đến nay, đây là cuốn sách gây nhiều tranh cãi nhất của Võ Phiến. Tuy nhiên, mọi tranh cãi đều tập trung vào phần *bình*, phần đánh giá từng tác giả, tác phẩm và hiện tượng văn học cụ thể. Chưa thấy ai phê phán phần *khảo*, tức phần tập hợp, phân tích và hệ thống hoá tư liệu, vốn là phần quan trọng nhất trong cuốn tổng quan này. Mà cũng không thể phê phán được: trong tình trạng mất mát và phân tán của tư liệu về văn học Miền Nam hiện nay, mỗi chi tiết được ghi nhận, cho dù chỉ là năm sinh và năm mất của một tác giả nào đó, cũng đã là một nỗ lực phi thường. Huống gì Võ Phiến lại còn có tài tổng hợp: lần đầu tiên bức tranh sinh hoạt văn học Miền Nam với những đổi thay phức tạp và đa dạng về tuổi tác và phái tính của người đọc và những vấn đề như mức sống, lối sống, nghề nghiệp, năng suất và thế giá của giới cầm bút được phác hoạ. Lần đầu tiên những nỗ lực sáng tác của cả mấy trăm người cầm bút trong khoảng thời gian hai mươi năm được bước đầu phân loại và phân cấp. Lần đầu tiên những đặc điểm nổi bật nhất trong văn hoá văn chương Miền Nam được nhận diện: tính cách chính trị, tính cách tôn giáo và triết học, tính cách cực đoan, tính cách tự do và vai trò của miền Nam.

Trong lãnh vực nghiên cứu, làm người đầu tiên là một vinh hạnh nhưng đồng thời cũng là một nguy hiểm: người ta không những đối diện với những thách thức mang tính học thuật như tình trạng thiếu tư liệu, từ đó, sự hạn hẹp trong tầm nhìn và sự thiếu chính xác trong nhận định mà còn dễ tạo cảm giác gây hấn đối với một số niềm tin và thành kiến của xã hội, từ đó, dẫn đến những ý kiến tranh luận, phản bác hoặc lên án, có khi, một cách rất gay gắt.

Bởi vậy, khi đi tìm nhà nghiên cứu Võ Phiến, tôi đã nghe, ngoài những tiếng khen ngợi, còn có những tiếng động gì nghe om sòm, như tiếng cãi vã, tiếng vật nhau huỳnh huỵch, thậm chí, có cả lên đạn và tiếng gào thét: "Phản động! Biệt kích!" (27) nữa.

Thì cũng thường thôi.

Chú thích

(1) Nguyễn Mộng Giác, "Lời vào tập" in trong cuốn Đó đây của Trúc Chi (1999), California: Văn Học, tr.10.

(2) Võ Phiến (2000), Văn học miền Nam, tổng quan (bản in lần thứ 3), California: Văn Nghệ, tr. 17.

(3) Võ Phiến (1999), Cảm nhận, California: Văn Mới, tr. 71.

(4) Võ Phiến (1996), Sống và viết, California: Văn Mới, tr. 164-153

(5) Võ Phiến (2003), Đàm thoại, California: Văn Mới, tr. 182.

(6) Võ Phiến (1999), Văn học Miền Nam: Truyện, tập 2, California: Văn Nghệ, tr. 1344.

(7) Văn học Miền Nam, tổng quan, sđd, tr. 359.

(8) Nguyễn Đăng Mạnh (biên tập) (1981), Tuyển tập Nguyễn Tuân, tập 1, Hà Nội: Văn Học, tr. 164.

(9) Như trên, tr. 167.

(10) Như trên, tr. 168.

(11) Bài "Hội An" của Võ Phiến được in lại trong tập Tuỳ bút 1, tr. 197-218.

(12) Sống và viết, sđd, tr. 163.

(13) Võ Phiến (1989), Tạp bút, California: Văn Nghệ, tr. 146-7.

(14) Võ Phiến (1986), Tuỳ bút 1, California: Văn Nghệ, tr. 244.

(15) Như trên, tr. 82.

(16) Võ Phiến (1973), Tạp luận, Sài Gòn: Trí Đăng, tr. 37.

(17) Sống và viết, sđd, tr. 156-7.

(18) Tuỳ bút 1, sđd, tr. 65-6.

(19) Võ Phiến (1988), Tiểu luận, California: Văn Nghệ, tr. 334, 339, 340.

(20) Cảm nhận, tr. 39-55.

(21) Ví dụ:

Rượu giao hoan / mùi đã mặn nồng
Tình phân ngoại / có sao bạc bẽo
Dây dưới nguyệt / đã đành dan díu
Chim ven trời / đòi đoạn cao bay
(Tạp bút, tr. 249)

Kiểu ngắt nhịp lẻ/chẵn này cũng có thể thấy trong các bài hát Cửa Đình (tức bài hát thờ). Ví dụ bài Giáo trống:

Gió hoà mưa thuận
Biển lặng sông trong
Đã dẹp xong / lũ kiến đàn ong
Nay vô cửa / tôi xin giáo trống
(Tuyển tập thơ trù do Ngô Linh Ngọc và Ngô Văn Phú biên soạn, Hà Nội: Văn Học, 1987, tr. 19).

(22) Dương Quảng Hàm (1968), Việt Nam văn học sử yếu, Sài Gòn: Trung Tâm Học Liệu (tái bản), tr. 154.

(23) Tạp bút, tr. 250.

(24) Với cuốn Tiểu thuyết hiện đại xuất bản lần đầu năm 1963. Về Tiểu Thuyết Mới, trước đó một năm, đã có cuốn Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết của Nguyễn Văn Trung.

(25) Với cuốn Chúng ta qua cách viết, nxb Giao Điểm, Sài Gòn, 1972.

(26) Với cuốn Viết, nxb Văn Nghệ, California, 1993.

(27) Võ Phiến luôn luôn bị những giới lãnh đạo văn nghệ ở miền Bắc trước và sau năm 1975 kết án là một trong những "tên biệt kích văn nghệ" nguy hiểm nhất ở miền Nam thời 1954-75. Sau 1975, toàn bộ tác phẩm của ông bị cấm ở Việt Nam.

Thác Đổ Sau Nhà của Võ Phiến

qua cái nhìn của Mai Kim Ngọc

(Phát biểu của nhà văn Mai Kim Ngọc trong buổi ra mắt Tuyển Tập Võ Phiến ngày Chủ Nhật, 28 tháng 1, 2007 tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt)

Tôi đã được đọc những tuyển tập đầu tiên của Võ Phiến gần nửa thế kỷ trước, hồi 1957- 58. Sách ông bấy giờ mỏng hơn, với những tựa mà vì thú vị và ngưỡng mộ, tôi đã thuộc lòng, như 'Mưa Đêm Cuối Năm,' hay 'Đêm Xuân Trăng Sáng.'

Và trong một tuyển tập ấy, tôi được đọc truyện ngắn 'Thác Đổ Sau Nhà.' Đọc xong, tôi đã chia sẻ tức thì với mấy người bạn xung quanh, rằng đó là truyện hay nhất trong những truyện ngắn Việt Nam tôi đã được đọc.

So với các truyện ngắn hay nhất thế giới, bấy giờ tôi nghĩ 'Thác Đổ Sau Nhà' có chỗ đứng nghiêm túc cạnh những tác phẩm cùng loại của Guy de Maupassant, của Lỗ Tấn, của Anton Chekhov... Bây giờ là gần 50 năm sau, tôi vẫn nghĩ như vậy, mặc dầu đã được đọc thêm những truyện ngắn của Kawabata, của Gabriel Garciá Marquez, và của nhiều tác giả mới tìm thấy trong ngoại văn...

Trước khi bàn thêm vào chuyện, tôi muốn mở dấu ngoặc ở đây để nói về một hiện tượng khá vui trong văn học. Là cuốn truyện độc giả cho là lý thú nhất, có thể không phải là tác phẩm đắc ý nhất của tác giả. Tôi biết chị Võ Phiến rất ưng ý truyện 'Nguyên Vẹn.' Nhưng tôi chọn 'Thác Đổ Sau Nhà' để trao đổi với quý vị hôm nay, thay vì 'Nguyên Vẹn,' tôi có những lý do đặc biệt.

Lý do đặc biệt đó là tôi được gặp gỡ 'Thác Đổ Sau Nhà' trong một thời điểm đặc biệt và một địa điểm đặc biệt.

Thời điểm đó là cuối thập niên 50. Sau gần ba năm hòa bình, cuộc chiến mới lại bắt đều nhen nhúm. Tuy chưa có những trận đánh lớn, nhưng từ góc nhìn y tế, chúng tôi không còn xa lạ với kết quả của du kích chiến với những hành động khủng bố dọc các trục giao thông và tại những chỗ đông người. Còn địa điểm đặc biệt tôi được gặp tác phẩm Võ Phiến chính là phòng nội trú trực bệnh viện Chợ Rẫy.

Thời gian và không gian ấy làm cho tôi cảm thấy trực tiếp gần gũi với những suy nghĩ của tác giả cũng như của nhân vật 'Thác Đổ Sau Nhà' với chiến cuộc đang đầu độc cuộc sống xung quanh.

Chuyện xảy ra một phiên gác gần Tết. Một chuyến xe đò bị phục kích khoảng xế chiều gần Long An, trên đường Mỹ Tho - Sài Gòn. Những người chết đã yên phận, những người bị thương nhẹ đã được đưa về bệnh viện Long An săn sóc, vậy mà vẫn còn đến mấy cái chân phải cưa, hai ca bụng và một ca rách phổi phải mổ. Đám nội trú ngoại trú chúng tôi xúm nhau giải quyết.

Phần tôi được phụ trách một người đàn bà trẻ bị mảnh mìn xuyên vào bụng. Chị có thai đã được khoảng bốn tháng. Tới được bệnh viện, vết thương chị còn rỉ máu, tay chị lạnh ngắt, mặt chị xanh như tàu lá, mắt chị lờ đờ như sắp hôn mê. May mắn, loại máu chị đêm ấy bệnh viện còn dư hai bịch, kịp cho chúng tôi có thì giờ hồi lực cho chị, và mở bụng ra và kẹp lại mấy mạch máu đang rỉ rả băng huyết.

Bệnh nhân sống, nhưng cái thai không giữ được. Cô Hoa y tá đánh thuốc mê nhặt cái bào thai đã đầy đủ chân tay mắt mũi, nhẹ nhàng bỏ vào chai cồn. Cô nói, 'Để em chôn em bé tử tế, vứt nó vào kho rác bệnh viện thì tội nghiệp quá.'

Tôi ra hành lang báo cái tin nửa vui nửa buồn cho gia đình đang ngồi chờ. Rồi tôi trở về phòng gác, lại nghĩ đến những người du kích cộng sản nói chung, và về người du kích hôm nay nói riêng. Ngồi rình sau bờ ruộng hay khóm tre, giữa những cụm ô rô và dừa nước, anh ta nghĩ gì khi giật cái quả mìn đã tạo ra tai nạn này. Anh ta dù ngây thơ đến đâu cũng biết rằng ông Diệm ông Nhu, hay các ông bộ trưởng, hay các quan chức không ngồi trong chiếc xe đò lục

tỉnh bình dân ấy. Mà cũng không có đơn vị lính cộng hòa nào hành quân bằng xe đò.

Không, tôi chắc anh ta sẽ không ngạc nhiên nếu biết rằng chiến công của anh là một người đàn bà trẻ mang bầu bốn tháng suýt chết, sống sót được nhờ phòng mổ may mắn còn đủ máu để cứu chị; là em gái thai nhi, con búp bê tuyệt vời bằng da bằng thịt, đẹp và vô tội như một thiên sứ, mà sự sống chưa bắt đầu đã bị chấm dứt vì quả mìn của anh ta...

Về lại phòng trực, cái hình ảnh em gái thai nhi trong chai thủy tinh đựng cồn vẫn còn trong đầu tôi, cũng như câu hỏi đã tự hỏi nhiều lần, 'Ông du kích giật mìn xe đò, ông là ai?' Thường thường tôi không có câu trả lời. Nhưng hôm ấy, vì một tình cờ tôi tìm ra phần nào chân dung người du kích: có ai bỏ quên tuyển tập truyện ngắn của Võ Phiến trên bàn ăn phòng gác. Giở ra đọc, tôi trúng ngay vào 'Thác Đổ Sau Nhà.'

Tôi đọc một hơi hai lần, đọc xong thì mãn đêm trực. Và tôi nghĩ tôi hiểu được rất nhiều về người du kích cộng sản chưa gặp mặt, mà từ khi làm nội trú tôi vẫn phải đương đầu với những chiến công thảm khốc của anh. Tôi gặp anh ta qua nhân vật Thọ của Võ Phiến.

Thọ là một cán bộ cộng sản tập kết, để lại vợ trẻ bơ vơ và cha già lẩm cẩm. Võ Phiến không dễ dãi như phần đông những văn chương chống cộng thời ấy, không biến Thọ của thành một quái vật răng đen mã tấu. Võ Phiến để cho Thọ tự tả mình. Hãy nghe Thọ tâm sự lần chót với vợ trước khi tập kết:

'*Con người ta ao ước xung quanh mình cái gì cũng có trật tự, muốn cho tư tưởng mình góp lại thành hệ thống, muốn cho muôn vật xếp vào từng loại, có hướng đích. Bấy lâu cuộc sống phát triển một cách tự động, xã hội lộn xộn bừa bãi, giậm chân một chỗ hàng thế kỷ không tiến lên được. Người ta mong muốn tránh sự lộn xộn, tự động, muốn một tổ chức hợp lý, muốn dắt dẫn xã hội đi nhanh về một hướng. Sự mơ ước say mê nào cũng tàn nhẫn. Nhưng lần này phải tàn nhẫn với tất cả mọi người, tất cả loài người, để theo đuổi một mơ ước& nhiều khi người ta cũng thấy việc đó quá sức mình, người ta muốn xuôi tay cho xong... Em thấy không, anh khổ quá, khổ quá sức! Hạnh, em phải hiểu cho anh... Bắt đầu là sự chán nản trước một tình trạng hỗn độn bừa bãi vô trật tự tuyệt vọng, xã hội cũ không để cho lớp người như anh một chút tin tưởng gì. Thầy mẹ chúng ta khác, em thấy không? Thầy có chỗ tin tưởng của thầy, chỉ có lớp anh mới khốn khổ bơ vơ, anh có thể sống vậy được sao, anh phải đi tìm một tin tưởng. Bây giờ anh đã là một cái trục nhỏ trong bộ máy lớn đang chuyển hết tốc độ để thực hiện một mơ ước...*'

Rõ ràng là Võ Phiến bắt mạch được Thọ. Người đảng viên này khao khát những chuyện to lớn, tìm một lối đi. Và Võ Phiến thấy rõ cái khao khát đó không hẳn là khao khát độc lập tự do hạnh phúc cho dân tộc, không phải là lòng yêu nước... Chuyện ấy Thọ không đề cập đến, yêu nước là hệ luận phụ, trong khi chuyện chính là đấu tranh giai cấp để tiến tới thiên đường của thế giới đại đồng mà người cộng sản đệ tam mơ ước.

Nó nhắc tôi đến những năm học tại khu IV Thanh Hoá, trong các buổi học tập dành cho học sinh dù mới đang học trung học đệ nhất cấp. Những đề tài triết học loại đó được đưa ra dưới những tựa và từ vô cùng hấp dẫn và oai, như 'nhân sinh quan,' 'vũ trụ quan,' mà học sinh cảm thấy mình quan trọng khi được dự phần. Nhưng tôi cũng nghĩ chuyện trên trời dưới bể như vậy, phần đông chúng tôi quên tức thì.

Nhưng một câu hỏi mới hiện ra, là tại sao nó lại thấm vào xương vào tủy những người như Thọ. Đọc Võ Phiến xong, ta có thể lý giải như thế này. Một giáo làng như Thọ bỗng nhiên được sinh hoạt như thể đang dự phần vào những sự kiện có tầm quan trọng đến trật tự thế giới, cái quan trọng hoang tưởng làm sao không bốc lên đầu. Làm sao không say mê được, nếu mình được thuộc vào guồng máy lớn có khả năng áp đặt trật tự cho mọi diện của cuộc sống tinh thần hay vật chất của tất cả loài người. Và bản thân mình, khi được đồng hóa với guồng máy lớn đó, dù với tư cách một bánh xe nhỏ, lại có quyền tàn nhẫn với tất cả loài người để thực thi cái giấc mơ thiên đường hạ giới. Cái oai của người đảng viên, dù là đảng viên 'trục nhỏ' như Thọ gọi, nôm na ra là đảng viên tép diu, có sức cám dỗ vô cùng mãnh liệt... Trong tâm trạng đó, Thọ có thể dễ dàng tàn nhẫn với ngay bà ngoại ruột của mình, để bà chết vì đấu tố mà không tới thăm, với cả cha mình, để ông đi tù vì thiếu thuế của cộng sản, mà anh ta không thay đổi lòng trung thành với đảng.

Và ly kỳ nhất là Võ Phiến còn giải thích được tại sao ở cấp cán bộ tép diu của Thọ, người cộng sản chấp nhận rằng những hy sinh anh ta phải làm, những tàn nhẫn anh ta phải đem đối xử với vợ con cha mẹ và bản thân, cấp trên của

anh được miễn. Khi câu hỏi được nêu lên, Thọ nói:

'... như thế không phải là có sự phỉnh gạt. Cùng đeo đuổi một lý tưởng không phải ai cũng làm như ai. Mỗi cương vị có một nhiệm vụ khác nhau. Ở cương vị này, làm việc này, phải có thái độ này, phải sống cái tình cảm này; ở cương vị kia, làm việc kia, thì phải có thái độ kia mới thích hợp. Trong vai trò điều khiển phải có một thái độ; trong vai trò chấp hành phải có thái độ khác. Mọi người thấm nhuần lý tưởng chung, nhưng hoạt động trong vai trò của mình, ai có vai trò nấy. Quan niệm máy móc, tự đặt mình vào vị trí kẻ khác... Không được đâu. Một tế bào của lá phổi không hoạt động như một tế bào của bộ não; nhưng cả hai đều phải sống đúng cái chân lý sinh hoạt của một con người. Mình phải có cái quan niệm kỷ luật...'

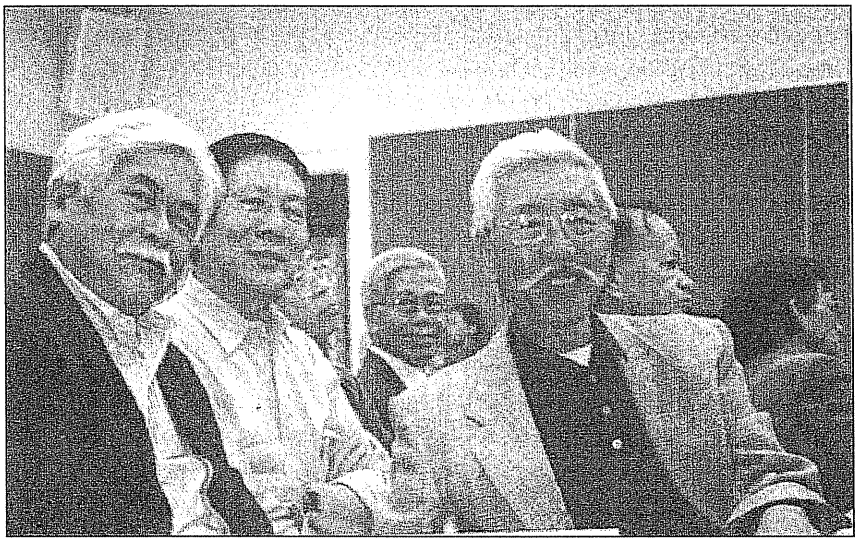

Từ trái (cả hàng trước lẫn hàng sau) Thảo Trường, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Văn Chi, Lý Đại Nguyên, Ngự Thuyết, Nguyễn Xuân Nghĩa.

Còn lại một câu hỏi, là phải có một căn cơ thế nào Thọ và những người như anh mới để những đại ngôn loại nhân sinh quan vũ trụ quan của cán bộ tuyên truyền phỉnh phờ đến chỗ nhận làm đảng viên tép diu, để ác với người thân và người không thân, tóm lại với cả loài người? Võ Phiến đã minh bạch trả lời câu hỏi ấy. Là căn cơ ấy là căn cơ của Thọ, một con người yếu đuối về thể xác lẫn tinh thần. Dưới mắt người vợ, Thọ hèn yếu với tấm thân gầy còm xấu xí, mà chính anh ta hổ thẹn ngay cả những lúc phải khỏa thân trong đời sống vợ chồng. Thọ hèn yếu tâm thần, có gì khó nghĩ là trằn trọc thao thức suốt đêm... Thọ ghen kinh khủng, nhưng không đủ can đảm, hay nói cách khác, là quá hèn để nhận mình ghen... Tóm lại Võ Phiến cho ta hình ảnh của một con người thất bại, bỗng dưng tìm được lẽ sống trong vai tuồng một chiếc bánh xe nhỏ trong guồng máy lớn của cộng sản quốc tế có khả năng áp đặt trên người khác cái kỷ luật của mình. Từ cái oai đó, anh ta có khả năng tàn nhẫn tuyệt đối để thực hành cái mơ ước ấy.

Tôi chưa thấy một cuốn tiểu thuyết chính trị nào viết trung thực, điêu luyện, và thuyết phục đến thế. Tôi nghĩ nó có sức công phá ghê gớm. Hèn chi có một thời điểm trong lịch sử rất gần, đối phương gọi Võ Phiến là 'biệt kích văn hóa.' Phải thốt lên những lời như vậy, phải chăng họ đã trúng thương.

So với văn chương chống cộng thế giới, Thác Đổ Sau Nhà có giá trị thuyết phục như cuốn Doctor Zhivago của Boris Pasternak, tuy rằng người cộng sản ở cuốn tiểu thuyết Nga được giải Nobel này thuộc thành phần cao cấp hơn và trí thức hơn anh giáo làng tên Thọ ở vùng núi Quy Nhơn...

Những nhân vật khác của Thác Đổ Sau Nhà cũng rất đặc biệt. Thí dụ như Kha, nhân vật quốc gia sống trong vùng cộng sản suốt cuộc chiến chống Pháp, và suốt thời gian ấy có lẽ bị giam lên giam xuống, cho đến khi miền Nam được thành hình. Với đệ nhất cộng hòa miền Nam, Kha có đất sống, và trở thành một quận trưởng dấn thân. Qua ngòi bút của Võ Phiến, Kha đem lại sinh khí cho người miền Nam. Tôi biết có nhiều công chức, quân nhân, y sĩ, kỹ sư, giáo chức miền Nam, thấy Kha giống mình. Và qua Kha, Võ Phiến làm tôi nhớ đến phong độ của con người miền Nam lên cao thời ấy, theo với sự phát triển của miền Nam trong nhiệm kỳ tổng thống đầu của đệ nhất cộng hòa, từ giáo dục, thể thao, văn học, kinh tế, đến lập

pháp, tư pháp...

Nhưng có lẽ thấm thía nhất là nhân vật Hạnh, người đàn bà Thọ bỏ lại để đi tập kết. Chị là học trò cũ của Thọ, về sau lấy Thọ. Chị trẻ hơn Thọ nhiều, có lẽ học xong tiểu học, nhưng khôn ngoan hơn chồng. Chị thương chồng, mà người chồng vì quá nhiều mặc cảm, và quá nhiều trăn trở không ít thì nhiều vì cái mặc cảm tạo ra, không đáp ứng được tình yêu của chị... Chị bị chồng bỏ lại để đi tập kết. Chị sống bơ vơ một thời gian.

Cái cảnh cô đơn từ khi chồng còn chưa đi tập kết, lại càng cô đơn hơn khi bị anh bỏ lại một mình. Chị phải đảm đang thêm nhiều công việc mà người đàn ông ra đi đã để lại cho chị cáng đáng, trong đó có việc lên núi chăn đàn bò của gia đình. Một đêm nọ có người thợ săn lạc tới. Trong đêm, ông ta tưởng đàn bò của chị là đàn nai, và nổ súng. May đạn thối, còn những hòn đạn mới ông toan nạp lại vào súng lại buột tay rơi xuống khe. Bấy giờ ông nhận ra sự lầm của mình, và mừng rỡ ông chạy tới lán người chăn bò, thấy hắn đang ngủ say. 'Hắn' là chị. Mới đầu cả người thợ săn lẫn người chăn bò cùng mừng rỡ vì tai nạn không xảy ra, nhưng rồi cả hai ghi nhận hoàn cảnh của họ là hoàn cảnh của người đàn ông và người đàn bà giữa rừng núi hoang vu. Chuyện phải đến đã đến. Chị không trách ai, nhưng chị tủi thân vì ông ta chỉ thấy chuyện chung chạ một đêm với chị là một a-văng-tua của cuộc đời săn bắn, thế thôi... Tất cả chỉ là cái thú xác thịt, của ông ta cũng như của chị. Ở ông ta cái thú vô tư lự, không phán xét mình hay người, ở chị cái thú lẫn với xấu hổ và tủi nhục... Và sáng hôm sau, ông xuống núi ra khỏi khu rừng, không thắc mắc, không hẹn hò tái ngộ, cũng không ngoái đầu nhìn lại một lần chót... Thật ra hành động của người thợ săn ấy không làm ta ngạc nhiên. Ông ta là ông quận Toàn, chỉ thú đi săn, và thú ăn ngon, thú hưởng thụ. Thời thế mặc thời thế, ông chỉ xoay sở để những thú vui của mình được nguyên vẹn.

Để chấm dứt cái cảnh vất vưởng ấy, chị lấy Kha, trở thành bà quận trưởng. Tôi nghĩ Võ Phiến rất thương yêu nhân vật này. Tôi cảm thấy có lẽ Võ Phiến dùng chị làm ẩn dụ cho đất nước Việt Nam, một giải đất rất đẹp đã bị Thọ và Kha tượng trưng cho quốc và cộng thay phiên nhau làm chủ, đã bị xử dụng một đêm bởi quận Toàn tượng trưng cho cuộc sống xôi thịt vô tâm vô tình, của một số người miền Nam. Nhưng chị đã phục hồi, như những người nữ của những truyện hay Việt Nam. Và bao giờ chị cũng đáng yêu. Rất nhiều nữ độc giả thấy mình trong nhân vật nữ này. Cô Hoa, cán sự y tế đánh thuốc mê cho tôi mổ hôm đó, hóa ra là chủ nhân cuốn sách bỏ quên trên bàn nội trú. Chính cô đã để riêng cái xác em gái thai nhi để chôn cất nó tử tế. Cô thông minh, cuộc sống hoàn toàn bình thường và hạnh phúc, sắp làm đám cưới với anh ngoại trú bạn tôi, vậy mà rất tâm đắc với vai nữ của Thác Đổ Sau Nhà. Cô bảo, 'Anh ạ, em hoàn toàn thấy em trong nhân vật Hạnh... Em không quen tác giả, nhưng nhiều khi em cứ tưởng như ông Võ Phiến dựng nhân vật này cho em...'

*

Toàn bộ, 'Thác Đổ Sau Nhà' thành công ở chỗ ghi lại với nghệ thuật rất cao tâm sự trăn trở của người thanh niên Việt Nam thời đó, quốc cũng như cộng. Hơn nữa nó ghi lại cái đẹp của tâm hồn Việt Nam qua vai người nữ, không phải cái đẹp công thức của một Kiều Nguyệt Nga qua cơn binh lửa mà bùn không lấm tới gót chân, mà một con người rất gần với chúng ta, đã ngã xuống bùn mà vẫn vùng lên với đầy đủ nhân phẩm tự trọng, nhờ có trái tim, có trí óc...

Thời giờ không cho phép kéo dài hơn, tôi xin tóm lại là 'Thác Đổ Sau Nhà' là một tác phẩm tuyệt bút hiếm hoi. Có thì giờ phân tách ra mà nhìn từng diện của văn chương, như cách sử dụng đối thoại, dẫn dắt sự việc, dàn dựng nhân vật, gài ý vào lời, tả cảnh tả tình, âm điệu của từ ngữ, vân vân... truyện lại càng hay hơn. Tôi xin dành phần kỹ thuật ấy cho các vị giáo chức văn chương khai triển...

Nếu quý vị hỏi trong sự nghiệp văn học đồ sộ của nhà văn lớn, bao nhiêu chuyện tôi cho hay bằng 'Thác Đổ Sau Nhà.' Câu hỏi thật khó trả lời vì nét đa dạng của văn phong Võ Phiến. Tất nhiên là Võ Phiến không thiếu truyện hay, nào 'Thương Hoài Ngàn Năm,' nào 'Đêm Xuân Trăng Sáng,' nào 'Nguyên Vẹn,' nào 'Giã từ'... Nhưng nếu quý vị chấp nhận cái nhìn chủ quan của tôi, thú vị nhất vẫn là 'Thác Đổ Sau Nhà.'

Lại mượn lời Kawabata nói qua miệng nhân vật Oki trong 'Đẹp và Buồn,' một đời người mà vắt ra được một truyện hay như vậy, chẳng đã là thành công rất lớn sao?

Jan 27, 2007

Văn chương của Võ Phiến đứng được với thời gian

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Phát biểu trong buổi ra mắt Tuyển Tập Võ Phiến tại nhật báo Người Việt (Nam California USA 28/1/2007)

Hồi còn bận bịu việc mưu sinh, tôi vẫn thường hẹn là khi về hưu, không còn phải lo chuyện cơm áo hàng ngày, mình phải đọc lại thật kỹ những tác phẩm văn chương mình thích để thưởng thức trọn vẹn giá trị các tuyệt tác ấy. Tôi đã về hưu từ năm 2003, đã đọc được một số sách tôi rất thích hồi còn trẻ, nhưng thú thực bây giờ tôi không có cùng một nhận định đánh giá như trước. Nhiều tác phẩm trước đây tôi say mê, bây giờ đọc lại chỉ thấy nhạt nhẽo. Những cái sang trọng kỳ vĩ trở thành giả tạo, vay mượn vội vã từ những nguồn gốc mà bây giờ tôi mới biết. Nhiều kiến trúc đồ sộ sau những cơn mưa nhẹ đã đổ xuống, vung vãi vôi vữa khắp nơi. Tôi đâm băn khoăn, không biết cái tôi hồi trẻ là đúng hay cái tôi bây giờ mới đúng. Đọc mà không đam mê như tôi hiện đọc trong tuổi hồi hưu, có đúng là "đọc" hay không? Và tôi nhận ra cái điều đã nghe nói nhiều lần: màng lọc tàn nhẫn và khủng khiếp của thời gian.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Có một vài trường hợp ngoại lệ: có những tác phẩm đọc lại, tôi vẫn cảm thấy y như những gì cảm thấy hồi trẻ, như truyện ngắn và tùy bút của Võ Phiến.

Thật vậy, hồi trẻ đọc xong một tác phẩm của Võ Phiến, lòng tôi cứ bần thần, ngơ ngẩn suốt một thời gian dài. Cảm giác ấy quấy rầy tâm hồn tôi, một cảm giác phải thành thực mà nói, là rất khó chịu, buồn bã u sầu, nó làm "trệ" cả người. Tôi cho đó là dấu hiệu của giá trị văn chương. Cũng như hồi đó (trước 1975 ở Sài Gòn), một lần có người hỏi phu quân bà Bút Trà chủ nhiệm Sài Gòn Mới thế nào là một bài thơ hay. "Ông" Bút Trà trả lời: Bài thơ hay là bài thơ đọc xong mình thấy cái rún tê tê. Gần nửa thế kỷ là thời gian dằng đặc phân cách lần đọc Võ Phiến đầu tiên và cuối cùng của tôi. Thế mà cảm giác bần thần ngầy ngật ngày xưa vẫn không thay đổi. Tôi nghĩ: Văn chương của Võ Phiến "đứng" được với thời gian, ít ra là theo kinh nghiệm "đọc" của tôi. Và tôi đặt thêm câu hỏi: Vì sao vậy? để may ra có được một kinh nghiệm "viết."

Nhiều nhà nghiên cứu đã tìm cách trả lời câu hỏi này. Có người chú ý đến chính kiến của Võ

Phiến. Có người đặt nặng phần tu từ. Người khác, kỹ thuật viết tùy bút. Phần tôi, các nhân vật trong truyện ngắn và tùy bút của Võ Phiến ám ảnh tôi không nguôi.

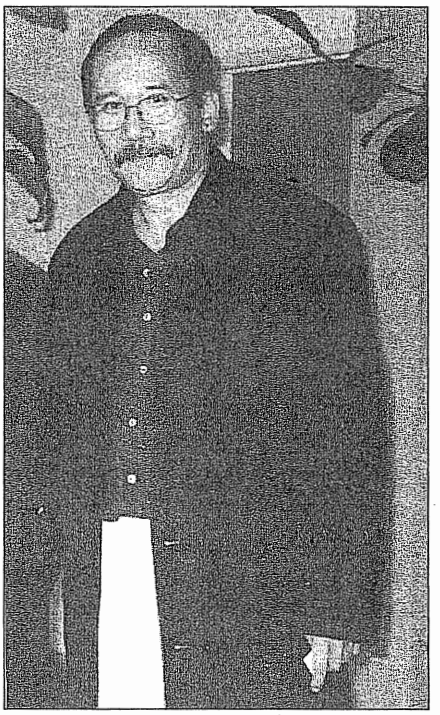

Hoàng Ngọc Tuấn, đến từ Úc Châu, đã cống hiến những ca khúc tuyệt vời

Thật lạ. Họ là người Bình Định, dân xứ "nẫu", đồng hương của tôi và Võ Phiến. Vì là đồng hương nên có phần thiên vị chăng? Không. Nhân vật của Võ Phiến hầu hết là dân quê mùa ít học, quanh năm không có lấy vài phút sống cho được tới mức tạm gọi là sang trọng đầy đủ. Tên của họ là những anh Bốn Thôi, ông Ba Đồng Thời, chị Bốn Chìa Vôi, Ông Bốn Tản Cư, ông thập Tam, cô Tư Lớn... Nhưng người dân quê trong tác phẩm Võ Phiến không đóng vai trò nạn nhân như trong truyện Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng; cũng không đóng vai trò người chân chất như trong truyện Tô Hoài, Thạch Lam, Nhất Linh. Lịch sử hiện đại cho thấy người nông dân nghèo không phải lúc nào cũng là người hiền lành chân chất. Khi có quyền lực vô hạn, những đứa con của mẹ Lê (trong truyện của Thạch Lam) có thể dễ dàng trở thành những anh đội, chị chánh án "miệng nhà quan có gang có thép" trong cải cách ruộng đất. Nhân vật Võ Phiến không hiền, không dữ, dù họ không giàu không sang. Người nào cũng mang trong người một khuyết tật bất thường nào đó, một nỗi u uất không thể giải toả, một niềm ân hận sống để dạ chết mang đi. Tất cả đều có cái gì bất thường: như cái thú trưa trưa lén ra chỗ vắng lim dim mắt nhổ lông mũi của Bốn Thôi, như cái thú nuôi chim bắt rắn rồi khổ một đời vì những loài giống rắn và những ước vọng bay cao như chim của chị Bốn Chìa Vôi, như cái mơ ước được có một mái ấm gia đình đến nỗi gặp ai nói giọng Quảng cũng nhận là bà con của ông Bốn Tản Cư, như tâm trạng phức tạp của người cán bộ cộng sản Thọ, thái độ hưởng lạc vô tư của quận Toàn... Người đọc Võ Phiến xa lạ với những mẫu người mẫu đời quê mùa ấy, nhưng đọc truyện của ông xong, họ giật mình cảm thấy cái gì rờn rợn, như đang bị một bóng ma ám ảnh. Họ nhận ra rằng cái bất thường vừa tìm thấy ở những nhân vật kia dường như cũng hiện diện đâu đó, ở gần ta, ở trong ta. Chỉ vì ta dễ dàng, ta vô tâm, ta bị cuộc sống hối hả hằng ngày che lấp, nên ta mới không thấy ta cũng bơ vơ không tìm thấy "quê hương" đích thực như họ, ta cũng không biết về đâu như họ.

Nhân vật của Võ Phiến rất giống với nét mặt các pho tượng Bayon ở Đế Thiên Đế Thích, rất Việt Nam mà cũng rất nhân loại. Họ không lai căn, và vì chúng ta "lưu lạc" suốt nửa thế kỷ nay nên thân phận lưu lạc của nhân vật Võ Phiến trở thành thân phận của tất cả chúng ta.

"Cái lớn" đó gắn bó chúng ta với thế giới những con người nhỏ nhoi như Bốn Thôi, Bốn Tản.

Còn những "cái nhỏ" trong văn Võ Phiến?

Xin trích ra hai "cái li ti." Một là trong tùy bút "Cái Còn Lại"

"Chàng nghĩ đến một chi tiết chưa bao giờ nhớ tới, từ hồi ấy đến giờ: lúc viên bác sĩ vào phòng mạch, cô (y tá) ngừng câu chuyện đang nói với chàng, đứng lên, chợt bắt gặp mắt chàng đang nhìn vào cánh tay cô. Cô ta nhoẻn cười lấy bàn tay kia xoa mấy vòng lên cánh tay bị nhìn. Nhiều sợi lông rối lại, rồi bung ra. Cô ta ngượng vì những sợi lông ấy, hay hãnh diện vì chúng? Chàng nghĩ: cô không nên ngượng nghịu, hãy cứ để yên thế, chúng nó kích thích."

Hai là trong tùy bút "Một chỗ thật tịch mịch"

- Em tránh ra lối này đi. Có kiến.

- Để yên em coi. Mình không cử động, nó không cắn. Anh thấy không, con này bò mãi trên chân em mà không cắn.

- Dại gì. Nó còn muốn bò mãi lên cao.

- Thôi ông. Lại bắt đầu nói bậy.

Những "cái lớn" thì lạc loài thất cước, không tìm ra quê hương.

Phải chăng theo Võ Phiến, cái tồn tại được là những "cái nhỏ nhặt" tưởng như vô nghĩa, như con kiến đang hăng hái bò lên cao lên cao, như những sợi lông rối lại tạm thời, rồi bung ra, kích thích./.

Lời cảm tạ
của nhà văn Võ Phiến

Trong buổi ra mắt sách Tuyển Tập Võ Phiến tại nhật báo Người Việt, Nam California, ngày 28 tháng 01, 2007.

Kính thưa liệt quí vị,

Cuốn sách, nó học theo con người, cũng có hai phần: phần hồn và phần xác. Hai bên đều quí. Ở con người, tâm hồn cao cả của LãoTử, Khổng Tử rất quí; thể xác nõn nà của Chiêu Quân, Dương Quí Phi: cũng quí lắm.

Ở một văn phẩm thì hồn sách là nội dung của nó; xác là cuốn sách cụ thể, có thể cầm trên tay. Ra mắt sách là cơ hội phần hồn cảm tạ phần xác của tác phẩm.

Tác phẩm được đưa ra hôm nay xuất hiện dưới dạng tuyển tập. Trong tuyển tập cái ruột gồm những bài cũ. Không ai chờ đón điều gì mới mẻ ở phần nội dung bài vở của nó. Tất cả cái bất ngờ, mới lạ, được mong đợi nơi một tuyển tập là ở phần ngoại hình, ở dạng xuất hiện đẹp đẽ của nó. Nói một cách cụ thể: Cái được đưa ra trình quí vị đây là một thành tích thực hiện thật xuất sắc của cơ sở xuất bản *Người Việt*, một thực hiện vượt quá mức kỳ vọng của tác giả. Còn nội dung bài vở thì cũ kỹ thôi: có những bài cũ hơn 60 năm, của một tác giả "cũ" hơn 80 tuổi!

Sau phần xác thể, ta đi vào phần nội dung của loại tuyển tập. Và gặp ngay chuyện khó hiểu: Đời người ngắn ngủi, thời gian trôi qua nhanh chóng, biến cố ở năm châu bốn bể xảy ra dồn dập; tại sao người cầm bút không qui hướng vào những cái mới mẻ, mà lắm kẻ lại hì hục khều đống sách cũ để chọn in lại? Tuyển tập? Phí lắm! Sai lắm.

Lẽ thì như thế. Xưa - từ Lý Bạch, Đỗ Phủ, đến Nguyễn Du, Nguyễn Bỉnh Khiêm v.v... - không thấy vị nào nảy ý soạn tuyển tập đem ra bán. Trải qua nhiều thế kỷ vẫn vậy. Rồi gần chúng ta hơn, các nhân vật lừng danh như Trương Vĩnh Ký, Hồ Biểu Chánh, Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Nguyễn Triệu Luật, Lê Văn Trương v.v..., cũng không thấy vị nào tẩn mẩn soạn tuyển tập thuở sinh thời.

Đến lớp chúng ta, tuyển tập bèn phát triển. Thoạt đầu lấp ló thưa thớt, về sau gần như ào ạt. Chỉ kể những tuyển tập mình có trên kệ sách, mình gặp ở nhà bạn bè quen biết, và trông thấy bày bán ở các thư quán trong vùng, đã thấy bộn bề. Tại sao thời buổi này lại thịnh phát món ấy?

Phát biểu về một vấn đề mình chưa am tường, ngại lắm. Vậy xin minh xác giới hạn: Ở đây chỉ nói về loại tuyển tập hay sưu tập — một bên có chọn lựa, một bên không — cùng nhằm mục đích bảo tồn các văn phẩm đương đại, hiện thời. (Không phải chuyện hậu thế thẩm định tiền bối, hay chuyện thẩm định văn học chung chung). Và xin chỉ nói về hiện tượng tuyển tập sưu tập xảy ra quanh ta, trong các cộng đồng lưu vong thôi. (Không nói bao trùm cả và thiên hạ.) Tóm lại, đây là chuyện tuyển tập *ở đây* và *lúc này*.

Tuyển tập trước hiếm sau nhiều: do đâu? - Phải chăng vì những chấn động thời thế ác liệt và liên tục đã xảy ra trong hơn nửa thế kỷ qua? Chấn động do chiến tranh và do "cách mạng." (Những chế độ độc tài ở các nước Nga Xô, Trung Quốc, do Staline, Mao Trạch Đông, và ở nhiều nước Trung Đông Âu trước đây, vẫn tự mệnh danh là "cách mạng." Vậy xin tiếp tục gọi thế.) Trong một thời gian dài dân ta đã chịu đựng cả chiến tranh lẫn "cách mạng." Hai thứ đều hung tợn. Bao nhiêu nhân mạng, nhà cửa, đền đài, cổ tích, tài liệu, sách vở..., bị tiêu hủy. Trong hai thứ, chiến tranh tàn phá chung chung, "cách mạng" thì hủy diệt có chọn lựa. Chọn kỹ và hủy kỹ: Đã diệt địch phải diệt luôn ý thức hệ của địch. Mọi quan niệm chính trị và văn hóa không hợp với "cách mạng" hoặc bị xóa bỏ, hoặc phải trốn chạy tung tóe bốn phương. Thoát ra ngoài nước, nó thu mình chờ đợi. Một trong những chỗ thu mình của văn học bị săn đuổi là tuyển tập.

Các tác giả nạn nhân của "cách mạng" không mong giữ được mọi trước tác của mình, chỉ cầu mong chọn lựa góp nhóp để cứu vớt được phần nào thôi. Tuyển tập là chỗ lánh nạn của thứ văn học bị săn đuổi. Là chỗ nó thu mình chờ đợi. Là những hầm trú ẩn của nó.

Ở ngoài nước, sau 1975, từng có những tuyển tập của Lê Đình Điểu, của Trần Hồng Châu, của hội Văn Bút Việt Nam tại Ontario, của nhóm Đàn Chim Việt. Nhà xuất bản Thư Ấn Quán ở New Jersey đã tái bản các thi phẩm của Nguyễn Bắc Sơn, của Linh Phương, của Nguyễn Nho Sa Mạc, tái bản để tặng biếu, không bán. Cuốn *Thơ Miền Nam trong thời chiến* cũng do nhà xuất bản ấy, góp

nhặt ngót nghìn trang sách, qui tụ chừng hai trăm rưỡi tác giả, kẻ còn người mất, kẻ trong nước người ngoài nước v.v... Cố văn họa sĩ Tạ Tỵ trước ngày về đã kịp có tuyển tập. Văn họa sĩ Võ Đình cũng đang cho in Tuyển tập. Ở Canada, Nguyễn Ngọc Ngạn đã có tuyển tập. Ở Pháp, Kiệt Tấn cũng tuyển tập từ lâu. Phần tôi - tham lam vốn sẵn tính trời - năm 2001 đã vội vã làm tuyển tập, sáu năm sau may mắn gặp thịnh tình hào hiệp của cơ sở *Người Việt,* lại xun xoe tái tuyển tập một lần nữa. Phong trào tuyển tập đã như thế, không vì lẽ gì có thể ngờ vực sự phát triển của nó sau này.

Chắc chắn không một ai nghĩ rằng ta soạn tuyển tập và xuất bản tuyển tập là nhằm làm giàu cho nền văn học Hoa Kỳ (hay Úc, hay Pháp...) bằng những sách Việt ngữ nọ. Lấy bụng ta suy ra bụng người: Tôi trộm nghĩ chẳng qua các tác giả tuyển tập ở hải ngoại chỉ muốn cứu lấy chút ít trong số lượng bị gạt ra khỏi nền văn học xứ mình. Hy vọng cứu vớt ấy căn cứ trên nhận định rằng cái "gạt ra" là tạm "gát" thôi. Rồi cái gì của nước Sở sẽ về với nước Sở; ngọn sẽ về nguồn thôi. Ở Nga, ở Tàu, ở Đông Âu, ở Cuba v.v..., rồi sau này những sách từng bị lưu đày chắc chắn cũng sẽ hớn hở kéo nhau hồi hương.

Trong trường hợp cá nhân tôi, cơ sở *Người Việt* đã ra tay tiếp trợ đúng vào công việc và đúng vào giữa lúc tôi đang loay hoay.

Anh Đỗ Ngọc Yến, tôi chưa kịp quen biết hồi ở Sài Gòn. Đi Mỹ mỗi người một đường, mỗi bên sinh sống một nơi, làm ăn một cách. Báo *Người Việt* ra đời đã vài năm chúng tôi mới tình cờ gặp nhau ở một quán ăn nhỏ, vào một bữa ăn trưa. Anh Lê Đình Điểu thì năm 1975 bị kẹt lại trong nước, bị tù tội, nhiều năm sau mới đến Mỹ. Như vậy, tôi tiếp xúc với nhóm *Người Việt* thật muộn màng.

Gặp nhau đã muộn, gặp nhau rồi lại thấy thêm cách biệt nữa: tuổi tác. Hãy lấy vài biến cố lớn làm mốc để so sánh. Lúc Đệ nhị thế chiến bùng nổ tôi đã mười lăm tuổi, đã xem được nhật báo ngay lúc Pháp Đức đánh nhau làm cả nước ta xôn xao náo động. Thời ấy các anh Yến – Điểu còn bé lắm. Mãi đến 1955, đất nước ta chia đôi, đa số các anh chị em thuộc nhóm *Người Việt* bấy giờ từ Bắc được gia đình mang vào Nam, bắt đầu bước lưu vong; bấy giờ quí anh chị cũng chừng trên dưới mười lăm tuổi. Các anh chị cũng vừa biết đọc báo theo dõi tin tức như tôi hồi 1940.

Chúng ta thuộc hai thế hệ khác nhau. Vậy mà sau 1975 rốt cuộc cùng gặp ở Mỹ, chúng ta lại sát cánh đùm bọc nhau. Nói thế, thoạt nghe khó lọt tai: Đã cùng cảnh ngộ tha hương, kẻ già người trẻ nương tựa vào nhau là đương nhiên, có gì phải nói? Thế nhưng trong văn giới lắm lúc sự tình không diễn ra theo lẽ đương nhiên. Trước Đệ nhị thế chiến, Tự Lực Văn Đoàn lừng lẫy; sau 1954 nhóm Sáng Tạo xuất hiện: lúc bấy giờ Nhất Linh trở lại hoạt động văn nghệ, cho ra báo *Văn Hóa Ngày Nay*; báo này gặp sự lạnh nhạt của thế hệ Sáng Tạo.

Hai thế hệ hiện thời của chúng ta được thân ái, có phải một phần vì cùng lưu vong, vì cùng là nạn nhân của chế độ hiện tại trong nước mà nên thế chăng?

Cách nhau một thế hệ lại được gặp thái độ thân tình, tôi mừng. Càng ngày tôi càng gần gũi *Người Việt*, càng được cơ sở văn hóa qui mô này tiếp trợ ân cần. Tuyển tập tái hiện được tăng bổ là nhờ mối tình liên cảm giữa hai lớp tuổi.

Các anh Đỗ (Ngọc Yến) và Lê (Đình Điểu) đã ra đi, các vị kế tiếp tục gần gũi và giúp đỡ. Tôi ngậm ngùi tưởng nhớ tình tri ngộ của hai vị đã quá cố. Tôi biết ơn các anh chị trong các ban Quản Trị, ban Điều Hành, trong Tòa Soạn, trong ban Biên Tập nhật báo *Người Việt* cùng toàn thể các anh chị em trong cơ sở báo chí và xuất bản *Người Việt.* Tôi xin riêng cảm ơn họa sĩ Nguyễn Đồng đã nâng niu trau dồi diện mạo tác phẩm.

Mặt khác, nhờ sự chu đáo của ban Tổ chức cuộc ra mắt sách, buổi họp hôm nay qui tụ được nhiều vị khách quí, có những vị đến từ xa xôi, từ các tiểu bang khác, thậm chí từ những quốc gia khác, lục địa khác. Trong số đó, có người từng theo dõi việc viết lách của tôi từ nhiều năm, đã cho tôi hưởng những nhận xét quí báu.

Tôi xin chân thành cảm tạ liệt quí vị, từ ban tổ chức đến những vị tham dự cuộc họp mặt. Trong đời, tôi cũng đã nhiều lần tiễn đưa sách ra đời, chưa lần nào xúc động như lần này. Xúc động không phải vì sách, mà vì tình nghĩa bạn bè thâm thiết. Trong cuộc sống bao la, chữ nghĩa được viết ra chúng nó âm thầm len lỏi; thỉnh thoảng bất ngờ nó rước về cho ta một người bạn vô giá. Văn hữu với văn hữu, tha hồ: đàm đạo, trao đổi, chê khen, giúp nhau nâng cao hiểu biết, trau dồi nghệ thuật... Ngòi bút, nó kết tập và chủ tọa những mối tình văn hữu bền bĩ, hàng chục năm, hàng mấy chục năm liền! Chắc chắn tôi không thể quên buổi chiều hôm nay: Niềm vui cuối đời viết lách.

Nhân dịp một năm sắp qua và năm mới sắp đến, vợ chồng chúng tôi chân thành cầu chúc tất cả liệt quí vị cùng toàn thể gia đình năm mới được hưởng mọi sự an lành may mắn.

Võ Phiến
Ngày 28 tháng 1 – 2007

Độc giả của Võ Phiến

QUỲNH GIAO

"Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng.
"Trời ơi, người ấy có buồn không?"

Rõ là thi sĩ viết cho một người nào đó đọc. Và chúng ta là những người... đọc ké.

Nhưng chúng ta chứ không phải riêng một "người ấy" mới giúp cho tác phẩm tồn tại.

Chúng ta đây là các độc giả.

Người nghệ sĩ sáng tác trước tiên là cho mình. Nhu cầu sáng tác là một thôi thúc mà chỉ người trong cuộc cảm biết được thôi. Thân nhân và bằng hữu chung quanh thì... đành chịu đựng. Người ngoài cuộc ái ngại gọi đó là "cái nghiệp"!

Quỳnh Giao

Mỗi người sáng tác vì một động lực ban đầu. Nhịn không được thì phải nói, phải hát, phải viết, phải vẽ... Nhưng, khi bước vào tiến trình sáng tác ấy, người nghệ sĩ mơ hồ thấy trước mắt "ai đó" sẽ thưởng thức tác phẩm của mình.

Họa sĩ trong phòng vẽ thì dùng màu sắc và ánh sáng giải tỏa cái nỗi thôi thúc của sáng tạo. Bật đèn, nghiêng đầu ngắm nghía, ngay từ lúc ấy người nghệ sĩ đã mường tượng rằng nếu được treo trên tường, với ánh sáng hay ánh đèn chiếu vào từ một góc cạnh nào đó, bức tranh sẽ gây ấn tượng như thế nào với người xem, với "ai đó" là người thưởng ngoạn.

Sau đấy, khi đã buông cọ, ông ta hay bà ta phải từ biệt tác phẩm. Vì từ đấy người thưởng ngoạn có toàn quyền tự do thẩm định. Họ cảm nhận, thấu hiểu hay bình phẩm khen chê có khi hoàn toàn khác hẳn với những cảm nghĩ hay thôi thúc của người nghệ sĩ. Có khi họ còn bỏ bạc triệu ra mua tác phẩm mặc dù sự cảm nhận ấy của họ chẳng giống gì cảm hứng của họa sĩ.

Niềm đau của họa sĩ chưa hẳn là tranh đẹp mà chẳng ai mua, có khi là tranh đẹp mà treo nơi không xứng vì người mua không biết thưởng thức!

Người viết văn cũng vậy.

Câu hỏi uyên bác của các nhà nghiên cứu văn học, rằng "người cầm bút viết cho ai" là chuyện trừu tượng. Khi cầm bút, nhà văn hay nhà thơ có thể không hề quan tâm đến câu hỏi lớn lao ấy. Sức thôi thúc của sáng tạo khiến nhà văn thực sự phải vật lộn với nhân vật của mình: các nhân vật cứ như được phép phù và tung hoành trên giấy hay trong truyện ra ngoài những dự tính của tác giả.

Nhưng trong cơn phấn đấu ấy giữa cảm hứng ban đầu và những nhân vật do mình dựng lên, thật ra tác giả vẫn có lúc dừng bút tự hỏi rằng ai đó đọc mình thì sẽ nghĩ sao?

Khi ấy, chuyện "người đọc nghĩ sao" có thể lại chi phối người viết, âm thầm, có khi trong tiềm thức, nhưng rất mãnh liệt trong tiến trình sáng tạo. Người ấy, người đọc, có thể là một nhân vật có thật bằng xương bằng thịt, như "người ấy" của T.T.KH.

Nhưng độc giả ấy có khi chỉ là một khái niệm mơ hồ trong đầu người viết. Rồi hiển hiện rõ rệt hơn trong từng bước sáng tạo của nhà văn. Đấy là lúc nhà văn bị mất tự do, và người đọc đôi khi

lại... có lời nhờ những đắn đo suy nghĩ của người nghệ sĩ về mình, trước khi biết mình là ai.

Hãy thử len vào tâm tư của tác giả để xem nhà văn có thể nghĩ sao khi viết.

Trước một tác phẩm được viết ra, người đọc chúng ta thấy lấp lánh trong đầu vài cảm nghĩ mông lung tùy theo hành trang kiến thức và cảm quan của mình. Thí dụ như bài thơ này gây liên tưởng đến câu thơ hay hình tượng mà một nhà thơ trước đã dùng, nhưng hay hơn hoặc dở hơn. Hoặc cuốn tiểu thuyết này khiến ta nhớ đến Thạch Lam hay Khái Hưng, mà lại không hiện đại bằng dù xuất hiện sau tác phẩm của hai tác giả kia đến nửa thế kỷ.

Cảm nghĩ ấy của chúng ta có chi phối người viết từ khi ta chưa đọc tác phẩm.

Chỉ vì người cầm bút viết ra tâm tư trí óc của mình có mơ hồ viết cho một độc giả hay một thành phần độc giả nào đó, và khi viết thì trong đầu cũng đã có cả một hành lang hun hút những chân dung hay tác phẩm của người đi trước, để cố gắng viết khác và mong là là "hay hơn" những tác phẩm mà độc giả trừu tượng ấy có thể đã đọc rồi.

Tự do sáng tác vì vậy là tự do chọn lựa. Chọn người đọc là một. Trong một đoạn văn mà lại nhá câu thơ Đường hay một tích hát bội, người viết phải tự kiểm trong đầu rằng độc giả có biết hay khoái câu thơ cổ đó hay có mê tuồng tích xưa hay không. Nếu không, mình dụng công vô ích. Có khi độc giả liên tưởng sai là đòn phép viết lách của mình giảm phần công hiệu. Viết vì vậy là một tiến trình đắn đo và gọt dũa, sửa sai...

Thế rồi, người nghệ sĩ có thể đổi ý!

Nếu đưa thêm một chi tiết này hay viết lại câu văn theo một bút pháp khác, người nghệ sĩ có thể loại bỏ thành phần độc giả này mà nhắm vào một ai đó khác hẳn. Tiến trình sáng tác vì vậy có khi liên tục đổi thay theo sự suy đoán của tác giả về "người độc giả trừu tượng" trong tâm trí mình. Viết như vậy cao quá, hay xúc phạm quá, khiến người đọc khó chịu, sách sẽ khó bán.

Có khi tác phẩm nghệ thuật và tác phẩm thương mại đã được định hình từ đấy. Mà đây là nỗi khổ tâm cho người viết, vì ai ai cũng mong là sách mình sẽ bán chạy vì có nhiều độc giả, nhưng lại không thuộc loại tiểu thuyết ba xu, loại sản phẩm của quần chúng kém hiểu biết!

Sau khi suy đoán lăng nhăng như vậy rồi, chúng ta mới đi đến câu hỏi lớn.

Võ Phiến viết cho ai?

Nói một cách văn hoa là sau khi Nguyễn Hưng Quốc đi tìm Võ Phiến, chúng ta hãy cùng đi tìm độc giả của Võ Phiến!

Độc giả ấy là nhân vật khó định hình vì hầu như Võ Phiến viết đủ mọi thể loại, từ thơ đến truyện ngắn, truyện dài, từ tùy bút cho đến tiểu luận. Mà đề tài của ông bao trùm lên xã hội và thời sự, lại là thời sự của một giai đoạn còn nhiễu nhương hơn thời Nguyễn Du! Có đủ quốc cộng, quốc nội quốc tế, có tù đầy và lưu vong, thôn quê và thành phố, Quy Nhơn và Minnesota.

Ba chị em là ba miền....Từ trái: Lê Quỳnh Mai (Canada), Đặng Thơ Thơ (Quận Cam), Nguyễn Thị Thanh Bình (Washington DC) (Hình của phóng viên Việt Báo)

Mỗi người thích Võ Phiến ở một thể loại thì có thể hình dung ra nhân dáng của độc giả của thể loại ấy.

Giới trí thức thì thích tiểu luận, dân thành phố thì yêu tùy bút, thanh niên có khi thích truyện

ngắn, phụ nữ lại yêu truyện dài, người ở thôn quê thì mê các nhân vật nôm na gần gũi, người hiểu biết có khi lại phục tài phê bình nghệ thuật và bình luận về thời sự của tác giả.

Đặc điểm của độc giả Võ Phiến vì vậy có thể là... người Việt Nam, ở khắp mọi nơi. Và phải nói thêm là trong mọi thời, vì cho đến nay, các tác phẩm Võ Phiến viết từ nửa thế kỷ trước vẫn mơn mởn như mới, và những chi tiết rất tế vi trong đó vẫn làm chúng ta xúc động. Nhưng, nếu muốn tìm cho sâu hơn, người ta vẫn có thể tìm ra một số đặc tính chung của độc giả Võ Phiến.

Từ trái: Ông Bà Nguyễn Đình Toàn, Bùi Vĩnh Phúc, Quỳnh Giao

Đó là người bình dân uyên bác.

Uyên bác không phải là đọc nhiều mà là sống nhiều và hiểu biết rộng, đặc tính ấy không là độc quyền của người có học trong thành phố. Đôi khi ngược lại! Người uyên bác giả hoặc thích trình diễn thì không đọc Võ Phiến được. Hoặc có đọc thì cũng không thích vì không tìm thấy vai cho mình diễn xuất sau khi buông sách Võ Phiến. Những Loan và Dũng mới thúc người ta sống trong thế giới ảo, chứ nhân vật Võ Phiến giúp độc giả sống rất thật. Càng bình dân lại càng thật.

Một lý do là Võ Phiến dùng chữ không thể nào Việt Nam hơn, với ngữ pháp hoàn toàn Việt Nam, cú pháp khác hẳn nhiều tác giả đã đọc văn chương Tây nhiều hơn Ta.

Trong cái hành lang của "những người đi trước" như vừa nói, Võ Phiến đi một mình.

Tùy bút của ông không là một sao bản của Nguyễn Tuân và khác hẳn Mai Thảo. Ông không làm dáng nên người đọc thuộc thành phần bình dân cảm nhận được ngay những điều ông viết. Y hệt như khi ngồi ngoài quán nước nghe một ông già miền Nam bâng quơ nói chuyện vậy. Và mình cứ chấm cái dầu cháo quẩy vào ly cà phê sữa rồi bị ông già này dụ khị đi vô những chuyện lớn của nhân thế, hay thời sự, hay tâm tư bâng khuâng bứt rứt của một cô gái quê dậy thì trong vùng chiến.

Rồi độc giả chưng hửng khi thấy là mình thông minh uyên bác hơn trước! Võ Phiến là nhà tâm phân học hay xã hội học của văn chương khi đánh thức những hiểu biết mơ hồ của độc giả về chính mình, về chính xã hội của mình.

Mà tại sao chúng ta lại nghĩ đến một ông già miền Nam, dù Võ Phiến là người Bình Định và dùng chữ điêu luyện hơn hẳn rất nhiều tác giả sinh tại miền Bắc?

Vì Võ Phiến là người đã vượt qua ranh giới ba miền. Ông không giống bất cứ một nhà văn miền Bắc, miền Trung hay miền Nam nào, mà viết cho độc giả của cả ba miền. Võ Phiến dùng chữ dễ hiểu theo lối đối thoại của người miền Nam, để nói về chuyện văn hoa sâu sắc mà chúng ta cứ tưởng là sở trường của miền Bắc hay miền Trung.

Đất nước chúng ta thật sự được thống nhất từ Võ Phiến và độc giả của ông là dân chúng ba miền. Miền nào cũng thấy cái hồn của mình trong đó. Và thành phần bình dân, ở ngoài thành phố, cũng là độc giả của ông. Cách đặt các tên nhân vật của Võ Phiến chẳng là một sự chọn lựa hay mời gọi đó sao?

Võ Phiến có dự mưu tính toán như vậy không? Ông thấy quanh mình ra sao thì viết như vậy hay là có đắn đo suy nghĩ trong tiến trình sáng tác của mình?

Chúng ta khó biết, nhưng sự thật khách quan

cho thấy chân dung độc giả là một thành phần phổ thông, và trở thành tinh tế và tử tế hơn sau khi đọc Võ Phiến.

Từ chỗ tử tế ấy người đọc mới quan tâm đến người khác, điều thật ra không dễ trong cảnh điêu linh tráo trở của đất nước. Từ chỗ tinh tế ấy, người ta mới lần mò theo bước chân ông mà khám phá ra tác giả hay tác phẩm khác, từ văn hào Pháp tới tác giả Đào Tấn thời xa xưa của mình. Rồi trở thành uyên bác không ngờ! Những người thông minh thì có cơ hội trở thành có duyên hơn khi bắt được những tinh ma dí dỏm mà có lẽ không tác giả nào đạt tới.

Vì vậy, Võ Phiến có rất đông độc giả, và không chỉ ở nhà lầu trong thành phố.

Chúng ta, qua sách sống hay cách viết, có bị ảnh hưởng của Võ Phiến vì ông giúp độc giả bất ngờ tự khám phá ra chính mình. Rồi tưởng rằng đấy là tài riêng mà trời cho mình.

Vì vậy, độc giả của Võ Phiến phải là người biết đọc rồi biết nghiền ngẫm.

Ông không viết cho loại độc giả dễ dãi, muốn đọc để giải trí đôi lát rồi thôi. Ai có lỡ tìm đọc Võ Phiến để tiêu khiển thì bất ngờ hiểu ra nhiều chuyện quá hay, rồi cứ phải đọc hoài, đọc mãi. Đọc xong, thấy mình nhức đầu hơn trước — nghĩa là chẳng có tiêu khiển gì cả - nhưng cũng tinh tế hơn trước, khôn ngoan hơn trước.

Thật ra, khi viết, Võ Phiến không loại bỏ một ai trong thành phần độc giả.

Loại bỏ là khi mở đầu vào tiểu thuyết với hàng chục trang lung khởi miên man về không khí hay khung cảnh của truyện để từng nhân vật xuất hiện. Như một người chủ nhà xởi nởi tốt bụng của miền Nam, ông dẫn khách vào thẳng trong nhà với lối viết đầy hấp dẫn, những lời đối thoại tưởng như nghe thấy ngoài lộ mà thực ra đã có trong tâm khảm của mình.

Rồi vào tới nhà thì khách hết muốn đi, phải đọc cho hết truyện mới chịu về. Ra về mà trên lộ vẫn mỉm cười thích thú, hoặc đăm chiêu suy ngẫm không thôi.

Loại bỏ độc giả trong thể loại tiểu luận là khi đưa vấn đề lên một mức cao, đòi hỏi người đọc phải tham chiếu một số kiến thức tối thiểu về khung cảnh của vấn đề. Võ Phiến đọc rất nhiều, và nhìn rất kỹ mọi hiện tượng trong xã hội. Ông nêu ra nhiều vấn đề đáng suy nghĩ, mà lại không dàn những hiểu biết ấy trong các bài tiểu luận khiến độc giả thấy bị "dội" và nản chí bỏ ông. Tức là bỏ luôn mối quan tâm về văn chương hay tiến trình sáng tác hay về những vấn đề được ông gợi lên. Võ Phiến viết về món ăn mà giúp độc giả muốn thành nhà xã hội học hay dân tộc học về thực phẩm!

Điêu luyện nhất vì có vẻ như tùy hứng mà viết là thể loại tùy bút. Độc giả các bài tùy bút của Võ Phiến là những người yêu văn chương, thế rồi bị ông khéo dụ vào những suy tư sâu sắc hơn về nhân thế. Đi đến kết luận, chúng ta bỗng thấy mình trở thành sâu sắc! Ông khéo dẫn khéo chỉ, như một người ngẫu hứng tỉ tê, mà chỉ vào toàn những chi tiết làm mình điếng người.

Ừ há! Rồi từ đó có thay đổi cách nhìn, cách nghĩ và cả cách viết nữa.

Tùy bút của Nguyễn Tuân làm chúng ta nhớ về một thời đã qua của những người thích tác điệu làm dáng. Tùy bút của Võ Phiến làm chúng ta nghĩ đến ngày nay và những gì có thể làm được trong tương lai. Không phải do bút pháp ngắn gọn và cách dẫn truyện tài tình mà vì Võ Phiến đã có chủ đích chỉ ra cho độc giả bằng những đoạn phân tách tỉ mỉ những điều nhỏ nhoi mà không có cái tâm thì ta khó nhận ra. Ông không tùy hứng viết tùy bút mà chỉ nhẹ nhàng nêu vấn đề làm người đọc bàng hoàng. Và nhiều người viết sẽ phải nghĩ lại về cách viết!

Nếu nhìn lại thì ngược với lối viết dí dỏm, nhiều khi sắc xảo đến ác liệt, Võ Phiến thật ra là người tử tế hiền lành! Ông mà viết hịch đả phá quân thù hay kêu gọi quần chúng thì có thể làm giang sơn nổi sóng. Nhưng, con người tinh quái nhìn thấu mọi sự ác trên đời lại là người yêu văn chương và yêu người. Ông ngồi yên một góc, thủ thỉ với độc giả bằng cây bút về mọi điều xấu tốt trên đời để ta nhìn ra thế giới như thế, chứ không phải là "phải như thế" theo kiểu văn chương cổ động.

Vì vậy, độc giả của ông mới có đủ thành phần, từ giới bình dân - xin trộm nghĩ là những người có trình độ trung học - đến sinh viên, thanh niên và những người lớn tuổi. Từ thành phố ra tới thôn quê. Mà họ là những người chung thủy, đọc xong rồi còn đọc lại, mỗi tuổi lại khám phá thêm một khía cạnh khác của tác phẩm Võ Phiến.

Họ nên cám ơn một tác giả đã miệt mài viết trong nửa thế kỷ, qua ngần ấy biển dâu, để giúp họ trở nên văn minh tinh tế hơn. Và thấy gần nhau hơn vì đã thống nhất trong một miền, giữa Nam-Bắc hay trong ngoài, trong một miền mà người Việt mình tìm lại cái hồn bị lạc vì đạn bom, oán thù, và nhất là vì sự vay mượn những nét văn minh giả của xứ khác, thời khác.

(Ngày 29 tháng 1, 2007)

TẾT QUÊ NHÀ

TRẦN HUY SAO

Đã có từng cơn gió chướng tràn về từ hướng núi. Trời trở lạnh và khô. Hoa Quỳ Hương nở rộ hai bên đường, vàng óng.

Bác Hai Mộc đã... qui cố hương. Thím Ba Hồng cũng... hồi cố quận. Anh Tư Quân cũng... xếp tàn y về nơi cố thổ. Đó là cách nói thời thượng mang nặng tính võ hiệp giang hồ của anh Kiệt, nghe riết cũng thấy hay hay lại có văn vẻ cho nên ai cũng cố tình bắt chước. Sức học anh thì chưa tính được bao nhiêu nhưng sức đọc của anh thì tính tới bao, bồ mà đựng. Anh đọc truyện tới nỗi quên ăn quên ngủ. Toàn là chuyện kiếm hiệp. Đọc đến nỗi nhập tâm. Có Bác Hai Luân bị "*dị ứng*" về lối nói năng nặng mùi kiếm hiệp của anh Kiệt. Bác cứ lầm bầm "Qui cố hương, hồi cố quận hay có về nơi cố thổ thì cứ nói rẹt một tiếng về cho nó gọn. Bày đặt..."

Mà cũng bày đặt thiệt!

Tết thì về quê ăn Tết chớ bày đặt chuyện qui, hồi cố hương cố quận cố thổ chọc giận nhau làm chi! Hàng Mai già dọc đường dốc đất bên cạnh Chùa Linh Quang đã kết nụ rồi, sắp nở rồi. Bụi Quỳ Hương ở học Bà Sơ sau lưng chợ Chiều chỉ còn thưa thớt mấy cái bông vàng rực. Vàng rực hết sức để chờ tàn, chờ rụng. Bởi, khi hoa Quỳ Hương tàn rụng là lót đường cho mùa Xuân mạnh đường đi tới. Tiếng heo kêu ở nhà thím Hiếu làm nôn nao mấy củ hành ngâm giấm đã trở màu hồng đậm trong hủ thủy tinh. Trở màu là đã "chín mùi" vị ngọt chua, thanh cảnh .Gắp ra đĩa, để ghém với miếng thịt heo, được rồi đó! Mà tiếng heo kêu giờ này nghe tràn đầy nội lực chớ không eo éo như thường ngày vẫn kêu. Như vậy là đã đúng lứa rồi! Sắp vô nồi rồi! Mà nồi chung chớ không phải nồi riêng của gia đình nào. Chuyện nuôi heo ăn Tết thì hầu như ở Xóm nghèo quê tôi đã quen thành lệ. Cứ năm ba gia đình chung vốn mua heo rồi giao trọng trách cho một người mát tay nhất trong nhóm nuôi vỗ chờ Tết ngả thịt, chia đều. Tính toán, thỏa thuận rất sòng phẳng để không ai phải bị thiệt thòi. Thuận buồm xuôi gió thì mùa Tết có thịt để mà rộn ràng bận rộn với nồi niêu xoong chảo . Bằng như... nửa đường đứt gánh thì coi như phủi tay, coi như là chỉ ăn Tết có một nửa, mất vui. Còn về chuyện thịt gà! Tuy là không chung vốn mà phải tự lo liệu nhưng cũng phải chuẩn bị kỹ càng. Tháng Tư ta là lo đem gà trống còn non tơ ra chợ tìm ông thợ thiến gà. Lo đóng chuồng. Vật liệu sơ sài cũng được nhưng phải bảo đảm là mỗi chú gà một chuồng riêng vừa đủ đứng, nằm chớ không có khoảng rộng để đi tới đi lui. Nếu... thuận buồm xuôi gió, thì khoảng tháng mười-hai-ta, lứa gà thiến thịt thà đã nặng chình chịch, lông lá đã trổ màu sắc rực rỡ. Mỗi chú trọng lượng cũng cỡ chừng bốn tới năm ký. Nhà nuôi chừng hai, ba con thì tha hồ mà ăn Tết. Nhưng mà cũng khó lắm. Bắt đầu từ tháng-mười-chưa-cười-đã-tối cho tới đầu tháng mười-hai-rét-ngọt

thì cái nạn dịch gà khó cản. Qua được cửa ải này thì nồi niêu mới có dịp khua ran để mà ăn Tết. Thường thì khó vượt lắm... Còn cái khoảng thịt bò thì quá đỗi xa vời, không cách gì với tới. Chỉ có trong dịp hội Làng. Mà nhắc tới Làng Nước thì bao la quá. Nhất là miếng thịt của Làng thì cũng quá là nhiêu khê! Chi bằng trở về lại một mái nhà với miếng thịt tự cung tự cầu, mà cũng tự nhiên hơn, để hưởng ba ngày Tết. Chỉ có thịt heo, thịt gà là gần gụi với tầm tay. Và cũng chỉ có chú Quý là người gần gụi và thân tình với bà con hơn hết, nhất là thời gian cận kề Tết. Bởi chú là tay đồ tể, nếu nói theo cách nói của anh Kiệt, vào bậc thượng thừa. Tôi còn nhớ như in hình ảnh của chú. To lớn dềnh dàng, dáng đi khật khưỡng. Gương mặt to ngang với đôi mắt xếch và cặp lông mày rậm đen. Nhìn chú thì thấy dữ dằn nhưng chú hiền lắm, lúc nào cũng cười. Ai nói gì chú cũng cười, nụ cười tươi vui, đôn hậu trái hẳn với vẻ hung hãn, dữ dằn của chú. Cũng không biết do từ đâu mà ai gặp cũng gọi chú là Tiết Nhơn Quý, một nhân vật trong truyện Tàu, riết rồi chết tên luôn. Chắc tại vì tướng tá to lớn dềnh dàng với lại sẵn chú tên Quý. Hay cũng từ anh Kiệt...

Thường ngày, chú rất chậm chạp trong công việc nhưng khi nhập vai đồ tể, chú nhanh nhẹn vô cùng. Từ lúc lùa heo ra cửa chuồng cho tới lúc xả thịt chia chác đồng đều cho các sướng (chớ không phải khổ) chủ, mọi động tác đều chính xác, gọn gàng. Ai nấy nhận phần thảy đều vui lòng hẽ hả. Với đôi tay thiện nghệ và dưới mắt nhìn ước lượng cân đo của chú, xác suất trọng lượng phần thịt chia chỉ nhỉnh hơn chút đỉnh. Ngày Tết mà, giành nhau tiếng cười vui chớ giành nhau chi thêm mấy miếng thịt chưa đủ giắt răng. Thảo nào anh Kiệt nói chú là tay đồ tể thượng thừa kể cũng không ngoa. Dễ chi kiếm được người thứ hai.

Công cán thì chú chỉ nhận đúng nửa ký thịt đùi và một lít rượu, vậy thôi. Thêm cũng không chịu. Bớt cũng không chịu. Ngang bằng sòng phẳng. Rồi chú qua nhà khác cho kịp giờ. Mùa Tết là mùa làm ăn sung mãn của chú. Mùa Tết cũng là mùa chạy marathon của lũ trẻ chúng tôi. Cứ nghe tiếng heo kêu dậy trời dậy đất là tụi tôi tranh nhau rượt chạy cho kịp thời coi ông Tiết Nhơn Quý sát trư. Có khi một ngày chạy hai ba lần...

Sau này, có thêm chú Thứ nhà gần Học Bà Sơ nhưng tay nghề không so kịp bằng chú Quý.

Mùa Tết cũng là mùa hoa. Ba ngày Tết mà trong nhà không có màu sắc của hoa thì còn có ý nghĩa gì! Nhà nào cũng có một cành Mai hồng thắm. Mà đâu có phải bỏ tiền mua. Chỉ cần bỏ công nửa ngày, vào rừng. Xóm với rừng gần nhau, đi thì chỉ khoảng nửa tiếng đồng hồ, nhưng phải bỏ công nửa ngày là để chọn lựa một cành Mai ưng ý. Mai mọc bạt rừng, bạt núi thậm chí tràn vô tới Xóm. Hầu như nhà nào cũng có một cây Mai trước ngõ. Tháng mười-hai, Mai nhà đã nụ hồng có nhà thì hoa đã rộ nở. Tôi còn nhớ, con đường mà tôi thích nhất là con đường hẻm dài một hàng Mai tươi tốt từ nhà bác Nghi, qua nhà Ôn Mệ Lào, rồi chấm dứt ở nhà Ôn Cai Tư. Một khoảng đường rất ngắn nhưng giữ mãi trong tôi êm đềm cái cảm giác râm mát bóng cây của tháng Hè và nôn nao những bông Mai hồng thắm của ngày Xuân. Tôi thường đi, về trên con đường đất gập ghềnh này trong suốt thời gian học ở trường Tiểu học Bạch Đằng, nằm cheo leo trên ngọn đồi Cao Thắng. Con đường hẻm đất đá có hàng Mai rợp bóng là một trong những kỷ niệm tôi giữ hoài về chốn quê. Nhất là những ngày Xuân, nhìn hoa Mai rộ nở, lòng cứ nôn nao hòa nhập trong những nôn nao có quần áo mới, có tiền lì xì, có pháo đốt thả giàn, có những trò vui chơi trong ngày Hội Làng... Cho đến bây giờ, vẫn cứ còn giữ mãi độ ấm nồng ngầy ngật mỗi độ Xuân về. Ấm nồng ngầy ngật bởi lẽ, duyên nợ trăm năm đã gắn bó đời tôi với tà áo tiểu thư ở một trong những ngôi nhà trên khoảng đường rất ngắn, của ngày xưa, đó...

Những ngày cuối Chạp, đứng ở Xóm mà nhìn về hướng núi là cả một thảm hoa hồng rực chạy dài từ Cam Ly Hạ ngược lên Dốc Trời ngút ngàn vô sâu tận Rừng Dẻ. Tầm nhìn tuổi thơ chỉ chừng giới hạn nhưng trí tưởng tượng thì dặm dài xa ngất. Tôi nghĩ rừng Mai chắc vô cùng tận, không chỉ ngừng ở Rừng Dẻ vốn đã là quá xa, chắc còn sâu còn xa hơn nữa. Ở chỗ núi mờ xanh thẳm mịt mùng...

Mấy anh trai Xóm thì nghĩ ngợi gần hơn. Đâu cần phải xanh thẳm mịt mùng làm chi cho mệt. Chỉ cần vào khu rừng Mai Cam Ly Hạ mà đem hương sắc mùa Xuân về trang hoàng nhà cửa. Buổi sớm mai dằn mấy chén cơm cho chắc bụng rồi sẵn sàng dao, rựa rủ nhau đông đảo tới rừng Mai. Khi chọn cành Mai ưng ý là đã đắn đo ước lượng khoảnh rộng hẹp của phòng khách, nơi sẽ được chưng bày cành Mai giữ hương sắc mùa Xuân, cũng chính là nơi làm rạng nét nhà. Phòng khách rộng mà cành Mai nhỏ thì bất xứng, lại bị thầm chê là hoàn toàn không có khiếu về mỹ

thuật. Cành Mai to đùng mà chưng ở phòng khách quá nhỏ thì có vẻ như là khoe khoang, giựt nổi. Rồi cũng phải tính toán khít khao làm sao hoa sẽ nở rộ vào đúng những ngày Tết. Nụ nhiều quá thì không tốt mà nở sớm quá thì cũng không tốt luôn. Đến chúc Tết nhà, việc đầu tiên là liếc thầm một cái về phía cành Mai được trang hoàng trong phòng khách, để đánh giá và so sánh. Đánh giá trình độ nghệ thuật của chủ nhà và sẵn đó, so sánh cành Mai của nhà chủ với nhà mình. Chủ và khách, rất nhanh, bắt gặp ánh mắt nhau ở cái liếc thầm này trước khi bắt tay nhau. Sự ganh đua, so sánh không hề to tiếng, chỉ lén thầm nhưng đã thành ước lệ. Thầm nhận biết mình thua hay tự hào mình hơn cũng chỉ là cảm giác buồn, vui nhỏ như tiếng pháo chuột so với tiếng pháo cối, vậy thôi. Nhưng mà cũng phải liếc chớ, thiếu đâu có được! Vô hình trung, đã thành một tục lệ âm thầm, ở Xóm quê tôi. Cho nên nhiệm vụ của mấy anh đi chặt cành Mai chưng bày đón Tết là đi mang sứ mạng trong người, có phải chơi đâu...

Ngoài cành Mai là tiêu biểu lớn, còn có hoa Vạn Thọ, hoa Cúc và cao sang quyền quý yểu điệu thục nữ quân tử háo cầu là hoa Lan.

HoaVạn Thọ, Cúc đơn, Cúc đại đóa thì hầu như , ít nhiều, nhà nào cũng rộ. Trồng trong chậu để cầu kỳ dành riêng cho ba ngày Tết . Trồng trước sân nhà làm cây cảnh tự nhiên. Riêng về cái khoảng hoa Lan thì khó cầu nên chi rất hiếm. Cũng muốn có một chậu Lan để khi người đến chúc Tết , cố theo dõi cái liếc thầm của khách, mà thấy sướng vui trong bụng. Nhưng mà đâu có dễ bởi vì hoa Lan thiệt như là đứa con cầu tự, khó nuôi khó dưỡng. Nóng thì bất ưng lạnh thì bất ổn. Phải dành một khu đất riêng có giàn rào che chắn gió, có mái chống nắng tránh mưa. Công sức và tiền của bỏ vô đó cũng bộn bề. Chưa nói tới chuyện phải tìm tòi học hỏi trao đổi về kỹ thuật qua sách vở, qua thực tế kinh nghiệm. Phải đong đo cân đếm khí hậu thời tiết thay đổi từng mùa mà liệu chừng tìm phương cách cưng chiều chăm chút thúc ép cho hoa nở đúng thời. Nở sớm quá thì mất duyên. Nở trễ quá thì... hết Tết rồi, nở làm gì nữa! Miếng bỏ bụng đói no ngày tháng còn chưa lo tới được nói chi chuyện chăm lo cho đời sống cao sang của loài hoa vương giả. Và, nói cho cuối cùng, cũng chỉ nhằm để thỏa mãn, đắc ý cho một cái liếc thầm của khách. Cao xa quá! Nhiêu khê quá! Làm sao mà liếc cho tới đây! Thôi thì cứ liếc thầm một cành Mai chưng Tết, đủ rồi !

Tết cũng là dịp để vui chơi sau một năm dài cực khổ trong việc mưu sinh. Cũng là dịp để gia đình đoàn tụ. Đồng tiền chắt bóp, dành dụm được trong năm đổ dồn cho ba ngày Tết. Mang công mắc nợ ai thì lo thanh toán sòng phẳng trước khi bước qua năm mới. Cố dọn dẹp thu vén cho lòng dạ nhẹ nhàng không còn cứ đeo nặng những rủi, buồn năm cũ để chuẩn bị sẵn sàng tống-cựu-nghinh-tân. Đón năm mới với tấm lòng bao dung

THANH TÂM TUYỀN

Ngày Xuân Trên Đồng Mua

Tặng ND.

Ô chào cô bé áo hồng
Chào cô buổi sáng đầu năm
Trên cánh đồng nhàm mắt ngày tháng
Cô xuất hiện cùng mùa xuân

Cô đi bừa với con trâu trắng
Trâu hiền thong thả bước ngoan
Ngày tẻ lạnh đìu hiu nhớ nắng
Áo đào phai ngời ấm không gian

Vầng hồng di chuyển ánh lung linh
Giấc mơ trong trẻo của quãng im
Cô đẹp tựa lời thơ cổ
Mặc áo xuân đuổi trâu cười hồn nhiên

Chào tạm biệt cô bé áo hồng
Cũng chào con trâu trắng thong dong
Ngày vơi nhẹ thênh trăng mọc sớm
Ngỡ nhạn lai hồng lạc cuối thôn

Trở về trại ngang qua vườn cam
Hoa rộ trắng thơm lừng đồng nội
Vẫn chập chờn sắc hồng trôi nổi
Ngọt ngào hương quyến luyến chiều tàn.

hương trầm, ngọt ngào dẻo thơm miếng mứt. Và, tận hưởng ba ngày Tết cho giòn dã như pháo…

Tiếng là nói vui chơi ba ngày Tết nhưng có chừng mực như vậy đâu! Có nơi vui chơi từ mồng-một cho tới mồng-mười. Qua ngày mười-một tháng Giêng thì không nghe ai nói mà cũng không có tự điển nào ghi là mồng-mười-một. Như vậy, có nghĩa là, hết mồng, hết chơi!

Có nơi vui chơi thả giàn tới cuối tháng Giêng.

Nói chung, Tết là không có ai làm mà chỉ chơi. Cũng không có ai buồn mà chỉ vui. Nhưng mà có gì để chơi cho vui đây?.

Thì có Hội Làng Mùa Xuân đó !

Hội Làng Mùa Xuân, nói gọn nhẹ là Hội Tết, ở quê tôi Làng nào mà không có.Tuổi thơ tôi rưng rức những kỷ niệm mang vẻ dáng mộc mạc chân quê, đầy đặn sắc thái và đặc thù tính dân tộc của Hội Làng Tết. Ngầy ngật cho tới cả bây giờ. Tiếng chiêng trống vang lừng và tiếng pháo nổ dòn tan báo giờ khai Hội của một buổi sáng Mồng Một Tết năm nào, và cả nhiều năm sau đó trong tuổi thơ, còn đọng lại đâu đây. Bà con lũ lượt về hướng sân Đình chờ giờ mở Hội khai Xuân. Tôi thấy cả một bức tranh quê sống động. Thấy chú Tiết Nhơn Quý ôm chai rượu đi ngang giữa đường Làng, gặp ai chú cũng cười. Một tiếng cười là thêm một ngụm rượu. Ba ngày Tết chú cứ đi ngang, không thèm đi thẳng. Thấy mọi người mặc quần áo mới, nói cười hễ hả. Gặp nhau và chúc tụng nhau. Thấy Ba tôi, ông Cai Hoành, khăn đóng áo dài đang giục giã ba hồi trống lệnh. Thấy bên kia, bác Ba Cận, tiếp chiêu với ba hồi chiêng vang lừng. Thấy anh Bé, trưởng tràng nhóm Lễ sinh, hai tay trịnh trọng nâng cây đèn sáp đi từng bước theo nhịp trống. Những bước chân bài bản, nhấc cao lên rồi hạ xuống, vững chắc nhịp nhàng. Anh dừng lại trước tràng pháo dài được treo từ cây nêu cao ngất. Tiếng trống, từ nhịp khoan thai, trở điệu liên hồi gióng giả hòa với tiếng chiêng nghe rộn cả lòng. Ngọn lửa được châm vào ngòi pháo báo giờ khai Hội ngày Xuân. Anh lạng người chạy lẹ, tránh pháo. Đám trẻ tụi tôi thì tranh nhau nhào tới để giành giựt những chiếc pháo xì. Bà con xoa tay hớn hở, tìm chỗ vui Xuân.

Đầu tiên là phải tới thăm đám bầu-cua-cá-cọp hay mấy tay tráo bài ba lá. Văn nhân thì khai bút đầu năm. Thường nhân thì đâu có tài nhả ngọc phun châu, bút mực đâu mà khai! Khai bạc đầu năm để thử thời vận cũng tốt. Có người thì chừng mực. Có người thì quyết đấu! Nếu thử thời vận thì chỉ một hai ván cho biết chừng số đỏ, số đen đầu năm rồi lo kiếm đường qua trò chơi khác. Ăn bạc thì mừng rơn vì tin là năm tới mình sẽ phát tài. Thua bạc thì buồn trong bụng vì nghĩ là năm tới số mình đen vận. Nhưng dẫu sao cũng còn vớt vát được vì sực nhớ còn có câu "đen bạc đỏ tình." Câu nói thiệt như là lô an ủi cho vận hạn rủi may. Năm tới không có bạc nhưng có tình thì cũng coi như là, không đỏ, mà hồng. Hồng tất nhiên là phải tốt hơn đen. Rồi nghĩ cho cùng, cũng thấy kẹt. Với mấy tay còn độc thân vui (hay khó) tính mà được tình thì coi như buồn ngủ gặp chiếu manh, như mèo thấy mỡ. Mấy tay vợ con đùm đề mà được tình thì chắc là lụy. Còn tính chuyện quyết đấu thì chẳng khác gì đem đồng tiền làm lụng cả năm trời mà lì xì mừng Tết cho mấy sòng bầu-cua-cá-cọp hay mấy đám bài ba lá. Không tin ngó anh Cu Lập, con thím Nghi, ngồi ở góc sân nhà chú Thưởng uống rượu tì tì. Ai cũng lấy làm lạ, bởi hồi nào tới giờ anh có uống rượu đâu! Uống trà đậm còn say mà! Hỏi ra mới biết tại vì anh thua bạc tới cháy túi vì sòng bầu-cua-cá-cọp nên uống rượu tiêu sầu! Sầu thì không (hay chưa) tiêu mà chỉ thấy khiêng anh về nhà nằm rẹp thẳng cẳng, chẳng thèm ăn Tết. Rồi còn chú Tư Lãm đi lên đi xuống ở đường Làng, mặt mày ngơ ngác cứ dáo dác tìm quanh. Ngày Xuân mà gặp ai chú cũng không có lời chúc Tết mà có ai chúc Tết, chú cũng cứ bỏ ngơ. Hỏi ra mới biết chú vừa bị mấy đám bài…ba láp nó …táp hết tiền rồi! Đi lên đi xuống dáo dác nhìn quanh là đi tìm lại tiền đó mà! Chắc là thua đậm mới lậm hồn vía tới tầm cỡ đó!.

Khai bạc đầu năm kiểu đó thiệt là bất nhẫn.

Đồng tiền được lì xì đầu năm mới thì thể nào tôi cũng mua một con gà đất của một ông nào lạ hoắc, không phải dân miền tôi ở. Tiếng nói ông lơ lớ, da màu nâu sẫm, tóc hơi xoắn. Tôi "ngửi" ông có mùi biển mặn. Chắc là ông từ miệt Tháp Chàm, Phan Rang, Phan Rí. Gà được bày hàng trên chiếc chiếu lớn. Đám con nít bu quanh tranh nhau lì xì tiền cho ông. Có qua có lại , ông cũng lì xì gà không hở tay. Mỗi ngày ông bán hết một vuông chiếu lớn gà rồi ngày sau gà lại nở ra thêm một vuông chiếu lớn nữa. Gà đất mà đất như tôm tươi bởi đám nhỏ tụi tôi mê mệt con gà đất này quá sức. Nó thiệt ngộ nghĩnh về hình dáng, màu sắc mà còn biết gáy nữa.Đầu với đuôi được nối bằng lớp giấy rất dày. Hai tay cầm đầu cầm đuôi rồi đẩy tới đẩy lui, nó gáy nghe rất lạ. Nếu không muốn cầm mà đẩy thì ở cuối đuôi có khoét một lỗ nhỏ, tròn. Kê miệng vô mà thổi, lực hơi đẩy mạnh cái đầu nó nhỏm tới, nó cũng

gáy nghe rất khoái. Nó được làm bằng đất nung. Chắc chắn là được đúc khuôn rời từng mảnh rồi gắn với nhau bằng lớp keo dính vì thấy đầu đuôi cũng y dạng. Toàn thân sơn màu đất đỏ rồi được phết sơ sài chiếu lệ một lớp dầu bóng. Mấy nét vẽ vội vàng chủ yếu là phân biệt đầu với đuôi. Đầu thì có hai con mắt với lại mấy nét vẽ phết xuống tượng hình là lông gà. Đuôi thì ngoài cái lỗ nhỏ khoét sẵn, thêm vài nét vẽ phết ngược lên tượng hình là cái đuôi. Lớp giấy dày nối đầu và đuôi làm thân gà thì không vẽ vời lông lá gì cả mà loang vết dầu chắc là có dụng ý giữ cho giấy có độ dai để chịu đựng lực kéo. Nhìn chung thì nó cũng chỉ phảng phất hình dáng con gà. Tiếng gáy thì cũng chỉ nghe "ót, ót" chớ đâu có trầm bổng gì đâu. Mấy nét vẽ sơ sài trên phần đầu tròn vo với phần đuôi cũng tròn vo y dạng không phân biệt được gà mái hay gà cồ. Thật ra, cũng chỉ tự lòng ham thích đồ chơi lạ và trí tưởng tượng phong phú mà nó đã là con gà đất hẳn dấu trong kỷ niệm ấu thơ để mà giữ mãi trong đời. Còn chuyện gà trống hay gà mái thì có gì mà bận tâm. Gà trống cũng được. Gà mái cũng được. Miễn là có con gà đất biết gáy để chơi ba ngày Tết là cũng được quá rồi!

Lại có thêm một ông nữa, bán heo đất. Đất nung và cũng được đúc khuôn rời hai mảnh rồi gắn lại với nhau bằng lớp keo dính. Hình dáng khá rõ ràng là một chú heo mập ú. Có đôi mắt được vẽ xếch ngược lên có vẻ như đang cười. Có cả hai cái tai nhỏ xíu . Có chùm lông đuôi đen nhánh ở cuối cái đuôi được đúc nổi cộm. Có bốn cái chân ngắn củn, mập tròn. Điểm chính yếu và quan trọng nhất để nó trở thành con heo đất là một rãnh nhỏ, dài đủ để bỏ tiền lọt vô trong cái bụng to bành. Tiền giấy thì xếp làm tư, nhét xuống. Tiền cắc thì cứ thả vô tự nhiên. Heo đất giữ lâu hơn, có thể giáp năm, để giữ tiền dành dụm. Nó cũng cất giữ cho tôi nỗi buồn vui. Cất giữ luôn tiếng khóc tiếng cười. Và, cũng giữ cho tôi quá nhiều kỷ niệm.

Con heo đất được cất giữ ở một nơi kín đáo thường là dưới gậm giường ở chỗ tối nhất. Mỗi lần có tiền để bỏ vô bụng heo mặc dù không có ai nhưng cứ dòm quanh dáo dác. Tiền cắc bỏ vô nghe cái "rẻng," sướng rêm. Tiền giấy xếp tư nhét xuống nghe tiếng giấy cạ vào thành lỗ "rẹt,rẹt" lại càng sướng hung. Lâu lâu lại, dáo dác nhìn quanh, lấy con heo đất ra cầm trên tay ướm chừng độ nặng, nhẹ. Thể nào cũng phải lắc lắc vài cái để nghe tiền cắc đánh nhau trong đó rổn rảng, tiền giấy đẩy nhau trong đó sột soạt. Thời điểm để khui heo đất là dịp cuối năm. Nói là khui heo đất, thật ra, thì không đúng. Phải nói là đập heo đất nghe đúng nghĩa hơn. Cầm con heo đất mà xáng xuống nền nhà nghe một tiếng "bộp." Cầm cái búa hay cục đá, hòn gạch đập mạnh vào con heo đất nghe một tiếng "bụp." Dù cho "bộp" hay "bụp" thì cũng cảm thấy sướng tay. Cảm giác sau đó là "đã" con mắt khi thấy tiền lâu ngày kìm hãm được dịp túa ra. Tiền giấy ôm tiền cắc sõng soài la liệt. Cảm giác cuối cùng sau khi đã sướng tay mãn nhãn là nỗi buồn vui lẫn lộn. Vui là vì cứ nghĩ là lâu nay mình bỏ tiền vô ít mà bây giờ sao mà ùa té ra nhiều dữ vậy! Buồn là vì cứ đinh ninh mình bỏ tiền vô nhiều mà sao giờ nhảy ra có chút đỉnh! Buồn với vui cũng chỉ là cảm giác bất chợt rồi qua đi như tiếng "bộp" hay tiếng "bụp" thôi! Điều đáng nói lâu dài là có mớ bạc giắt lưng để rong chơi ba ngày Tết.

Khi đã có mớ tiền rủng rỉnh thì cũng tính chuyện tiêu pha nhưng phải nhớ là mua một con heo đất khác để cuối năm còn có dịp mà "bộp" hay "bụp" một cái cho buồn vui lẫn lộn.

Cũng đừng quên là có gian hàng mới lạ, mang vẻ dáng văn minh thành phố mà lâu nay làng quê chợ xóm không thể nào có được. Đó là gian hàng nước đá nhận xi rô. Không kể đám con nít tụi tôi mà cả nam phụ lão đều đứng đông nghẹt để chờ nắm cho được cục nước đá có màu xi rô xanh, đỏ, tím, vàng mà mút chùn chụt. Đám con nít tụi tôi cầm cục đá nhận xi rô mà mút kiểu đó thì là chuyện bình thường, có khi còn thấy dễ thương. Tầm cỡ như bô lão, phụ lão, thanh niên, thiếu nữ mà mút, cũng chỉ là kiểu đó thôi, thì coi đã không bình thường mà thiệt là dễ nực. Có mấy ông , chắc cũng tại vì răng cỏ lung lay chịu không siết hơi đá lạnh, nhịp mút không được sung. Nước đá quyện với nước xi rô chảy dính râu tèm nhẹp. Có mấy chị, chắc vì khoái khẩu mùi vị thơm ngọt của nước xi rô lại thêm hơi mát lạnh của cục đá nhận, cứ ngẩng đầu lên mút cố mạng. Vừa đi vừa mút đụng ai nấy chịu.

Mà cũng đúng thôi! Thuở nào tới giờ ở Xóm quê làm gì có cục nước đá mát lạnh! Đã vậy lại còn có cả nước xi rô, tìm ở đâu cho ra mà hưởng! Nay, vừa có đá lạnh vừa có nước xi rô thì bu đông đen tìm của lạ là đúng! Còn mút cỡ nào miễn tận hưởng cho tới bến là được rồi.

Buôn một lời năm, mười chớ đâu phải chơi đâu! Cục nước đá được bào nhuyễn rớt xuống cái ly đầy vun. Ngó thì đầy vun hào sảng vậy đó chớ khi nén xuống, nó chỉ còn có tới gần nửa ly

thôi. Có thêm tiết mục hỏi khách hàng ưng ý xi rô màu gì? Xanh đỏ tím vàng tùy theo ý thích, mà nếu ưng có nửa màu này nửa màu kia cho lạ mắt thì cũng được, không phiền hà gì. Cầm chai xi rô xịt vô rồi lật ngược cái ly thổ nhẹ. Cục đá tẩm màu rớt ra, cứng ngắt. Một tay đưa cho khách một tay lấy tiền bỏ hộc. Toàn tay trần năm ngón, không có ly dĩa giấy lót rườm rà. Cái thú của món đá nhận xi rô là cầm vừa mát tay mút vừa mát miệng lại mát cả lòng.

Trước sau cũng chỉ toàn là nước, vậy mà bà con cứ đứng xếp hàng đóng tiền vui vẻ, thoải mái. Tôi rõ chuyện này lắm vì ông chủ gian hàng bán nước đá nhận xi rô có phải ai đâu xa lạ, là ông chú họ của tôi mà. Chú Thành đó. Chú đứng tên xin Ban Hương Chức Làng một lô đất để bán nước giải khát. Làng thì không thắc mắc miễn có xin phép, có đóng tiền mua lô, có đóng thêm một vài khoản tiền qui định là được. Nhưng mà Thím tôi thì thắc mắc, cứ gặn hỏi chú hoài. Khi biết được cái tên nước giải khát gì mà lạ, trước giờ chưa nghe, thì thím ngồi buồn xo như chiều ba-mươi-tết. Thím làm mình làm mẩy không chịu gói bánh, không thèm làm mứt. Thím đình công luôn cái vụ mặc áo đẹp, nhồi phấn thoa son cho chú nhìn ngắm ba ngày Tết. Lý do mà thím giận thím hờn cũng thiệt là đúng. Ai đời cái xóm đèn dầu quanh năm suốt tháng, nhà nào sang cả lắm thì cũng chỉ một cây đèn manchon, cũng được bơm và thắp sáng bằng dầu, mà tính chi tới chuyện xa vời khó tưởng. Nước suối nước sông thì có chớ nước đá, tìm đâu! Rồi còn cái nước xi rô xi ra đỏ tím xanh vàng chi đó, là cái nước chi? Chắc là ông qua bên Tây, bên Mỹ ông kiếm đưa về. Thím trách chú là mộng tưởng xa vời, ngồi thắp cây đèn dầu mà uống nước đá "giận" với "xi rồ"(chắc là ý của Thím muốn nói khéo là thím giận chú điên rồ!). Chú giải thích, phân tích mấy thím cũng không nghe. Năn nỉ quá chừng, cuối cùng, thím chịu theo chú tới gặp Ba tôi để bàn chuyện phải trái nên hư. Ba tôi phán: "*Thím yên tâm về gói bánh, làm thêm mứt món ăn mừng. Chuyện này để chú lo.*" Thím liếc Ba tôi một cái, nhưng mà không dám bén, như khi liếc một cái cho chú. Bởi vì, Ba tôi là kẻ lớn trong Họ, lời nói phải nặng cỡ bao tạ. Thím là vai em, là dâu về gởi Họ, khó có lời. Về thôi!

Ba tôi mạnh miệng là vì ông biết quá rành về chú. Chú đã từng theo học nghề của Ba tôi mấy năm mà chậm lụt không ra gì, cuối cùng thì có ý lơ là bỏ cuộc. Bù lại, chú có đầu óc kinh doanh, nắm bắt thời cơ rất nhạy. Dám đi buôn bò ở tận miệt Gia Lai xa tít cả năm mười ngày rồi lùa bò về. Lặn lội lên tới miệt Suối Vàng vô các làng Thượng trao đổi heo, gà, đồ đồng, đồ cổ các loại. Bươn chải tới miệt Phan Rang, Phan Rí buôn vịt, chum, vại, đồ đất... Việc gì nhắm có ra hơi tiền là chú nhào vô kiếm chác. Không có lần nào thua hết. Thiệt đúng như lời anh Kiệt nói là "độc cô cầu bại." Nay vợ chồng cùng tìm tới vấn kế làm ăn thì phán một câu như vậy là đúng sách. Tay này thì đâu có phải vừa, trước khi tới thì đã có vạch sẵn kế hoạch làm ăn, tính toán lỗ lời rồi. Chẳng qua tới để tìm đồng minh đó thôi!

Phần chú, được lời của Ba tôi, chú làm liền. Nước đá thì đâu có gì khó khăn gì. Hợp đồng (giá hợp đồng nhẹ hơn nhiều lần so với giá mua lẻ) với hãng nước đá ngoài phố. Chỉ cần nhân sự và xe đạp thồ về. Có đá là phải có biện pháp giữ cho lâu tan, cũng không khó. Trước tiên là đóng một cái thùng gỗ thật lớn trét dầu bên trong cho kín hơi. Sau là tìm trấu và mạt cưa để ủ đá trong thùng giữ độ lạnh. Toàn đồ phế thải vừa bán vừa cho cũng không thèm đau lòng. Trấu thì phải xuống tận vùng Đức Trọng tốn chút tiền xe chuyên chở. Mạt cưa thì xuống trại cưa Ngọc Dung gần phố, thồ về. Việc quan trọng, cuối cùng, là đặt làm một cái bàn bào nước đá. Bàn bào bằng gỗ thì đã có bác Hai Mộc vừa... qui cố hương đó, chỉ hì hục vài tiếng đồng hồ là xong. Lưỡi bào bằng thép thì tới chú Tùng thợ rèn, hì hục lắm thì cũng mau hơn hay lâu hơn bác Hai Mộc vài phút, cũng là xong.

Tính tới giai đoạn hai là nước xi rô xanh đỏ tím vàng. Đi qua Tây qua Mỹ làm chi, chỉ cần đích thân chú tôi nhảy lên xe đò Minh Tâm về gặp mấy chú ba ở Chợ Lớn. Ở đó thì xanh đỏ tím vàng đủ hạng. Hạng nhứt. Hạng nhì. Hạng ba. Muốn bao nhiêu cũng có. Mua nhiều thì tính giá sĩ, xoa bụng cười hề hề, tặng thêm một chai níu khách.

Tính ra, chịu khó bôn ba xoay trở rồi bỏ ít vốn vô đó mà lời khẳm ghe. Nói theo lời anh Kiệt, chú quả là tay hảo thủ, bất ngờ trở cú tuyệt chiêu hoàn toàn mới lạ để bà con tranh nhau đóng tiền cho chú thả được một cặp heo vô chuồng, gầy thêm hai cặp gà, mua tặng cho thím một chai nước hoa Bông Hồng, hai cái lược ngà (một cái răng sưa để chải tóc, một cái răng sít để chải chí), một chai dầu gội đầu Bồ Kết, một đôi guốc gỗ sơn bóng có in chìm hoa Sen. Quan trọng nhứt là một gói giấy cho thím bỏ lẹ vô tủ khóa cẩn thận. Tới lúc này thì thím cười. Chú giả bộ hỏi thím còn chê đá "giận" với " xi rồ" không? Thím

háy chú một cái rồi giả lơ làm như là không nghe. Thiệt là! Đàn bà là chúa giả lơ. Đàn ông là vua giả bộ.

Tôi thì không giả lơ mà cũng không thèm giả bộ, cứ giả thiệt đứng xớ rớ chờ ở gian hàng của chú. Cứ đứng chình ình trước mặt chú thì chú không thể nào giả bộ không thấy được cho nên chú phải nhận cho một cục nước đá đậm màu xi rô đưa tận tay. Giả bộ cười vui và cũng giả bộ quên lấy tiền bỏ vô hộc. Bề nào cũng phải nể tình Ba tôi, người đã nói một câu nói lót đường cho chú hốt bạc. Tính ra một ngày tôi giả thiệt cũng tới bốn năm lần. Lần nào chú cũng "*tiếp chiêu*" gọn, đẹp. Thiệt, đúng là tay hảo thủ!

Vừa mút đá nhận, vừa coi đá gà. Hết một độ gà thì lại vội vàng chạy qua gian hàng chú mà giả thiệt đứng sớ rớ. Khi chú giả bộ cười vui đưa cục nước đá nhận là vòng ngược lại qua sân gà cho kịp độ mới.

Sôi động, hào hứng nhất Hội Làng là sân đá gà. Anh hùng tứ chiếng khắp mọi miền nườm nượp kéo về, tay ôm con gà dị tướng, lông lá trụi lủi mà da dẻ thì đỏ ngầu. Ở xa tít dưới vùng Trạm Hành, Đơn Dương, Đức Trọng cũng lặn lội tìm lên. Ở mút tận Lạc Dương cũng tìm xuống. Bà con bu đông như kiến, la ó cãi vã nhau om sòm. Mấy tay chuyên nghề cá độ thì coi như ăn ở tại chỗ, bám sân từ sáng cho cho tới giờ mãn cuộc. Quần áo xốc xếch, tóc tai bờm xờm thiệt chẳng giống ai.

Ở Xóm nghèo quê tôi, nuôi gà đá truyền đời là phải kể tới ông Tôn Lạc. Sống gần như nghề độ nhật là chú Sáu Cử, chú Phú. Sau này, lớp hậu duệ, có dượng Đát là tay nuôi gà đá bài bản, nghiên cứu sách vở. Đã từng chiếm giải nhiều độ gà suốt mấy Hội Làng Xuân. Lớp đàn em nữa, có ông bạn Cu Lu (là tên thường quen gọi ở Xóm chớ ra khỏi lằn ranh Xóm nhỏ là Hồ Ngọc Sơn chớ không có lu, vại gì nữa). Có chú em Tôn Thất Thuận (con của ông Tôn Lạc, rể của võ sư Sáu Trọng). Gà của chú thì tôi chưa coi được trận nào nhưng có nhiều lần đi coi chú thượng đài tỉ võ ở sân vận động Thị xã. Cũng còn mấy tay nữa nhưng mà thuộc loại nuôi gà tài tử.

Hội Làng Xuân mà không có sân đá gà thì đâu có ý nghĩa gì! Tôi cũng góp mặt cho vui vậy thôi chớ không đành lòng nhìn cảnh bại vong của mấy con gà xoải cánh, quỵ chân, lê lết, máu me nhầy nhụa... Thắng thua hào hứng là từ những đồng tiền cá độ của những tay chuyên nghề và cả những tay ăn theo. Tôi có đứng đó chẳng qua là vì sân gà gần bên gian hàng đá nhận xi rô. Chạy qua, chạy lại cho tới lúc mút đá đã thèm là tìm đường đi qua gian hàng khác...

Hội Làng chỉ đúng ba ngày rồi im ắng nhưng vẫn còn giữ mãi hình ảnh vui nhộn cho hết tháng Giêng.

Đến bây giờ, tôi cũng không nhớ vào khoảng thời gian nào, không khí sôi nổi rộn ràng của Hội Làng Xuân chìm khuất và mất dấu trong những ngày Tết.

Có lẽ là từ ngày cuộc sống làng quê đã dần thay đổi theo đà văn minh tiến bộ. Những con đường đất gập ghềnh đã được san bằng, trải nhựa. Ánh điện đã tràn tới đuổi xua những ngọn đèn dầu leo lét. Cục đá nhận xi rô đã đi vào quên lãng. Đã có nước đá trong những chiếc ly thủy tinh khi uống bia nhãn hiệu con Cọp hay nước ngọt hiệu Vina. Trống chiêng cũng thưa thớt dần không đủ sức kéo ùa theo không khí Tết. Chú Tiết Nhơn Quý đã đổi "*gu*" màu rượu trắng ra màu nâu đậm của các vị thuốc Bắc phương. Bộ quần áo bà ba đen bạc cũng mất dấu để nhường cho cho bộ quần áo mang dáng vẻ Tây phương. Con gà đất đâu rồi trên vuông chiếu lớn! Con heo đất cũng lần hồi biến dạng. Dáng vẻ tân kỳ, màu mè sặc sỡ hơn, trơn láng hơn, to nhỏ đủ hạng. Cuối cùng rồi cũng bỏ đi đâu, tìm không ra!

Tôi cũng đi, không về Xóm nhỏ. Hàng xóm láng giềng lớp còn ở lại, lớp bỏ ra đi, đi về đâu không biết trong cuộc bể dâu. Hàng năm, những ngày Tết, tôi chỉ còn lại trên vuông chiếu đời của một thời thơ ấu, những hình ảnh gìn giữ cả một trời quê quyện ngát hương trầm và mùi pháo Tết.

Tháng Giêng, Hai ở đây thì quê nhà đã là cuối Chạp, chuẩn bị sẵn sàng để tống cựu nghinh tân.

Rừng Mai hồng giữ vẻ dáng mùa Xuân níu kéo những cái liếc thầm mang ước lệ của Xóm quê xưa, nay đã không còn...

Nhưng vẫn còn trong tôi, vẫn còn, trong lòng những người cùng chung Xóm cũ hình ảnh rộn rịp đông vui khi tiếng pháo khai hội ngày Xuân nổ giòn níu kéo thân tình cho nhau suốt ba ngày Tết.

Những người xưa cũ nay đâu! Có còn giữ lại mùa Xuân như tôi đang giữ hay là như con heo đất nghe "*bộp*" hay "*bụp*" một tiếng thiệt quá đã mà không thấy đồng tiền nào túa ra... Bởi có dành dụm gì đâu! Hay có dành dụm nhưng cứ móc dần ra tiêu pha ngày tháng mất rồi! Cuối cùng, chỉ là trống vắng...

Mùa Xuân Đinh Hợi 2007

MÙA XUÂN NƠI ĐÂU!

HÀ ĐẠO HÀM

Chợ Tết của cộng đồng người Việt ở Montreal thường được tổ chức trước ngày mồng một Tết, có khi thì vài ngày, nhưng cũng có lúc một vài tuần, vì còn tuỳ theo sự thuê mướn địa điểm. Tôi sống ở thành phố Quebec, nhưng năm nào cũng về tham dự chợ Tết, bởi đây là cơ hội gặp đồng hương, và nhất là bạn bè mà cả năm mỗi người mỗi việc, ít khi thấy mặt nhau.

Chúng tôi đến chợ Tết khá sớm, vào bên trong chỉ thấy khoảng năm, sáu mươi người, nhưng phần lớn có lẽ là người trong gia đình của chủ nhân các bàn bán thức ăn, họ cần đến sớm để chuẩn bị trước khi khách đến. Khu ẩm thực được sắp xếp ở góc hội trường gồm những bàn rộng đặt nối tiếp nhau, có đủ các món ăn đặc biệt của người Việt. Hiền đề nghị:

- Anh à! Lợi dụng lúc ít người như thế này nên đi một vòng, xem có món gì thích thì ăn trước cho chắc bụng, sau đó ngồi chơi, gặp lại bạn bè tha hồ nói chuyện, không phải lo cho cái bao tử nữa.

Không đợi tôi trả lời, Hiền kéo tôi lại các dãy bàn bán thức ăn. Rồi cũng không cần hỏi ý, đến hàng bánh bèo lấy ngay cho tôi một đĩa và qua hàng bên cạnh chọn cho mình một đĩa bánh cuốn. Mỗi người một đĩa mang ra bàn ăn. Tôi hỏi Hiền:

- Em làm gì như bị bỏ đói lâu ngày vậy, ăn mà không chọn lựa gì cả?

Hiền cười vui vẻ nói :

- Cũng có nhiều món ăn để chọn, chỉ liếc qua là biết hết rồi. Gì chứ ăn em lẹ mắt lắm ...! Nhưng mình chỉ ăn những món ít khi được ăn như bánh bèo bánh cuốn, gỏi đu đủ... , còn những món khác có thể làm được ở nhà. Em lấy mỗi người một đĩa chia nhau ăn, nếu ngon thì mua thêm, còn không ngon mình chọn món mới.

Tôi và Hiền chia nhau ăn hết hai đĩa bánh, Hiền tự động đứng lên mua thêm các món ăn khác. Phần vì chưa ăn sáng, phần vì lâu lâu mới có dịp ăn lại các món này nên tôi ăn ngon lành. Ăn xong, trong khi cả hai cùng ngồi uống nước trà, Hiền mới đưa mắt quan sát chung quanh rồi đưa ý kiến:

- Người ta vào cũng nhiều nhưng chưa đông lắm. Em nghĩ không biết trong tương lai, các thế hệ sau mình có còn biết tổ chức được như vầy không?

- Em khéo lo chuyện bò trắng răng, mỗi thế hệ có một cách thích ứng với đời sống, nếu chúng nó thấy cần thiết thì làm, không thì thôi!

- Anh nói chuyện huề vốn, ai chẳng biết như vậy!

- Thật ra anh tin rằng các thế hệ sau sẽ không

quên truyền thống đâu vì luôn được nhắc nhở. Ngày nay thế giới rất gần nhau, đi lại cũng dễ mà thông tin thì tràn ngập. Thế hệ trẻ lại thường xuyên tiếp xúc với internet, mở máy vi tính là biết ngày hôm nay là Tết ta hay Tết tây ngay. Chỉ có khác với chúng ta là lớp trẻ lớn lên bên này không có cái cảm xúc của phút giao thừa, của ngày đầu năm như chúng ta thôi.

- Anh nói đúng, mình ở đây đã lâu nhưng mỗi khi Tết đến, thắp nhang cúng giao thừa em đều cảm thấy xúc động trong giờ phút linh thiêng...

Chợt có người lên tiếng:

- Chào anh chị, anh chị đến sớm quá vậy?

Nhận ra Trác, một người bạn của em tôi, tôi đứng lên bắt tay:

- A ! Chào chú Trác, khoẻ không? Cô đâu mà thấy chú một mình?

- Dạ, nhà em đang nói chuyện với bạn ở đàng kia. Còn anh chị như thế nào?

- Anh chị cũng thường thôi, chú ngồi xuống đây đi.

Tôi vừa nói vừa kéo chiếc ghế bên cạnh, rồi tiếp:

- Anh nghe Sinh nó bảo lúc này chú thường xuyên về Việt nam lắm, phải không?

- Dạ đúng, em có mở một cơ sở sản xuất ở bên đó.

Hiền lên tiếng:

- Chú về làm ăn có được không? Thế cô có đi theo chú không?

Trác cười :

- Công việc thì cũng tạm ổn định, còn nhà em thì cùng về với em, chứ cô ấy đâu dám cho em đi một mình!

- Cô ấy làm như vậy là phải rồi, chồng đâu vợ đó mới được. Các ông bây giờ mà thả về Việt nam một mình chỉ có hư!

Tôi trách Hiền :

- Em cứ vơ đũa cả nắm, chẳng lẽ ông nào về Việt Nam một mình cũng bậy bạ cả sao?

Hiền cười trả lời:

- Em chẳng tin ông nào cả!

Bà con người Việt đến tham dự đông đảo hơn, câu chuyện của chúng tôi bị ngắt quãng bởi phải chào hỏi và trả lời vài người quen. Đến trước giờ khai mạc, trước sân khấu đã đầy người. Sau khi ban tổ chức thực hiện các nghi thức khai mạc chợ Tết là văn nghệ giải trí, các ca sĩ lên hát những bài ca mùa Xuân quen thuộc. Một người bạn đến kéo Hiền nhập vào nhóm phụ nữ. Tôi thấy vậy vỗ vai Trác nói:

- Hai anh em mình ra đây kiếm cà phê uống đi.

Trác theo tôi ra quầy bán cà phê mua mỗi người một ly rồi cả hai cùng bước ra góc phòng, tôi hỏi Trác:

- Em về bên đó làm ăn ra sao, có khó khăn lắm không?

- Em chỉ đưa về bên đó sản xuất một số bộ phận cho hãng chính ở bên này, khó khăn thì đâu chẳng có, nhưng ở Việt Nam thì mình biết điều với chính quyền một chút cũng xong thôi.

Đứng nói chuyện một lúc có vài người khác nhập cuộc; đó là bạn của Trác hoặc của tôi. Chúng tôi đứng thành vòng tròn, nói cười rộn rã. Tôi chợt nghe một giọng đàn ông khá lớn từ một nhóm khác ở sau lưng tôi, cách một khoảng không xa. Sự chú ý của tôi không phải cách phát âm giọng miền Trung pha thổ ngữ miền nam mà ở lời nói. Ông ta đang lên án những sai trái của nhà cầm quyền Việt Nam hiện tại, nhưng nội dung thì không mang được điều gì mới lạ cho lắm. Như để biện minh cho lời nói của mình, ông lên giọng: "Bây giờ ở bên đó thì thế này... , hiện nay thì thế nọ... " Nghe những lời như vậy tôi chắc rằng ông ta mới từ Việt nam sang hoặc mới ở Việt nam về. Tôi thử liếc xem người đó là ai , nhưng ông ta đứng xoay lưng về phía tôi nên không thể thấy mặt. Nhìn từ phía sau lưng, đó là một người tầm thước, có vẻ hơi gầy, tóc bạc và hói, mặc bộ com lê màu nâu đậm. Không giải toả được thắc mắc của mình, tôi lại tiếp tục chuyện trò với các bạn. Một người bạn nữa của Trác nhập bọn, được giới thiệu là Sơn, anh ta hỏi Trác:

- Tôi tưởng ông đang ở Việt Nam và ăn Tết ở bên đó chứ!

Trác trả lời:

- À ! Hai mươi tám Tết tôi phải có mặt bên đó để ăn tất niên với anh em trong hãng, hai hôm nữa là tôi đi rồi .

- Ông sướng thật, đi Việt Nam mà cứ như đi chợ!

Một bạn khác chen vào:

- Sướng nỗi gì , bà xã kè kè bên cạnh còn làm ăn được gì nữa!

- Chẳng lẽ đi đâu bả cũng theo à, phải có lúc lơ là chứ!

- Ai chứ ông Trác là thứ chân chỉ hạt bột mà....

Chợt thấy Khoát , một người bạn cũ đi qua, tôi tách mình ra khỏi nhóm lên tiếng gọi:

- Anh Khoát !

Khoát quay lại, bắt tay tôi vui vẻ hỏi:

- Ồ! Anh Giao, lâu quá không gặp, anh chị vẫn mạnh khoẻ chứ?

- Cám ơn, tụi tôi cũng thường, còn anh chị ra sao?

- Tụi tôi đều về hưu cả rồi, bây giờ ở nhà trông cháu, thỉnh thoảng đi du lịch chỗ nọ chỗ kia.

- Thế thì anh chị sướng quá, tụi tôi còn phải làm thêm vài năm nữa mới được nghỉ hưu. Vậy anh chị đã về Việt Nam chưa?

Khoát thở dài:

- Không anh ạ! Tôi nhớ Sài Gòn lắm, nhưng đã có bao nhiêu lần tù tội, mấy lần vượt biên suýt chết mới đi thoát, bây giờ lại tìm về, tự thấy vô lý quá, trừ khi chế độ đó không còn.

Vừa nói chuyện với Khoát, tôi vừa chọn vị trí để có thể trông rõ người đàn ông mà tôi thắc mắc. Không lẽ đó là Thành! Tôi tự hỏi như vậy và nhìn thật kỹ hơn, chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa. Khuôn mặt Thành khắc khổ hơn xưa, nhiều nếp nhăn nhưng có thể nhận ra ngay nếu như tóc không bạc và đừng đeo kính lão. Thành là một bạn học của tôi từ lúc còn học trung học, và cuộc đời của tôi có ít nhiều ảnh hưởng bởi anh ta.

*

Vào ngày đầu niên học của tôi ở lớp đệ tứ, trong khi thầy hướng dẫn đang chuẩn bị những công việc cần thiết cho lớp như bầu lớp trưởng, tổ trưởng..., chợt có một học sinh lạ bước vào, trình cho thầy một tờ giấy nhỏ. Xem xong thầy nhìn quanh lớp, thấy chỗ ngồi bên tôi còn trống, quay lại bảo người học sinh mới xuống ngồi cạnh tôi. Giờ ra chơi, tôi được biết tên người bạn mới tên Thành, vừa từ miền trung chuyển vào Saigon. Thành có dáng người tầm thước, hơi gầy, khuôn mặt khắc khổ và trông già dặn hơn các bạn đồng lớp, giọng nói nặng nhưng không khó nghe lắm. Học chung với nhau được một vài tháng, tôi nhận thấy Thành không có ý kết thân với ai, với các bạn chỉ tiếp xúc chừng mực như cố giữ khoảng cách. Trong lớp, tôi đã có vài đứa bạn rất thân từ mấy năm trước, hay đi chơi chung với nhau. Nhưng khi tôi rủ Thành nhập bọn thì Thành thường từ chối. Lúc đó tôi có nhận xét là do mặc cảm hơi quê mùa nên Thành ngại. Sau này tôi mới biết tôi đã có nhận xét sai, nhưng cũng chính vì nhận xét sai lầm đó mà tôi cảm thấy thương hại và với cơ hội ngồi cùng bàn, tôi và Thành trở nên thân thiết hơn.

Theo như lời Thành kể, vì cha mẹ Thành ở ngoài quê đều qua đời nên phải vào Saigon sống với người anh làm công chức ở Bộ Y tế. Nhà người anh thì nhỏ, gia đình lại đông con nên Thành cũng chỉ nhờ mỗi ngày hai bữa cơm, thiếu chỗ yên tĩnh để học hành. Vào thời đó còn phải thi trung học đệ nhất cấp nên khi nghe Thành tâm sự tôi cũng chạnh lòng. Về nhà kể lại cho cha mẹ tôi nghe, cha tôi bảo nếu tôi thích thì buổi tối gọi Thành lại nhà học chung cho có bạn. Khi tôi nói ý kiến của cha tôi thì Thành chấp thuận ngay. Từ đó, vài ba ngày Thành đến nhà tôi cùng nhau học hành, ăn ngủ...

Bấy giờ tuổi tôi chỉ trên dưới mười lăm, chưa có ý thức gì về chính trị, nhưng trong những lúc thong thả ngồi nói chuyện với nhau, Thành hay hướng đề tài qua các vấn đề về tình hình đất nước, về quốc gia và cộng sản. Thành tỏ ra hiểu biết về các cuộc cách mạng vô sản ở Nga và Tàu, thường ca ngợi những thành quả do cách mạng mang lại. Với đầu óc non dại thuở ấy, hai chữ cách mạng đối với tôi mang một ý nghĩa hết sức lãng mạn, con người cách mạng tiêu biểu của tôi là Dũng trong truyện "Đoạn tuyệt" của Nhất Linh. Có lúc tôi cũng mơ mộng được làm người cách mạng như Dũng, có Loan luôn trông ngóng ở cuối trời, mặc dù không biết công việc cách mạng của Dũng như thế nào! Trong những lúc thảo luận với Thành, tôi ngây thơ nghĩ rằng chỉ là sự thảo luận suông của những người thanh niên mới lớn, muốn hiểu biết thế giới chung quanh, không có mục đích gì khác. Nhưng dần dà tôi lại có cảm tình với những nhà cách mạng trong thế giới cộng sản, và thích những hứa hẹn mà chủ nghĩa cộng sản sẽ mang lại cho xã hội.

Năm học trôi qua, cả hai chúng tôi đều thi đậu. Những ngày hè còn lại tôi cùng bạn bè vui chơi hồn nhiên, đi đá banh, xem phim... Mỗi lần các bạn kéo nhau đi chơi đâu, tôi cũng rủ Thành, nhưng Thành thường từ chối, viện lý do bận đi làm trong một khách sạn để có tiền chi tiêu. Một buổi chiều tôi đi chơi về đến nhà thì thấy Thành đang ngồi nói chuyện với cha tôi. Gặp nhau, Thành vui vẻ cho biết đến tìm tôi để rủ tôi đi ăn mừng vừa mua được chiếc xe gắn máy. Tôi tròn mắt hỏi:

- Sao hay vậy? Tiền đâu mà mua xe?

- Ông anh mình vừa về ngoài quê bán căn nhà của ông bà già, mang tiền vô chia cho mình một phần nên mới có tiền mua xe. Mình vừa

nói chuyện và xin phép hai bác cho Giao đi chơi với mình tối nay. Bây giờ mình đi đi!

Tôi hân hoan chào cha mẹ rồi đi theo Thành. Thuở đó học sinh mà có xe gắn máy rất hiếm, đa số đều đi bằng xe đạp. Tôi mê xe máy lắm, nhưng đó vẫn còn là một ước mơ xa vời. Gia đình tôi thuộc tầng lớp trung lưu nhưng cha tôi hứa chỉ khi nào lên đại học mới mua cho xe gắn máy, do đó thấy Thành có xe là tôi bị lôi cuốn ngay. Bước ra khỏi nhà, Thành đến bên chiếc xe hiệu Sachs hai màu xanh trắng, mở khoá rồi hỏi tôi muốn chạy thử không, vì chưa quen lái xe gắn máy nên tôi ngại và từ chối. Biết vậy Thành bảo hôm sau sẽ mang xe lại chở tôi ra sân vận động, cho tôi "zợt " vài vòng sẽ quen ngay. Buổi tối hôm đó tôi được đi ăn cơm Tàu ở Chợ Lớn, rồi đi một vòng Saigon. Cả hai đi đến khoảng mười một giờ đêm mới trở về. Có lẽ đây là kỷ niệm vui nhất mà tôi có được với Thành trong thời đi học. Và cũng từ đó tôi thường tìm gặp Thành để rủ nhau đi chơi, nếu Thành giao xe cho lái thì tốt, còn nếu được ngồi sau xe cũng là hạnh phúc lắm rồi.

Một buổi tối tôi đi chơi với Thành hơi khuya, về đến nhà thấy cha tôi còn thức. Một điều hơi bất thường vì như mọi ngày khoảng mười giờ là ông đã đi ngủ. Thấy tôi về cha tôi gọi lại, tưởng sẽ bị la vì chuyện đi chơi về trễ, nhưng ông chỉ hỏi tôi về Thành. Sau khi nói hết những gì tôi biết về Thành thì cha tôi bảo:

- Con cần phải để ý hành động của nó, vì ba nhận thấy nó có điều gì đó khả nghi. Nếu không thân cộng thì có thể nó đang hoạt động cho cộng sản!

TRẦN VẤN LỆ

MƯA THÁNG GIÊNG

Đã một năm rồi, Cam Lĩnh mất. Gió mưa bất chợt, nhớ làm sao! *Gió mưa tạt ướt đời bên cửa, một sáng soi gương bỗng nghẹn ngào!* (*). Câu thơ để lại, còn nguyên đó, tro bụi không mờ trang giấy tôi. Chép lại thấy như người trước mặt và mưa từng giọt chẳng ngừng rơi...

Mưa đây không phải mưa Đà Lạt mà cũng lạnh buồn suốt tháng Giêng, mà cũng âm u thời đói khổ, nhủ lòng nhắm mắt để mà quên! Hỡi ơi quên được thì vui lắm?Thì hiểu lưu vong: mất hết rồi? Đâu nữa giò lan người tỉa lá, rót hai chung rượu nhếch môi cười...

Tôi không rót rượu. Tôi khui bia. Bia bọt tràn lan, bão tố về. Tôi lấy tay đè khung ngực lép, phà hơi khói thuốc tiễn người đi... Người đi lặng lẽ trong nhang khói. Đã một năm rồi, lâu lắm chưa? Đà Lạt người yên bên góc núi, quê người tôi cúi xuống... hôn Thợ!

***Gió mưa tạt ướt đời bên cửa, một sáng soi gương bỗng nghẹn ngào* (*). Người ở tù ra ngồi bán quán, tôi lang thang vẫn ếch trong ao! Thời gian chỉ chải đời ta bạc, bạc thếch lòng ta biết lúc nào? Trôi nổi trăm phương ngờ hạnh phúc, trời ơi nhắm mắt vẫn thương nhau!**

Tôi tin tôi vậy. Lòng tôi đó. Đà Lạt người nằm phơi nhé gan. Đợi một ngày kia Xuân tiếp Hạ thấy tôi như thể lá Thu vàng... *Chao ôi buồn vương cây ngô đồng vàng rơi vàng rơi Thu mênh mông*... (**)

(*) Thơ Cam Lĩnh làm sau khi ở Cải tạo ra, bán quán bên lề đường Hàm Nghi ở Đà Lạt. Mưa tháng Giêng ở phố núi thật buồn...

(**) Thơ Bích Khê

Tôi hơi ngạc nhiên vì lời nói của cha tôi nên hỏi lại:

- Tại sao ba biết nó theo cộng sản?

- Ba đã có dịp nói chuyện với nó và đôi khi vô tình ba cũng nghe được những gì nó nói với con. Dĩ nhiên ba không có bằng chứng nhưng ba có nhận xét riêng của ba.

Vốn có thiện cảm với cộng sản, nên tôi đánh bạo trả lời:

- Con thấy cộng sản cũng đâu có xấu gì, nó đem lại công bằng cho xã hội, không ai bóc lột ai...

Cha tôi ngắt lời:

- Con đã biết gì về cộng sản mà nói như vậy. Ba chắc chắn những ý tưởng đó là do thằng Thành gieo vào đầu óc con. Trên đời này không có cái gì hoàn toàn xấu mà cũng không có cái gì hoàn toàn tốt, vì vậy cộng sản hay quốc gia cũng có cái mặt xấu mặt tốt của nó. Nhưng kinh nghiệm cho ba thấy, nếu phải chọn lựa bên này hoặc bên kia thì ba chọn bên này. Tuy nhiên con còn nhỏ, chưa hiểu được cặn kẽ vấn đề thì không nên để ý vào chuyện này, lo học hành trước đã.

- Như vậy ba có ý nói con đừng chơi với thằng Thành nữa?

- Phải, con nên xa lánh nó thì hơn. Nhưng phải tìm cách giản ra từ từ, đừng làm nó nghi ngờ.

Cha tôi giải thích thêm những điều hơn thiệt cho tôi nghe rồi mới đi ngủ. Tôi có thói

quen không đối chất với cha mẹ, vì vậy trong lòng không đồng ý hoàn toàn những gì cha tôi nói, bởi tôi chưa nhìn thấy hành động nào gọi là cộng sản của Thành cả, nhưng cũng đành im lặng. Dù đã hứa phải tìm cách xa lánh Thành, nhưng cả hai đứa vẫn thường gặp nhau. Tôi nói dối với Thành là cha tôi la vì từ khi có xe gắn máy, hai đứa đi chơi nhiều nên tốt hơn là Thành đừng đến nhà tôi nhiều như trước. Thật tình tôi cũng không thích lắm tính tình độc đoán của Thành, nhưng điều khiến tôi còn giữ liên lạc là vì chiếc xe gắn máy. Biết ý tôi thích xe nên lần nào gặp nhau hay hẹn hò đi chơi Thành đều giao cho tôi lái. Nhiều người quen biết gặp Thành và tôi chở nhau trên chiếc xe gắn máy, vô tình nói lại cho cha mẹ tôi nghe. Tôi lại bị cha tôi mắng cho một trận, do đó tôi không dám gặp Thành nhiều, năm bảy ngày mới có một lần. Nhưng không hiểu tại sao mỗi lần tôi lén lút đi chơi với Thành là hầu như cha tôi đều biết, mặc dù tôi đã cố tránh mọi người. Cha tôi cho là tôi không nghe lời, vì vậy gần đến ngày tựu trường, ông quyết định gửi tôi lên nhà chú Tánh, em ruột của cha tôi trên Đà Lạt để ăn học và xa cách Thành.

Lúc đầu tôi quyết liệt từ chối việc đi xa nhà, nhưng cha tôi không nhượng bộ. Ông đích thân dẫn tôi lên nhà chú Tánh. Tại đây tôi thấy hai người bàn bạc to nhỏ với nhau, sau đó chú tôi dắt tôi lên trường Trung học Trần Hưng Đạo để xin cho tôi vào học lớp đệ tam. Nhìn thấy ngôi trường nằm trên đồi soi bóng mặt hồ, tôi rất thích nên cũng bớt đi nhiều buồn phiền. Hai cha con tôi về lại Saigon để tôi thu xếp đồ đạc, chuẩn bị chuyến đi xa nhà lần đầu tiên trong đời.

Tôi rời Saigon vào một buổi sáng sớm trời mưa. Tôi bịn rịn chia tay mẹ và các em rồi cha tôi đưa tôi ra bến xe bằng chiếc Vespa của ông. Trên đường đi, cha tôi dừng xe ở một tiệm phở để cùng nhau ăn sáng. Tính tình của cha tôi nghiêm khắc nhưng chắc trong lòng cũng buồn khi xa tôi . Trong lúc ngồi ăn , ông khuyên tôi nên lo chuyện học hành, đừng mơ màng những chuyện hão huyền. Ông cũng khuyên tôi sau này nên học sư phạm, vì làm thầy giáo thì bắt buộc phải có cuộc sống đạo đức, sau nữa là cái nghề thầy giáo có làm có ăn, không thể hoặc ít khi có thể nhận bổng lộc nào khác. Khi ra đến bến xe, cha tôi mua vé xong, cả hai cùng đứng đợi giờ xe chạy. Thấy tôi buồn buồn, như để động viên tinh thần, cha tôi bảo nếu sau nửa năm học trên Dalat mà kết quả học tập tốt thì sẽ thưởng cho một chiếc xe gắn máy. Tôi xúc động vì phải đi xa nhà và tình thương của cha mẹ, cố giữ không để rơi nước mắt tôi bước nhanh lên xe. Khi xe chạy khuất ra khỏi ngã tư còn thấy cha tôi đứng nhìn theo. Tôi tự hứa sẽ cố gắng không làm cha mẹ tôi phải buồn vì tôi nữa.

Nhà chú Tánh ở Dalat khá lớn, chú thím chỉ có hai người con, một trai một gái đều nhỏ tuổi hơn tôi. Tôi được ở một phòng riêng rộng rãi. Chú làm ăn khá giả nên không tính toán gì về chi phí ăn ở của tôi với cha mẹ tôi, chỉ yêu cầu tôi dạy học thêm cho hai đứa em. Tôi còn có may mắn được chú Tánh mua ngay cho một chiếc xe gắn máy mới tinh để đi học. Chú nói vì thấy khoảng cách từ nhà đến trường khá xa, mà Đà Lạt lại nhiều dốc đồi, sợ tôi đi xe đạp mệt, không còn sức học tập. Nhưng tôi cũng hiểu mua xe cho tôi, ngoài việc cho tôi đi học còn có thể chở thím đi công chuyện những khi

chú bận, và lại còn được lòng cha mẹ tôi vì biết lo cho cháu. Dù gì đi nữa thì tôi cũng được một chiếc xe Puch ba đèn, ba số, chạy êm như mây trời. Thói đời được voi đòi tiên, tôi lại ngắm nghía chiếc xe Peugoet 403 màu xanh đen bóng loáng mà mỗi tuần chú Tánh cho phép... rửa!

Trong thời gian ở Dalat, tôi chỉ chú tâm vào chuyện học hành và vui chơi với các bạn. Dalat đã cho tôi một khung trời êm đẹp, bình yên. Thỉnh thoảng có nghe tin tức của Thành qua báo chí, vì Thành sinh hoạt trong Tổng hội sinh viên học sinh. Từ ngày rời Saigon, tôi không còn liên lạc gì với Thành nữa. Thời gian êm đềm trôi qua, học xong trung học tôi thi vào trường sư phạm như ý của cha tôi. Tốt nghiệp xong tôi được nhận dạy học ở Dalat, rồi gặp Hiền để trở thành vợ chồng, rồi con cái ra đời... Tôi sống an phận với nghề thầy giáo. Cha tôi đã có một thời theo Việt Minh, chắc vì vậy mà ông có kinh nghiệm để nhận xét về Thành. Còn với tôi, có lẽ cha tôi đã nhìn thấy trước sự tầm thường của đứa con trai đầu lòng của ông; sẽ chẳng làm nên vương nên tướng gì cả thì đừng để bị cuốn hút vào chuyện cách mạng với chủ nghĩa.

Tôi yêu mến Dalat nên tin tưởng sẽ sống mãn đời ở đó, nhưng cuộc đời không như tôi suy nghĩ. Sau ngày miền nam thất thủ, gia đình tôi kẹt lại ở Dalat trong khi cha mẹ và các em tôi đều di tản sang Mỹ. Bốn năm sau gia đình tôi mới vượt biên và định cư ở Canada cùng với tất cả gia đình Hiền. Bây giờ tôi mang một quốc tịch khác với cha mẹ và các em tôi. Nhớ lại buổi sáng trời mưa năm nào, cha tôi đưa ra bến xe đi Dalat, lần đó tôi rời gia đình và mãi mãi không còn được gần gũi nữa!

*

Khoát và tôi đứng nói chuyện một lúc thì có thêm vài người bạn tụ lại, trong đó có Đức, anh là người bạn láng giềng của gia đình tôi ở Saigon, sau khi chào nhau, hỏi thăm nhau về gia đình của hai bên, anh có vẻ chán chường:

- Thấy tuyết ngập trời thật là chán, tôi chỉ muốn về lại Việt Nam, sáng sáng ra đầu ngõ uống ly "xây chừng" ngắm nhìn thiên hạ qua lại mà vui!

- Bây giờ anh muốn về cũng được mà, anh đã nghỉ hưu rồi chứ gì?

- Thì tôi đã nghỉ hưu được hơn một năm nay, nhưng muốn về cũng phải chờ thay đổi chế độ trước đã.

- Anh có " nợ máu với nhân dân " đâu mà phải sợ, anh chẳng có dính dáng gì với nguỵ quân nguỵ quyền mà?

- Đúng vậy, với chế độ mới lý lịch của tôi rất tốt, tuy nhiên thấy những hành vi chướng tai gai mắt của họ tôi không chịu được.

- Nghe nói bây giờ thay đổi nhiều lắm rồi anh ơi! Thiên hạ về hà rầm anh không biết sao?

- Biết là vậy nhưng tôi vẫn chưa thay đổi được thành kiến...

Một người có lẽ là bạn của Khoát đứng bên cạnh nghe chuyện bèn lên tiếng:

- Về Việt nam hả! Không bao giờ tôi về, bố tôi chết trong trại học tập cải tạo, nhà cửa, tài sản của gia đình tôi từ mấy đời nay đều bị tịch thu, cả nhà tôi phải ra đi với hai bàn tay trắng. Tôi không đội trời chung với chúng nó...

Nghe anh bạn nói vậy, tôi hình dung đến số phận nghiệt ngã mà sau cuộc chiến đã có một số không ít gia đình phải hứng chịu. Thật khó dùng từ ngữ nào để nói chuyện với anh ta trong trường hợp như thế này.

Đang nói chuyện rôm rả thì Hiền đến nhắc tôi:

- Khoảng nửa giờ nữa mình chuẩn bị về là vừa, tối nay có tuyết, đi đường nguy hiểm lắm.

- Ừ, em làm gì thì làm khi nào muốn về thì gọi anh.

Tôi lại tiếp tục nói chuyện cùng các bạn cho đến khi Hiền trở lại mang theo áo lạnh cho tôi để chuẩn bị ra về. Bắt tay từ giã và chúc Tết các bạn rồi cả hai chúng tôi mặc áo ấm cùng đi ra cửa. Nhưng khi vừa ra đến cửa thì gặp Thành bước vào. Gặp tôi, Thành nhìn một lúc rồi lên tiếng:

- Có phải là Giao không?

Tôi làm như không biết gì đáp:

- Phải, tôi là Giao, còn anh có phải Thành không?

Đúng, Thành đây, lâu lắm mình mới gặp lại nhau!

- Ừ, có đến hơn ba mươi năm. Thành qua đây hồi nào, qua chơi hay định cư ở đây?

- Mình qua định cư luôn cùng bà xã và mấy đứa nhỏ.

- À, đây là Hiền, bà xã mình, còn bà xã Thành đâu?

- Nhà tôi và mấy đứa nhỏ vừa ra về theo xe của ông anh. Gia đình mình qua đây do anh ấy bảo lãnh, chắc Giao còn nhớ ông anh mình chứ! Mình qua đây cũng vì muốn cho mấy đứa nhỏ có cơ hội học hành tốt hơn...

- Thành đã có việc gì làm chưa?

Thành trả lời theo tiếng thở dài:

- Hiện tại mình làm ở tiệm ăn của ông anh, tương lai chưa biết ra sao. Dù muốn dù không thì cũng phải bắt đầu làm lại thôi!

Nói chuyện một lúc, tôi trao đổi địa chỉ với Thành để liên lạc và nói lý do phải về sớm rồi chia tay.

Trên đường về, tuyết rơi lất phất, hai bên đường những hàng cây trơ cành trụi lá, lạnh lẽo bao trùm không gian. Âm thanh những khúc nhạc mừng Xuân phát ra từ cái đĩa nhạc Hiền mới mua, ca ngợi nắng Xuân ấm áp, cỏ cây xanh tươi làm xót xa thêm nỗi lòng người xa xứ. Hiền im lặng lắng nghe nhưng bất chợt hỏi tôi:

- Anh Thành gặp ở cổng ra có phải Thành hoạt động trong Tổng hội sinh viên học sinh ngày xưa, đến 30 tháng 4 thì lăng xăng theo đoàn bộ đội vào Saigon không?

- Phải, nó học chung với anh năm đệ tứ.

- Sau này thấy anh ta cũng viết báo viết sách gì đó, năng nổ dữ lắm. Tưởng theo cách mạng đã có quyền cao chức trọng rồi, sao bây giờ lại chạy qua đây?

Tôi không muốn Hiền bàn sâu vào chuyện này nên cười trả lời:

- Đâu có phải ai theo cách mạng cũng có quyền có chức đâu em! Muốn có quyền hành thì số phải tốt, cung quan lộc phải có tử phủ vũ tướng, tả phù hữu bật nữa chứ!

Đúng như ý tôi, Hiền chuyển đề tài:

- À ! Anh nhớ ông Tống, chồng bà Phương không, đang làm ăn khá giả bên này, bây giờ về Việt Nam thường xuyên, nghe nói có bồ nhí ở đâu bên đó rồi. Đàn ông thật tệ! Mà cũng chỉ vì cộng sản thôi, nếu biết lo cho dân giàu nước mạnh thì mấy ông bên này đâu có đem tiền về mà mồi chài mấy cô gái trẻ bên đó được.

- Ai lại kết án theo kiểu trăm dâu đổ đầu tằm như vậy hả em! Hậu quả nào cũng phải có nguyên nhân của nó, chỉ vì ông Tống mà kết luận chung như vậy thì đâu có công bằng.

Hiền không nói gì thêm, im lặng một lúc rồi lên tiếng:

- Cứ mỗi lần đi chợ Tết như thế này em lại nhớ Dalat, nhớ cái không khí lành lạnh của những ngày cuối năm, nhớ những năm êm đềm sống với ba mẹ, nhớ tiếng pháo đêm giao thừa... Chắc hết cuộc đời mình cũng không thể về sống lại ở Dalat, phải không anh?

Hiền nói phải, chẳng bao giờ tôi còn mong tìm lại được cuộc sống an phận ngày xưa. Có những ràng buộc cuộc đời tôi với xứ sở mới này và những khó khăn ngăn chặn đường về quê cũ. Tôi ngậm ngùi nghĩ đến thân phận của những người Việt tha hương ở thế hệ như tôi, những ưu tư của bao người phải bỏ nước ra đi vì lẽ này lẽ khác, mà mỗi khi Xuân về lòng nghe ray rứt bởi tiếng réo gọi của cội nguồn. Tôi lại nghĩ đến Thành, trong lòng thương cảm và nhận ra mình còn có may mắn hơn Thành nhiều lắm. Tôi không trách việc Thành theo phía bên kia, ít ra Thành cũng là người sống có lý tưởng. Giờ đây, dù lý tưởng đó có phản bội hay không còn thích hợp với mình, thì cũng an ủi rằng mình đã sống một thời hăng say, sôi nổi. Chỉ tiếc thế hệ chúng tôi sinh ra vào lúc vận nước đang hồi đen tối, đầy những biến động khiến nhiệt huyết của tuổi thanh niên phải hao phí, lắm khi lại bị chà đạp phũ phàng. Nếu được sống ở một đất nước thanh bình, cái lý tưởng của Thành được đặt đúng nơi đúng chỗ sẽ cho một kết quả xứng đáng hơn, chứ đâu phải như bây giờ mới bắt đầu làm lại cuộc đời, khi tóc đã bạc màu, thân đã mệt mà tâm cũng chẳng an.

Mỗi năm, khi Xuân về trên đất Việt xa xôi, tôi đều đi chợ Tết của cộng đồng người Việt, mong tìm lại chút hương xưa ngày cũ của quê hương. Một quê hương thương yêu ngàn trùng xa cách, một quê hương bị tàn phá bởi chiến cuộc lâu dài. Chiến tranh bom đạn thì đã qua hơn nửa thế kỷ, những tàn tích trong chiến tranh như bom, mìn, súng đạn rơi vãi trên mặt đất, dần dần được gom nhặt lại để phá huỷ đi, những hố bom mìn cũng được san lấp để trồng lúa trồng rau. Nhưng cho đến bây giờ chiến tranh vẫn còn để lại ít nhiều trong lòng người dân Việt khắp nơi những hố hầm cách biệt, bởi ý thức hệ, bởi hận thù, bởi thành kiến... Quê hương Việt Nam thân yêu đó, vẫn có người ra đi, vẫn có kẻ tìm về, nhưng biết đến bao giờ thì những hố hầm kia mới được lấp đầy, để mỗi khi Xuân về, tôi đi chợ Tết sẽ không còn phải nghe đâu đó những tiếng thở dài, oán than. Một mùa Xuân nào đó, người ta đến đây hoàn toàn chỉ vì ý nghĩa của mùa Xuân: vui tươi, hy vọng, hạnh phúc... Tôi trông chờ mùa Xuân ấy từ mấy mươi năm nay, nhưng rồi mùa Xuân vẫn cứ ở nơi đâu!

QB 11/06

ĐI ĐÂU, CHO THIẾP ĐI CÙNG

HỒ PHỔ LẠI

Ngày xửa ngày xưa, ông vua nước Triệu thuộc xứ Trung quốc xa xôi mãi cho đến khi tuổi đời đã luống mới sanh được nàng công chúa thứ ba, đặt tên là Mây Trắng.

Sắc đẹp của Mây Trắng thanh cao diễm lệ không thua gì ánh trăng rằm huyền diệu trong những đêm trời quang mây tạnh. Giọng hát của Mây Trắng véo von thánh thót in hệt tiếng chim sơn ca trải rộng khắp núi rừng sông nước trong những sáng đầu xuân. Đặc biệt, mỗi khi Mây Trắng đặt bước ra ngoài đi bách bộ, người thể nữ theo hầu nhận được lệnh truyền chỉ nên trang điểm mái tóc êm như nhung, dài như suối, óng ả như tơ trời của công chúa bằng một cánh hoa ngâu vừa hái, lấm tấm điểm vàng. Mùi hương thoang thoảng của cánh hoa vương vấn theo sau từng bước chân tại những chỗ Mây Trắng có dịp đi qua.

Năm Mây Trắng tròn 16 tuổi...

Một buổi sáng, giữa lúc đang thong dong thả gót hài bên trong khu vườn thượng uyển, thình lình Mây Trắng chùn bước lại. Nàng vừa cảm thấy quanh quẩn đâu đó dường như có ánh mắt ai đang dõi dõi trông theo mình. Lấy tay che mặt, Mây Trắng e dè đưa mắt tìm tòi. Quả thật, nàng bắt gặp ở phía bên kia bờ giậu có bóng dáng của một chàng thanh niên nét mặt khôi ngô, dáng điệu khoan thai, dây cương thả lỏng. Và, đó chính là vị trưởng nam, con quan thượng thư đầu trào.

Từ dạo ấy...

Cuộc tình vương giả bắt đầu mở trang nhập đề, bồi bổ thêm cho kho tàng tiểu thuyết diễm tình có một không hai trong lịch sử loài người ở cái thời xa lơ xa lắc.

Nhưng...

Vận số của con người cũng như vần xoay của cuộc thế vốn là hai phương trình bao gồm nhiều ẩn số lắm khi vượt ra khỏi tầm lý giải có đôi ba phần hạn hẹp của chúng ta.

Trong một trận thư hùng xưng bá đồ vương cùng vua nước Sở, vua nước Triệu thua trận. Điều kiện để được giảng hoà đặt ra cho nước bại trận gồm nhiều điều lệ khắt khe và vô cùng bạc ác: phải chịu thần phục, phải chịu triều cống hàng năm, phải cắt đất đem dâng và, sau hết là phải đưa một trong những người con ruột của vua nước Triệu sang ở lại làm con tin tại triều đình nước Sở. Vốn là con trai độc nhất, thái tử nước Triệu phải ở lại đợi ngày lên ngôi thay thế vua cha. Hai nàng công chúa lớn đã xuất giá kể từ ngày tuổi mới cập kê.

Chuyện phải đến, phải đến...

Vua, hoàng hậu và cả triều thần nước Triệu dầu muốn hay không muốn cũng bị du vô cái thế phải chọn lựa con đường độc nhất còn lại: bắt buộc nàng công chúa út phải hi sinh.

Vậy là...

Dầu tuổi đời còn non dại, dầu cuộc tình vừa bước vào thời điểm thắm tươi và nồng đượm nhất, vì lòng trung với nước vì đạo hiếu đối với vua cha, Mây Trắng đành đoạn buông xuôi tất cả để não nề gạt lệ ra đi. Đường xa vời vợi. Đồi núi chập chùng. Cõi lòng tan nát. Nhìn đoàn xa giá tiễn đưa lầm lũi dưới cảnh trời đông âu sầu rét mướt, Mây Trắng tưởng chừng như nàng đang tiến bước trên con đường hướng về cõi địa ngục đìu hiu.

... Đất khách quê người. Tấm thân lữ thứ. Cô phòng hiu quạnh. Ngoài đôi dòng lệ lã chã đêm ngày làm bầu bạn, Mây Trắng không còn gì hết, không có ai hết.

Đông đi, xuân lại.

Cũng một buổi sáng tinh mơ, giữa lúc mọi người còn say sưa giấc điệp, giữa lúc đang đứng tựa mình bên khung cửa sổ, Mây Trắng bỗng hồi nhớ lại hình ảnh tưng bừng của những đoá hoa xuân nở rộ tràn trề trong khu vườn thượng uyển thời nàng còn ở tại quê nhà. Cảnh cũ.

Người xưa. Tấm lòng cố quốc. Mây Trắng nẩy ý định thử đánh liều lách cửa, len lén bước ra ngoài. Bãi cỏ gần mơn mởn, cánh đồng xa ngăn ngắt một màu xanh . Không dằn lòng được nữa, Mây Trắng bắt đầu tiến tới trước. Tiến tới nữa. Tới nữa. Đôi hài thoăn thoắt, thoăn thoắt và Mây Trắng chỉ chịu dừng bước lại khi đôi gót sen nhỏ nhắn vấp vào chân một ngọn núi đứng chơ vơ giữa trời. Cái gì trên đó, tầm nhìn tận đâu? Vừa hỏi, Mây Trắng vừa lăng xăng lo quấn gọn hai ống quần, xắn cao hai tay áo . Rồi, ra sức ra công Mây Trắng bắt đầu leo lên. Hết đu cành nầy lại níu rễ khác, đạp chân vào đá lấy đà, tựa mình vào thân cây lấy chỗ dựa . Vậy mà... Chẳng mấy chốc sau, Mây Trắng thấy mình đã leo tới tận đỉnh. Nhìn lại thân mình: không một vết sướt trên bàn tay ngà ngọc, không một đường sứt chỉ trên tà áo mượt mà. Vì sao? Nhờ mãnh lực thần bí nào? Dầu có thoáng bâng khuâng, nhưng vì bẩm tính vốn ngây thơ, vì kinh nghiệm trường đời chưa lão luyện, hình như chưa bao giờ Mây Trắng buồn bận tâm lâu dài về những sự việc vượt quá xa tầm hiểu biết thô thiển của nàng.

Cảnh trí phơi bày trước mặt: cây xanh ngút mắt, hoa xuân nở tận dưới gốc cây tận bìa kè đá. Mây Trắng cảm thấy cõi lòng nàng vốn khô cằn sỏi đá bỗng trở nên ngất ngây như trời đang nắng hạn gặp được mưa ngâu. Lựa một phiến đá hoa cương bóng láng như gương, Mây Trắng sẽ sàng vén áo ngồi lên. Yên vị đâu đó cả rồi, Mây Trắng tẩn mẩn thử lục lọi lại trong ký ức xem đâu mới đích thực là phương hướng dẫn đưa về nơi quê cha đất tổ của nàng. Một khi ngỡ rằng mình đã ổn định xong xuôi vị trí muốn tìm, thay vì mừng vui phấn khởi thì Mây Trắng lại chạnh lòng thổn thức. Mãi cho đến khi ánh nắng ban mai chan hoà lên cảnh vật, Mây Trắng mới lần khân đứng dậy, lần tìm con đường cũ, lủi thủi quay về triều cho kịp giờ trình diện.

Từ dạo ấy...

Cùng một lộ trình, cùng một đỉnh núi, cùng những dòng nước mắt tuôn xuống như mưa, Mây Trắng đến rồi đi, tới rồi về.

Ngày qua, ngày lại.

Mây Trắng đâu ngờ rằng...

Có một lần có một lúc, vô tình nghiêng đầu nhìn xuống Mây Trắng kịp thời phát giác ra một hiện tượng vô cùng kỳ quái: ngay chính giữa phiến đá phẳng lì mà ngày ngày nàng vẫn bình thản ngồi lên, từ lúc nào đã lồ lộ xuất hiện một cái lỗ hổng tròn vành vạnh, tối om om và sâu hun hút. Vừa nhìn, Mây Trắng vừa thích thú tự hỏi: "Phải chăng đó là công trình đục khoét do những dòng lệ từ đôi mắt ta nhỏ xuống mà thành?"

Sự thật ra sao? Chính sức mạnh của những dòng nước mắt yếu mềm theo thời gian đủ sức xuyên thủng phiến đá cứng ngắt hay chính khối tình thuỷ chung như nhất của nàng công chúa Mây Trắng đã khuấy động tới lòng trời?

Dầu gì, biến cố lạ thường vừa xảy ra vẫn không mảy may gây xáo trộn quá nhiều cho cõi tâm tư của Mây Trắng, vốn đang ngổn ngang trăm mối vì nạn bị lưu đày dài hạn. Bằng chứng là ngày lại ngày qua, Mây Trắng vẫn một mực cắm cúi thi hành chừng bấy nhiêu công tác.

Cho đến một ngày...

Giữa lúc đang mải mê hướng tầm nhìn ướt rượt về phương trời xa thẳm, Mây Trắng bỗng giật nẩy người lên: nàng vừa tự mắt nhìn thấy từ đâu, từ dưới đáy sâu cái lỗ hổng tối mù dường như có một làn hơi mờ đục uốn éo bốc lên. Thoát ra khỏi miệng lỗ, làn hơi đục không bay bổng lên cao mà vần vũ kết tụ lại thành một khối trụ đồng nhất. Rồi, eo ôi, giữa khoảng không bao la bát ngát lơ lửng hiện nguyên hình dạng của một vị lão trượng râu dài chấm gót, vạt áo màu bạc phất phơ trước gió, cây gậy cầm tay hình đầu rồng cắm lút trong mây.

- Ta muốn biết cho đến tận năm tháng nào con mới chịu chấm dứt công việc vô bổ dường kia?

Giọng nói ai vang dội qua mây tầng sương sớm? Tuy cực kỳ hoang mang và tuy hoàn toàn không biết rõ vị lão trượng vừa lừng lững xuất hiện vốn là người của cõi tiên hay chính là thần linh của ngọn núi mà ngày ngày nàng vẫn băng bộ tới viếng thăm; nhưng thứ lễ giáo ngàn xưa vẫn thúc giục Mây Trắng phải chắp hai tay lại, phải cúi đầu phủ phục và lí nhí trả lời:

- Muôn tâu lão trượng! Con sẽ dừng khóc, một khi con được sum họp...

Một cái phất tay, chòm râu bạc chia đôi hai dòng nhường chỗ thoát cho tràng cười "khà, khà" sang sảng vang ra.

-... Cùng người con yêu dấu? Ôi, con ơi, vốn là người của cõi dương tại sao con lại thờ ơ trước luật biến hoá vô lượng của đất trời muôn thuở?

- Muôn tâu...

- À, à phải chăng con vẫn hằng mong mỏi được nhìn thấy lại bóng dáng của người con yêu?

Đang phân vân chưa biết nên thưa gởi thế nào cho phải phép và cho đúng hẳn với tâm trạng đa đoan của mình thì chưa gì Mây Trắng đã thoáng nghe có tiếng một vật nặng nào rơi xuống cái thịch sát bên cạnh chỗ nàng ngồi. Vén tóc, Mây Trắng dớn dác nhìn lên: ngay trên phiến đá hoa cương có ai vừa đặt lên một cái thúng lớn đựng đầy ăm ắp một loại lúa khô, hột hột no tròn, sắc màu hực hỡ.

- Ngày mai, kể từ lúc mặt trời lên, con phải ngồi yên tại đây để bắt tay vào công việc: tay con bốc từng nắm lúa tung lên cao, miệng con cất tiếng hát, mời gọi đàn chim xa bay đến tìm mồi. Rồi ra, con sẽ thấy...

- Muôn tâu... ! Vì hoàn cảnh cá chậu chim lồng, con phải trở về triều cho kịp giờ...

- Đừng lo sợ hão huyền! Quyền lực nằm trọn trong lòng bàn tay ta.

Giọng nói âm vang ngưng lại nửa chừng, bóng người nhà trời bảng lảng tựa sương khói, dập dờn tựa sóng nước ngàn khơi rồi từ từ mất hút vào giữa miệng cái lỗ hổng đen ngòm. Ngẩn ngơ, Mây Trắng đưa mắt dõi nhìn theo một hồi trước khi sực nhớ lại đầu đuôi câu chuyện...

Tay hốt lúa vãi tung toé lên trời, vành miệng Mây Trắng hé mở ra cho giọng hát thiên phú lần đầu tiên, kể từ ngày lưu lạc có dịp ngân nga vượt qua núi qua đèo qua sông qua suối. Lũ chim trời đang bay bổng giữa không trung dừng lại lắng nghe rồi ríu rít hạ dần đôi cánh xuống. Lạ lùng thay, dầu Mây Trắng vãi lúa về bất cứ phương hướng nào thì đàn chim nhỏ cũng tỉ tê rủ rê nhau tụ họp về cùng một nơi chốn cố định. Rồi, chỉ trong nháy mắt, ngàn vạn đôi cánh rập rình tự thay màu đổi sắc trước khi nối kết liền lạc lại với nhau, tạo nên hình ảnh rõ ràng của một quả tim người. Khổng lồ. Sống động. Tươi rói. Thao thức giữa trời.

Và, kìa, ngay chính giữa quả tim với nhịp đập tưng bừng náo nức, bỗng phát lộ dần thêm bóng dáng của một con người.

Sững sờ, Mây Trắng mở rộng đôi mắt ra, nhìn không chớp. Rồi, từ giữa đôi môi run rẩy bỗng để bật ra những tiếng kêu mừng rỡ: «Chàng ơi! Người tình yêu dấu của em ơi!»

Phải, quả đúng là chàng! Là hình ảnh của vị công tử mà một ngày nào trong dĩ vãng đã từng

LÊ PHỤNG AN

KHỨ NIÊN KIM NHẬT

Năm ngoái
Đồi thông
Ở chỗ này
Áo dài ai gió nhẹ
Bay bay...

Năm nay
Cũng chỗ
Đồi xanh gió
Vạt áo dài bay
Không phải ai!

Ờ nhỉ thời gian
Không sở hữu
Thì thôi
Mây cứ rộng đường mây...

Và thôi
Gió cứ theo đường gió
Ta nhớ người ta
Hôn cỏ cây!

Trầm ngán nghê bay trong lãnh cung
Hương thơm bối rối ngọt vô cùng (*)
Thơ Hàn Mạc Tử ta ngâm khẽ
Nghe ngát lòng ta hương lá thông...

Năm ngoái, Đồi thông, ở chỗ này
Tưởng Ban Mê Thuộc cũng là đây
Nhủ thầm sẽ có bài thơ mới
Thơ có rồi... như thế, tặng ai?

(*) Thơ Hàn Mặc Tử

thủ vai trò người yêu đầu đời của nàng công chúa có tên gọi là Mây Trắng. Có khác chăng là lần nầy bóng chàng không hiện ra một cách thân thiết và gần gũi ở ngay phía bên kia hàng giậu của khu vườn thượng uyển mà lại nhấp nhô chao đảo giữa cảnh trời không trên không dưới, không bến không bờ. Bóng chàng đó, lung linh mờ ảo giữa cảnh trí của một dinh thự xa hoa, có đám người hầu vào ra tấp nập, có đoàn cung tần thê thiếp xiêm áo lượt là. Riêng chàng, vò võ một mình ngồi tựa án thư. Nét mặt dàu dàu. Vành môi trễ xuống. Cặp chân mày nhíu lại. Ánh mắt thẫn thờ hướng về phía có cánh hoa ngâu lấm tấm điểm vàng do bàn tay ai cài hờ trên đỉnh đầu chiếc nghiên son khô mực. Ôi! Cánh hoa xưa! Cứ mỗi buổi sáng lại đỏng đảnh xuất hiện trên mái tóc đen tuyền của nàng công chúa người tình ở cái thời hoa mộng ấy! Cặp mắt mờ đi, toàn thân rung động, Mây Trắng nghẹn ngào cất tiếng gọi tên người yêu đang phiêu du tận cõi vô cùng vô tận nào. Đáp lại tiếng gọi thiết tha trìu mến của Mây Trắng chỉ có tiếng gió gào trong rừng vắng và tiếng chân chạy nhốn nháo của lũ thú hoang lỡ bị lạc đàn, hoảng hốt lo truy tìm đường về.

Ngày qua ngày lại.

Cứ mỗi lúc cánh tay nõn nà của Mây Trắng vươn lên cao, cứ mỗi lần một nắm lúa vàng rượm được tung hê ra giữa trời thì đàn chim tan tác lại nhộn nhịp bay đến, để cho hình ảnh thân yêu và kỳ diệu ấy có dịp xuất hiện thêm lần nữa .

Và lần nữa. Lần nữa...

Cho đến một ngày...

Khi giữa cái thúng chơ hơ chỉ còn sót lại một nhúm lúa ít ỏi sau cùng, Mây Trắng chùn tay lại. Dầu lời hứa hẹn của tiên ông vẫn văng vẳng bên tai. Đắn đo, Mây Trắng tự nhủ long: chẳng thà chỉ được ngắm nhìn bóng dáng của người yêu qua... ngàn dặm quan san còn hơn là phải bấm lòng cam chịu cảnh mịt mù tăm cá như thuở mới chia xa. Nhưng, chẳng lẽ không dưng ngưng tay lại nửa chừng? Hoặc, chẳng lẽ dám bạo gan cưỡng lại lệnh truyền của vị tiên ông quyền phép? Cân nhắc một hồi, rốt cuộc lại Mây Trắng đành cắn chặt đôi môi, lụp chụp thò tay bốc vội nắm lúa còn nằm tận đáy thúng rồi, nhún người lấy đà tung hết lên cao. Đàn chim tứ tán đổ xô nhau qui tụ lại. Hình ảnh quả tim đỏ hỏn và bóng người tình xa lại lởn vởn hiện về in hệt những ngày qua.

Đặc biệt, ngay buổi sáng hôm đó không hiểu vì duyên cớ nào ông trời lại cắc cớ trở gió. Từng luồng gió xa rào rạt thổi về. Từ mái hiên ngoài gió luồn vào đại sảnh. Sức gió thổi ban đầu còn tương đối dìu dịu càng về sau càng thốc tháo hơn lên, xô đẩy cánh hoa cứ hết nghiêng qua bên nầy lại ngả về bên khác. Cuối cùng, cánh hoa bị bật tung lên và bị bắn xa ra khỏi miệng chiếc nghiên son. Được "tháo cũi sổ lồng" giống hệt loài bướm biết bay, cánh hoa tự động bốc bổng lên cao rồi sẵn đà nghênh ngang bay lượn giữa chốn công đường. Dầu đang đắm chìm trong bất cứ một nỗi niềm sâu xa thầm kín nào, trước cảnh tượng hoang đường dường kia, vị công tử bắt buộc phải cấp kỳ thức tỉnh dậy để vội vàng ngước mắt nhìn theo. Vừa bắt gặp luồng mắt đăm đắm của khổ chủ, cánh hoa liền thay đổi tốc độ đồng thời cũng thay đổi cả hướng bay để lao mình vun vút qua khỏi khung cửa mở rộng. Không một chút ngập ngừng, vị công tử đứng vụt dậy, đưa tay vén áo, hộc tốc cất bước chạy theo. Ngoài không trung trống lổng, cánh hoa vừa lao mình tới trước vừa quay tròn long lốc như con vụ. Bóng kẻ theo sau chân không chạm đất, hai vạt áo rộng phất phơ như con diều kết bằng thứ giấy bồi được thả cho bay trong những ngày gió lộng muôn chiều.

Bóng ngày qua. Bóng chiều đến. Bóng đêm về. Trên nền trời rộng lớn, cánh hoa vẫn để lộ nguyên hình vì, ở phía bên ngoài cái sắc vàng mờ nhạt đã được bàn tay ai tô điểm thêm lên bằng một lớp lân tinh xanh lè sáng giới. Cảnh trí hư hư thực thực cứ nhởn nhơ phơi bày trước mắt làm Mây Trắng tưởng đâu rằng nàng đang nằm mộng. Nhưng, khi quay đầu nhìn lại thì rành rành ngay bên cạnh nàng cái thúng trống không vẫn ung dung nằm ngửa mặt ngó trời. Quay nhìn về phía xa, Mây Trắng thoát bủn rủn cả người. Từ lúc nào, cánh hoa đã âm thầm lướt tới tận đỉnh cao chót vót của một ngọn núi đứng chênh vênh giữa trời. Cái bóng người lắc lư phía sau, trong bộ đồng phục đen tuyền lấp lánh điểm sao đêm, vừa như được mời gọi vừa như bị thôi miên, vẫn một nhịp kiên trì bén gót rượt theo. Vừa khi bóng hoa lẫn bóng người thoạt chạm phải nhau, từ đâu, từ dưới mấy tầng mây dày đặc, mặt trăng tròn vành vạnh bỗng chốc ló dạng ra. Cảnh trí chung quanh trở nên rỡ ràng và tách bạch như cảnh ban ngày. Dưới ánh trăng sáng rực hai cái bóng, một quay cuồng tít trên cao một vật vờ tận dưới thấp, cứ một điệu đều đều nô đùa trữing giỡn .

Càng nhìn, Mây Trắng càng hoảng loạn để đinh ninh rằng quả nàng đang được chứng kiến cảnh hai cái ánh ma trơi lập loè sáng tối trong một bãi tha ma mộ địa bị bỏ quên đâu từ ngàn vạn năm trước.

Rùng mình ớn lạnh, Mây Trắng xoè rộng mười ngón tay ra, che kín mít khuôn mặt mướt sương đêm của nàng lại. Khi Mây Trắng thả lỏng hai bàn tay ra cũng là lúc nàng thoạt nhìn thấy cánh hoa lung linh đang thả rơi mình, rớt xuống phía bên kia triền núi. Triền núi đã dốc đứng, lại vướng víu mây giăng, lại dật dờ khói toả. Hoảng hốt, Mây Trắng chống tay đứng bật dậy. Từ đôi môi bạc thếch bỗng để bật ra những tiếng kêu, van xin nài nỉ: "Đừng, đừng, chàng ơi!"

*

Sương đêm lạnh buốt giúp Mây Trắng hồi tỉnh lại. Đêm hầu tàn. Trời đất mông lung. Nơi xa chỗ gần, bốn bề hoang liêu tịch mịch, hiu hắt một màu tang.

- Hoa xuân vừa nở. Người con yêu đã quay về nơi chốn đợi chờ. Tại sao con còn khóc?

Giọng nói ai ...

Mây Trắng lồm cồm ngồi dậy. Bóng người nhà trời lại thấp thoáng ẩn hiện trong sương. Đưa tay gạt nước mắt, Mây Trắng bệu bạo trả lời:

- Muôn tâu... Chàng đã chết!

Cánh tay áo rộng lại khẽ khàng chuyển động, chòm râu lướt thướt lại được dịp chia đôi hai dòng tách biệt, tràng cười rộ lại sang sảng vang ra như tiếng sóng dội nhịp nhàng vào ghềnh đá phẳng trong những buổi chiều thu gió yên biển lặng.

- Chết! Thì ra...! Cho đến tận giây phút hiện tại con vẫn còn đứng yên ở vị trí ban đầu!

- Muôn tâu...!

- Ta hiểu rồi, ta hiểu rồi! Tội nghiệp thân con! Con đã lẫn lộn ý nghĩa của những chữ Mất và Còn, Chân và Giả, Sống và Chết.

- Muôn tâu...!

- Cô công chúa nhỏ của ta ơi! Nếu gần, lắm khi không có nghĩa là được thì xa đâu có nghĩa là mất? Được đối diện hàng ngày, được chung chăn chung chiếu đã chắc gì tình yêu sống thật và sống còn mãi mãi đâu, con?

Tiếng nói ngưng lại, chòm râu buông xuống, vạt áo tung lên, cái bóng nhập nhoà trôi qua mặt Mây Trắng, lướt thẳng về hướng có cái miệng lỗ đã mở sẵn và mở rộng thành cái miệng hang, hơn hớn đợi chờ.

Nỗi sầu xa xứ vẫn triền miên đeo đẳng theo bên mình, bóng dáng thân yêu của người tình vừa biền biệt tận gốc bể chân trời nào, cộng thêm cái viễn ảnh kể từ nay nàng sẽ không còn ai, không có ai trọn đời trọn kiếp.

Luýnh quýnh, Mây Trắng chồm đầu tới trước, vươn dài cần cổ ra, cố đưa tay níu kéo lại cho bằng được cái bóng dáng của vị tiên ông, họa may ra còn lẩn khuất đâu đó. Than ôi! Mặt phiến đá thì trơn bóng. Vị tiên ông phiêu diêu lại không do xương cốt phàm tục kết tụ lại mà thành. Vì nông nỗi đó, Mây Trắng khụy tay, trượt dài, ngã dúi dụi xuống. Cái miệng hang, kể từ lúc mở rộng toang hoang lần đầu tiên khép lại. Và khép lại đời đời.

Kể từ dạo ấy...

Giữa cõi đời ô trọc nầy, cuộc tình đẹp như mơ của nàng công chúa mang tên Mây Trắng thực sự chấm dứt. Nhưng, đặc biệt chỉ chấm dứt riêng với loại người được mệnh danh là «người trần mắt thịt» mà thôi.

Québec, tháng 12/2006

LÊ THỊ KIM

Xuân Muộn

Thập thò mai lại nở bên song
Một đóa đầu mùa mấy đợi mong
Chưa kịp tỏ tình em đã vắng
Bỏ lại vườn ta một khoảng không.

Chiều Xuân

Chiều xuân như cô gái dậy thì
Mở lòng khi vừa chớm si mê
Kìa ai ngó đó em quay mặt
Thẹn thùa thả chút gió se về.

Hoa Ngâu

Em có chồng rồi ta vắng nhau
Một hôm chợt gặp giữa vườn ngâu
Em đi gót nhẹ hơn ngâu rụng
Sợ chạm lòng ai những nỗi đau.

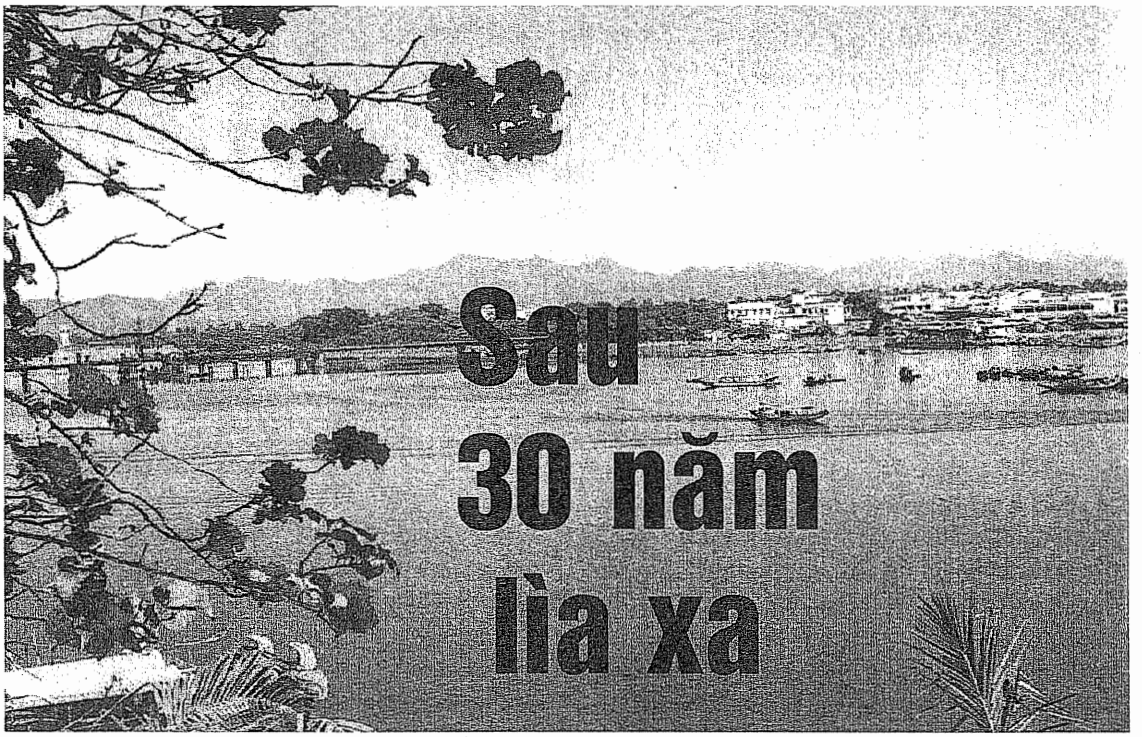

Sau 30 năm lìa xa

PHAN THANH TÂM

Trở về Việt Nam sau ba mươi năm lìa xa, tôi đã đi không ngừng, *Saigon ra Trung, Hà Nội vô Nam; và mong sẽ quên chuyện non nước mình*, như qua lời bản nhạc *Tôi Sẽ Đi Thăm* của Trịnh Công Sơn. Càng đi tôi càng nhận thức rằng chúng ta không nên quên chuyện non nước mình. Muốn hướng tới một tương lai công bằng, dân chủ, văn minh, giàu mạnh ta phải nhớ quá khứ; nhớ để tha thứ chớ không phải nhớ để nuôi dưỡng hận thù. Theo tôi, ngày 30/4/75 là ngày thống nhất đất nước, giải phóng miền Bắc khỏi sự cơ cực, dối trá; và không phải là ngày mà cả nước đều đi chung cuộc mừng với các nhà lãnh đạo Cọng Sản ở Ba Đình.

Tôi đã thấy gì trong chuyến đi thăm xuyên Việt hồi tháng 12/06? Một nước Việt đang tiến bước và thay đổi rất nhiều. Hà Nội có một nếp sống đô thị đích thực, khởi sắc, sôi nổi chớ không gượng gạo, dè dặt và buồn như thời thập niên 80. Thủ đô nước Việt Nam đứng hàng thứ sáu trên cả Bắc Kinh trong cuộc bình chọn 10 thành phố du lịch hấp dẫn nhất ở Châu Á. Còn Sài Gòn thủ đô của một chế độ đã chết, giờ mang tên mới Thành phố Hồ Chí Minh hết còn là Hòn Ngọc Viễn Đông, bị tụt hậu tuy có nhiều sửa sang, xây cất. Nón cối, dép râu, áo quần xộc xệch của cán bộ đã biến đi đâu mất. Giao thông trong thành phố Sài Gòn Hà Nội là một khủng hoảng lớn. Giờ cao điểm xe cộ rối nùi; mạnh ai nấy lách, lấn. Đi bộ băng qua đường là một thử thách. Du khách phải liều và bình tĩnh tiến bước mới được. Taxi và xe ôm rất thông dụng.

Chuyện đánh cho Mỹ cút cho ngụy nhào, giờ đã xưa rồi vì rằng Mỹ không có cút và ngụy cũng chẳng có nhào. Đổi mới thực chất chỉ là trở về cái cũ. Thật vậy, ảnh hưởng Mỹ và ảnh hưởng của các con rồng, con cọp kinh tế Á Châu như Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, Mã Lai Á, Thái Lan, Nhật... hưởng lợi nhờ cuộc chiến nói trên, hiển hiện trong mọi sinh hoạt. Dân tình sính dùng tiếng Anh nhiều hơn thời Việt Nam Cộng Hòa. Một số người có cung cách Mỹ hơn cả Việt Kiều. Một anh bạn của tôi cho biết khi tới một quán cà phê karoke ở Sài Gòn anh nghe thấy họ hát toàn nhạc tiếng Anh. Tôi không bị làm khó dễ ở phi trường khi nhập nội hay khi trở về Mỹ. Báo chí nở rộ; in ấn đẹp, đủ loại, đủ kiểu, rất hiện đại nhưng tất cả đều nằm trong vòng cương tỏa. Nhà văn, nhà báo được nhà nước và đảng xem như con cháu trong nhà.

Cuộc cách mạng thầm lặng

Trong gần một tháng ở Việt Nam tôi không

bị phiền nhiễu giấy tờ hay phải khai báo chỗ lưu trú. Tôi cũng không hề thấy dấu vết gì của Nga và Trung Cọng. Các điệu nhạc giống Tàu ra rã trong những ngày tháng sau khi quân miền Bắc tiến chiếm Sài Gòn không còn nghe nữa. Thiên hạ mua bán rộn rịp. Nếu không thấy bóng dáng mấy anh cảnh sát hay cờ đỏ, khẩu hiệu, tượng hình Hồ Chí Minh thì ta sẽ có cảm tưởng như cuộc sống trở lại như thời trước 1975. Nhà văn Dư thị Hoàn trong một bài phỏng vấn trên Văn Nghệ Sông Cửu Long ngày 27/9/06 cho biết "cuộc chuyển hướng này không mang dáng dấp bước tiến, hay vũ điệu bước ngoặt, mà thực chất là bước giật lùi, quay trở lại điểm xuất phát của thời thị trường tự do, sau khi đã trượt dài trên con đường bao cấp lạc hướng ê chề gần nửa thế kỷ qua."

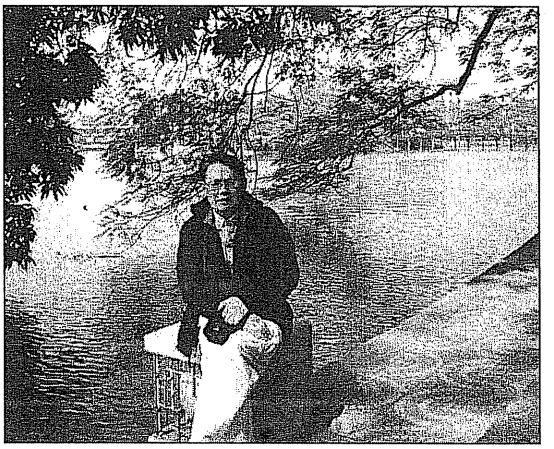
Tác giả tại Hà Nội

Ngoài ra, ít ai biết một cuộc cách mạng thầm lặng đã diễn ra ở miền Bắc sau năm 1975. Đó là "cuộc cách mạng khu phụ, có người gọi là nền văn minh toả lết từ Saigon tràn ra". Theo hai tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hà và Trần Chiến trong cuốn 36 Góc Nhìn, sự kiện này là biến đổi lớn trong nền kiến trúc nhà cửa của các gia đình Hà Nội. Người ta chịu tốn nhiều tiền hơn để xây kiểu "xí bệt" thay vì kiểu "xí xổm." Phó Thủ Tướng Mã Lai Á Najib Razak trong một buổi triển lãm cầu tiêu nhằm cổ động cho ngành du lịch nước này trong năm 2007 nói rằng "cầu tiêu là bộ mặt của đất nước." Và mức độ văn minh của quốc gia được đánh giá qua độ sạch sẽ của phòng vệ sinh. Nếu thế thì hóa ra, cuộc "giải phóng" miền Nam đã giúp và làm cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa văn minh hơn.

Về Việt Nam chưa được một tháng nhưng tôi đã đi thăm đủ bà con anh em thân thích, mồ mã cha ông từ Nam chí Bắc và gặp lại hầu hết bạn bè một thời; trở lại đường xưa phố cũ để nhớ về những kỹ niệm cũ. Tôi đã được ăn lại một số đặc sản của đất nước từ trái vú sữa, ly nước dừa ở Bến Tre, Bình Định, bưởi Biên Hòa, cho đến bánh xèo, bánh bột lọc ở Huế và chả cá, bánh cuốn ở Hà Nội... Lúc đầu tôi còn dè dặt sợ đau bụng nhưng sau nhiều lần ăn thử thấy không sao tôi đã không từ nan thứ gì bất kỳ ở đâu, từ đầu đường xó chợ cho đến các cửa tiệm mắc mỏ. Chỉ trừ uống nước có đá lạnh. Tôi thấy phở ở Việt Nam không ngon bằng phở ở ngoại quốc. Chỉ có bún bò Huế là ngon và càng ở chỗ bình dân lại càng tuyệt hơn. Tôi có dịp chiêm nghiệm lời nhận xét của nhà văn Trung Hoa Lâm Ngữ Đường cho rằng lòng yêu nước là lòng yêu những món ngon mà mình được ăn hồi nhỏ.

Sau khi đến Sài Gòn một ngày, tôi đi Bến Tre thăm mộ Phan Thanh Giản ở ấp Thanh Nghĩa, xã Bảo Thạnh, Huyện Ba Tri. Mộ được ông Phan Thanh Nhàn trông coi sạch sẽ. Tôi không hiểu đảng Cọng Sản thù hằn gì Phan Thanh Giản mà trong những ngày đầu chiếm miền Nam, họ đòi phải dời mộ cụ Phan đi chỗ khác. Ông Phan Thanh Nhàn lúc đó học lớp chín bị đuổi, không cho học tiếp. Nhà văn Lê Thị Huệ rất đúng khi trong cuốn Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21 đã gọi "những người Cọng Sản là Những Kẻ Chiến Thắng Hèn Hạ." (Tôi còn nhớ trước 1975 trong một chuyến làm phóng sự khi đi qua mộ của cha Hồ Chí Minh ở Cao Lãnh, ông Tỉnh Trưởng chỉ cho tôi thấy và nói "chúng tôi vẫn giữ cho được sạch sẽ." Chính mắt tôi thấy một người lao công đang quét dọn). Trước khi ra về, tôi ghé qua thắp nhang hai ngôi mộ Võ Trường Toản và Đồ Chiểu. Hai ngôi mộ này được ty Văn Hóa Thông Tin cử người đặc trách trông coi nên trông rất tươm tất và lại rộng rãi.

Từng đàn cò trắng

Từ Sài Gòn, tôi đi Qui Nhơn, Bình Định thăm mồ mả anh chị em, bà ngoại, bà nội, ba má tôi bằng máy bay của Hàng Không Việt Nam. Hồi xưa, trước năm 1945 gia đình tôi ở đó. Bước lên chiếc máy bay hai cánh quạt của Nga Sô làm tôi hơi ớn. Các cô chiêu đãi trên máy bay lịch sự, toàn là giọng Bắc nhẹ nhàng. Trời buổi sáng tốt trong xanh. Máy bay bay êm ả, mất khoảng một tiếng. Tôi được dịp nhìn bờ biển

miền Trung. Qui Nhơn phát triển nhiều, xây cất khắp nơi; dọc bờ biển toàn là khách sạn dành cho du khách. Mồ mả chôn ở Huỳnh Kim, Nhơn Hòa, An Nhơn. Người bà con dùng xe gắn máy chở tôi đi thăm mộ; chạy loanh quanh qua các đường mòn nhỏ hẹp, len lỏi qua nhiều cánh đồng. Sảng khoái vì có thể hít thở không khí trong lành ở nhà quê và ngắm dãy núi Trường Sơn xa xa. Bức tranh thật đẹp. Tất cả như mơ.

Hôm sau rời Qui Nhơn, tôi về Huế bằng xe lửa để viếng mộ hai ông cố Phan Tôn, Phan Liêm, ông nội; thăm bà con họ hàng sinh sống ở đất Thần Kinh; nhớ lại thời học sinh ở trường Quốc Học. Ruộng đồng, đồi núi, biển cả lần lượt lướt qua. Miền Trung có rất nhiều cò trắng. Chúng bay từng đàn hay chậm rãi bước trên những cánh đồng vắng. Ở trong Nam, khi đi Bến tre, xe chạy ra miền quê, tôi không thấy có nhiều cò như ở đây. Có lẽ miền Trung nhiều cò là vì chiều tối chúng có nơi trú ẩn ở các rặng núi xa xa? Xe lửa chạy mất một buổi mới đến Huế. Bầu trời xám xịt, ướt át. Huế mùa đông lúc nào cũng buồn. Về nhà người bà con ở. Nằm trong mùng nghe tiếng mưa rỉ rả, tiếng tàu lá chuối sột soạt. Lòng bồi hồi. Ôi tiếng quê hương sao mà thấm vậy. Mấy mươi năm không về; cũng mấy mươi năm không ngủ trong mùng. Thao thức, mông lung.

Mộ hai ông Phan Tôn (1837-1893) , Phan Liêm (1833-1896) được chôn ở chùa Trà Am, thôn Tư Tây, xã Thủy An, Huế. Bia mộ làm cách đây hơn cả trăm năm, viết bằng chữ Hán nên con cháu, tuy biết nơi chôn, nhưng không định rõ mộ nào vì đọc không được. Sau này nhờ vị trù trì chùa dịch ra; con cháu mới làm thêm chữ quốc ngữ ở sau bia để dễ tìm. Mộ nằm gần núi, xa xôi cách trở nên khó đi lại. Muốn đến chùa phải đi qua một đoạn đường mòn Hồ Chí Minh. Cũng là một dịp hay cho tôi để biết vì nghe nói nhiều về con đường này. Đường được tráng nhựa, rộng, tốt, nhưng vắng hoe. Không có xe nào chạy ngang cả. Ba ngày ở Huế, tôi đã đi lại những con đường quen thuộc. Vào chợ Đông Ba, qua Gia Hội; vào Thượng Tứ rồi lên Thiên Mụ, về Vỹ Dạ tôi thấy Huế quá nhỏ. Hồi đó đạp xe vòng vòng sao mà xa dữ.

Câu nói của tác giả Diệu Phước trên tập san Tiếng Sông Hương: "Huế quan liêu phong kiến, Huế cung cách bảo thủ, Huế thâm, Huế sâu, Huế trầm tĩnh hài hòa, Huế lãng mạn, ướt át, Huế khắt khe khó tính, Huế đam mê cực đoan, Huế đa tình, đa mang; vô vàn tĩnh từ khen chê khác nhau về người Huế, bề mặt và bề sâu, có đó mà không có đó" đủ để nói về cái chất và đất Huế. Mấy ai đã từng ở Huế hay đã đi qua Huế mà không vấn vương về Huế. Tôi đi qua trường Đồng Khánh và Quốc Học để nhớ một thời. Thất vọng vì không còn thấy tà áo trắng. Trường nữ bây giờ là trường học hỗn hợp nam nữ học chung. Và việc chính quyền phá cái đàn Nam Giao để xây một đài liệt sĩ cũng làm cho tôi cảm thấy ghê tởm như nhà văn Phạm Xuân Đài đã viết trong Nghĩ Về Huế . Mặt khác, khi nhìn Cấm Thành ở Huế quá nhỏ so với Tử Cấm Thành ở Bắc Kinh tôi không tránh khỏi buồn.

Chưa đến mà đã lìa xa

Tôi đến Thăng Long, đất rồng bay, nơi mà năm 1010 Lý Công Uẩn lập đô, bằng chuyến xe lửa từ Huế ra, vào lúc 5:30 sáng ngày 20/12/06; thuộc loại vé "nằm mềm điều hòa." Lần đầu tiên đặt chân xuống đất Hà Nội ở ga hàng Cỏ, tôi đã háo hức đi ra nhìn thành phố còn lù mù dưới ánh đèn đường. Tuy chưa bao giờ hít thở không khí quê ngoại của tôi, nhưng đã thấy ba mươi sáu phố phường, hồ Hoàn Kiếm, hồ Trúc Bạch, hồ Tây, Văn Miếu, đền Ngọc Sơn, cầu Thế Húc, chùa Một Cột... qua sách báo thơ văn từ thời niên thiếu. Thậm chí, còn nghêu ngao thì thầm hát Giấc Mơ Hồi Hương của Vũ Thành: "*Nhìn 'em' mờ trong mây khói, bước đi nhưng chưa nỡ rời. Lệ sầu tràn mi, đượm men cay đắng biệt ly*" bao lần.

Tôi cũng đã biết thủ đô nước Việt Nam Dân Chủ trong thập niên 80 qua lời kể của nhiều người trong đó có nhà tôi khi ra Bắc tìm xác cha mất trong trại cải tạo trước khi vượt biên và qua Hà Nội Trong Mắt Tôi của Phạm Xuân Đài hay qua Lô Sơn Yên Tỏa của nhà văn Trần Doãn Nho. Thời đó, hầu như không có người nào ăn mặc đẹp đẽ. Đầu đội nón cối. Quần áo bộ đội thì sẫm màu và nhầu nát. Xe đạp khắp nơi. Tiếng chuông xe leng keng chừng như át cả tiếng người. Ở đây không có ý niệm về đời sống của một đô thị văn minh. Ngã tư có hệ thống đèn giao thông nhưng không nơi nào dùng cả. Thành phố đang nằm dưới sức đè nặng trĩu của một cơ chế. Thảo nào, nhà văn Dương Thu Hương khi vào đến Sài Gòn, ngồi xuống vệ đường ôm mặt khóc là một điều không ngạc nhiên.

Hà Nội ngày nay rất đẹp. Cái lạnh se se buổi

sớm mai vào tiết cuối năm dễ khiến cho du khách muốn lang thang cùng khắp. Nắng đã lên. Sinh hoạt rộn ràng, linh hoạt. Xe cộ chạy len lách chẳng khác gì Sài Gòn. Tôi đã ngồi bệt xuống một cái ghế nhựa thấp kiểu vỉa hè, thưởng thức một diã bánh cuốn Thanh Trì. Ở xa nhìn tới thấy như một dúm người ngồi chồm hổm bu quanh một gánh hàng mà ăn xì xụp. Rất thú vị; một bữa ăn sáng đáng nhớ. Sau đó tôi đi loanh quanh để biết phố phường như thế nào. Rồi lại tạt vào một quán cà phê vỉa hè, quán Thái. Lại một lần nữa, tôi hưởng cái thú ẩm thực văn hóa vỉa hè. Một điệu nhạc quen thuộc của Trịnh Công Sơn vụt đến với tôi "phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu." Xe lửa trước khi ngừng, họ bỏ bản nhạc Mùa Thu Hà Nội để nhắc mọi người là đã đến nơi ngàn năm văn vật rồi.

Tôi viếng thăm Hà Nội chỉ có ba ngày. Một ngày đi tham quan danh lam thắng cảnh Hạ Long. Còn hai ngày ngắn ngủi nhưng cũng đã thăm bà con bên ngoại, viếng Đền Ngọc Sơn, cầu Thế Húc, Văn Miếu, làng Bát Tràng bên bờ sông Hồng. Từ Hà Nội đi đến Bát Tràng nếu bằng xe hơi mất chưa tới một tiếng. Đây là nơi sản xuất đồ gốm lâu đời nhất. Tôi thấy họ bày bán đủ chén bát diã, mấy tách trà tốt và rẻ hơn ở bên Tàu. Tại Hà Nội, tôi may mắn được hai người bạn trẻ, hiện làm việc cho các hãng ngoại quốc, hướng dẫn đi tham quan và ăn uống nên rất thoải mái. Tôi đã đi chợ đêm, ăn ốc ở Tây Hồ, chả cá Lã Vọng. Hà Nội tuy có nhiều khẩu hiệu, nhiều hình tượng lãnh tụ nhưng hai người nam nữ mà tôi vừa quen rất thoáng và cởi mở. Họ tin rằng, tương lai nằm trong tầm tay của họ chớ không phải tuỳ thuộc vào cơ chế.

Các cô gái Hà Nội đẹp. Giọng nói dễ làm xiêu lòng. Còn thành phố đẹp là nhờ có những hàng cây xanh xum xuê, có lẽ đẹp hơn ở Paris. Hình như mỗi phố có mỗi loại cây khác nhau. Ngoài ra, Hà Nội còn là một thành phố có nhiều nước. Hồ Hoàn Kiếm và Hồ Tây lúc nào cũng trong xanh dịu mát. Tạp chí *Travel and Leisure* của Mỹ vừa công bố kết quả bình chọn 10 thành phố du lịch hấp dẫn nhất ở Châu Á, qua đó, thành phố Hà Nội đứng hạng sáu, trên cả Bắc Kinh. Ngoài những điểm nêu trên, Hà Nội còn là một thủ đô có bề dầy lịch sử một ngàn năm mà vẫn giữ được nét kiến trúc kiểu Pháp, tức có sự hòa quyện giữa nét đặc trưng Á Đông với kiến trúc Phương Tây. Tuy nhiên, theo nhà văn Lê Thị Huệ thì thành phố này buồn vì nó vắng tiếng chim hót. Tại sao vậy?

Xa lạ nhưng vẫn vậy

Tôi ở Hà Nội chỉ có ba ngày rồi phải bay về Sài Gòn, thành phố quen thuộc mà tôi đã lớn lên. Sài Gòn vừa quen thuộc vừa xa lạ. Quen thuộc vì vẫn góc phố đó, vẫn khu nhà đó; nhưng người lạ, tiếng nói lạ, quang cảnh lạ. Tôi sống trong một tâm trạng khó tả. Tôi rời Việt Nam năm 1976 và nghĩ rằng sẽ không bao giờ trở lại. Không bao giờ mơ rằng một ngày nào đó ngồi lại ở quán cà phê Givral, tán dốc với bạn bè xưa cũ. Bên kia Givral là toà nhà Quốc Hội bây giờ là nhà hát lớn. Biết bao vui buồn, hỉ, nộ, ái, ố của thời Đệ nhất, Đệ Nhị Cọng Hòa. Tôi hỏi một người bạn về những khuôn mặt chống đối chế độ cũ bây giờ đâu rồi. Anh ta trả lời: hào khí Nam kỳ bây giờ như ngọn lửa rơm. Chủ nghĩa Cọng Sản đốt cháy trụi. Phong trào Phục Hưng Miền Nam giờ chẳng còn ai.

Ngay giữa trung tâm Sài Gòn có một công viên Lê Văn Tám, khá đẹp. Công viên này trước kia là nghĩa địa Mạc Đỉnh Chi. Bây giờ ai cũng biết nhân vật lịch sử "anh hùng Lê Văn Tám" hoàn toàn không có thật! Nhà sử học Trần Huy Liệu làm bộ trưởng bộ Tuyên truyền và cổ động đã phịa ra Lê Văn Tám, một thiếu nhi tự tẩm xăng vào người và chạy vào đốt kho xăng giặc Pháp ở Thị Nghè. Ông Trần Huy Liệu được xem là một trong những nhà sử học hàng đầu và nhiều quyền lực tại miền Bắc VN, mất năm 1969. Sách giáo khoa dành cho lớp 4 hoặc lớp 5 có nói về anh hùng này. Nhiều tỉnh và thành phố của Việt Nam lấy tên Lê Văn Tám đặt cho các trường học, tượng đài, công viên, đường phố.

Ngay giữa Sài Gòn mà có một công viên như vậy tôi thấy đó là một điều hay. Khác với Trần Doãn Nho khi ra Hà Nội, nhìn lăng ông Hồ Chí Minh, nhà phê bình đã băn khoăn "nghĩ đến những phiền hà mà thế hệ sau sẽ gặp phải trong cuộc phế hưng." Bên Nga sau ngày chế độ Cọng Sản sụp đổ, chính quyền Moscova đã lập một công viên gọi là công viên những thần tượng bị sụp đổ. Họ lôi vào đó các tượng đài bị quật ngã. Tôi đã đến đó năm 2006. Mai sau "nếu có một ngày" thì Sài Gòn đã có sẵn một công viên anh hùng xạo Lê Văn Tám để mời mấy vị đó vào an nghỉ.

2/07

Đi một chuyến đáng một chuyến

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Năm nay tuyết rơi muộn hơn mọi năm, giữa tháng một tuyết còn sương sương tới đầu tháng hai tuyết mới bắt đầu tuôn xuống ào ào. Trời lạnh nhưng không gió, từ bến cảng tới hội quán trên ba cây số, nhưng Tuấn không gọi xe xuống đón, anh quyết định thả bộ để nhìn những bông tuyết lả lơi bay và đáp nhẹ lên mặt đường vun lên một lớp dầy. Anh có thể bước đi trên lớp tuyết như đi trên tấm thảm nhung màu trắng. Đi ngoài trời lạnh, vô hội quán kêu một ly rượu và một gói khoai tây chiên dòn, vô phòng vi tính có lò sưởi ấm, ngồi mở máy, lên lưới vừa nhâm nhi vừa đọc tin tức thế giới thì còn gì sướng cho bằng.

Nhưng khi anh bước vào hội quán thì đã chật ních người, phần đông là người Trung Hoa, họ xí xô xí xào và ào ào náo nhiệt như nhóm chợ. Hôm nào có thủy thủ Trung Hoa đổ bộ, thì từ giờ hội quán mở cửa cho tới giờ đóng cửa đố ai chen chưn được vô phòng vi tính và những phòng điện thoại. Thường thì mỗi người xài một máy nhưng người Tàu thì hai ba người chụm nhau chung một máy, cho nên cả chục đầu máy nhưng nhìn vô thấy lố nhố mấy chục cái đầu của người Tàu và mỗi phòng điện thoại một người gọi hai ba người đứng chận cửa. Hồi còn ở Việt Nam, Tuấn thấy hễ ai hào hiệp thì được người đời tặng cho biệt danh "Quân tử Tàu" và mỗi khi ngồi nhậu với khách phương xa, để cho tình bạn thêm gắn bó, người ta hay nói câu "Tứ hải giai huynh đệ." Từ ngày rời xa đất nước cho tới nay hơn hai mươi năm trời, Tuấn đã lênh đênh khắp năm châu bốn biển nhưng anh chưa gặp một người Tàu nào có thể gọi là quân tử, dù chỉ là một buổi nhậu trên bến lúc dừng chưn. Lên mạng, họ nhập vào mấy trang sex, ồn ào âm thanh dâm dục. Văn hoá rất là Tàu, một người chiếm được máy thì ngồi dính luôn đó, người nầy chơi xong kêu bạn bè lại tiếp tục chơi, mặc kệ cho mấy người tới trước ngồi chờ mút chỉ.

Tuấn đi qua phòng truyền hình cũng đầy nhóc người, không khí giống y chang rạp hát các anh ngồi trật tự ngay ngắn và im lặng theo dõi tập phim Tây Du Ký của đài truyền hình Trung Hoa phát theo sóng vệ tinh. Tuấn nán lại xem đoạn Tề Thiên xuống long cung xin binh khí. Đợi lão Tề Thiên biến cây thiết bảng dần dần nhỏ lại còn bằng cây kim rồi lão vắt lên vành tai anh mới đứng dậy đi ra ngoài. Tuấn đi lại quầy ba mua một chai bia, anh ngó quanh tìm chỗ ngồi nhưng không thấy ghế nào trống hết, đành đứng dựa lưng vô góc phòng vừa nhâm nhi vừa nhìn những sinh hoạt trong hội quán.

Ngoài nhóm thủy thủ Trung Hoa ra. Tuấn có thể phân biệt được người In Đô, Á Rập, Đông Âu và một số người Ấn Độ hoặc những người ở các nước láng giềng với Ấn Độ. Những thủy thủ Phi Luật Tân bày tiệc nhậu nhẹt cùng các cô gái đồng hương trông vui vẻ lắm. Tuy nhiên có một nhóm người nãy giờ anh ngỡ là người Tàu, nhưng để ý kỹ thì không thấy họ xí xô xí xào như những người Tàu lớp đứng lớp ngồi, không bày tiệc nhậu nhẹt như người Phi Luật Tân và những người ở Đông Âu, không ra vẻ tín ngưỡng như người Ấn Độ. Họ ngồi chiếm một bàn trong góc quán, người uống Cola, người uống nước suối hoặc nước trà cà phê và hướng mặt ra đám đông như thể quan sát mọi người. Nhìn họ anh thấy có một vài nét quen quen, cái nét quen thuộc trước đây anh đã gặp ở nhiều thủy thủ Việt Nam. Mỗi khi đổ bộ lên phố thì họ mang lỉnh kỉnh trên người máy quay phim, máy chụp hình điện tử và điện thoại di động, trông họ sang trọng không thua gì những con ông cháu cha trong nước đi ra nước ngoài du lịch. Nhưng khi vào quán thì ngơ ngơ, ngáo ngáo như người nhà quê học đòi lối sống của dân thành thị, gặp cái gì là lạ cứ mở to đôi mắt dòm lom lom. Thủy thủ người ta đi tới đâu họ cũng vui vẻ ăn chơi thoải mái. Hết công tra trở về nước, họ bắt tay từ giã và tin tưởng hẹn gặp lại lần sau. Còn thủy thủ Việt Nam gặp nhau một lần rồi không biết tới bao giờ mới gặp lại. Thật vậy, đã lâu lắm rồi Tuấn không còn gặp những thủy thủ trên chuyến tàu lần đó nữa.

Đêm nay thấy cử chỉ của nhóm người ngồi trong kia làm Tuấn tò mò, anh định tới gần lắng

nghe coi họ trao đổi với nhau bằng thứ tiếng gì. Chợt Nino, nhân viên hội quán, hấp tấp dẫn theo một người, đi tới trước mặt anh.

- Ê Tuấn ! Người của mầy đây, hỏi coi anh ta cần gì, mầy giúp dùm, tao bận quá.

Nói xong Nino vội vã bỏ đi đâu đó. Người đàn ông khoảng trên bốn mươi tuổi, tay cầm tấm cạt điện thoại. Tuấn đoán chừng ông ta muốn nhờ chỉ cách gọi về nhà. Anh chìa tay ra bắt tay ông ta và nói bằng tiếng Việt:

- Tui tên Tuấn. Anh muốn gọi điện về nhà hả?

Ông ta nắm chặt tay anh gặt gặt và cái đầu cũng gặt gặt theo. Ông nói đặc sệt giọng miền Nam.

- Dà, dà.

Hình như ông quên cái ý định nhờ giúp đỡ. Không trả lời câu Tuấn hỏi mà lại nắm chặt tay anh lôi đi tới chiếc bàn trong góc.

- Anh nầy là người Việt nè tụi bây !

Cả bàn đứng dậy một lượt chào. Tuấn chào lại bằng cách chìa tay ra bắt từng người và hỏi tên, dĩ nhiên làm sao anh nhớ tên hết cả nhóm, anh chỉ nhớ cái ông nắm tay anh nãy giờ tên là Hùng và tên những người có thể nhớ được. Tổng cộng được mười một người. Anh đi lại quày mua bia bưng ra chia cho mỗi người một chai và mời nâng chai vô một cái. Để chai xuống anh khôi hài:

- Mười một người vừa đủ một đội banh, phải còn sớm rủ mấy anh Ba Tàu ra sân cỏ đá banh chơi.

Cả nhóm cười rộ. Người ngồi cạnh bên anh tên Quân lên tiếng hỏi:

- Anh là nhân viên hội quán hả?

- Hổng phải, tui cũng là thủy thủ như các anh vậy thôi.

- Thấy anh quen ở trong nầy quá.

- Tại tui tới lui đây thường.

- Anh đi tàu nước nào?

- Tui mần trên chiếc container của Hoà Lan.

Anh em yên lặng một lát rồi Cường, người ngồi đối diện hỏi:

- Hà Lan phải hông?

- Đúng ra thì phải nói Hà Lan nhưng vì hồi trước ở miền Nam mình dùng chữ Hoà Lan, tui nói riết rồi quen miệng.

- Được đi tàu Hà Lan là ngon rồi, anh mần gì trên tàu.

- Đầu bếp.

Hùng day ngang hỏi:

- Lương tháng khá hông anh?

Ở Âu Châu chuyện lương bổng là chuyện rất riêng tư, người nào muốn nói thì nói không muốn thì thôi. Ai không muốn người ta cho mình là mất lịch sự thì tốt hơn đừng nên hỏi chuyện lương bổng của người khác. Sống bên Âu Châu đã lâu rồi, nghe hỏi bất ngờ làm Tuấn có hơi lưỡng lự. Nhưng thấy những đôi mắt của các bạn nhìn anh chờ đợi câu trả lời, làm anh bâng khuâng nhớ lại những ngày còn ở quê hương. Ngày ấy, anh lang thang kiếm ăn khắp miệt đồng bằng sông Cửu Long, mỗi lần gặp nhau trên một cánh đồng hay ngồi trong một quán lá nhà quê, anh cùng chúng bạn nhâm nhi ba xị đế, trao đổi chuyện gia đình và thăm dò lương bổng của nhau, nếu chỗ nào trả lương khá hơn chỗ làm hiện tại thì người nầy nhờ người kia giới thiệu cho làm, ngược lại chỗ người kia cao hơn thì giới thiệu lại cho người nọ. Luật lệ lương bổng ở Việt Nam ngày nay chưa được rõ ràng và giá lương cho công nhân cũng chưa được thống nhứt, tùy tiện chủ muốn trả bao nhiêu thì trả. Cũng có thể các bạn ở đây hỏi chuyện lương bổng theo tinh thần của những người nghèo tương trợ lẫn nhau. Tuấn không ngần ngại nữa và trả lời rành mạch chuyện tiền lương của mình cho các bạn nghe.

- Mỗi tháng trừ thuế, bảo hiểm nầy nọ ra tôi còn được trên một ngàn bốn trăm euro.

- Anh đi bao lâu mới được đìa nhà một lần?

- Tui đi ba tháng, đìa nghỉ hai tháng.

- Nghỉ ở nhà có lương hông anh?

- Có chớ, mỗi tháng họ vẫn chuyển tiền vô băng mình đều đặn.

Nghe qua ai cũng trầm trồ nói quy chế như vậy là cao gấp ba họ rồi. Hùng chỉ tay qua hai người ngồi cạnh bên nói.

- Tui với hai người nầy đi hai năm rồi, định đi thêm một năm nữa mới đìa!

- Chậc, Tuấn nói, cuộc sống nào cũng có cái giá phải trả.

- Như anh vậy là sướng cha người ta rồi, còn gì trả nữa đâu.

Nghe anh bạn ngồi trong góc nói vói ra. Tuấn không dám nói thiêm, thiệt ra lương bổng của anh so với các bạn thì anh không có gì phải phàn nàn hết. Tuấn day ngang hỏi Hùng:

- Hồi nãy anh muốn gọi điện về nhà hả?

Bây giờ Hùng mới nhớ lại:

- Phải rồi anh.

Hùng đưa ra tấm thẻ cầm trên tay nãy giờ:

- Mình gọi bằng cạt ở đây thì phải quây số nào?

- Nếu anh gọi di động thì gọi 0800..., Tuấn

chỉ tay qua mấy phòng điện thoại trong hội quán, còn gọi điện thoại trong nầy thì người ta có gài số sẵn trong máy, anh chỉ việc bấm nút có dán chữ seafarers, rồi sau đó lắng nghe và làm theo người hướng dẫn trên tổng đài.

Tuấn ngó lên chiếc đồng hồ treo trên vách tường, day lại nói:

- Bây giờ ở đây chín giờ vậy là ở Việt Nam mình hai giờ khuya.

Một người ngồi bên kia bàn nói vói qua:

- Giữa ở đây và Việt Nam cách nhau sáu giờ chớ anh.

- Anh nói đúng nhưng đó là giờ mùa hè, còn mùa đông thì cách nhau năm tiếng. Tuấn day qua Hùng

- Vậy là bên nhà còn ngủ.

- Hổng sao, tui đánh thức ở nhà được mà.

- Anh có chuyện cần?

- Nghe bà chị nói thằng con tui đạp đinh sét rồi bị làm độc sao đó mà má nó hổng cho tui hay.

- Vậy thì gọi hỏi cho hết ấm ức.

- Nhưng gọi bằng di động với máy trong nầy cái nào rẻ hơn anh.

Tuấn hít một hơi, thở ra một cái:

- Nói thiệt với anh, khắp thế giới nầy không nước nào điện thoại mắc tiền bằng nước Việt Nam mình hết. Với tấm cạt nầy anh gọi qua In Đô hoặc Phi Luật Tân, nói chung các nước bên Châu Á thì được hơn bốn mươi phút, những nước Âu Châu thì được trên hai giờ, còn về Việt Nam anh gọi điện thoại trong nầy thì được mười lăm phút, gọi bằng di động thì được mười hai.

Hùng gãi gãi đầu:

- Tấm thẻ mười euro mà gọi chỉ được mười mấy phút thì nói được con mẹ gì. Tuấn cười một cái, pha giọng tiếu lâm:

- Thì hỏi thăm, má sắp nhỏ khoẻ hông? Ở bên nhà nói lại, khoẻ hết mình ơi, tui nhớ mình quá chời quá đất. Bao nhiêu đó cũng đỡ nhớ má sắp nhỏ rồi, nhưng trước khi chấm dứt đừng quên nói nhỏ, mình cho tui hun một miếng ha ha...

Mọi người cười ồ lên. Chờ mọi người dịu xuống, Hùng day qua:

- À, cái anh nầy chắc gọi về má sắp nhỏ thường lắm phải hông?

- Dĩ nhiên, đĩ nhiên tui ở Hoà Lan mà, một tấm cạt tui gọi được hơn hai giờ đồng hồ, mỗi tuần tui gọi về má nó ba bốn bận hun mòn hết mấy cái điện thoại rồi đó.

Hùng nhìn ra phòng điện thoại, thấy mấy anh Ba Tàu còn lố nhố đứng chờ.

- Mẹ, đông nghẹt như vầy thì biết chừng nào mới tới phiên mình.

Tuấn chỉ cái điện thoại di động Hùng mang trên người.

- Thì lấy di động gọi, rẻ hơn có ba phút mắc gì phải chờ.

- Cái nầy ở đây xài hổng được mới chết chớ.

Tuấn lần túi móc điện thoại của mình ra đưa cho Hùng:

- Nè, anh gọi về dựng má sắp nhỏ dậy, bắt phải trả bài, nhưng hun gió thôi, chớ hun vô máy mòn máy của tui phải mua cái khác thường đó nghen.

Thêm một tràng cười nữa. Hùng hỏi cách gọi một lần nữa rồi cầm máy đi qua góc ít người, đứng bấm số gọi về nhà. Lúc đó có một người con trai trong phòng vi tính bước ra kêu Cường vô chơi vì có một người đã chơi xong. Té ra không phải chỉ có nhóm người Tàu dành độc quyền chơi máy mà có cả phe ta nữa, giữa ta và Tàu trong cái dị biệt cũng có cái tương đồng. Ngó thấy nhiều người ngồi sắp lớp chờ từ nãy tới giờ. Tuấn áy náy dùm các bạn, muốn nói vài câu cho anh em biết chút ít về phép giao tiếp ở xứ người, nhưng chưa biết dùng lời lẽ nào cho khỏi mích lòng người mới gặp. Chợt Cường chỉ tay qua Tuấn nói với anh mới ra:

- Kêu thằng Thắm ra đây nhậu, có anh Tuấn người mình đi tàu Hà Lan đây nè.

Tuấn đứng lên bắt tay và anh ta giới thiệu anh tên là Hậu. Lâu lắm rồi Tuấn mới gặp một nhóm rặt người miền Tây, làm anh có cảm tưởng như sống lại cái thời xa xôi ấy. Anh đi lại quày mua thêm bia bưng ra chia cho anh em và đưa cho Hậu hai chai.

- Nè uống chơi cho vui, anh vô đưa dùm anh gì đó một chai và nói với ảnh, nếu muốn đọc tin thì in ra giấy đem xuống tàu nằm đọc cho sướng. Nếu muốn coi mấy em sexy thì qua phố toàn em thứ thiệt ngồi, nằm lủ khủ mặc sức mà coi, mình nhường máy lại cho anh em khác, biết đâu anh em cần đọc thư hay gởi thư dìa gia đình.

- Ủa, mình in được hả anh.

- Thì cái máy in nằm chình ình ở trong góc phòng đó, in miễn phí, bao nhiêu cũng được, nếu hổng đủ giấy thì hỏi nhân viên xin thêm.

- Vậy để tui vô nói với thằng Thắm.

Hậu đi vô rồi Tuấn day ra nói với anh em:

- Ngày mai các anh còn ở đây hông?

- Còn anh.

- Vậy thì nhắn với bên nhà trưa mai lên mạng *chat* cho đỡ tốn tiền.

Một anh hỏi:

- Mình nói chuyện qua *msn* được hông anh?

- Nếu anh dùng laptop nói chuyện qua *msn*, hoặc nối đường *Skype* hay *voip cheape* thì trả mỗi giờ hai đô rưỡi, còn dùng máy trong hội quán thì miễn phí nhưng chỉ được *chat*, gởi thư hay đọc tin tức trên mạng.

Lúc đó tự nhiên ở đâu Nino xuất hiện, hắn khoa tay:

- Chào tất cả! Mọi người vui vẻ hả.

Cả bàn đưa ngón tay cái lên gặt gặt

- Yes sir!

Tuấn day qua Nino:

- Ê Nino, nãy giờ tao làm việc dùm mầy, mầy phải trả công cho tao.

- Ô kê.

Nó bỏ đi vô trong. Một người hỏi:

- Nó là người gì?

- Phi Luật Tân.

Tưởng nói chơi ai ngờ Nino làm thiệt. Nó vô trong một lát trở ra với một mâm bia đầy. Nó chia bia cho mỗi người một chai và phần nó cũng một chai.

- Cái nầy tui đãi các bạn.

Nó bưng chai lên cùng mọi người ực một hơi hết chai nó để xuống và chào các bạn, nó tiếp tục đi làm công chuyện.

Tuấn nói:

- Người Phi Luật Tân tánh tình hao hao giống người mình.

Không khí trong bàn bắt đầu hào hứng và Tuấn bưng mâm lại quày lấy thêm bia.

Chuyện gì cần giúp coi như Tuấn đã giúp xong và cần nói anh cũng đã nói hết rồi. Bây giờ tới phiên anh ngồi lắng nghe anh em. Theo lời anh em thì bây giờ nước nhà có dịch vụ tìm việc. Người nào không có tiền trang trải trước thì được ngân hàng nhà nước cho mượn... Đại khái những câu chuyện như vầy Tuấn đã nghe qua nhiều người Việt ra nước ngoài lao động, từ bờ ra tới biển, mười người như một, họ kể giống y như nhau. Thường thì họ than phiền những dịch vụ lấy tiền của họ quá nhiều, buộc lòng họ phải vay nợ nhà băng hàng ngàn đô, số nợ đó ra ngoài nầy làm cả năm trả vẫn chưa hết.

Hơn hai mươi năm qua Tuấn làm việc chung với dân lao động của nhiều quốc gia khác nhau. Anh biết có nhiều dân nước khác, họ tự xin việc làm ở bất cứ quốc gia nào, sau đó xin chiếu khán xuất cảnh thì được quyền đi. Vé máy bay và chi phí ăn, ngủ dọc đường thì được công ty đưa việc đài thọ. Ngoài ra họ không phải đóng một khoản tiền nào khác. Nếu việc làm qua phòng lao động thì người môi giới lấy phần trăm theo giá qui định — khoảng năm tới mười phần trăm theo số lương của người lao động — lỡ công nhân bị sa thải thì họ lo tìm việc khác cho làm. Những dịch

VÕ PHIẾN

TIẾNG GỌI

Cỏ non thở mát xung quanh võng
Lá non rợp mát trên muôn cành
Tiếng ai cười nói vang trong nắng
Phải bà hàng xóm ngực rung rinh?
Máy ai cắt cỏ vườn bên cạnh
Khiến nên ánh sáng đầy âm thanh
Ngọn gió trên cao vừa lướt nhẹ
Ngẩn ngơ con chó hít trời xanh.

Đời vẫn ngoan lành. Từng tấc đất
hân hoan nằm hát khúc âu ca.
Ta toan an lạc cùng cây cỏ
Cười vui hoa cải với hoa cà.
- Chợt nghiêng tai lắng lời kêu réo
Réo gọi từ xa, tít xa...

7-1987

(Đây là bài thơ Trần Dạ Từ đã trích dẫn khi phát biểu trong buổi ra mắt Tuyển Tập Võ Phiến, tại báo Người Việt ngày 28.01.2007.)

vụ ở Việt Nam nghe nói chỉ dành giúp cho những gia đình nghèo, nhưng họ lại tác động quảng cáo bằng cách người nào muốn xuất ngoại phải thi tuyển chọn, làm công mà phải đi thi như thi vào đại học. Người nào trúng tuyển phải trả từ hai ngàn tới năm ngàn đô cho mỗi chuyến đi. Giá cả thì được dịch vụ qui định tùy theo chức vụ, nghề nghiệp và tùy nếp sinh hoạt của quốc gia nhận nhận người. Nhưng ra nước ngoài rồi, có công ty sửa lại hợp đồng, giảm bớt quy chế và có những nơi hàng tháng trời công nhân không có chuyện làm, không lương bổng, không tiền ăn, vậy mà chẳng thấy ma nào tới giải quyết.

Hùng điện thoại xong, đi lại đưa máy cho Tuấn và nét mặt vui tươi khoe, bà xã và mấy nhỏ ở nhà vẫn khoẻ, còn thằng con trai đạp đinh sét đã tai qua nạn khỏi.

- Vậy thì yên tâm rồi, Tuấn nói, thủy thủ tụi mình đôi khi cũng khổ, vợ con ở nhà bịnh thì mình ở dưới tàu cũng bịnh theo.

- Thì vậy.

Lúc đó Hậu và Thắm đi ra, Thắm bắt tay chào Tuấn. Thấy trên bàn hết bia anh bưng mâm đứng dậy định đi lại quày mua bia thêm. Hùng giựt chiếc mâm:

- Anh trả mấy bận rồi, bận nầy để tụi nầy trả chớ.

Hùng bưng mâm đi lại quày lấy bia. Tuấn không dành làm gì, đó cũng là phong cách sòng phẳng của người miền Nam. Thắm đưa Tuấn cây viết, cuốn sổ tay và hỏi xin địa chỉ công ty của anh đương làm. Thắm nói là sẽ đưa địa chỉ cho dịch vụ nhờ họ xin việc qua Âu Châu. Tuấn ghi địa chỉ xong và đưa cuốn sổ tay lại cho Thắm:

- Tạm thời tui có địa chỉ của hãng tàu tui thôi, chừng nào rảnh tui sẽ lục danh sách địa chỉ của những công ty tàu khác rồi tui sẽ gởi *mail* cho.

Tuấn đứng lên đi lại quày hỏi xin miếng giấy trắng, trở lại để lên bàn và hỏi:

- Anh em nào muốn thử xin việc qua Âu Châu thì cứ ghi địa chỉ e-mail vô đây, mai mốt tui gởi địa chỉ các công ty tàu cho. Mình có địa chỉ rồi thì tự gởi thư xin việc, cần gì phải nhờ qua dịch vụ cho mất công tốn tiền.

Thắm nói:

- Em sợ họ hổng chịu. Còn nhà nước thì sợ mình đi được rồi trốn luôn cho nên bắt phải qua dịch vụ cho chắc ăn.

- Nước mình đã gia nhập WTO rồi tương lai ai cũng được tự do xuất ngoại lao động. Khi mình được việc rồi thì giới thiệu cho anh em khác, anh em khác được việc giới thiệu cho anh em khác nữa...

Lúc đó Hùng bưng bia ra và chia bia cho mọi người xong, anh day qua nói với Tuấn.

- Anh ở nước ngoài lâu rồi hổng biết nên mới nói vậy. Tui biết có nhiều người xin được việc ở nước ngoài, nhưng khi làm thủ tục xuất cảnh thì họ chỉ qua phòng lao động. Anh nghĩ coi, cái hạng lòng tong lột chốt như tụi nầy tới chỗ nào cũng phải xì tiền ra, vậy mà đôi khi cũng chẳng được gì ráo, tiền mất tật mang, tốt hơn hết giao dịch vụ làm cho nó lẹ.

Tuấn cảm thấy trong lòng nhen nhúm một nỗi buồn, anh hít vô và thở ra một cái. Không hiểu vì sống trong một đất nước lúc cần làm đơn từ thì phải chạy hết cơ quan nầy qua cơ quan nọ, xin xỏ riết rồi quen hay vì một nguyên nhân nào tác động đến đỗi quyền lợi tự mình tìm được cũng phải đưa qua tay người khác rồi tới chầu chực xin trở lại. Xa quê hương đã lâu anh không hình dung nổi đất nước anh giờ ra sao. Nói chuyện với đồng hương cả buổi mà anh chỉ hiểu được lờ mờ. Đành rằng xã hội tân tiến nào cũng cần có những văn phòng môi giới để tạo điều kiện dễ dàng cho những người lao động chưa quen cách xin việc. Nhưng dịch vụ thay đổi giá cả làm sao cho phải chăng để người công nhân xa nhà thu ngắn ngày về lại với gia đình và để họ được yên tâm mỗi khi cất bước lên đường. Là công nhân làm việc xa quê hương cũng như thủy thủ tàu viễn dương, nỗi nhớ gia đình và những người thân còn nặng hơn mớ hành trang họ mang theo mình, đã vậy còn phải cõng thêm số nợ kếch xù đến đỗi không dám nghĩ tới ngày về khi hợp đồng đã hết.

Như đêm nay, ngay trong bàn nầy, có ba anh đi trên tàu đã hơn hai năm rồi mà vẫn chưa về nước. Hỏi ra thì mấy anh thở dài ngao ngán:

- Chậc, mỗi lần đi là mỗi lần làm giấy tờ lại, hao tốn lắm anh à. Thôi thì đi một chuyến cho đáng một chuyến.

Đi một chuyến cho đáng một chuyến! Chuyện chẳng giống dân nước nào hết. Những thủy thủ Phi Luật Tân, In Đô và nhiều thủy thủ ở quốc gia khác, họ đi chín tháng về nghỉ vài ba tháng so với thủy thủ Châu Âu như vậy cũng khá lâu rồi. Huống hồ chi mấy anh Việt Nam ta luẩn quẩn trên tàu ngót hai ba năm, thỉnh thoảng có dịp ghé bến đổ bộ lục lạo tìm đồ rẻ mua dự trữ, vô hội quán thì làm bạn với mấy cái mạng sex... Cái đà nầy khi trở về nước phải đi thẳng vô dưỡng trí viện để điều trị tâm thần là cái chắc.

Baltic zee tháng 2- 2007

CÀNH LAN TRONG GIÓ

XUÂN ĐỖ

Thương em mong manh như một cành lan...
(Gọi Người Yêu Dấu. Nhạc Vũ Đức Nghiêm)

1.-

Khải cầm cây đàn guitar từ người em cô cậu đưa cho, khảy vài nốt nhạc. Anh hỏi Thành:

- Anh thấy hình như Thành có bản nhạc mới nào đó, phải không?

Thành gật đầu:

- Dạ, bản Gọi Người Yêu Dấu của Vũ Đức Nghiêm, em mới lượm ngoài nhà sách Sông Đà sáng nay, anh dạo thử xem sao. Em nghe Thái Thanh hát trên đài Sài Gòn tuần trước.

Khải xốc lại cây đàn, đặt trên chân, khảy vài nốt nhạc, tằng hắng cố hát thử, rồi đọc khe khẽ lời hát. Vừa ư ử trong cổ họng, vừa gục gặt đầu:

- Thành này, bản này được lắm.

- Ờ, anh hát thử cho em nghe.

Khải dạo nhạc trở lại, cất giọng... ồ ồ. "*Gọi... gọi... gọi người yêu dấu xa vời...*" Thành bật cười:

- Nè anh Khải, đừng sửa lời ca của người ta chứ! Làm gì có gọi, gọi gọi đến ba lần!

Khải bỏ chiếc đàn xuống bàn, cười hô hố:

- Mày kê tủ đứng vào mồm tao thì hát hò cái con khỉ khô gì được nữa. Thôi để lúc khác. Bây giờ ra bao lơn ngồi nhìn trời mây, hoa lá và thiên hạ qua lại cho vui.

Vừa đi ra bao lơn Thành vừa cười khúc khích:

- Anh bây giờ nhìn cuộc đời toàn màu hồng! Tương lai của anh đang rộng mở. Anh đã có quyết định chi chưa, chọn cái học bổng Úc hay vào học Phú Thọ?

- Chắc anh chọn cái học bổng Úc. Đi cho biết đó biết đây, học được cái gì hữu ích, hầu mai sau đem về giúp đỡ quê hương. Chả lẽ quê hương mình cứ bị chiến tranh tàn phá, giết chóc nhau mãi sao?

- Hy vọng anh đi học bên Úc bốn năm, về nước thì chiến tranh cũng chấm dứt. Thanh bình trở lại trên quê hương này, chắc cần những kiến thức của những kẻ đi du học mang về. Anh mang trên vai cái trọng trách nặng lắm đó. Ráng học cho giỏi, thành tài. Về nước tái thiết quê hương anh Khải nhé. Qua bên đó thấy các cô gái Úc, da trắng, mắt xanh, tóc vàng, cũng đừng quên nơi chôn nhau cắt rốn khổ đau của mình nghe anh!

Nói xong Thành cười hô hố.

Khải chăm chú nhìn một cô gái đi xe đạp, áo dài trắng tung bay theo gió. Chiếc nón lá kẹp bên guidon xe. Cô gái xuống xe, dắt xe vào nhà Thành. Khải muốn buột miệng, la nho nhỏ, "cô bé nhà ai mà xinh quá." Thành đi ra, đến bên Khải hỏi:

- Anh nhìn gì mà chăm chú quá vậy?

- Thành này, có cô bé nào vào nhà mày mà xinh quá vậy?

Thành nhìn xuống sân, thấy cô gái đi vào, nói:

- À, học trò lớp hè, học thêm Anh văn của mẹ em đó anh. Cô bé này tên là Hạnh, xinh lắm, nhưng ốm nhom, nên bạn bè của cô ta gọi là Hạnh "gầy", Hạnh "cây tăm". Anh chịu hả? Để em giới thiệu cho anh nhé. Anh bây giờ có giá lắm. Đậu Tú Tài II hạng bình này, chớp được học bổng đi Úc này. Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu này, tương lai thật rộng mở.

Nói xong, Thành chạy xuống nhà tìm nước uống. Khải trở vào, cầm lại cây đàn, mở bản nhạc "Gọi Người Yêu Dấu," chăm chú xem các nốt nhạc và lời ca. Khải muốn la lên "tuyệt diệu quá," cái anh nhạc sĩ này có lẽ làm bản nhạc này cho riêng ta đây. "*Thương yêu tóc buông lơi dịu dàng... Thương đôi mắt sao trời lung linh... Thương yêu dáng vai gầy thanh thanh...*" Ô là là, như viết dùm ta, cho cô bé mới nhìn thấy. Khải bấm và khảy lớn nốt nhạc, khi hát "*Thương em mong manh như một cành lan...*" Khải muốn bỏ cây đàn xuống, vỗ tay thật lớn. Đúng quá "*thương em mong manh như một cành lan....*" Đúng quá, như một cành lan. Có lẽ ta nên gọi cô bé là Hạnh Lan thì hay quá! Khải hát đi, hát lại bài nhạc nhiều lần. Để chiếc đàn xuống bàn, Khải với tay, lượm tờ giấy xanh trên bàn học của Thành, viết nén nót "*Thương em mong manh như một cành lan...*", rồi gấp tờ giấy bỏ vào túi áo, đi lững thững xuống cầu thang để ra về. Bên phòng khách, mẹ của Thành đang nói chuyện với ba bốn nữ sinh, có lẽ đến xin học lớp hè như Thành vừa nói. Khải nghĩ, có lẽ trong số các cô bé đó, có Hạnh Lan. Bước ra cửa, không thấy ai, Khải đi rón rén lại chiếc xe đạp có treo chiếc nón lá, kẹp miếng giấy xanh xanh vào quai nón, rồi ra về nhẹ nhàng. Khải nghĩ chắc chẳng ai biết anh ta đã gởi một "thông điệp" cho cô bé Hạnh Lan.

Những ngày kế tiếp, Khải nhận được giấy tờ từ Nha Du Học, bảo phải vào Sài Gòn gấp, bổ túc giấy tờ hợp lệ quân dịch trong hồ sơ du học. Khải vội vàng đi Sài Gòn, mang theo hình ảnh cô bé áo trắng mảnh dẻ như một cành lan. Một tuần lễ ở Sài Gòn, lo giấy tờ hoàn tất, Khải nôn nóng trở về Đà Nẵng. Về đến nhà của người anh, chỉ kịp vất chiếc xách tay trong phòng học, chào anh chị, nói năm ba câu chuyện Sài Gòn, rồi nhảy lên xe đạp đến nhà Thành. Thành không có nhà, có lẽ đi chơi với bạn bè. Khải thất vọng, không biết ai để hỏi về cô bé Hạnh Lan. Ngồi nói chuyện với mẹ Thành, Khải thấp thỏm:

- Thành đi chơi đâu, khi nào về, thưa cô?

- Thật sự cô cũng không biết. Nghỉ hè và sang năm nó lên lớp 12, chuẩn bị thi tú tài II, nhưng nó ham chơi quá. Cô cũng muốn để cho nó nghỉ ngơi xả hơi, vài ba tuần nữa, sẽ cho cậu ta vào kỷ luật, chuẩn bị bài vở cho năm cuối của bậc trung học.

Khải thả quả bóng dò la:

- Hôm trước con thấy mấy nữ sinh đến xin cô học thêm Anh văn. Lớp dạy thêm của cô có được mấy học trò tất cả?

- Đến hôm nay, cô nhận được sáu em. Có lẽ như vậy đủ rồi. Ít học trò, việc kèm cho các em có kết quả hơn, nhất là về đàm thoại, luyện giọng, phát âm cho đúng và nghe cho quen.

- Sáu trò rồi à? Ai vậy cô?

- Ờ, thì có Thu Hà, Mỹ Anh, Duyên, Bích, Tố Nga và Hồng Hạnh.

Khải buộc miệng:

- Hồng Hạnh, chứ không phải Hạnh Lan, hả cô?

- Cô hỏi thật Khải nhé, có phải con viết cho Hồng Hạnh câu thơ, "thương em mong manh như một cành lan," rồi kẹp trên vành nón của Hồng Hạnh, phải không?

Khải lúng tung, đỏ mặt, muốn chối. Mẹ Thành nói:

- Lúc đầu khi thấy mảnh giấy xanh xanh đó trên nón của Hồng Hạnh, cô không biết ai nghịch như vậy. Nhưng thấy nét chữ và nhất là hôm nay, cô nghe Khải gọi Hồng Hạnh là Hạnh Lan, thì con hết đường chối cãi rồi nhé.

Cô cười nhưng nét mặt thật nghiêm trang, Khải chỉ ngồi yên, nghe và dạ. Cô tiếp:

- Thật sự cô không ngăn cấm, nhưng cả con và Hồng Hạnh, tuổi bây giờ, phải đặt việc học trên hết. Không nên lãng mạn, mộng mơ mà làm hỏng con đường học vấn.

Khải dạ nhịp. Cô nhìn đồng hồ tay, Khải mừng thầm, đứng lên chào cô ra về.

Khải phóng xe chạy như bay, qua đường Quang Trung, xuống bờ sông, chạy lên Độc Lập, thấy phố phường nhộn nhịp, vui quá. Khải cảm thấy như mọi người, phố phường chia niềm vui với mình. Khải ước ao, phải chi mình là cánh chim biển, bay lên bầu trời xanh bao la, sõi mình trong biển trời mênh mông, bay về cuối trời, nơi đó có Hạnh Lan, đang mong chờ. Khải muốn la thật to cho thỏa thích, cô bé Hạnh Lan đã nhận được "thông điệp tình yêu" của ta rồi.

2.-

Còn hai tuần lễ nữa đến ngày tựu trường.

Hồng Hạnh được ba mẹ thưởng, cho đi Sài Gòn chơi, thăm gia đình người anh cả đang ở trong đó. Nghe Thành tiết lộ nguồn tin đó, Khải tìm cách đi Sài Gòn với lý do liên lạc bên tòa đại sứ Úc, để xin thêm tài liệu về các chương trình học ở đại học Úc.

Đến Sài Gòn buổi trưa, Khải chỉ nghỉ ngơi chốc lát, rồi nhờ tên bạn thân chở bằng xe gắn máy đến địa chỉ của người anh Hồng Hạnh, Thành mới cho. Lửng thửng lội bộ qua lại trên những con đường nhiều cây lá, mát rượi, góc đường Trần Quí Cáp - Gia Long. Tìm đúng số nhà, Khải khựng lại, nhìn vào, không dám bấm chuông. May quá có chiếc xe vespa Ý chạy qua, rẻ vào cổng nhà. Khải nhận ra thầy Nhuận, dạy toán lớp 12 B của Khải năm kia, mới đổi về Sài Gòn hơn hai năm. Khải chào thầy. Thầy Nhuận vồn vã:

- Khải, em đi đâu đây? Thầy có nghe em được học bổng đi Úc. Như vậy tốt quá. Vô nhà thầy chơi cho biết.

Khải riu ríu đi vào, bụng mừng khấp khởi và trống ngực đánh rộn ràng. Khải nghĩ "té ra thầy Nhuận là anh của Hạnh Lan à." Thầy Nhuận gọi Khải vào phòng khách, bảo ngồi chơi, thầy cất chiếc cặp, rồi xuống nói chuyện Hội An, Đà Nẵng. Có tiếng trẻ em reo vang và tiếng cười trong trẻo chạy lên, Khải quay nhìn và khựng lại. Ô Hạnh Lan đang dắt một bé trai, có lẽ con của thầy Nhuận chạy lên, thấy Khải, Hạnh Lan như chiếc xe đang chạy nhanh, thắng gấp, muốn té theo đà chạy của cậu bé. Khải buộc miệng:

- Hạnh Lan.

Hạnh có lẽ quá sững sờ, như Từ Hải bị quân Hồ Tôn Hiến phục kích, ngây người trong câm lặng. Thầy Nhuận quay lại, cười nói:

- Khải học ở Trần Quí Cáp, có biết Hồng Hạnh, em gái út của thầy học ở Phan Chu Trinh, Đà Nẵng không? Cô bé vào Sài Gòn chơi trong dịp cuối hè, tuần sau về lại Đà Nẵng, để chuẩn bị cho năm lớp 11 thi Tú Tài I.

Cả Khải và Hồng Hạnh đứng lớ ngớ như hai tên Mán trên rừng vừa xuống phố thị. Thầy Nhuận đi lên lầu, có lẽ để thay áo quần cho mát. Khải một lúc lâu mới mở nổi miệng:

- Hạnh Lan ở chơi bao lâu?

Hạnh muốn cười, hỏi vội:

- Xin lỗi anh Khải, Hạnh Lan là ai vậy?

Khải cũng bật cười xòa:

- Cái tên này đẹp quá, hợp quá, mong manh như tơ trời. Và không ngờ quả đất nhỏ bé thật, Hạnh Lan lại là em của thầy Nhuận, một vị thầy trẻ trung và rất gần với tuổi trẻ của bọn tôi ở Hội An trong hai, ba năm vừa qua.

Có đến trên mười lăm, hai mươi phút sau thầy Nhuận mới đi xuống, gọn gàng trong quần short, áo tennis, chuẩn bị đi chơi quần vợt. Khải và Hồng Hạnh chỉ trao đổi năm ba câu chuyện đâu đâu. Khải chào thầy ra về. Thầy Nhuận nói:

- Khải, em còn ở lại Sài Gòn chơi lâu không?

- Dạ, có lẽ... tuần sau em mới về lại Đà Nẵng.

- Thế thì thế này nhé. Chiều thứ bảy sắp đến, em đến đây chơi, nhân sinh nhật của thằng bé này, con trai thầy lên sáu. Và cũng rất đặc biệt, cũng là ngày sinh của Hồng Hạnh này. Hai cô cháu sinh cùng năm con Mèo, cùng tháng, cùng ngày, chỉ cách nhau một vòng con giáp thôi.

Khải nhìn Hạnh Lan mỉm cười, nói với thầy Nhuận:

- Dạ, em sẽ đến, cám ơn thầy.

Đi bộ lang thang các phố Sài Gòn, Khải cứ phân vân hoài, mua món quà gì cho sinh nhật Hạnh Lan. Quà cho thằng bé con thầy thì dễ quá rồi. Chắc cậu bé thích đồ chơi. Còn cho Hạnh Lan, Khải nghĩ mãi không ra. Cái vụ này, mình dốt thực tình, vì bấy lâu nay, mình chỉ vùi đầu vào sách vở. Chỉ đôi khi chạy chơi với bạn bè, đá banh, tắm sông, xi nê nhưng cũng chừng mực trong vài giờ, rồi về nhà, ngồi vào bàn học. Đôi khi cũng có trao đổi năm ba câu chuyện với các cô bạn cùng lớp, nhưng cũng chỉ trong bài vở mà thôi. Mấy tên bạn chịu chơi, đã thầm thì với nhau, cô bé này xinh, cô kia duyên dáng, Khải nghe qua rồi quên, không có thì giờ tham dự. Nay chọn một món quà sinh nhật cho người mình có cảm tình, quà gì đây? Một chiếc áo dài chăng? Màu gì? Vải gì? Kích thước ra sao? Một chiếc vòng đeo tay chăng? Lại những câu hỏi quanh quẩn trong đầu Khải, vòng gì, màu gì, to nhỏ thế nào? Một chai nước hoa? Một hộp các dụng cụ làm đẹp cho phái nữ? Khải chợt cười, phải chi mình biết kẻ lông mày như tụi bạn kháo nhau, Trương Võ Kỵ kẻ lông mi cho Triệu Minh. Khải lắc đầu, thôi mệt và rắc rối quá.

Ngày thứ bảy, Khải khệ nệ mang món quà sinh hật cho người bạn gái đầu tiên trong đời với nhiều e ngại, lúng túng. May quá, vừa bước vào góc sân nhà, Hạnh Lan vừa đi ra, tươi cười. Khải trao món quà, Hạnh Lan reo lên:

- Ồ, anh Khải, giò lan đẹp quá. Hạnh thích

lắm. Cám ơn anh.

Khải nghe người nhẹ nhõm, đùa:

- Giò lan đẹp, mong manh như tên Hạnh Lan vậy.

- Anh Khải này, nghe anh Thành nói anh đàn hay, hát cũng hay. Nghe anh thích bản nhạc "Gọi Người Yêu Dấu" lắm phải không? Hạnh mong có dịp nghe anh hát bản nhạc đó.

- Vâng, tôi thích bản nhạc đó lắm. Lời, nhạc hay và thật trữ tình. Tôi nghĩ tác giả bản nhạc như viết dành riêng cho... tôi vậy! Và giò lan này cũng mang hình ảnh của cái đẹp nhẹ nhàng, mong manh... như một cành lan.

3.-

Chỉ còn mười ngày nữa, đến ngày Khải vào Sài Gòn, chuẩn bị đi Úc, du học trong bốn năm. Khải hẹn Hạnh Lan ra ngồi quán kem Diệp Hải Dung hay xuống bờ sông Bạch Đằng, ngồi ghế đá, nhìn ra sông Hàn, xem ghe thuyền qua lại. Hạnh Lan đều lắc đầu, ngại bạn bè thấy, xầm xì,,rồi ba mẹ không vui lòng. Chợt nhớ mẹ Thành đi Huế chưa về, Khải nói:

- Hay Hạnh Lan đến nhà Thành chơi, như đến thăm cô giáo.

- Nhưng em cũng sợ cô vì cô nghiêm lắm.

- Em khỏi lo vì cô đi Huế chưa về. Em lại chơi, anh đàn và hát bản "Gọi Người Yêu Dấu" cho em nghe nhé. "*Thương yêu dáng em gầy thanh thanh...*"

- Thôi, anh để dành hát có đàn đệm, nghe hay hơn, vì hát mà không có đàn, giống Sơn Đông mãi võ, bán thuốc dán quá. Anh biết không, hồi nhỏ ba mẹ và anh Nhuận gọi em là con bé út ròm. Cả nhà không ai dám động tới em cả, sợ Út Ròm khóc nhè!

- Thôi như vậy khi anh sang Úc học, xa em, anh sẽ nhớ Út Ròm, chứ không thèm nhớ cành lan mong manh nhé.

Hai tháng sau, Khải đến Sydney, vào học trường Kinh tế Nông Nghiệp. Những ngày tháng đầu tiên, xa nhà, cái gì cũng xa lạ, thử thách ý chí Khải đến tận cùng. Chương trình học và ngay cả khả năng Anh ngữ, cũng là những điều khó khăn chí mạng. Khải bận rộn tới tấp, không còn chút thì giờ rảnh rỗi nào để mơ mộng, nhớ về quê nhà vừa bỏ lại đằng sau lưng. Không thể quên Út Ròm hay Hạnh Lan, mong manh trong cô đơn ở Đà Nẵng. Khải chỉ kịp chạy lại văn phòng nhà trường, lựa tấm post card, viết vội vài câu nhớ thương, dán con tem gởi đi.

Nước Úc, nhất là vùng thôn quê, đất đai rộng mênh mông. Trong một dịp lớp học được đi về một nông trại, để khảo sát tại chỗ, một trang trại gần như kiểu mẫu. Ở Việt Nam, Khải sinh ra và lớn lên trong thời kỳ chến tranh, nên ít khi có dịp về một vùng quê an ninh và rộng lớn. Nay đến một xứ chưa hề bị chiến tranh tàn phá, đất đai trồng trọt rộng ngút ngàn, cò bay thẳng cánh, không còn ranh giới, chạy mãi đến cuối chân trời. Trước quan cảnh thanh bình, an lạc của họ, Khải đau lòng nhớ lại quê hương đã nghèo khổ, lại bị chiến tranh tàn phá, không biết đến lúc nào ngưng. Liệu những kiến thức mình học được, những kinh nghiệm lăn lộn thực sự khi đi thực tập ở các nông trại trong chương trình học, khi về lại Việt Nam có cơ hội xử dụng không?

Khải tự tin, luôn luôn giữ quan niệm, cái gì cũng do mình cả thôi. Nếu mình nhất quyết làm những gì mình nghĩ rằng đúng, hợp với lý tưởng của mình, thì trước sau gì cũng làm được.

Những lá thư đầy thương yêu nhớ nhung của Hạnh Lan càng mang cho anh cái cảm giác gần gũi với người yêu, gia đình, quê hương, dân tộc. Nhưng đôi khi, những bản tin tức trên đài truyền hình Úc, buổi chiều, về chiến tranh và cuộc hòa đàm ở Paris, để tìm một giải pháp chấm dứt chiến tranh, như vô vọng. Cuộc chiến càng ngày càng thảm khốc, có lẽ phải đi đến một giải pháp chiến thắng cho bên này hoặc bên kia. Nhưng cũng các bản tin tức thời sự quốc tế, các cuộc biểu tình, chống đối lại cuộc chiến tranh Việt Nam, của các phong trào phản chiến, ở Mỹ, ở Úc, ở các nước tây phương, càng ngày càng bất lợi cho Miền Nam Việt Nam.

Giữa năm cuối của chương trình học, một hôm ông Khoa trưởng cho gọi Khải lên văn phòng gặp ông nói chuyện về chuẩn bị ngày tốt nghiệp trong gần một tháng sắp tới.

Ông đã từng làm việc tại Sài Gòn trong hai năm với cương vị Tùy Viên Văn Hóa tòa Đại Sứ Úc, tại Việt Nam. Bây giờ trở về lãnh vực giáo dục, ông vẫn theo dõi tình hình chiến sự và giữ thiện cảm với Miền Nam Việt Nam, nhưng càng ngày ông càng bi quan cho số phận Việt Nam. Ông nói, đó là trên phương diện chính trị, ông không muốn chen chân vào. Ông rất tha thiết muốn giúp những người trẻ, có kiến thức về Kinh Tế Nông Nghiệp như Khải, tiếp tục việc học hỏi và nghiên cứu, hầu sau này hữu dụng hơn cho đất nước Việt Nam. Hiện phân khoa Kinh Tế Nông Nghiệp dưới quyền điều

khiển và giảng dạy của ông, còn vài học bổng Cao Học, sẵn sàng giúp cho những sinh viên xuất sắc như Khải tiếp tục học. Ông nói nếu Khải muốn, ông sẵn sàng giúp. Quyết định là do Khải và ông sẽ can thiệp với chính phủ Úc và Việt Nam, qua các văn thư chính thức.

Khải rất phân vân, thưa với ông:

- Thưa Giáo Sư, có thể nói, đây là một ước mơ rất lớn cho bất kỳ sinh viên nào trong cuộc đời của mình. Điều khó khăn của tôi là, tôi luôn luôn tự hứa với chính mình, là đi du học ở Úc trong bốn năm, một khi đã thủ đắc được kiến thức căn bản về nền kinh tế nông nghiệp, một lãnh vực quan trong của nền kinh tế Việt Nam, tôi sẽ về nước, để phục vụ cho quê hương tôi, đang bị chiến tranh tàn phá, mà vùng thôn quê là nơi bị tàn phá nhiều nhất. Hơn nữa một vấn đề tình cảm riêng tư khác, là tôi có hứa với người yêu, tôi phải về càng sớm càng tốt. Chúng tôi đã xa nhau bốn năm rồi. Đối với chúng tôi, tuổi trẻ, tình yêu là điều quan trọng và nếu xa nhau mãi, tình yêu sẽ phôi phai, và đi đến chỗ quên nhau, làm cho hạnh phúc đang chờ đón, vụt bay ra khỏi vòng tay của mình.

TƯỜNG LINH

Mây cố quận

Tặng bà con Quế Sơn quê nhà

Dừng lại quán lưng đèo uống rượu
Một mình đối mặt với non cao
Khói mây lũng thấp, sườn mây nhạt
Tiếng suối xa reo, phải núi chào?
Vươn cánh đại ngàn chạm trắng mây
Quần sơn, thạch trận vẫn bày đây
Không là tráng sĩ hồi nguyên quán
Rượu đón, đèo xưa chén mãi đầy
Ngửa tay, đâu có gươm mà vỗ
Bi tráng... phân vân tiếng khóc, cười
Vó ngựa ruổi qua thời lửa rực
Không còn về với tuổi đôi mươi!
Chủ quán! Rót riêng ly rượu mới
Để ta mời núi luận anh hùng
Núi im, chẳng lẽ mình ta luận?
Lại uống mà suy chuyện thủy chung
Mây lượn ngang đèo sang hướng tây
Hướng tây mẹ đợi vóc hao gầy
Lời kinh khuya nuối liềm trăng khuyết
Tuổi hạc nghe tường ý cỏ cây
Cố quận ngày về ta với ta
Đèo cao, xuân đợi phía quê nhà
Uống thêm ly nữa và đi tiếp
Rượu bốc lời thơ gửi gió xa.

Đèo Le, xuân 1995

Vị khoa trưởng cười vui vẻ:

- Này người bạn trẻ của tôi. Tôi rất nể phục những ý kiến chân thành và đáng kính của anh. Nhưng hai điểm anh nêu ra, tôi có ý kiến cũng rất chân thật như thế này. Theo tin tức quốc tế, chiến cuộc Việt Nam đang ở hồi khốc liệt nhất, trong lúc hòa đàm để đi đến một ký kết, tìm một con đường rút lui cho người Hoa Kỳ, ra khỏi thế bế tắt về chính trị cả quốc tế và quốc nội của họ, nên Việt Nam Cộng Hòa, sẽ đi vào con đường rất khó khăn, không biết tương lai đi về đâu. Đây không phải là lúc thuận tiện anh mang kiến thức vừa học được trên nhà trường về nước phục vụ. Điểm này anh nên thảo luận nhiều hơn với bạn bè, thân quyến của anh ở Việt Nam. Về điểm thứ hai, thật tế nhị, tôi chia xẻ với anh hoàn toàn, đó là người yêu của anh đã đợi chờ anh trong bốn năm, nay đang mong chờ anh về từng ngày, từng giờ. Tuy nhiên nếu nàng biết rằng, hy sinh thêm một thời gian ngắn nữa, để giúp anh bước thêm vững chắc trên đường học vấn và chọn một thời điểm tốt để trở về, chắc nàng sẽ gật đầu với anh vì nàng yêu anh và sẵn sàng chiều ý người yêu. Với lại khi anh tốt nghiệp xong văn bằng cử nhân Kinh Tế, anh có một thời hạn sáu đến bảy tuần lễ nghỉ ngơi, trước khi vào học Cao Học. Nghĩa là anh vẫn có đủ thời gian để về Việt Nam một chuyến thăm gia đình, thăm người yêu.

Trong một lá thư dài gởi về Việt Nam cho ba mẹ, ở Hội An, Khải nêu lên những nhận xét và

đề nghị của vị khoa trưởng, để xin ba mẹ giúp Khải có một quyết định sáng suốt, nên về hay nên ở lại Úc học thêm hai năm nữa. Những lá thư đầy nhớ nhung, băn khoăn cho Hạnh Lan, làm Khải xót xa, suy nghĩ mãi, mới viết xong.

Khải biết rằng ba mẹ sẽ khuyên như những lời khuyên của vị khoa trưởng, chọn sự học vấn và an toàn cho bản thân cho con. Ba mẹ vì quá thương con mà quên rằng, khi được đi du học trong một thời chinh chiến, trong lúc bạn bè đều phải ra chiến trường, đối diện với cái chết trong từng phút, từng giây, là một đặc ân, một món nợ với mọi người, xã hội, quốc gia. Khải như bị xâu xé trong việc chọn lựa này.

Những lá thư Hạnh Lan gởi từ Huế, bên cạnh cuộc sống bình thường của một sinh viên Văn Khoa, còn hai năm nữa xong Cử Nhân Nhân Văn. Hạnh Lan mong ước rằng, khi ra trường, nàng sẽ chọn nghề giáo tại một trường trung học nào đó ở Đà Nẵng, hoặc Sài Gòn, bên cạnh người yêu, người chồng tương lai ở ngoại quốc về. Đôi khi Hạnh Lan kể cho Khải nghe những nỗi sợ hãi trong những ngày Huế bị pháo kích, đánh phá và con đường thông thương giữa Huế Đà Nẵng bị mìn bẫy, chết chóc thường xuyên. Thành phố Huế về đêm, sau biến cố thảm khốc Tết Mậu Thân, 1968, như một bóng ma, luôn luôn ám ảnh mọi người. Hạnh Lan kể rằng, trong mùa hè năm 72,khi chiến trường sôi động dữ dội, Hạnh Lan cùng một người bạn gái thân, ra bến xe An Cựu về Đà Nẵng, bên gia đình ba mẹ. Chiếc xe đò bị nằm đúng trong tầm đạn phục kích và giao tranh giữa hai toán quân hai bên. Mọi người trên xe nhảy đại xuống hai bên, nằm lăn, tránh đạn. Khi tiếng súng im, áo quần Hạnh Lan đầy bùn đất và máu. Có lẽ do mấy người trên xe bị trúng đạn. Lúc đó tự nhiên Hạnh Lan hết sợ, chạy lại dìu mấy người bị thương tìm y tá băng bó, cầm máu. Hạnh Lan nghĩ đến Khải, mong Khải đừng về nước lúc này. Nơi quê hương này đang là địa ngục trần gian, anh đừng về anh nhé. Đọc thư Hạnh Lan anh thấy tim mình quặn đau.

4.-

Chuyến về thăm quê hương trong bốn tuần lễ, thật vui mừng, sum họp với gia đình, ba mẹ, các anh chị em. Thành phố Hội An như co cụm lại trong im vắng, cũ kỹ và rêu phong. Trên chiếc xe đạp mượn của đứa cháu, Khải đi vòng hết các đường phố vẫn còn chật hẹp, thưa thớt người qua lại. Đến cổng trường Trần Quí Cáp, đang mùa nghỉ hè, cửa trường khép kín, xích khóa to lớn, rỉ sét chắn ngang. Các cây phượng ngày trước còn nhỏ, nay đã to lớn, thân cây sần sùi. Hoa phượng đỏ rợp một khoảng sân trường. Khải dựa xe đạp vào bức tường, đẩy cửa hông bước vào trong sân. Các lớp học vẫn như xưa, vôi trên các bức tường ngả qua màu trắng đục. Khải bước lại ngồi xuống bệ xi măng bên cạnh trụ cờ, nhìn mông lung toàn cảnh ngôi trường. Khải đã trải bảy năm học hành trên ngôi trường thân yêu này. Các thầy, cô giáo, bạn học nay tản mát khắp nơi, Khải đi tìm để thăm viếng, chỉ gặp được các thầy, cô lớn tuổi.

Sau bốn năm sống trên một xứ sở rộng lớn, thanh bình, nay trở về nơi chôn nhau cắt rốn, gặp lại con người, cảnh vật thân quen, Khải nhận ra sự cam chịu cái nhỏ bé, truyền đời từ bao nhiêu thế hệ. Sự cam chịu đôi khi pha trộn một chút hoài cổ, hãnh diện ngầm về một quá khứ huy hoàng về những ngày xa xưa. Lần trở về này, Khải tìm thấy mảnh quá khứ hãnh diện ẩn hiện trên các chùa cổ, từ ngôi chùa Bà Mụ một thời đã được xử dụng làm trường học tiểu học, nay trở lại cảnh tịch liêu. Chùa Cầu vẫn buồn cô quạnh trên rạch nước nhỏ chảy ra sông Thu Bồn. Các ngôi chùa, miếu khác cũng đượm nét phong sương cùng năm tháng buồn hiu của một thành phố nhỏ bé, cổ kính, còn in đậm dấu ấn của một nền văn hóa đa dạng một thời phồn thịnh.

Khải đạp xe loanh quanh thành phố một hồi lâu, rồi trở về nhà, ngồi bên mẹ, nghe mẹ kể chuyện ngày xưa. Cái cảm giác êm ấm, quên tất cả buồn lo chung quanh, mỗi khi ngồi bên mẹ, Khải tìm thấy lại. Thế giới trong mẹ chỉ vỏn vẹn bên gia đình, chồng, con, cháu chắt và sự thương yêu, đùm bọc. Không có hận thù, không có chiến tranh, giết hại nhau.

Trở ra Đà Nẵng, mượn chiếc xe gắn máy của người anh, đưa Hạnh Lan chạy quanh các phố phường tương đối đông đúc, vui nhộn hơn Hội An. Vào Viện Bảo Tàng Chàm xem các bức tượng và các di tích lịch sử của một dân tộc bị mất đất nước, mất quê hương. Khải chỉ các bức tượng trưng bày, hỏi Hạnh Lan:

- Em xem trong các bức tượng này, bức nào là tượng của vua Chàm Chế Mân, vị vua đa tình, đã cắt đất của quốc gia, dâng cho Việt Nam mình, để cưới được người đẹp Huyền Trân?

Hạnh Lan lắc đầu, cười:

- Em không biết. Nhưng em hỏi lại anh nhé:

Nếu anh là Chế Mân, anh có hành xử như vậy không? Vì tình yêu hay vì đất nước?

Khải cười thật lớn, lắc đầu:

- Nếu anh đi thi mà gặp một vị giám khảo như em, hỏi những câu hóc búa như thế này, anh chắc rớt mất. Để có thể trả lời được, anh muốn tách hai câu hỏi rời ra nhau. Hai câu hỏi nằm trong hai lãnh vực, hai phạm trù riêng biệt và xung khắc nhau. Về tình yêu, đây là một chuyện tình đẹp, bước qua được những rào cản chủng tộc, quyền lợi quốc gia. Khi yêu, Chế Mân chỉ nghĩ đến tình yêu, đến hy sinh và chiếm đoạt người mình yêu. Ông có lẽ đã quên quyền lợi vật chất của quốc gia, dân tộc. Có thể trong tâm thức, ông ta nghĩ rằng, ông đã mang lại cho dân tộc Chàm niềm hãnh diện và mang lại cảnh hòa bình cho hai quốc gia lân bang. Nhưng lịch sử và dân tộc Chàm sau này, nhìn ông như là kẻ tiên phong ký bản án bán nước, xóa bỏ vương quốc Chàm trên bản đồ thế giới. Nói chung anh muốn nhìn Chế Mân như một con người bình thường, thăng hoa trong tình yêu. Cái bi kịch của Chế Mân là, ông ta là một vì vua, phải đặt quyền lợi đất nước trên hết và đôi khi phải hy sinh tình yêu. Anh may mắn hơn ông ta, vì anh không là chi cả. Như anh được về bên em thế này là chúng ta đang có hạnh phúc trong tay.

Lang thang dưới bóng các cây cao, tỏa đầy bóng mát ngoài vườn Viện Bảo Tàng, Khải cầm tay Hạnh Lan trong tay mình, Khải nói:

- Thật sự anh muốn ở lại quê nhà với em trong lúc này. Trở qua Úc học tiếp là cái mộng anh ấp ủ từ lâu, nhưng anh nghĩ, tình thế Việt Nam sắp có nhiều biến chuyển quan trọng, thật sự anh không muốn xa em chút nào. Anh muốn ở bên cạnh em, chia xẻ với em trong mọi hoàn cảnh. Sống chết bên nhau, em ạ!

Xúc động trước những lời chân tình của Khải, nhưng có lẽ để đánh trống lãng, Hạnh Lan cười:

- Đừng có làm biếng học hành. Hãy nghĩ đến tương lai. Em luôn luôn ghi nhớ những điều anh nói, dù xa nhau nhưng em vẫn nghĩ như có anh bên cạnh và mong ngày anh sớm về với em.

5.-

Những môn thi cuối cùng vừa xong, Khải lên gặp ông Khoa Trưởng, để xin về Việt Nam:

- Thưa ông Khoa Trưởng, tôi đến gặp để xin ông một đặc ân.

Ông Khoa Trưởng mời Khải ngồi, ân cần hỏi:

- Nếu có thể giúp gì được cho anh trong thẩm quyền của tôi, tôi sẵn sàng. Xin anh cho tôi biết, tôi có thể giúp gì được.

Khải trình bày :

- Như ông Khoa Trưởng biết, tình hình tại Việt Nam rất khó khăn cho Miền Nam. Qua tin tức báo chí, truyền hình thế giới, đến ngày hôm nay, gần cuối tháng 3 năm 75, Việt Nam Cộng Hòa đã mất vùng Cao Nguyên, các tỉnh giới tuyến, cũng như các tỉnh, thành phố Bình Định, Qui Nhơn, Phú Yên, Quãng Ngãi, Quãng Nam, Hội An, Huế, Quảng Trị và Đà Nẵng cũng gần như sắp rơi vào lực lượng Bắc quân Cộng sản.

Ông Khoa Trưởng gật đầu:

- Vâng, tôi cũng biết những tin tức này qua đài truyền hình. Tôi... tôi... giúp...

Khải nói nhanh:

- Tôi chỉ xin ông Khoa Trưởng cho tôi được về Việt Nam ngay. Có thể ngày mai, hay bất cứ lúc nào tôi lấy được vé máy bay về Việt Nam.

Ông Khoa Trưởng khoát khoát tay như hoảng hốt:

- Không thể về Việt Nam lúc này được. Tôi thành thật khuyên anh nên bình tĩnh. Tôi hiểu và chia xẻ với anh những lo lắng của anh về gia đình, người yêu của anh tại Đà Nẵng và Sài Gòn. Nhưng... nhưng như anh cũng biết, tại Việt Nam lúc này, nhất là ở Sài Gòn, mọi người đều muốn ra đi, nếu có thể và có phương tiện hay liên lạc được với các sứ quán. Anh trở về Việt Nam là một điều ngược đời, dù hợp tình. Anh nên bình tĩnh.

Khải ngồi gục đầu. Ông Khoa Trưởng lưỡng lự, rồi tiếp:

- Giả sử trong trường hợp tệ hại nhất, Miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản, tôi sẵn sàng giúp anh trong việc tìm công việc làm hợp với khả năng học vấn, nghề nghiệp. Trong lúc đó anh tìm mọi cách liên lạc với thân nhân tại Việt Nam.

Khải chán nản đứng lên, chào ông Khoa Trưởng, thất thểu bước ra. Ông Khoa Trưởng nói theo:

- Khải, anh nên liên lạc với tôi hằng ngày. Văn phòng tôi luôn luôn mở cửa và anh cũng biết số điện thoại của tôi, phải không? Dù anh quyết định thế nào đi nữa, tôi mong anh gọi cho tôi biết. Tôi nhắc lại, tôi sẵn sàng giúp đỡ anh.

Buổi chiều, ngồi xem tin tức, thấy cảnh Đà Nẵng hỗn loạn và phi trường không còn an toàn cho máy bay đáp xuống hay cất cánh, Khải biết

rằng cơn hấp hối của quê hương đang xảy ra. Tối đó, trong cơn khắc khoải và các ác mộng trong giấc ngủ chập chờn, Khải quyết định ngày hôm sau điện thoại cho hãng máy bay, lấy vé về Việt Nam.

Buổi sáng Khải gọi cho ông Khoa Trưởng thật sớm. Nghe giọng chào hỏi của Khải, ông hỏi ngay như hoảng hốt:

- Khải, anh có quyết định gì?

Khải nói:

- Thưa ông Khoa Trưởng, tôi đã lấy vé máy bay về Việt Nam ngày mốt. Tôi xin chào từ giã ông và cám ơn thịnh tình của ông dành cho tôi. Đà Nẵng đã rơi vào tay Cộng Sản và tôi không thể bỏ gia đình tôi, người yêu tôi trong lúc này được. Tôi cũng biết tôi về cũng chẳng làm gì giúp được các người thân yêu, nhưng nếu tôi sống ở đây mà không biết số phận người mình yêu thương, sống chết ra sao, tôi cũng như người chết rồi, còn tệ hại hơn là về Việt Nam.

Khải nghẹn ngào. Ông Khoa Trưởng cũng cố gắng giữ cơn xúc động, nói:

- Tôi không có cách nào khác ngoài việc cầu chúc anh an bình, may mắn khi về Việt Nam, gặp lại được gia đình, người yêu. Tuy nhiên ngày mai anh cần đến văn phòng Học Vụ để nhận các giấy tờ chứng chỉ học vấn vì văn bằng tốt nghiệp chưa được duyệt ký. Và tôi cũng sẽ viết cho anh một giấy giới thiệu, anh là cựu sinh viên du học tại Úc, để khi cần thết, anh đến tòa Đại Sứ Úc ở Sài Gòn, gặp ông Tùy Viên Văn Hóa là bạn thân của tôi, giúp đỡ anh khi cần thiết. Chúc anh may mắn, Khải.

Trên chiếc máy bay to lớn, chỉ có sáu hành khách đi Việt Nam. Khải là người Việt Nam duy nhất. Năm người còn lại, ba người da trắng, có lẽ là những nhà báo Tây phương. Hai người kia gốc Á Châu, cũng có vẻ nhà báo hay nhân viên truyền hình của các hãng truyền hình quốc tế. Trong chuyến bay dài gần sáu giờ, Khải chập chờn trong các giấc ngủ ngắn. Có lẽ mấy đêm nay Khải không thể ngủ ngon giấc. Những cơn ác mộng cứ lảng vảng, có khi Khải nghe tiếng kêu thảng thốt của Hạnh Lan, như thật bên tai. Khải vùng dậy, nhìn ra cửa sổ, những áng mây đen hình thù kỳ quái, giống các bóng ma đang kêu khóc. Khải ôm đầu trong hai tay, nghe tim quặn thắt.

Máy bay hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào một buổi chiều, trong cơn mưa tầm tã miền nhiệt đới. Phòng khách phi trường vắng lặng. Sân bay bên cạnh dành cho quân sự, máy bay vận tải lớn, lên xuống nhộn nhịp. Xa xa tiếng súng lớn nổ vang dội khá gần.

Có lẽ Sài Gòn đang giờ giới nghiêm, chỉ có xe đưa rước của hãng hàng không, đón khách mới đến, về trạm dưới đường Tự Do. Thành phố nhộn nhịp về đêm năm nào, nay như đắm chìm trong yên lặng, ngột ngạt. May quá, Khải thấy một chiếc xe gắn máy, do một người đàn ông mặc áo quần nhà binh chạy qua. Khải đưa tay xin cho về đường Trần Quí Cáp, góc Hiền Vương, nhà của thầy Nhuận, anh của Hạnh Lan.

Kêu cửa một lúc khá lâu, thầy Nhuận mới ra mở cửa, sau khi hỏi vọng ra:

- Ai kêu cửa vậy?

Khải nói thật lớn:

- Thầy Nhuận ơi, em là Khải, ở Úc về đây.

Thầy Nhuận mở cửa, mắt mở lớn ngạc nhiên cực độ:

- Khải, sao em về lúc này!

Khải bước vào nhà, hỏi vội:

- Gia đình em, gia đình thầy, Hồng Hạnh có vào được không thầy?

Thầy Nhuận lặng yên, lắc đầu:

- Kẹt hết ngoài đó, em ơi! Mà tại sao, em lại về trong lúc này? Mọi người đang tìm mọi cách ra đi, em lại về.

Khải cảm thấy chiếc túi đeo sau lưng nặng trĩu. Khải ngồi xuống chiếc ghế, ôm đầu, thổn thức:

- Làm sao bây giờ thầy? Em tìm cách về Đà Nẵng, được không?

- Chịu thôi, em ạ. Đi lạng quạng là mất xác ngay. Hai bên đang đánh nhau dữ dội, tình thế nguy cập lắm rồi. Thầy cũng đang liên lạc với bạn bè bên hải quân, có gì xảy ra cho Sài Gòn, thì đưa vợ con xuống tàu, ra đi. Khổ quá, em đang ở bên Úc, lại về. Em lựa chọn một quyết định sai lầm quá. Sao không suy nghĩ cho đúng?

Khải khóc ấm ức:

- Em không thể ở lại bên ấy, an toàn cho em, trong lúc gia đình,ba mẹ, Hồng Hạnh, không biết sống chết ra sao!

Bên ngoài cơn mưa càng nặng hạt, tiếng sét nổ thật lớn, ánh sáng chớp tắt qua cửa sổ. Một cánh cửa gương bật mở, gió tạt mạnh, đưa nước mưa vào phòng khách. Tiếng một chậu hoa ngoài sân đổ nhào, vỡ tan. Qua ánh đèn trước cửa, Khải nhìn thấy những cành hoa lăn lóc trong gió cuốn. Khải nghĩ, không biết có phải chậu hoa lan, anh tặng Hạnh Lan trước đây, nhân ngày sinh nhật của Hạnh, lần đầu tiên gặp nhau.

Tim Khải đau quặn thắt.

Sách Mới Phát Hành

NGƯỜI VIỆT *xuất bản*

Sách dày 1,080 trang, có chọn thêm những bài mới gần đây nhất

- **Trình bày mỹ thuật**
- **Ấn loát công phu**
- **Bìa cứng, bọc plastic**

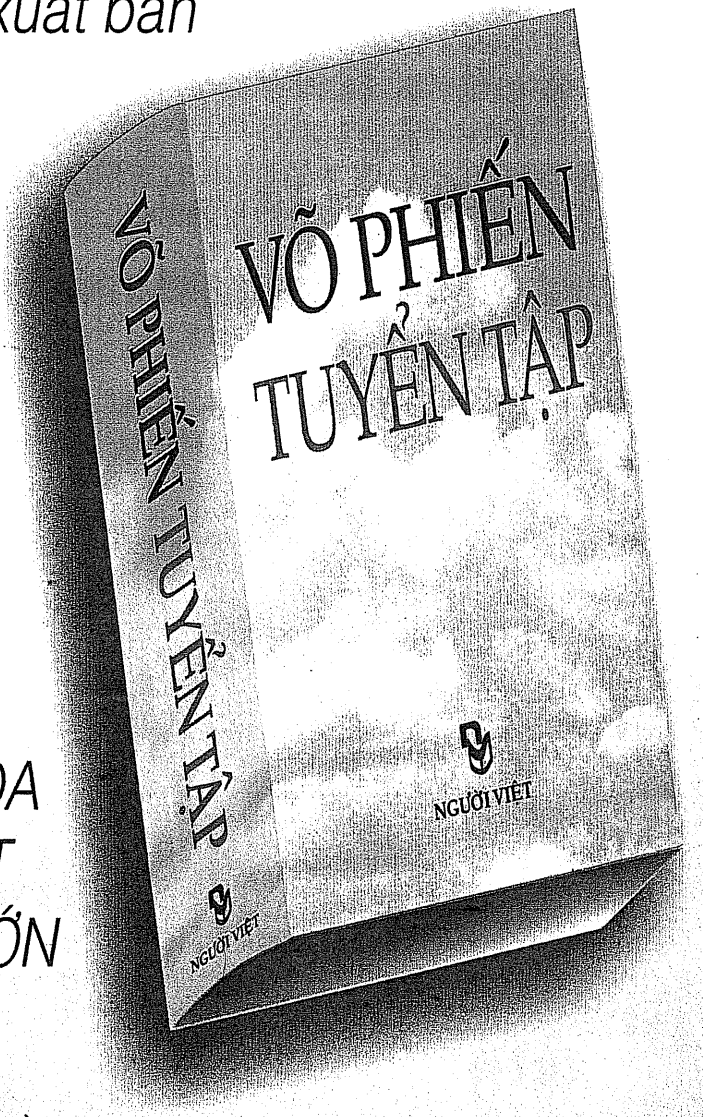

MÓN QUÀ VĂN HÓA TRANG NHÃ NHẤT TRONG MÙA LỄ LỚN CUỐI NĂM

Võ Phiến là tác gia có tầm cỡ hàng đầu trong văn học Việt Nam
ĐẶNG TIẾN. Tạp chí *Diễn Đàn* (Pháp) số 73, tháng 4 - 1998

Nổi tiếng nhất là Võ Phiến một cây bút độc lập ai cũng nhận là có tài phân tích tâm lý, "chẻ sợi tóc làm tư", và tài tả cảnh vật. Nhưng tạp bút của ông được nhiều người thích hơn. Đông Hồ khen là nhất miền Nam. Về loại đó ông sâu sắc như Nguyễn Tuân mà tự nhiên hơn, dí dỏm hơn, đề tài phong phú hơn, đa dạng hơn...
NGUYỄN HIẾN LÊ. Hồi kí Nguyễn Hiến Lê, Nhà xuất bản *Văn Học* (Việt Nam), in năm 1993

Nếu cần phải tìm cho Võ Phiến một nhãn hiệu, chúng ta có thể gọi ông là nhà văn của thế kỷ, thế kỷ XX.
NGUYỄN HƯNG QUỐC. Võ Phiến, nhà xuất bản *Văn Nghệ* (California) 1996

Giá 30 MK ■ Có bán tại tòa soạn NGƯỜI VIỆT và tại các nhà sách

Việt Satellite

www.vietsatellite.com

CHƯƠNG TRÌNH TV VIỆT NGỮ TRONG HỆ THỐNG DIRECTV GỒM CÁC TIẾT MỤC NHƯ SAU: TIN TỨC QUỐC NỘI, THẾ GIỚI, TIN TỨC CỘNG ĐỒNG, NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN THỜI SỰ CHÍNH TRỊ NÓNG BỎNG, CẢI LƯƠNG, PHIM BỘ HỒNG KÔNG & ĐẠI HÀN CHUYỂN ÂM TIẾNG VIỆT, CHƯƠNG TRÌNH THIẾU NHI, EM HỌC TIẾNG VIỆT, Y HỌC, KHOA HỌC TRONG ĐỜI SỐNG ...

CHƯƠNG TRÌNH TV VIỆT NGỮ TRONG HỆ THỐNG DIRECTV

CÓ 3 ĐÀI: SBTN VHN-TV Việt Nam

NEW

TVB Vietnam PHIM BỘ HONGKONG CHUYỂN ÂM SANG TIẾNG VIỆT 24/24
(KHÔNG CÓ TIN TỨC HAY CÁC TIẾT MỤC KHÁC)

VietnameseDirect™ — $24.98
Đài Việt Nam
SBTN
và các băng tần ưa chuộng

VietnameseDirect™ III — $34.98
3 Đài Việt Nam
SBTN VHN-TV Việt Nam
và các băng tần ưa chuộng

VietnameseDirect™ SBTN + **DIRECTV PREFERRED CHOICE PACKAGE** = $44.98

$59.99 CHO 12 THÁNG — $250

- Trên 195 băng tần ưa chuộng
- Bao gồm DVR
- Tất cả đài hấp dẫn nhất của băng tần HD

HDTV — QUÝ VỊ PHẢI CẦN CHƯƠNG TRÌNH NÀY

CHỈ TRONG THỜI GIAN GIỚI HẠN ĐƯỢC 3 THÁNG
7 đài HBO AND cinemax
MIỄN PHÍ

CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT

QUÝ VỊ KHÔNG CẦN PHẢI TRẢ TIỀN MÁY

FREE CÔNG LẮP RÁP CHO 4 PHÒNG

VIỆT SATELLITE
An Authorized DIRECTV Dealer
1-800-581-6910
Mở cửa 7 ngày trong tuần; Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc Hoa Kỳ

DIRECTV